

TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC CHUYÊN ĐỀ BỒI DƯỠNG HSG VĂN 7

Buổi i	Chuyên đề	Tên chuyên đề	Thời lượng
1	1	Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ	3 tiết
2	1	Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ (tt)	3 tiết
3	2	Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc	3 tiết
4	3	Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học	3 tiết
5	3	Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học (tt)	3 tiết
6	4	Luyện đề kiểm tra	3 tiết
7	5	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống	3 tiết
8	5	Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (tt)	3 tiết
9	6	Rèn kĩ năng đọc hiểu thơ	3 tiết
10	7	Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử	3 tiết
11	7	Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử(tt)	3 tiết
12	8	Luyện đề kiểm tra	3 tiết
13	9	Kỹ năng làm bài tập về các biện pháp tu từ (đã học)	3 tiết
14	10	Luyện đề kiểm tra	3 tiết
15	11	Viết bài văn thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động	3 tiết
16	11	Viết bài văn thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động (tt)	3 tiết
17	12	Luyện đề kiểm tra	3 tiết
18	13	Cảm thụ thơ văn	3 tiết
19	14	Rèn kĩ năng làm phần đọc hiểu	3 tiết
20	15	Luyện đề kiểm tra	3 tiết
21	16	Kiểm tra chất lượng đội tuyển	3 tiết

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 1:

CHUYÊN ĐỀ 1: VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ BỐN CHỮ, NĂM CHỮ

(Dùng chung 3 bộ sách)

Thời lượng: 3 tiết

Bộ Kết nối: Bài 2: Khúc nhạc tâm hồn (trang 50)

Bộ Chân trời: Bài 1: Tiếng nói của vạn vật (trang 25)

Bộ Cánh diều: Bài 2: Thơ bốn chữ, năm chữ (trang 53)

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Viết được đoạn văn có cấu tạo 3 phần: mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn, số lượng câu đúng quy định.
- Nêu được ấn tượng, cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.
- Năng lực tiếp thu tri thức, kỹ năng viết đoạn văn.

3. Phẩm chất:

- Nghiêm túc trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, STK.
- Vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- KHBD;
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.*

b. Nội dung: GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS chia sẻ

c. Sản phẩm: Hs hoàn thành bài tập theo yêu cầu của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS hoàn thành Phiếu học tập 01: Viết theo trí nhớ những bài thơ 4 chữ hoặc 5 chữ mà em đã học, đọc thêm. Đọc thuộc lòng một trong các bài thơ đó.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS làm việc cá nhân, hoàn thành phiếu học tập 01.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 1 số HS trả lời nhanh các nội dung của Phiếu học tập.

- GV có thể gọi 1 số HS đọc thuộc lòng các bài thơ 4 chữ, 5 chữ đã học.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, khen và biểu dương các HS phát biểu, đọc bài tốt.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Trong chương trình Ngữ văn lớp 6, em đã được tìm hiểu và thực hành cách viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ. Trong phần Viết của bài học này, em sẽ tiếp tục được học cách viết một đoạn văn như thế.

2. ÔN TẬP KIẾN THỨC CƠ BẢN

a. Mục tiêu: Giúp HS ôn tập, nắm chắc các đơn vị kiến thức của bài học .

b. Nội dung hoạt động: Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Hoạt động 1: Tìm hiểu chung về đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ Nhiệm vụ 1: Thế nào là đoạn văn? Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:	I/Tìm hiểu chung về đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ: 1/Thế nào là đoạn văn? Đoạn văn là đơn vị trực tiếp tạo nên văn

- GV hướng dẫn HS ôn lại kiến thức cơ bản đoạn văn bằng phương pháp hỏi đáp, đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm, trò chơi,.. - HS lần lượt trả lời nhanh câu hỏi của GV về các đơn vị kiến thức cơ bản của bài học. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tích cực trả lời. - GV khích lệ, động viên Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, chốt kiến thức. Nhiệm vụ 2: Thế nào là đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ? Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV đặt câu hỏi ? Thế nào là đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nghe câu hỏi và trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. Nhiệm vụ 3: Những yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV đặt câu hỏi ? <i>Một đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ</i>	bản, biểu đạt nội dung tương đối trọn vẹn. Về hình thức, đoạn văn thường do nhiều câu tạo thành, được bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng. 2/Thế nào là đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ? Đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ là thể hiện cảm xúc về nội dung và nghệ thuật của người đọc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ. Vì là đoạn văn nên người viết cần ghi lại những cảm xúc tinh tế nhất, đẹp đẽ nhất, sâu sắc nhất của bản thân về giá trị nội dung và đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ đó hay một phần, một khía cạnh (câu thơ, khổ thơ, đoạn thơ thậm chí một từ ngữ, hình ảnh hay biện pháp tu từ...) trong bài thơ. 3/Những yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ: - Giới thiệu được bài thơ và tác giả. Nêu
---	--

hoặc năm chữ cần có những yêu cầu gì?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS nghe câu hỏi và trả lời.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.
- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.

Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu các dạng đề viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV đặt câu hỏi ? *Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ thường có những dạng đề nào?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS nghe câu hỏi và trả lời.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.
- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

Dự kiến sản phẩm

- Cảm nhận chung về bài thơ/đoạn thơ bốn chữ, năm chữ
- Cảm nhận một khía cạnh nội dung hoặc nghệ thuật nổi bật trong bài thơ/đoạn thơ.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhân xét, bổ sung, chốt kiến thức.

Nhiệm vụ 5: Tìm hiểu kỹ năng viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ

được ấn tượng, cảm xúc chung về bài thơ.

- Diễn tả được cảm xúc về nội dung và nghệ thuật, đặc biệt chú ý tác dụng của thể thơ bốn chữ hoặc năm chữ trong việc tạo nên nét đặc sắc của bài thơ.

- Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ.
- Khái quát được cảm xúc về bài thơ.
- Bố cục bài viết gồm 3 phần: Mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn.

4/Các dạng đề viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ:

Dạng 1: Cảm nhận chung về bài thơ/đoạn thơ bốn chữ, năm chữ

Ví dụ:

- Viết đoạn văn cảm nhận cái hay của bài thơ/đoạn thơ bốn chữ hoặc năm chữ.
- Viết đoạn văn cảm nhận về một đoạn thơ mà em yêu thích trong bài thơ “Nắng hồng” của nhà thơ Bảo Ngọc/ “Mẹ” (Đỗ Trung Lai)/ “Ông đồ” (Vũ Đình Liên)

Dạng 2: Cảm nhận một khía cạnh nội dung hoặc nghệ thuật nổi bật trong bài thơ/đoạn thơ.

Ví dụ:

- Viết đoạn văn ghi lại cảm nhận về hình ảnh người lính trong bài thơ “Đồng dao mùa xuân” của Nguyễn Khoa Điềm.
- Viết đoạn văn ghi lại cảm nhận của em về bức tranh mùa xuân trong bài “Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải.
- Viết đoạn văn ghi lại cảm nhận của em

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV đặt câu hỏi ? Muốn viết đoạn văn thì bước đầu tiên em phải làm gì? ? Khi viết đoạn văn em cần chú ý điều gì? - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nghe câu hỏi và trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Dự kiến sản phẩm Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.	về cái hay của biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ sau: <i>Mọc giữa dòng sông xanh Một bông hoa tím biếc Ôi con chim chiền chiện Hót chi mà vang trời Từng giọt long lanh rơi Tôi đưa tay tôi hứng.</i> (Mùa xuân nho nhỏ, Thanh Hải) 5.Kỹ năng viết đoạn văn a. Đọc kỹ đề, nắm chắc yêu cầu của đề - Phạm vi yêu cầu của đề: Giới hạn bài thơ? Tác giả? - Bài thơ viết về điều gì? Người viết sử dụng những tín hiệu nghệ thuật nào đặc sắc? - Độ dài của đoạn văn là bao nhiêu? + 5-7câu + 7-10 câu + 150 chữ-200 chữ + 10 dòng-15 dòng + 2/3 trang giấy thi b. Đọc kĩ bài thơ để nắm được giá trị nội dung và nghệ thuật: - Tìm hiểu nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đặc biệt là phát hiện ra những “điểm sáng về nghệ thuật”: hình ảnh thơ dung dị, gần gũi, cách gieo vần, hình ảnh, ngắt nhịp, giọng điệu, biện pháp tu từ,.. Lưu ý: Tình cảm cảm xúc có khi được thể hiện trực tiếp, có khi gián tiếp qua các yếu tố tự sự và miêu tả. Vì thế, đọc bài thơ, người viết còn cảm nhận được bức tranh thiên nhiên, cuộc sống, con người (đối tượng trữ tình) c. Cách viết đoạn văn:
--	--

Hoạt động 2: Phương pháp viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu phương pháp chung về viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV đặt câu hỏi ? Muốn viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ, em tiến hành theo mấy bước?Nêu cụ thể từng bước. ? Bước chuẩn bị trước khi viết, em cần chuẩn bị những gì? ? Em tìm ý và lập dàn ý ra sao? ? Phần mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn, em nên viết như thế nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nghe câu hỏi và trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Dự kiến sản phẩm Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.	- Chú ý độ dài ngắn của đoạn văn theo yêu cầu. - Có các cách diễn đạt đoạn văn: Quy nạp, diễn dịch, tổng –phân –hợp, song hành, móc xích. Tuy nhiên với kiểu bài này nên chọn cách triển khai đoạn văn theo cách Tổng – phân – hợp như sau: Mở đoạn: - Giới thiệu nhan đề bài thơ, tên tác giả. - Nêu cảm xúc chung về bài thơ. Thân đoạn: - Trình bày cảm xúc của bản thân về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. - Cảm xúc đó được gợi ra từ những hình ảnh, từ ngữ nào trong bài thơ? Kết đoạn: - Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ. - Ý nghĩa của bài thơ đối với người viết. II/ Phương pháp viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ: 1/Phương pháp chung: Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết - Xác định, lựa chọn đề tài: HS có thể lựa chọn một bài thơ đã học hoặc đã đọc mà em ấn tượng để bày tỏ cảm nghĩ của mình hoặc nêu cảm nghĩ về một bài thơ mà đề bài yêu cầu. Tuy nhiên, để xác định đề tài, học sinh cần đọc kĩ yêu cầu đề, đọc kĩ bài thơ để xác định: + Đề bài yêu cầu viết về vấn đề gì? + Kiểu bài gì? Độ dài của đoạn văn là bao nhiêu? + Bài thơ bày tỏ cảm xúc về điều gì? Bày tỏ cảm xúc gì của người viết? - Xác định mục đích: Trình bày cảm
--	---

nghĩ về cái hay nội dung, đặc sắc nghệ thuật của bài thơ; từ đó giúp người đọc cảm nhận được tư tưởng tình cảm mà tác giả gửi gắm trong bài thơ, thấy được tài năng, nghệ thuật, sự sáng tạo của nhà thơ. Qua đó, người viết và người đọc rút ra cho bản thân những bài học có ý nghĩa trong cuộc sống.

- **Thu thập tư liệu:** HS có thể tìm đọc nhiều bài thơ hay trong chương trình hoặc trong các tập thơ, các trang báo, trang mạng,...

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

a. Tìm ý:

- Đọc diễn cảm bài thơ để cảm nhận vần, nhịp điệu, cảm xúc, ý tưởng của tác giả.

- Đặt ra và trả lời các câu hỏi:

+ Nội dung hoặc yếu tố nghệ thuật nào trong bài thơ làm em yêu thích? Vì sao?

+ Em có suy nghĩ và cảm xúc gì về bài thơ?

b. Lập dàn ý:

Mở đoạn:

- Giới thiệu bài thơ, tên tác giả.

- Nêu cảm xúc chung về bài thơ.

Có nhiều cách mở đoạn khác nhau. Vì thế cần lựa chọn mở đoạn hợp lí.

Cách 1: Mở đoạn trực tiếp: Có thể viết theo mẫu sau:

- Trong rất nhiều bài thơ viết về...thì có lẽ bài thơ...để lại trong em cảm xúc...

- Đọc bài thơ...của tác giả..., điều em ấn tượng nhất là.....

- Bài thơcủa tác giả.....đã diễn tả sinh động

-....

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu phương pháp cụ thể về viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ GV lưu ý cho HS	Cách 2: Mở đoạn gián tiếp: Có thể viết theo mẫu sau: - Dẫn dắt từ đề tài: <i>Em đã được học rất nhiều bài thơ viết về mùa thu/mùa xuân/tình phụ tử/tình mẫu tử/người lính/...Trong đó, bài thơ.....của tác giả.....đã để lại trong em bao cảm xúc.</i> - Dẫn dắt từ tác giả (phong cách sáng tác): <i>Nhắc tới nhà thơ.....chúng ta không thể nào quên những bài thơ viết về.....với giọng điệu.....Đọc bài thơ.....ta cảm nhận được.....</i> - Dẫn dắt từ câu thơ/câu ca dao,...: <i>Những vần thơ/ câu ca dao/... trên đã gọi trong em bao cảm xúc vềVà bài thơ.....của tác giả.....là một bài thơ viết vềmà em yêu thích nhất.</i> Thân đoạn: Trình bày chi tiết cảm xúc của bản thân về bài thơ + Chỉ ra nội dung cụ thể của bài thơ mà em yêu thích? Lí do yêu thích? (Ví dụ: Về nội dung, bài thơ đã diễn tả một cách xúc động....Bài thơ đã giúp em hiểu thêm về....., bồi đắp trong em tình cảm.....) + Chỉ ra nét đặc sắc về nghệ thuật cụ thể của bài thơ mà em yêu thích. (Ví dụ: Đọc bài thơ, em vô cùng ấn tượng trước lối diễn đạt bình dị...hay những ấn tượng về hình ảnh thơ sinh động, giàu sức gợi, các biện pháp tu từ đặc sắc....). Lí do mà em yêu thích? (Những vần thơ ngắn gọn, giản dị nhưng lắng sâu bao ý nghĩa, cứ ngân mãi trong tâm trí em....) Kết đoạn:
--	--

Nhiệm vụ Viết đoạn văn 7-10 câu ghi lại cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ “Gặp lá cơm nếp” của Thanh Thảo. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV đặt câu hỏi ? Trước khi viết, cần chuẩn bị những gì? ? Tìm ý và lập dàn ý cho đề văn trên. ? Viết đoạn văn dựa trên dàn ý đã xây dựng. - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nghe câu hỏi và trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Dự kiến sản phẩm Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.	- Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ. - Ý nghĩa của bài thơ đối với người viết. Bước 3: Viết bài Từ dàn ý đã chuẩn bị, viết thành đoạn văn hoàn chỉnh. - Hình thức: Đoạn văn mở đầu bằng chữ viết hoa lùi đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng, các câu trong đoạn có sự liên kết chặt chẽ. Dùng ngôi 1 để ghi lại cảm xúc của mình về bài thơ. - Nội dung: Cảm xúc về nội dung bài thơ, đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ. Lưu ý: Tùy thuộc vào năng lực cảm thụ của mỗi học sinh mà đoạn văn đó có thể chỉ nêu cảm nghĩ về một chi tiết nội dung hoặc nghệ thuật của bài thơ mà em có ấn tượng và yêu thích. Bước 4: Chỉnh sửa bài viết (theo bảng) 2. Phương pháp cụ thể Với kiểu bài này có thể áp dụng phương pháp chung. Tuy nhiên cần lưu ý: - Phải linh hoạt trong cách thể hiện cảm xúc, có thể trực tiếp hoặc gián tiếp nhưng phải bám sát đối tượng cần biểu cảm. - Ở phần dàn ý, có thể tách riêng nội dung và nghệ thuật để cảm xúc nhưng cần kết hợp song song thì bài viết mới thuyết phục hơn. - Trong quá trình nêu cảm nghĩ có thể trích dẫn một số từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ trong bài thơ mà em ấn tượng nhất. Sau đó, chọn cảm nhận, chỉ ra cái hay của cách sử dụng thể thơ, nhịp thơ, các yếu tố tự sự và miêu tả để biểu đạt cảm xúc.... - Bài viết ngoài mục đích chính là thể hiện
---	--

	tình cảm, cảm xúc về bài thơ thì cũng cần chú ý đến tài năng, thái độ, tấm lòng của nhà thơ. + Tài năng: sự quan sát tinh tế, liên tưởng, tưởng tượng sáng tạo, độc đáo, sử dụng từ ngữ, biện pháp tu từ đặc sắc... + Tâm hồn của tác giả: yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, yêu con người, yêu quê hương đất nước,... Đề minh họa 1: <i>Viết đoạn văn 7-10 câu ghi lại cảm xúc của em sau khi đọc bài thơ “Gặp lá cơm nếp” của Thanh Thảo.</i> (Bộ Kết nối) Hướng dẫn làm bài: Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết - Xác định, lựa chọn đề tài: Đây là một bài thơ năm chữ viết về đề tài gia đình. Nét đặc biệt của bài thơ là cảm xúc của nhà thơ – người lính xa nhà – được khơi nguồn từ mùi hương lá cơm nếp – mùi hương quen thuộc nơi căn bếp nghèo của mẹ ở làng quê để nuôi con khôn lớn, trưởng thành. Qua đó, người con cũng bày tỏ tình cảm yêu thương sâu nặng, lòng biết ơn với người mẹ kính yêu đồng thời bày tỏ tình yêu đất nước. - Xác định mục đích: Cảm nhận cái hay trong cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,...để từ đó cảm nhận được hình ảnh người mẹ và tình cảm người con. - Thu thập tư liệu: Đọc thêm những bài thơ khác cùng chủ đề của tác giả để hiểu hơn về phong cách nghệ thuật của tác giả. Đồng thời đọc thêm những bài thơ khác cùng đề tài để thấy được nét riêng trong cách thể hiện của nhà thơ.
--	---

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý:

a. Tìm ý:

- Đọc diễn cảm bài thơ vài lần để cảm nhận âm thanh, vần, nhịp điệu và xác định những cảm xúc mà bài thơ gợi lên trong em.

+ Nhịp điệu: nhẹ nhàng, tha thiết, sâu lắng.

+ Cảm xúc: xúc động trước nỗi nhớ, tình thương của người con dành cho người mẹ nghèo vất vả, lam lũ nuôi con khôn lớn, trưởng thành để giờ đây con lại cầm súng ra chiến trường để bảo vệ quê hương.

- Xác định đề tài, chủ đề của bài thơ:

+ Đề tài: tình cảm gia đình

+ Chủ đề: lòng biết ơn sâu nặng của con trước tình yêu sâu nặng của mẹ...

- Tìm và xác định ý nghĩa của những từ ngữ, hình ảnh độc đáo, những biện pháp tu từ mà tác giả bài thơ đã sử dụng

b. Lập dàn ý:

***Mở đoạn:** Giới thiệu tác giả, tác phẩm và nêu ấn tượng chung về tác phẩm

Có nhiều cách mở đoạn

Tham khảo các cách sau:

Cách 1: Đã có biết bao sáng tác ra đời để ca ngợi công ơn trời bể của cha mẹ và tác giả Thanh Thảo cũng góp về đề tài ấy, ngắn gọn nhưng đầy cảm xúc trong bài thơ “*Gấp lá cơm nếp*”.

Cách 2: Đọc bài thơ “*Gấp lá cơm nếp*” của tác giả Thanh Thảo, em vô cùng xúc động trước những vần thơ giản dị, mộc mạc diễn tả một cách sâu lắng nỗi nhớ nhà, nhớ mẹ của người lính khi nghe mùi lá cơm nếp giữa rừng Trường Sơn.

Cách 3: Nếu đến với bài thơ “*Tiếng gà trưa*” của nhà thơ Xuân Quỳnh, người đọc cảm nhận nổi nhớ nhà của người chiến sĩ khi bất chợt nghe tiếng gà ai nhảy ổ thì đến với bài thơ “*Gặp lá cơm nếp*” của nhà thơ Thanh Thảo, người đọc lại thấu hiểu nổi nhớ nhà của người lính khi người thấy mùi lá cơm nếp giữa rừng Trường Sơn. Bài thơ giản dị nhưng để lại trong em bao cảm xúc rừng rừng.

***Thân đoạn**

- Cảm nhận cái hay về nội dung:
 - + Xúc động trước nỗi nhớ nhà, nhớ mẹ
 - + Cảm nhận được lòng biết ơn, tình yêu thương của người con giành cho người mẹ, tình yêu dành cho Tổ quốc.
- Cảm nhận đặc sắc về nghệ thuật:
 - + Lựa chọn từ ngữ đặc sắc, hình ảnh thơ giàu sức gợi: “*thơm suốt đường con*”, “*chia đều nỗi nhớ thương*”.
 - + Cách sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa: “*cây nhỏ rừng Trường Sơn/ Hiếu lòng nên thơm mãi*”

Lưu ý: Có thể lồng cảm nhận nội dung và nghệ thuật.

Ví dụ:

Bài thơ đã ghi lại cảm xúc của người con tình cờ nghĩ đến hương vị của mùi xôi và nhớ về mẹ. Tác giả đã xa nhà nhiều năm, thêm một bát xôi nếp mùa gặt và nhớ về mẹ cùng những hương vị yêu dấu của làng quê “*...bát xôi mùa gặt/ Mùa xôi...lạ lòng*”. Trong tâm hồn các anh, mùa xôi của mẹ hay chính là hương vị quen thuộc luôn thường trực trong con “*thơm suốt đường con*”. Tình yêu mẹ, yêu quê hương

đất nước không chỉ được thể hiện qua món xôi, qua mùi vị quê hương, tình yêu thương đó đã dâng trào bộc trực ra lời nói “ôi mùi vị quê hương/ con làm sao quên được/ mẹ già và đất nước/ chia đều nỗi nhớ thương”. Câu thơ “Mẹ già và đất nước/ Chia đều nỗi nhớ thương” như cảm xúc òa khóc trong lòng nhân vật khi nghĩ về người mẹ tảo tần và đất nước bình dị.

- Đánh giá tác giả

+Tài năng: Lựa chọn hình ảnh thơ giản dị, giàu sức gợi, sử dụng thể thơ năm chữ như lời kể tâm tình, thủ thi; cách biểu cảm trực tiếp, từ ngữ giàu sức biểu cảm, nhịp điệu chậm rãi, sâu lắng.

+Tấm lòng: yêu thương, biết ơn đối với mẹ, tình yêu quê hương đất nước.

Ví dụ: Bằng việc lựa chọn hình ảnh thơ giản dị, giàu sức gợi, sử dụng thể thơ năm chữ như lời kể tâm tình, thủ thi; cách biểu cảm trực tiếp, từ ngữ giàu sức biểu cảm, nhịp điệu chậm rãi, sâu lắng; nhà thơ đã bày tỏ một cách xúc động tình yêu thương, biết ơn đối với mẹ, tình yêu quê hương đất nước.

***Kết đoạn:**

- Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ (nghe ngào)

- Ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân (hiểu thêm những vất vả, hi sinh của mẹ cha, từ đó phải biết yêu thương, biết ơn cha mẹ, cố gắng trở thành con ngoan để không phụ lòng cha mẹ)

Ví dụ 1: Qua bài thơ, người đọc thấm thía một điều giản dị thiêng liêng: Tình yêu Tổ quốc bắt nguồn từ tình yêu gia đình, yêu

	những gì bình dị thân thuộc nhất. Ví dụ 2: Tóm lại, với những câu thơ giản dị, ngắn gọn mà vời vời nỗi nhớ thương, bài thơ "<i>Gấp lá cơm nếp</i>" được viết lên từ nỗi nhớ, tình yêu mà nhà thơ dành cho mẹ và vì thế đã để lại nhiều cảm xúc trong lòng độc giả. Đoạn văn tham khảo Mở đoạn → (1) Đã có biết bao sáng tác ra đời để ca ngợi công ơn trời bể của cha mẹ và tác giả Thanh Thảo cũng góp về đề tài ấy, ngắn gọn nhưng đầy cảm xúc trong bài thơ "<i>Gấp lá cơm nếp</i>". Thân đoạn → (2) Bài thơ đã ghi lại cảm xúc của người con tình cờ nghĩ đến hương vị của mùi xôi và nhớ về mẹ. (3) Tác giả đã xa nhà nhiều năm, thềm một bát xôi nếp mùa gặt và nhớ về mẹ cùng những hương vị yêu dấu của làng quê "...bát xôi mùa gặt/ Mùa xôi...lạ lòng". (4) Trong tâm hồn các anh, mùa xôi của mẹ hay chính là hương vị quen thuộc luôn thường trực trong con "<i>thơm suốt đường con</i>". (5) Tình yêu mẹ, yêu quê hương đất nước không chỉ được thể hiện qua món xôi, qua mùi vị quê hương, tình yêu thương đó đã dâng trào bộc trực ra lời nói "ôi mùi vị quê hương/ con làm sao quên được/ mẹ già và đất nước/ chia đều nỗi nhớ thương". (6) Câu thơ "<i>Mẹ già và đất nước/ Chia đều nỗi nhớ thương</i>" như cảm xúc òa khóc trong lòng nhân vật khi nghĩ về người mẹ tảo tần và đất nước bình dị. (7) Bằng việc lựa chọn hình ảnh thơ giản dị, giàu sức gợi, sử dụng thể thơ năm chữ như lời kể tâm tình, thủ thi; cách biểu cảm trực tiếp, từ
--	--

	ngữ giàu sức biểu cảm, nhịp điệu chậm rãi, sâu lắng; nhà thơ đã bày tỏ một cách xúc động tình yêu thương, biết ơn đối với mẹ, tình yêu quê hương đất nước. Kết đoạn → (8) Tóm lại, với những câu thơ giản dị, ngắn gọn mà với với nỗi nhớ thương, bài thơ "Gặp lá cơm nếp" được viết lên từ nỗi nhớ, tình yêu mà nhà thơ dành cho mẹ và vì thế đã để lại nhiều cảm xúc trong lòng độc giả. Bước 4: Chỉnh sửa bài viết Rà soát, chỉnh sửa bài viết theo những gợi ý trong bảng kiểm ở phần hướng dẫn chung.
--	---

3.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

- a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả PHT của HS
- d. **Tổ chức thực hiện:**

Nhiệm vụ 1: Viết đoạn văn 5-7 câu, ghi lại cảm xúc về bài thơ "Tiếng gà trưa" của nhà thơ Xuân Quỳnh Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV đặt câu hỏi ? Lập dàn ý cho đề bài trên? ? Viết đoạn văn dựa trên dàn ý đã xây dựng. - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nghe câu hỏi và trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Dự kiến sản phẩm	Đề 1: Viết đoạn văn 5-7 câu, ghi lại cảm xúc về bài thơ "Tiếng gà trưa" của nhà thơ Xuân Quỳnh. - BỘ CẢNH ĐIỀU Hướng dẫn làm bài *Mở đoạn: Giới thiệu tác giả, tác phẩm và nêu ấn tượng nhất của em khi đọc bài thơ *Thân đoạn: - Cảm nhận hình ảnh người bà tần tảo, yêu thương (nghệ thuật) - Hình ảnh đàn gà, ổ trứng - Tình cảm bà cháu Lưu ý: để làm nổi bật nội dung, cần cảm nhận những câu thơ hay, những biện pháp tu từ. (lồng giữa nội dung và nghệ thuật) - Đánh giá tác giả: Khẳng định tài năng và tấm lòng của tác giả +Tài năng: Lựa chọn hình ảnh thơ giản dị, giàu sức gợi,
--	--

*Mở đoạn: Giới thiệu tác giả, tác phẩm và nêu ấn tượng nhất của em khi đọc bài thơ *Thân đoạn: - Cảm nhận hình ảnh người bà tần tảo, yêu thương (nghệ thuật) - Hình ảnh đàn gà, ổ trứng - Tình cảm bà cháu Lưu ý: để làm nổi bật nội dung, cần cảm nhận những câu thơ hay, những biện pháp tu từ. (lồng giữa nội dung và nghệ thuật) - Đánh giá tác giả: Khẳng định tài năng và tấm lòng của tác giả +Tài năng: Lựa chọn hình ảnh thơ giản dị, giàu sức gợi, sử dụng thể thơ 5 chữ như lời kể tâm tình, thủ thi, cách biểu cảm trực tiếp, nhịp điệu chậm rãi, sâu lắng. +Tấm lòng tác giả: yêu thương, biết ơn bà , yêu quê hương đất nước. *Kết đoạn: - Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ (nghe ngào, xúc động) - Ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân (hiểu thêm những vất vả, hi sinh của bà, từ đó yêu thương, kính trọng và biết ơn bà) Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.	sử dụng thể thơ 5 chữ như lời kể tâm tình, thủ thi, cách biểu cảm trực tiếp, nhịp điệu chậm rãi, sâu lắng. +Tấm lòng tác giả: yêu thương, biết ơn bà , yêu quê hương đất nước. *Kết đoạn: - Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ (nghe ngào, xúc động) - Ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân (hiểu thêm những vất vả, hi sinh của bà, từ đó yêu thương, kính trọng và biết ơn bà) Có thể viết đoạn văn như sau: Mở đoạn → (1) Trong những bài thơ viết về bà thì bài thơ "<i>Tiếng gà trưa</i>" của nhà thơ Xuân Quỳnh là một trong những bài thơ để lại cho tôi nhiều ấn tượng sâu sắc nhất đặc biệt là vẻ đẹp bình dị của tình bà cháu. Thân đoạn → (2) Bài thơ năm chữ tự do đã cho ta thấy những kỉ niệm đẹp của tuổi thơ, tình bà cháu nồng hậu và lòng yêu nước sâu nặng của một người chiến sĩ. (3) Trong năm khổ thơ giữa, tiếng gà trưa đã gợi nhớ bao kỉ niệm sâu sắc về một thời thơ bé được sống trong tình yêu thương của bà. (4) Bà dành dụm, chắt chiu từng quả trứng, chăm đàn gà từng con một kể cả khi trời gió rét mưa dầm và những gì thu được từ đàn gà, bà đều dành cho cháu: nào là "<i>cái quần chéo go</i>", "<i>ống rộng dài quét đất</i>", nào là "<i>cái áo cánh trúc bâu</i>"... (5) Chính tình yêu thương của bà đã trở thành động lực để người cháu "<i>chiến đấu hôm nay</i>". (6) Tình cảm ấy đã khiến người ta có sức mạnh để bảo vệ những điều bình dị mà thiêng liêng: "...vì bà, vì tiếng gà, vì ổ trứng hồng". Kết đoạn → (7) Tóm lại, qua bài thơ, người đọc cảm nhận tình bà cháu thấm thiết, đồng thời đó cũng là tình yêu gia đình, tình yêu Tổ quốc. Đề 2: Viết đoạn văn (5-7 câu) ghi lại cảm xúc về bài thơ "Mẹ" của nhà thơ Đỗ Trung Lai. Lập dàn ý: *Mở đoạn: Giới thiệu tác giả, tác phẩm và nêu ấn
--	---

Nhiệm vụ 2: Viết đoạn văn (5-7 câu) ghi lại cảm xúc về bài thơ “Mẹ” của nhà thơ Đỗ Trung Lai. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV đặt câu hỏi ? Lập dàn ý cho đề bài trên? ? Viết đoạn văn dựa trên dàn ý đã xây dựng. - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nghe câu hỏi và trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Dự kiến sản phẩm Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.	tượng chung về tác phẩm Có nhiều cách mở đoạn Tham khảo các cách sau: Cách 1: Trong rất nhiều bài thơ viết về mẹ thì có lẽ bài thơ “Mẹ” của nhà thơ Đỗ Trung Lai là bài thơ để lại cho em nhiều ấn tượng nhất./ Hoặc Những bài thơ viết về mẹ luôn có sức lay động, truyền cảm đặc biệt là bài thơ Mẹ của nhà thơ Đỗ Trung Lai. Cách 2: Đọc bài thơ “Mẹ” của tác giả Đỗ Trung Lai, em vô cùng xúc động trước nỗi xót xa, nghẹn ngào của người con khi chứng kiến mẹ già nua theo năm tháng. Cách 3: Đã có rất nhiều bài thơ hay viết về mẹ nhưng có lẽ bài thơ “Mẹ” của tác giả Đỗ Trung Lai để lại trong em nhiều cảm xúc nhất./ Đã từ bao đời nay, hình ảnh người mẹ thường hiện hữu trong thơ ca và một trong những bài thơ hay viết về mẹ là bài “Mẹ” của nhà thơ Đỗ Trung Lai. *Thân đoạn - Cảm nhận cái hay về nội dung: + Hình ảnh người mẹ đang ngày một héo mòn theo quy luật cuộc đời. + Niềm thương cảm, xót xa đến nghẹn ngào của người con khi chứng kiến mẹ mỗi ngày một già đi mà không có cách nào níu giữ. - Cảm nhận đặc sắc về nghệ thuật: Sử dụng yếu tố so sánh (xem phần tìm ý) Lưu ý: Có thể lồng cảm nhận nội dung và nghệ thuật. - Đánh giá tác giả + Tài năng: Lựa chọn hình ảnh thơ giản dị, mộc mạc nhưng lắng sâu bao cảm xúc..... + Tấm lòng: yêu thương mẹ vô vàn. *Kết đoạn: - Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ (nghẹn ngào, xúc động) - Ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân (trân trọng, nâng niu những tháng ngày có mẹ bên cạnh)
--	---

Nhiệm vụ 3: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ “Lời của cây” của nhà thơ Trần Hữu Thung

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV đặt câu hỏi

? Lập dàn ý cho đề bài trên?

? Viết đoạn văn dựa trên dàn ý đã xây dựng.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS nghe câu hỏi và trả lời.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.

- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

Dự kiến sản phẩm

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.

Bước 3: Viết bài

Có thể viết đoạn văn như sau:

Mở đoạn → (1) Trong rất nhiều bài thơ viết về mẹ thì có lẽ bài thơ “Mẹ” của nhà thơ Đỗ Trung Lai là bài thơ để lại cho em nhiều ấn tượng nhất./ **Hoặc** Những bài thơ viết về mẹ luôn có sức lay động, truyền cảm đặc biệt là bài thơ Mẹ của nhà thơ Đỗ Trung Lai. **Thân đoạn → (2)** Bài thơ là lời của người con, bộc lộ cảm xúc xót xa thương cảm khi thấy mẹ ngày một già đi, tuổi cao sức yếu, không còn khỏe mạnh mẽ mẽ như ngày nào và bao nỗi đắng cay, buồn vui cuộc đời của mẹ đều được miếng trầu cau chứng kiến. **(3)** Nhà thơ Đỗ Trung Lai đã chọn hình ảnh cây cau để ví von so sánh với mẹ là một phát hiện khá tinh tế, nhiều biểu cảm, không chỉ về hình thể bên ngoài mà cả sự sâu lắng thấm đượm thời gian thân phận của một đời người “*Lưng mẹ còng rồi - Cau thì vẫn thẳng*” và “*Cau - ngọn xanh rờn, Mẹ - đầu bạc trắng*”. **(4)** Hai hình ảnh, hai hình dáng tương phản nhau đã nhấn mạnh và làm nổi bật tâm trạng thảng thốt cũng như nỗi đau thầm lặng, quặn thắt trong lòng tác giả khi nhận ra mẹ đã già “*Cau gần với trời - Mẹ thì gần đất*”. **(5)** Các khổ thơ cứ nối tiếp nhau với hai hình ảnh song song là mẹ và cau ấy để rồi tiếp theo đó, tác giả miêu tả mẹ gián tiếp bằng cách so sánh: “*Một miếng cau khô/ Khô gầy như mẹ*” không những gây xúc động mà còn tinh tế và có thể coi là một cách để chủ thể trữ tình lánh tránh khỏi nỗi buồn của chính mình trước hình ảnh mẹ đã già. **(6)** Bao cảm xúc bị dồn nén để rồi bật ra câu cảm thán mang âm hưởng điệu hành trong thơ văn cổ cũng chính là tự vấn lòng mình “*Ngẩng hỏi trời vậy - Sao mẹ ta già*” và một sự cô đơn ngỡ như vô vọng: “*Không một lời đáp - Mây bay về xa*”. **Kết đoạn → (7)** Như vậy, bài thơ là cái nhìn tinh tế, là nỗi xót xa thương cảm của người con trước hình ảnh gầy guộc già nua của mẹ theo năm tháng.

Đề 3: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ “Lời

của cây” của nhà thơ Trần Hữu Thung. – **BỘ CHÂN TRỜI**

***Mở đoạn:** Giới thiệu tác giả, bài thơ và ấn tượng chung về bài thơ.

***Thân đoạn:**

- Cảm nhận cái hay về nội dung
- + Hình ảnh cái cây thay đổi từng ngày: từ lúc là hạt mầm đến khi nhú lên khỏi vỏ, vươn mình trên mặt đất.
- + Cảm nhận được niềm vui, háo hức, rộn ràng của mầm cây nhỏ
- Cảm nhận cái hay về nghệ thuật:
- + Sử dụng yếu tố tự sự khi cây tự kể về đời mình.
- + Biện pháp tu từ nhân hóa:

Lưu ý: Có thể lồng cảm nhận nội dung và nghệ thuật.

- Đánh giá tác giả
- + Tài năng: Trí tưởng tượng phong phú, hóa thân vào cây để kể về cuộc đời mình.
- + Tấm lòng: yêu mến, lắng nghe tiếng lòng của thiên nhiên, tạo vật.

***Kết đoạn:**

- Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ (thích thú vì hình ảnh thơ, lời thơ sống động, tự nhiên, đẹp đẽ)
- Ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân (quan sát cuộc sống xung quanh, mở rộng tâm hồn để lắng nghe tiếng lòng của thiên nhiên, tạo vật)

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 2:

CHUYÊN ĐỀ 1: VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ BỐN

CHỮ, NĂM CHỮ (tt)

(Dùng chung 3 bộ sách)

Thời lượng: 3 tiết

Bộ Kết nối: Bài 2: Khúc nhạc tâm hồn (trang 50)

Bộ Chân trời: Bài 1: Tiếng nói của vạn vật (trang 25)

I.MỤC TIÊU

1.Kiến thức:

- Viết được đoạn văn có cấu tạo 3 phần: mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn, số lượng câu đúng quy định.
- Nêu được ấn tượng, cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.
- Năng lực tiếp thu tri thức, kỹ năng viết đoạn văn.

3. Phẩm chất:

- Nghiêm túc trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, STK.
- Vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.*

b. Nội dung: GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS chia sẻ

c. Sản phẩm: Hs hoàn thành bài tập theo yêu cầu của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV yêu cầu HS hoàn thành Phiếu học tập 01: Nêu dàn ý của bài thơ 4 chữ hoặc 5 chữ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS làm việc cá nhân, hoàn thành phiếu học tập 01.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- GV gọi 1 số HS trả lời nhanh các nội dung của Phiếu học tập.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, khen và biểu dương các HS phát biểu, đọc bài tốt.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: Hôm trước các em đã được tìm hiểu và thực hành cách viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ. Trong tiết học này, em sẽ tiếp tục luyện viết một đoạn văn như thế.

2. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả PHT của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ “Nắng hồng” của nhà thơ Bảo Ngọc. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV đặt câu hỏi ? Lập dàn ý cho đề bài trên? ? Viết đoạn văn dựa trên dàn ý đã xây dựng. - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nghe câu hỏi và trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Dự kiến sản phẩm Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.	Đề 1: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ “Nắng hồng” của nhà thơ Bảo Ngọc. - BỘ CHÂN TRỜI 1. Mở đoạn: (Câu 1) - Giới thiệu nhan đề bài thơ, tên tác giả. - Nêu cảm xúc chung về bài thơ. Ví dụ: Trong những bài thơ viết về mẹ, tôi rất thích bài thơ “Nắng hồng” của nhà thơ Bảo Ngọc. 2. Thân đoạn: (Câu 2- câu 6) - Trình bày cảm xúc của bản thân về nội dung của bài thơ: + Bài thơ viết về một miền quê có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông mà mùa đông là mùa mà trẻ em không thích nhất. + Cảnh vật xám ngắt và buốt cóng ấy bỗng sáng bừng vì hình ảnh mẹ. + Hình ảnh mẹ trong hai khổ thơ cuối được gợi tả từ xa đến gần trong sự trông ngóng của một đứa trẻ và dường như người con ấy đang ngồi trên bậc cửa, nhìn ra màn sương ngóng mẹ. + Đứa trẻ nhận ra: chiếc áo choàng đỏ của mẹ xuất hiện như “đốm nắng” đang trôi trong sương, tiếp theo là nụ cười như “giọt nắng hồng” làm tan cái cóng buốt của mùa đông, đem đến mùa xuân
---	--

Nhiệm vụ 2: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ “Ông đồ” của nhà thơ Vũ Đình Liên. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV đặt câu hỏi	tươi sáng. - Trình bày cảm xúc của bản thân về nghệ thuật của bài thơ. + Nghệ thuật nhân hóa, so sánh=> không chỉ hình dung hình ảnh sống động của mùa đông mà còn cảm nhận được rõ nét cái rét buốt của tiết trời lạnh giá. - Cảm xúc đó được gợi ra từ những hình ảnh, từ ngữ trong bài thơ: “Áo trời thì xám ngắt”, “se se giấu tiếng hát”, “mưa phùn giăng đầy ngõ”, “đốm nắng”, “giọt nắng hồng”,... 3. Kết đoạn: (Câu 7) - Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ. - Ý nghĩa của bài thơ đối với người viết. Có thể viết đoạn văn như sau Mở đoạn → (1) Trong những bài thơ viết về mẹ, tôi rất thích bài thơ “Nắng hồng” của nhà thơ Bảo Ngọc, in trong tập thơ viết cho thiếu nhi “Gỗ cửa nhà trời” tháng 3/2019, vì cách dẫn dắt bất ngờ, thú vị của tác giả từ hình ảnh mùa đông đến hình ảnh người mẹ. Thân đoạn → (2) Bài thơ viết về một miền quê có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông mà mùa đông là mùa mà trẻ em không thích nhất. (3) Thủ pháp nhân hóa, so sánh trong bốn khổ thơ đầu giúp tôi không chỉ hình dung hình ảnh sống động của mùa đông mà còn cảm nhận được rõ nét cái rét buốt của tiết trời lạnh giá: “Áo trời thì xám ngắt”, “se se giấu tiếng hát”, “mưa phùn giăng đầy ngõ”,... (4) Cảnh vật xám ngắt và buốt cóng ấy bỗng sáng bừng vì hình ảnh mẹ. (5) Hình
---	--

? Lập dàn ý cho đề bài trên? ? Viết đoạn văn dựa trên dàn ý đã xây dựng. - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nghe câu hỏi và trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Dự kiến sản phẩm Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. Nhiệm vụ 3: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ “Con chim chiền chiện” của nhà thơ Huy Cận. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV đặt câu hỏi	ảnh mẹ trong hai khổ thơ cuối được gợi tả từ xa đến gần trong sự trông ngóng của một đứa trẻ và dường như người con ấy đang ngồi trên bậc cửa, nhìn ra màn sương ngóng mẹ. (6) Rồi đứa trẻ bất chợt nhận ra: chiếc áo choàng đỏ của mẹ xuất hiện như “<i>đốm nắng</i>” đang trôi trong sương, tiếp theo là nụ cười như “<i>giọt nắng hồng</i>” làm tan cái cóng buốt của mùa đông, đem đến mùa xuân tươi sáng. Kết đoạn → (7) Tóm lại, bài thơ dẫn dắt người đọc đi từ những hình ảnh mùa đông lạnh giá đến hình ảnh ấm áp của mẹ, giúp tôi cảm nhận rõ hơn về tình mẹ và cả những yêu thương của một đứa trẻ dành cho mẹ. Đề 2: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ “Ông đồ” của nhà thơ Vũ Đình Liên. - BỘ CẢNH ĐIỀU Mở đoạn → (1) Không hiểu sao, đến với bài thơ “Ông đồ” của Vũ Đình Liên tôi lại bị ám ảnh đến day dứt bởi câu hát xa xôi vùng quan họ: “<i>Còn duyên kẻ đón người đưa/ Hết duyên đi sớm, về trưa mặc lòng</i>”. Thân đoạn → (2) Bài thơ là sự tiếc nuối của tác giả về một nền văn học đã từng rất rực rỡ. (3) Ở hai khổ thơ đầu, tác giả đã tái hiện lại không khí ngày tết xưa khi ông đồ còn được trọng dụng: khi tết đến xuân về, hoa đào đua nhau khoe sắc thắm, phố phường đông vui, tấp nập và ông đồ xuất hiện bên hè phố bán đôi câu đối để mọi người trưng trong nhà như một văn hóa không thể thiếu ngày đầu năm mới. (4) Thế nhưng, theo thời gian, phong tục
--	---

? Viết đoạn văn dựa trên dàn ý đã xây dựng.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.

Nhiệm vụ 4: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ “Chiều sông Thương” của nhà thơ Hữu Thịnh.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV đặt câu hỏi

? Lập dàn ý cho đề bài trên?

? Viết đoạn văn dựa trên dàn ý đã xây dựng.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS nghe câu hỏi và trả lời.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.

treo câu đối ngày tết không còn được ưa chuộng, hình ảnh ông đồ xưa vốn gắn với nét đẹp truyền thống về nền văn hóa nho học, nay dần bị lãng quên “*Lá vàng bay trên giấy/Ngoài trời mưa bụi bay*”.

(5) Ông vẫn ngồi đấy nhưng chẳng mấy ai còn để ý, lá vàng rơi giữa ngày xuân trên trang giấy nhạt phai như dấu chấm hết cho sự sinh sôi, hạt mưa bụi nhạt nhòa bay trong cái se lạnh như khóc thương, tiễn biệt cho một thời đại đang dần trôi vào dĩ vãng. (6) Ta như cảm nhận được qua tứ thơ là tâm trạng của thi nhân, phảng phất một nỗi xót thương, nỗi niềm hoài cổ nhớ tiếc của nhà thơ cho một thời đã qua và câu hỏi cuối bài thơ như lời tự vấn cũng là hỏi người, hỏi vọng về quá khứ với bao ngậm ngùi “*Những người muôn năm cũ/Hồn ở đâu bây giờ?*”. **Kết đoạn ➔**

(7) Tóm lại, bài thơ đã chạm đến những rung cảm của lòng người, để lại những suy ngẫm sâu sắc với mỗi người nên còn tha thiết mãi.

Đề 3:Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ “Con chim chiền chiện” của nhà thơ Huy Cận. – **BỘ CHÂN TRỜI**

Mở đoạn → (1) Bài thơ “*Con chim chiền chiện*” của Huy Cận đã đem đến cho tôi nhiều cảm nhận. **Thân đoạn → (2)** Hình ảnh trung tâm của bài thơ - con chim chiền chiện được nhà thơ khắc họa thật chân thực và sống động. **(3)** Cánh chim bay vút trên trời, với tiếng hót long lanh giống như cành sương

- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

Dự kiến sản phẩm

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.

Nhiệm vụ 5: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ “Sang thu” của nhà thơ Hữu Thỉnh.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV đặt câu hỏi

? Viết đoạn văn dựa trên dàn ý đã xây dựng.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS nghe câu hỏi và trả lời.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.

- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

Dự kiến sản phẩm

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.

chói, hình ảnh so sánh kết hợp với ẩn dụ chuyển đổi cảm giác. (4)Tiếng hót giờ đây không chỉ được cảm nhận bằng thính giác mà còn có thể nhìn thấy bằng thị giác - đầy long lanh, giống như hình ảnh giọt sương trên cành cây được nắng chiếu sáng. (5)Những câu thơ tiếp theo khiến chúng ta cảm thấy dường như chim chien chien đang trò chuyện với con người. (6)Chúng đang làm tốt nhiệm vụ của mình, gieo những niềm vui đến với thế gian, cánh chim bay mãi đến trời xanh dường như không biết mệt mỏi. **Kết đoạn**→ (7)Với những dòng thơ trong trẻo, đẹp đẽ của mình, nhà thơ cũng muốn gửi gắm một bức thông điệp ý nghĩa rằng con người cần có giao hòa, gần bó với thiên nhiên để cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên, đồng thời thêm yêu mến, trân trọng thiên nhiên.

Đề 4: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ “Chiều sông Thương” của nhà thơ Hữu Thịnh. – **BỘ KẾT NỐI**

Mở đoạn → (1) Quê hương là đề tài muôn thuở trong thi ca, Hữu Thỉnh cũng góp thêm vào đề tài ấy bài thơ "*Chiều sông Thương*". **Thân đoạn** → (2) Bài thơ được làm theo thể 5 chữ, giàu vần điệu nhạc điệu, lời thơ thanh nhẹ, hình tượng đẹp, trong sáng, cảm xúc dào dạt, băng khuâng, menh mang. (3) Dòng sông Thương quê mẹ êm đềm yên ả "*nước vẫn nước đôi dòng*", một buổi chiều mùa gặt, trăng non lấp ló chân trời, rất thơ mộng hữu tình, "*chiều uốn cong lưỡi hái*". (4) Cánh buồm,

Nhiệm vụ 6: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về bài thơ “Sang thu” của nhà thơ Hữu Thỉnh. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV đặt câu hỏi ? Viết đoạn văn dựa trên dàn ý đã xây dựng. - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nghe câu hỏi và trả lời. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Dự kiến sản phẩm Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.	dòng sông, đám mây, đều được nhân hóa, mang tình người và hồn người, như đưa đón, như mừng vui gặp gỡ người đi xa trở về. (5)Cảnh vật đồng quê, từ đường nét đến sắc màu đều tiềm tàng một sức sống ấm no, chứa chan hi vọng; là những nương "mạ đã thò lá mới - trên lớp bùn sẫm sang"; là những ruộng lúa "vàng hoe" trải dài, trải rộng ra bốn bên bốn phía chân trời mênh mông, bát ngát; là dòng sông thơ ấu chở nặng phù sa, mang theo bao kỉ niệm, bao hoài niệm "Hạt phù sa rất quen – Sao mà như cổ tích". (6)Câu cảm thán song hành với những điệp từ, điệp ngữ làm cho giọng thơ trở nên bồi hồi, say đắm; bức tranh quê nhà với bao sắc màu đáng yêu: “Ôi con sông màu nâu/ ôi con sông màu biếc”. Kết đoạn → (7)Thế mới biết, cảnh sắc quê hương càng hữu tình, nên thơ bao nhiêu thì càng thấy được tình yêu quê hương sâu nặng của tác giả bấy nhiêu. Đề 5. về bài thơ “Sang thu” của nhà thơ Hữu Thỉnh. – BỘ CHÂN TRỜI Mở đoạn → (1)Đã có rất nhiều nhà thơ viết về đề tài mùa thu nhưng có lẽ bài thơ “Sang thu” của nhà thơ Hữu Thỉnh là bài thơ để lại cho em nhiều ấn tượng sâu sắc nhất. Thân đoạn → (2)Với con mắt nghệ sĩ, tâm hồn nhạy cảm và ngòi bút tài hoa, Hữu Thỉnh đã có những cảm nhận mới mẻ trước sự biến chuyển của thiên nhiên đất trời lúc cuối hạ đầu thu. (3)Cái độc đáo và tinh tế trong bài thơ không chỉ được thể hiện
---	--

qua các hình ảnh mới lạ “*hương ổi, gió se, sương, dòng sông*” mà còn thể hiện qua cách đón nhận mùa thu bằng những giác quan như : thính giác, khứu giác, thị giác. (4) Hơn nữa nhà thơ còn cảm nhận mùa thu từ xa (hương ổi) đến gần (sương) từ cái vô hình (gió se, hương ổi) đến cái hữu hình (dòng sông). (5) Quả thật nếu không phải là một người yêu thiên nhiên, quan sát tỉ mỉ sự biến chuyển của thiên nhiên có lẽ Hữu Thỉnh khó có thể viết được những vần thơ hay, độc đáo đến vậy. (6) Hình ảnh thơ đẹp, ngôn từ tinh tế, giọng thơ êm đềm và những rung động man mác ,bâng khuâng của tác giả trong buổi giao mùa đã tạo nên một dấu ấn không dễ phai mờ trong lòng bao độc giả. **Kết đoạn → (7)** Có lẽ vì thế mà sau khi đọc “*Sang thu*” của Hữu Thỉnh ta càng thấy yêu hơn mùa thu thiết tha, nồng hậu của quê nhà.

Đề 6. Viết đoạn văn 5-7 câu ghi lại cảm xúc của em về bài thơ “*Thu sang*” của nhà thơ Đỗ Trọng Khơi.

Mở đoạn → (1) Khoảnh khắc giao mùa từ hạ sang thu lại là một bức tranh đẹp mà rất nhiều nhà thơ chú ý đến trong đó có Đỗ Trọng Khơi với bài thơ “*Thu sang*”. **Thân đoạn → (2)** Khi mà thời tiết mùa hè chỉ còn lại chút mong manh trên bầu trời, bằng sự cảm nhận tinh tế của mình nhà thơ đã cảm nhận được trên bầu trời ấy là tiếng của loài chim đẩy ngày sang thu đến càng gần. (3) Không chỉ mỗi tiếng chim mà cả

	màu sắc cũng trở nên hết sức hài hòa như báo trước sự ra đi của mùa hè cũng như mùa thu đang đến tràn ngập sức sống. (4) Trên bầu trời xuất hiện sắc vàng mà như tự trời đất nhuộm vàng sắc trời ấy chứ không phải do mùa hạ đi để lại sắc vàng. (5) Đó là màu vàng tự nắng, tự mưa tự trời xửa nhuộm về hết sự tự nhiên. (6) Trong bức tranh thiên nhiên ấy, cuối cùng mùa thu cũng đã bước vào: trong vườn rộn lá báo hiệu cho sự xuất hiện của mùa thu, của gió heo may, làn gió đặc trưng mà chỉ mùa thu mới có và cảnh ánh trăng vàng rong chơi như những ngày rằm tháng 8. Kết đoạn ➔ (7) Tóm lại, bằng tâm hồn tinh tế của mình nhà thơ đã vẽ ra trước mắt người đọc một bức tranh thiên nhiên vô cùng phong phú và đặc sắc và chắc hẳn phải là một người có tâm hồn yêu thiên nhiên tha thiết nhà thơ mới có thể vẽ ra được những dòng thơ chân thực đến vậy.
--	---

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 3:

CHUYÊN ĐỀ 2: VIẾT BÀI VĂN BIỂU CẢM VỀ CON NGƯỜI HOẶC SỰ VIỆC
(Dùng chung 3 bộ sách)

Thời lượng: 6 tiết

Bộ Kết nối: Bài 4: Giai điệu đất nước (trang 98, học kỳ 1)

Bộ Chân trời: Bài 4; Quà tặng của thiên nhiên (trang 89, học kỳ 1)

Bộ Cánh diều: Bài 3: Truyện khoa học viễn tưởng (trang 75, học kỳ 1)

I. MỤC TIÊU

a. Kiến thức

- HS viết được bài văn nêu cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả, trình bày được xẻ xức, suy nghĩ về một con người hoặc sự việc để lại cho mình ấn tượng sâu sắc; đảm bảo bố cục và số lượng câu đúng quy định con người hoặc sự việc theo đúng cấu trúc văn biểu cảm có sự kết hợp các yếu tố tự sự, miêu tả.

b. Năng lực

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận;
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

c. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, STK
- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

b. Nội dung: GV hỏi, HS trả lời.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

- GV cho học sinh xem Video “ **Những hành động đẹp**”
- Sau khi xem video, học sinh chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của mình.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ:

- Xem Video “ **Những hành động đẹp**”
- Ghi lại suy nghĩ và cảm xúc về việc làm của một số nhân vật trong video.

Bước 3. Báo cáo, thảo luận:

- Học sinh chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của mình.

Bước 4. Kết luận, nhận định:

- Nhận xét câu trả lời của HS và kết nối vào hoạt động bài học.

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- Hiểu thế nào là bài văn biểu cảm về con người và sự việc.
- Biết được những yêu cầu đối với bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.
- Biết được các kiểu bài văn biểu cảm về con người và sự việc.
- Nắm được các dạng đề văn biểu cảm về con người và sự việc.

- Thực hiện được các bước viết bài văn biểu cảm về con người/sự vật; có sử dụng kết hợp yếu tố tự sự và miêu tả.

b. Nội dung:

- Bài văn biểu cảm về con người và sự việc.
- Những yêu cầu đối với bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.
- Các kiểu bài văn biểu cảm về con người và sự việc.
- Các dạng đề văn biểu cảm về con người và sự việc.
- Thực hành các bước viết bài văn biểu cảm về con người/sự vật; có sử dụng kết hợp yếu tố tự sự và miêu tả.

c. Sản phẩm:

- Câu trả lời của HS.
- Dàn ý, bài viết của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Hoạt động 1: Tìm hiểu chung về viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ ? Thế nào là bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc? ? Những yêu cầu đối với bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc? ? Các kiểu bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc là kiểu bài nào? ? Em biết những dạng đề nào của kiểu bài này? Nêu cụ thể. - Dùng kết quả học tập của cá nhân, thống nhất trong nhóm (4 học sinh) Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Ghi lại ý kiến cá nhân - Thống nhất kết quả học tập của cá nhân trong nhóm. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - Báo cáo kết quả học tập của nhóm. - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	I/Tìm hiểu chung về viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc 1/Thế nào là bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc? - Bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc là trình bày những tình cảm, cảm xúc, những suy nghĩ và thái độ của người viết về một người hoặc một sự việc nào đó. - Nhân vật sự việc: có thể là trong cuộc sống hoặc trong tác phẩm văn học. - Tình cảm, cảm xúc của người viết: căn cứ vào nhân vật, sự việc cụ thể để người viết thể hiện tình cảm, cảm xúc. 2/Những yêu cầu đối với bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc - Giới thiệu được đối tượng biểu cảm (con người hay sự việc) và nêu được ấn tượng ban đầu về đối tượng đó. - Nêu được những đặc điểm nổi bật khiến người, sự việc đó để lại tình cảm, ấn tượng sâu đậm trong em. - Sử dụng ngôn ngữ sinh động giàu cảm xúc.

Bước 4. Kết luận, nhận định - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	- Tình cảm trong bài văn phải chân thực, rõ ràng. - Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc. - Kết hợp với miêu tả, tự sự nhằm hỗ trợ cho việc biểu lộ cảm xúc. - Bố cục bài viết: 3 phần + Mở bài: Giới thiệu đối tượng biểu cảm (con người hay sự việc) và ấn tượng ban đầu. + Thân bài: Biểu lộ cảm xúc, suy nghĩ cụ thể một cách sâu sắc về đối tượng. Đối với bài văn biểu cảm về con người, người viết cần biểu lộ cảm xúc, suy nghĩ về đặc điểm, tính cách, kỉ niệm gắn với người đó. Đối với bài văn biểu cảm về sự việc, người viết có thể biểu lộ cảm xúc theo trình tự diễn biến của sự việc. + Kết bài: Khẳng định lại tình cảm, cảm xúc về đối tượng. Rút ra điều đáng nhớ đối với bản thân. 3/Các kiểu bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc: - Bài văn biểu cảm về con người (có thể trong đời sống hoặc trong tác phẩm văn học) - Bài văn biểu cảm về sự việc (có thể trong đời sống hoặc trong tác phẩm văn học) 4/ Các dạng đề a.Dạng đề mở: Là dạng đề không cụ thể về đối tượng biểu cảm. Ví dụ 1: Em hãy viết bài văn biểu cảm về một nhân vật trong đời sống hoặc trong tác phẩm văn học nào đó mà em yêu thích. Ví dụ 2: Trong cuộc sống hằng ngày có nhiều sự việc xảy ra khiến em có rất nhiều cảm xúc như vui, buồn, tự hào,...Em hãy viết bài văn biểu cảm về một trong những sự việc đó. b. Dạng cụ thể (dạng đề đóng) là dạng đề nêu rõ về đối tượng biểu cảm.
--	---

	*Đề cụ thể có lựa chọn: Ví dụ 1: Xung quanh em có rất nhiều người thân nhưng mẹ là người có ý nghĩa quan trọng nhất với em. Em hãy viết bài văn biểu cảm về mẹ. Ví dụ 2: Tuổi thơ em có rất nhiều kỉ niệm đẹp và một trong những kỉ niệm đẹp ấy là lần đầu tiên em được thả diều cùng lũ bạn trên cánh đồng làng. Hãy viết bài văn biểu cảm về lần đầu tiên thả diều ấy. *Đề cụ thể có lựa chọn: Ví dụ 1: Xung quanh em có rất nhiều người thân như ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em,... Em hãy viết bài văn biểu cảm về một trong những người thân đó. Ví dụ 2: Tuổi thơ em có rất nhiều kỉ niệm đẹp và một trong những kỉ niệm đẹp ấy là em được thả diều cùng lũ bạn trên cánh đồng làng. Hãy viết bài văn biểu cảm về một trong những lần thả diều ấy. II. Phương pháp làm bài văn biểu cảm về con người và sự việc 1. Phương pháp chung Bước 1: Trước khi viết a. Lựa chọn đề tài: - Xác định đối tượng biểu cảm: Là con người (ai) hay sự việc (sự việc gì) để lại cho em những tình cảm, ấn tượng sâu sắc. + Người đó có thể là người thân trong gia đình, bạn bè, hàng xóm,... hoặc người mà em biết qua sách báo. + Sự việc đó có thể xảy ra với bản thân hoặc em là người chứng kiến hay được biết qua sách báo. Ví dụ: . Ngày khai giảng
--	--

- . Lễ đón giao thừa quê em
- . Một lỗi lầm của bản thân
- . Một kỉ niệm đáng nhớ với người thân yêu

....

b.Thu thập tài liệu: Tư liệu liên quan đến sự việc có thể thu thập từ nhiều nguồn khác nhau:

- Từ sự tiếp xúc, quan sát thực tế của bản thân.
- Từ việc được biết, tìm hiểu qua sách báo, trang mạng uy tín hay nghe người khác kể lại.
- Ghi lại những thông tin gợi cho em cảm xúc, ấn tượng sâu sắc về sự việc.

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

a. Tìm ý

- Đối tượng biểu cảm là ai? Hay sự việc gì?
- Người hoặc sự việc đó có những đặc điểm nào nổi bật?
- Những đặc điểm của người hoặc sự việc đó gợi cho em tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ, thái độ gì?...
- Để thể hiện tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ, thái độ của mình, em dự định sẽ chọn cách biểu cảm nào? (trực tiếp dùng từ ngữ, câu văn....bộc lộ cảm xúc hay gián tiếp thông qua các yếu tố tự sự, miêu tả...

b. Lập dàn ý: Từ những ý đã tìm, lập dàn ý bằng cách chọn lọc, sắp xếp các ý theo một trình tự hợp lí.

***Mở bài:**

- Giới thiệu đối tượng biểu cảm (người, việc)
- Ấn tượng ban đầu của em đối tượng biểu cảm.

Có rất nhiều cách mở bài khác nhau nên khi viết cần vận dụng một cách linh hoạt. Sau đây là một số cách mở bài tham khảo:

Ví dụ đề bài: Xung quanh em có rất nhiều người thân như ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em,

Hoạt động 2: Tìm hiểu phương pháp làm bài văn biểu cảm về con người và sự việc

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

? Muốn viết bài văn biểu cảm về con người và sự việc thì làm theo những bước nào? Nêu cụ thể từng bước.

? Mở bài, thân bài, kết bài em làm những gì?

? Nêu những cách mở bài/ kết bài gián tiếp?

- Dùng kết quả học tập của cá nhân, thống nhất trong nhóm (4 học sinh) Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Thống nhất kết quả học tập của cá nhân trong nhóm. Bước 3. Báo cáo, thảo luận - Báo cáo kết quả học tập của nhóm. - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4. Kết luận, nhận định - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	... Em hãy viết bài văn biểu cảm về một trong những người thân đó. Nếu chọn đối tượng biểu cảm là mẹ thì có thể viết như sau Mở bài trực tiếp Trong gia đình, người em dành tình cảm nhiều nhất là mẹ em. Mẹ không chỉ là người thân mà còn là người bạn luôn chia sẻ niềm vui cũng như nỗi buồn với em. Từ lúc sinh ra đến tận bây giờ, mẹ đã hết lòng nâng niu và chăm sóc em. Mở bài gián tiếp - Có thể thông qua những trải nghiệm thực tế của bản thân ở hiện tại rồi nhớ về mẹ + Trải nghiệm từ một sự việc, cảnh vật nào đó mà nhớ về mẹ: Mở bài tham khảo : Sáng nay, trên đường đi học về, em thấy một người phụ nữ ẩm theo đứa nhỏ ngồi bên vệ đường để xin tiền người qua lại. Nhìn cảnh tượng ấy, em lại nhớ đến mẹ của mình, chắc giờ này cũng đang mưu sinh ở nơi đất khách quê người. Trong lòng em dâng tràn bao cảm xúc về mẹ. + Trải nghiệm khi đọc một bài thơ, nghe một bài hát... mà nhớ về mẹ và biểu cảm: Mở bài tham khảo 1: “Mẹ là vòng tay ấp ôm con qua những ngày đông/Mẹ là dòng sông để con tắm mát trưa hè/..Mẹ làm bậc thang để con bước lên đỉnh cao/Mẹ là ánh sao để con ước ao bao điều/.. ”. Mỗi khi giai điệu bài hát ấy vang lên là lòng em lại trào dâng cảm xúc . Em nhớ về mẹ - người đã vì em mà hi sinh tất cả để cho em có được cuộc sống như bây giờ. Mở bài tham khảo 2: Thời gian cứ dần trôi không chờ đợi ai. Thoắt cái đã đến ngày giỗ đầu của mẹ. Giai điệu “Mẹ là vòng tay ấp ôm
--	---

con qua những ngày đông/Mẹ là dòng sông để con tắm mát trưa hè/..Mẹ làm bậc thang để con bước lên đỉnh cao/Mẹ là ánh sao để con ước ao bao điều/.. ”quen thuộc cứ vang vọng trong tôi. Mẹ tôi giờ đây đã về với thiên đường để yên giấc ngàn thu nhưng tôi không thể tin được điều đó bởi tôi yêu mẹ tôi nhiều lắm.

(Mở bài này chỉ dành cho những bạn nào có mẹ đã mất)

- Có thể gián tiếp từ cách khác như:

+ Dùng nghệ thuật đòn bẩy “lấy mây nảy trăng” (dùng đối tượng này để nói đối tượng kia: đối tượng cần biểu cảm)

Mở bài tham khảo: Mẹ - tiếng gọi thiêng liêng ấy với con luôn là nắng ấm trong những đêm trường giá lạnh, là dòng sông để em tắm mát trưa hè, là ánh sao để em ước ao bao điều, mẹ luôn là Phật sống của đời em, luôn cho em tình yêu cao quý, cho em những yêu thương đong đầy. Mẹ tuyệt vời là thế. Nhưng người mà em muốn dành cả trang giấy này để thể hiện tình cảm của mình lại là bà ngoại – người đã sinh ra người mẹ đáng kính của em.

+ Dùng nghệ thuật so sánh để dẫn đến đối tượng biểu cảm

Mở bài tham khảo: Mỗi người sinh ra và lớn lên đều được đón nhận tình yêu thương che chở của người thân trong gia đình. Nếu cha là cánh chim cho con bay thật xa thì mẹ là bông hoa cho con cài lên ngực. Nếu cha cho con tinh thần ý chí nghị lực, ước mơ khát vọng, lối sống cao đẹp,... thì mẹ cho con những lời ngọt ngào yêu thương vỗ về. Chính vì vậy mà đối với em, mẹ luôn là người em yêu thương nhất.

***Thân bài:**

- Trình bày tình cảm, suy nghĩ về những đặc

điểm nổi bật của người hoặc sự việc.

- Nêu các kỉ niệm, ấn tượng sâu sắc nhất về đối tượng.

*** Kết bài:**

- Khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của em với đối tượng.

- Rút ra điều đáng nhớ ...đối với bản thân.

Có nhiều cách kết bài khác nhau. Tuy nhiên nếu mở bài chọn cách nào thì kết bài nên chọn cách đó để tương ứng nhau. Có thể tham khảo các kết bài sau:

Kết bài trực tiếp

Kết bài tham khảo: Được sống trong vòng tay yêu thương của mẹ, em cảm thấy rất hạnh phúc và sung sướng. Em mong ước mẹ em sống thật lâu để em được ở mãi bên mẹ. Em tự nhủ lòng mình rằng phải học thật giỏi để báo đền công ơn trời biển của mẹ.

Kết bài gián tiếp ở Mở bài tham khảo 2, có thể viết như sau (Kết bài này chỉ dành cho những bạn nào có mẹ đã mất)

Mẹ ơi! Mẹ hãy an tâm về con mẹ nhé! Con sẽ trân trọng và gìn giữ những tình cảm, những kỉ niệm mà mẹ con ta đã có nhau. Con sẽ ngoan và học giỏi như lời mẹ dặn trước lúc ra đi. Và nếu có kiếp sau, mẹ con ta lại làm mẹ con với nhau nữa, mẹ nhé!

LƯU Ý: Tương tự như vậy, có thể áp dụng cách mở bài và kết bài cho kiểu bài văn biểu cảm về sự việc.

Bước 3: Viết bài

- Lần lượt viết mở bài, thân bài, kết bài theo bố cục trên.

- Khi viết cần lưu ý:

+ Đảm bảo kết hợp yếu tố miêu tả và tự sự để việc bộc lộ cảm xúc được tự nhiên, giúp người

đọc hiểu vì sao em có cảm xúc đó.

+ Để cảm xúc được bộc lộ một cách chân thật, sâu sắc, có thể sử dụng các từ ngữ miêu tả các trạng thái cảm xúc như hạnh phúc, băng khuâng, gẩn bó, biết ơn...; các từ ngữ bộc lộ cảm xúc trực tiếp như ôi chao, trời ơi, xiết bao, ...; sử dụng những hình ảnh so sánh, ẩn dụ, liên tưởng để giúp bài văn thêm gợi cảm, dễ dàng truyền tải được cảm xúc.

+ Để đảm bảo các yếu tố miêu tả, tự sự gắn với mục đích bày tỏ tình cảm, cảm xúc, không bị lạc sang văn miêu tả hay kể chuyện, khi viết, hãy tự trả lời các câu hỏi:

. Yếu tố miêu tả, tự sự này nhằm thể hiện cảm xúc nào?

. Cảm xúc muốn bày tỏ đã được thể hiện trọn vẹn qua các yếu tố miêu tả, tự sự hay chưa?

Bước 4: Chỉnh sửa bài viết

Sau khi viết xong, cần xem lại và chỉnh sửa bài viết theo một số gợi ý theo bảng SGK.

2. Phương pháp cụ thể

NỘI DUNG 1: BÀI VĂN BIỂU CẢM VỀ CON NGƯỜI

Đối với kiểu bài này ta có thể áp dụng các bước ở phần phương pháp chung. Song cần lưu ý những điểm sau:

- Biểu cảm về con người trong đời sống hoặc trong tác phẩm văn học là trình bày những tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ... về con người ấy vậy nên tình cảm phải hết sức chân thành, trong sáng, nhân văn.

- Muốn thể hiện tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ, đánh giá về con người nào đó phải dựa vào đặc điểm của họ:

+ Hoàn cảnh sống, công việc..

+ Nét đẹp về ngoại hình, phẩm chất, tâm hồn,

...

- Có thể trình bày bằng cách trực tiếp bằng từ ngữ, câu văn,... hoặc gián tiếp qua yếu tố miêu tả, tự sự.

***Lưu ý:**

- Con người trong đời sống có thể là người thân trong gia đình hoặc người hàng xóm hoặc một người nào đó mà em biết được qua sách, báo, truyện, thông tin đại chúng... Song dù là ai thì họ cũng là những người có đặc điểm, việc làm ý nghĩa....(hạn chế ra người thân vì kiểu bài này HS làm quen ở Tiểu học rồi.

- Con người trong tác phẩm văn học có thể là con người trong tác phẩm em được học, được đọc, được biết....

- Khi biểu cảm có thể biểu cảm về mọi phương diện của đối tượng hoặc một khía cạnh nào đó của đối tượng.

2.1. Biểu cảm về con người ngoài cuộc sống

Đề minh họa : *Trong cuộc sống, có rất nhiều người để lại cho em tình cảm ấn tượng sâu sắc. Em hãy viết bài văn biểu cảm bày tỏ tình cảm, suy nghĩ của mình về một trong những người em yêu quý và có ấn tượng sâu sắc đó.*

Hướng dẫn làm bài

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

- Lựa chọn đề tài: Đối tượng biểu cảm là bà Nguyễn Thị Nhung ở quận Đống Đa, Hà Nội.

- Xác định mục đích làm bài: Bày tỏ tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ của mình đối với bà Nhung và khơi gợi lòng đồng cảm nơi người đọc.

- Thu thập tài liệu: Từ những câu chuyện bà kể, thông tin trên truyền hình VTV1 và sách báo viết về bà.

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

a. Tìm ý:

- Đối tượng biểu cảm là ai? (là cụ Nhung)

- Bà cụ Nhung có những đặc điểm nào nổi bật về hoàn cảnh

+ Bà Nhung 57 tuổi, hiện đang sống tại một căn nhà nhỏ trên phố Văn Miếu, làm bán hàng

+ Dù điều kiện sống không dư giả nhưng bà luôn chia sẻ với những mảnh đời cơ cực: bà cưu mang những mảnh đời khó khăn suốt 30 năm, bà tham gia thiện nguyện, trao quà cho người dân miền núi, ...

+ Cảm xúc của người viết về đối tượng biểu cảm: cảm phục, kính trọng, tự hào,...

- Để thể hiện tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ, thái độ của mình, em dự định sẽ chọn cách biểu cảm nào?

+Trực tiếp: dùng từ ngữ, câu văn,...bộc lộ cảm xúc.

+Gián tiếp thông qua (kết hợp) yếu tố tự sự, miêu tả....)

b. Lập dàn ý:

***Mở bài:**

- Giới thiệu đối tượng biểu cảm: Bà Nguyễn Thị Nhung - Người phụ nữ có tấm lòng nhân hậu, hết lòng làm thiện nguyện.

- Ấn tượng ban đầu của em: Xúc động trước nhân cách cao đẹp của bà Nhung

*** Thân bài:** Tập trung bày tỏ tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ...dựa vào những đặc điểm của bà Nhung với những ý chính sau:

*** Giới thiệu về bà Nhung:**

- Bà Nhung 57 tuổi sống ở quận Đống Đa, Hà Nội.

- Sống tại một căn nhà nhỏ trên phố Văn Miếu và hằng ngày tần tảo bán hàng ở chợ để mưu sinh.

- Quan niệm sống của bà là: “*Với tôi, cuộc*

sống phải biết chia sẻ, cho đi thì mới thật sự ý nghĩa và đáng để sống”.

***Những đặc điểm của bà Nhung:**

- Suốt 30 năm cưu mang, dạy dỗ những trẻ có hoàn cảnh khó khăn trong đó có 2 người tự kỉ.
- Buôn bán làm ăn để có tiền nuôi dưỡng 13 đứa trẻ.
- Tham gia các hoạt động thiện nguyện, đến vùng sâu vùng xa để trao quà cho người dân miền núi.
- Cuối tuần, bà thường dậy từ 3 giờ sáng để chuẩn bị những suất cháo đem tới bệnh viện.

***Những tình cảm, cảm xúc dành cho bà Nhung:** Yêu mến, kính trọng, cảm phục và tự hào về bà Nhung.

*** Kết bài:**

- Khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của em với bà Nhung.
- Rút ra điều đáng nhớ, đáng học tập...với bản thân hoặc với mọi người.

Bước 3: Viết bài

Bài tham khảo

Giới thiệu đối tượng biểu cảm → Cách đây hơn một năm, em được đọc bài viết trên báo Lao động, mục “Người tử tế” em vô cùng ngưỡng mộ và tự hào về những tấm gương có lòng nhân hậu, với lối sống nghĩa tình mà một trong số đó là bà Nguyễn Thị Nhung ở quận Đống Đa, Hà Nội-người phụ nữ hết lòng làm thiện nguyện. **Ấn tượng ban đầu về đối tượng →** Em thực sự xúc động trước nhân cách cao đẹp ấy.

Bà Nhung hiện đang sống tại một căn nhà nhỏ trên phố Văn Miếu và hằng ngày người phụ nữ 57 tuổi ấy vẫn tần tảo với việc bán hàng ở chợ. Mặc dù điều kiện sống cũng

**Hoạt động 3: Tìm hiểu phương pháp
cụ thể làm bài văn biểu cảm về con
người và sự việc**
GV lưu ý cho hs

không dư dả gì nhưng bà vẫn luôn cố hết sức mình để chia sẻ, đem lại niềm vui cho những mảnh đời cơ cực bởi bà luôn tâm niệm: “Với tôi, cuộc sống phải biết sẻ chia, cho đi thì mới thật sự ý nghĩa và đáng để sống”.

Suốt 30 năm qua, bà Nhung đã mở rộng vòng tay cứu mang, nuôi dưỡng và dạy dỗ những đứa trẻ có hoàn cảnh khó khăn. Trong số 13 người con được bà nhận nuôi, có 2 người bị tự kỉ. Thế nhưng bằng tấm lòng yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc hết mực của mình, bà đã dần dần giúp cả hai đứa con có một cuộc sống như bao người bình thường khác. Họ vẫn ngày ngày theo bà buôn bán làm ăn. Với những người con đó, bà là một người mẹ tuyệt vời, người mẹ không có công sinh những có công dưỡng, người đã mang lại niềm vui, hạnh phúc cho cuộc đời họ. Ngoài việc nhận nuôi những đứa trẻ bất hạnh, bà Nhung còn nhiệt tình tham gia các hoạt động thiện nguyện khác để giúp ích cho đời. Tuy đã có tuổi nhưng bà không quản ngại khó khăn, lặn lội đến những vùng sâu, vùng xa trao quà cho người dân miền núi. Bà đã tham gia vào nhóm thiện nguyện “Mùa thu và những người bạn” để giúp đỡ những bệnh nhân nghèo, bất hạnh ở các bệnh viện Hà Nội. Hằng tháng bà quyên góp gạo để nhóm nấu cháo phát cho bệnh nhân. Vào mỗi dịp cuối tuần, bà thường dậy từ 3h sáng để chuẩn bị những suất cháo đem tới bệnh viện. Nhìn nụ cười rạng rỡ trên khuôn mặt phúc hậu của bà khi tận tay trao những suất cháo cho bệnh nhân có lẽ không ai không cảm thấy ấm áp và xúc động.

Bài báo viết về bà em đã đọc từ lâu rồi nhưng mỗi khi nhớ lại hình ảnh về bà khiến

em xúc động mãi. Bà tiêu biểu cho người phụ nữ Việt Nam trong đời sống thường ngày. Em rất cảm phục và kính trọng bà – người phụ nữ tuy không thân quen nhưng với em lại rất đổi gần gũi, ấm áp. Với những việc làm ý nghĩa của mình cho cộng đồng, bà Nhung đã góp phần làm cho xã hội ngày càng trở nên tốt đẹp, nhân văn hơn. Và bà đã vinh dự được nhận danh hiệu “*Người tốt, việc tốt*” do chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội trao tặng. Những việc làm, suy nghĩ và tấm lòng của bà sẽ là tấm gương sáng cho mọi người và bản thân em noi theo.

Bước 4: Chỉnh sửa

Rà soát, chỉnh sửa bài viết theo những gợi ý trong bảng kiểm ở phần hướng dẫn chung.

2.2. Biểu cảm về con người trong tác phẩm văn học

Đề 1: Cảm nghĩ của em về nhân vật bé Hồng trong đoạn trích “*Trong lòng mẹ*” của Nguyên Hồng.

I. Mở bài

- Giới thiệu đoạn trích *Trong lòng mẹ* và nhân vật bé Hồng: Nguyên Hồng là một nhà văn với ngòi bút chan chứa tình cảm. Ngòi bút của ông được thể hiện rõ nhất qua đoạn trích *Trong lòng mẹ*. Chú bé Hồng - chính tác giả hồi nhỏ đã để lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc.

II. Thân bài

- Tuổi thơ cơ cực của Hồng

+ Là đứa con sinh ra trong một gia đình không có tình yêu: bố vì nghiện thuốc phiện mà chết sớm; mẹ phải bỏ đi tha hương cầu thực; em sống cùng với người cô cay nghiệt.

- Cuộc đối thoại của Hồng và bà cô

Nhiệm vụ 1: Biểu cảm về con người ngoài cuộc sống

Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ

? Lựa chọn đề tài, xác định mục đích làm bài, thu thập tài liệu?

? Đối với đề này em tìm hiểu ý gì?

? Hãy lập dàn ý cho đề trên.

? Viết thành bài văn hoàn chỉnh trên dàn ý đã lập.

? Rà soát, chỉnh sửa bài viết theo những gợi ý trong bảng kiểm ở phần hướng dẫn chung.

HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ

- HS làm theo nhóm/cá nhân

Bước 3. Báo cáo, thảo luận

- Báo cáo kết quả học tập của cá nhân/nhóm.

- GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4. Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.

+ Khi bà cô xoáy sâu vào nỗi đau, sự thiếu thốn tình mẫu tử: em im lặng không nói gì.

+ Khi bà cô nhồi nhét vào đầu em những suy nghĩ xấu xa rằng mẹ đã ruồng rẫy em và có con ở Thanh Hóa: trong lòng em căm phẫn những lời nói đó, luôn một mực giữ lòng tin yêu ở mẹ mình.

+ Sự tức giận lên đến tột cùng, em căm hờn những hủ tục lạc hậu và miệng đời cay nghiệt đã dày dọa mẹ mình, em ước nó như hòn đá, cục thủy tinh, mẩu gỗ để cắn, nhai, nghiền đến kì nát thì thôi → Tình yêu thương mẹ vô bờ bến, khao khát muốn bảo vệ mẹ trước mọi điều xấu xa.

- Cuộc gặp gỡ của Hồng và mẹ

+ Trong lòng em luôn khao khát mẹ về và được gặp mẹ, khi thấy người ngồi trong xe kéo giống mẹ đã gọi và chạy theo → mẹ luôn hiện hữu trong lòng em.

+ Cảm giác xấu hổ với đám bạn nếu đó không phải mẹ mình nhưng trên hết là sự tủi thân vì luôn mong ngóng mẹ.

+ Khi biết người ngồi trên xe là mẹ mình: chạy đến, òa khóc nức nở, vỡ òa cảm xúc.

+ Thu mình trong lòng mẹ để cảm nhận tình yêu thương, hơi ấm. Em nhận ra mẹ không tiêu tụy như lời người cô kể mà vẫn tươi đẹp như thuở sung túc.

+ Lời người cô văng vẳng bên tai nhưng nhanh chóng tan biến chỉ còn lại tình yêu thương và cảm xúc hạnh phúc.

→ Tình mẫu tử thiêng liêng là động lực giúp Hồng vượt qua tất cả những nỗi đau.

III. Kết bài

Khái quát lại nhân vật: bé Hồng không chỉ lấy được nhiều sự thương cảm của mọi người mà

còn là một hồi chuông cảnh tỉnh, nhắc nhở con người cần phải bảo vệ trẻ em, để trẻ em có một môi trường sống tốt nhất có thể.

Có thể tham khảo bài văn mẫu sau

Trong chúng ta, tình mẫu tử luôn là thiêng liêng và ấm áp nhất. Những đứa con dù hiền hay dữ, dù sang hay hèn thì trong trái tim mình đều có tình yêu thương bao la dành cho mẹ – người sinh thành, nuôi dưỡng và luôn dành cho ta những điều tốt đẹp nhất. Tôi đã đọc nhiều câu chuyện, nhiều vần thơ viết về tình mẹ con, nhưng tôi thực sự bị ám ảnh với hồi kí *Những ngày thơ ấu* của Nguyên Hồng. Đặc biệt in sâu đậm dấu ấn trong tôi là hình ảnh cậu bé Hồng qua đoạn trích "Trong lòng mẹ".

Đọc những dòng đầu tiên của đoạn trích Trong lòng mẹ, tôi thực sự thương cảm và xót xa cho số phận cậu bé Hồng : “Chú bé Hồng ra đời là kết quả của cuộc hôn nhân miễn cưỡng không tình yêu ; chú lớn lên trong không khí giả dối, lạnh lẽo của một gia đình không hạnh phúc”. Ngay từ những phút giây bắt đầu đón nhận sự sống, chú bé Hồng đã gặp những bất hạnh.

Là một đứa trẻ lẽ ra cậu bé Hồng phải được sống trong sự đùm bọc, yêu thương của bố mẹ và gia đình, nhưng trái lại em phải “sống bơ vơ giữa sự ghẻ lạnh cay nghiệt của họ hàng.” vì bố chết, mẹ bỏ đi “tha phương cầu thực”. Sống giữa gia đình nhưng cậu bé Hồng giống như một đứa trẻ mồ côi, và hơn thế em còn phải chịu đựng sự hắt hủi, chì chiết của người thân, đặc biệt là bà cô.

Trong đoạn trích, nhà văn Nguyên Hồng

đã rất tinh tế khi miêu tả diễn biến tâm trạng của cậu bé Hồng : từ nỗi đau đớn buốt lạnh trước những lời đay nghiến của bà cô đến nỗi vui sướng vỡ oà khi gặp lại mẹ, và bao trùm lên tất cả là tình yêu mẹ vô bờ bến của chú bé. Dù mới chỉ là một cậu bé nhưng Hồng sớm phải gánh chịu sự đối xử cay nghiệt của người thân, đó chính là sự nhẫn tâm của bà cô. Cho dù cả đoạn trích không nhắc đến sự đánh đập bằng đòn roi nhưng cách đối xử, lời lẽ mỉa mai của người cô còn khiến cho chú bé đau đớn hơn gấp trăm nghìn lần. *“Hồng ! Mà có muốn vào Thanh Hóa chơi với mẹ mà không ?”*, nghe qua ta tưởng đây là lời nói thể hiện sự quan tâm, muốn cháu với bớt nỗi nhớ mẹ nhưng thực chất đây là những lời nói kháy, tàn độc : *“nhận ra những ý nghĩa cay độc trong giọng nói và trên nét mặt khi cười rất kịch của cô tôi, tôi cúi đầu không đáp. Vì tôi biết rõ, nhắc đến mẹ tôi, cô tôi chỉ cố ý gieo rắc và đầu óc những hoài nghi để tôi khinh miệt và ruồng rẫy mẹ tôi”*. Trước lời nói đầy thâm ý của bà cô, trong lòng cậu bé Hồng lại càng trào dâng lên tình yêu thương mãnh liệt dành cho mẹ *“Nhưng đời nào tình yêu thương và lòng kính mến mẹ tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến.”*. Cậu ra sức bảo vệ mẹ, cố gắng cười đáp lại dù trong thâm tâm đang rất đau đớn, tủi cực *“Cuối năm thế nào mẹ cháu cũng về”*. Cậu bé trả lời bà cô và có lẽ cũng là tự an ủi mình, cậu bé luôn có niềm tin mãnh liệt rằng mẹ sẽ về và không bao giờ bỏ rơi cậu.

Tuy nhiên, bà cô của chú vẫn tiếp tục đay nghiến *“Sao lại không vào ? Mẹ mà phát tài lắm, có như dạo trước nữa đâu !”*. Tâm hồn non nớt, ngây thơ của chú bé dường như đã

quá sức chịu đựng “lòng tôi càng thắt lại, khóe mắt tôi đã cay cay”. Nhà văn đã kết hợp miêu tả đan xen giữa lời nói bà cô và tâm trạng chú bé, mỗi lời bà cô phát ra là một lần khiến cho cậu bé trở nên đau đớn hơn. Tính chất chì chiết đay nghiến trong từng câu nói cứ tăng dần, để rồi lên đến cao trào khi bà cô nói : “*Mày đại quá, cứ vào đi, tao chạy cho tiền tàu. Vào mà bắt mợ mày may vá sắm sửa cho và thăm em bé chứ*”. Từng lời nói như những nhát dao cứa vào trái tim non nớt, khiến cậu bé phải khóc “ròng ròng”. Hồng khóc không phải vì ghen tị với em bé mà “*vì thương mẹ tôi và căm tức sao mẹ tôi lại vì sợ hãi những thành kiến tàn ác mà xa lìa anh em tôi, để sinh nở một cách giấu giếm*”. Người đọc hiểu rằng, dù mới chỉ là một cậu bé nhưng Hồng đã có những suy nghĩ chín chắn.

Tình yêu thương mẹ của cậu bé Hồng còn gắn liền với niềm căm tức, thù hận với những định kiến. Bởi lẽ cậu bé hiểu rằng chính những thành kiến tàn ác kia đã đẩy mẹ cậu vào cảnh “*tha hương cầu thực*”, mẹ con cậu phải chia lìa nhau. Trong nỗi đau uất ức, nghẹn ngào không thốt ra tiếng chú bé Hồng đã có một ước mơ “*giá những cỗ tục đã dày dọ mẹ tôi là một vật như hòn đá hay cục thủy tinh, đầu mẩu gỗ, tôi quyết vồ ngay lấy mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi*”. Nỗi căm tức, đau đớn của chú bé đã được nhà văn hình tượng hoá qua hình ảnh so sánh biểu cảm. Những cỗ tục cũng lạnh lùng, sắc nhọn chẳng khác nào “*hòn đá, cục thủy tinh*”. Bên cạnh đó, biện pháp điệp “*mà cắn, mà nhai, mà nghiến cho kì nát vụn mới thôi*” khiến cho nhịp văn nhanh dần, mạnh mẽ thể hiện niềm căm

tức tốt độ của cậu bé Hồng. Qua đó toát lên tình yêu thương mẹ cháy bỏng, chú bé sẵn sàng làm tất cả dù khó khăn, dù đau đớn để bảo vệ người mẹ kính yêu của mình. Suy nghĩ tâm trạng của Hồng khiến cho người đọc không khỏi ngậm ngùi, xót xa, thương cảm và khâm phục. Ta hiểu rằng, những thủ đoạn tàn nhẫn, những câu nói cay độc, phũ phàng của bà cô không thể lay chuyển suy nghĩ của bé Hồng về mẹ, trái lại nó càng khiến cho cậu yêu thương mẹ hơn.

Độc đoạn trích Trong lòng mẹ, người đọc được trải qua các trạng thái cảm xúc đối lập nhau. Độc đoạn đầu tiên, ta như đi vào một sa mạc khô cằn tình người, ở đó ta chỉ thấy sự chì chiết, đối xử cay nghiệt và nỗi đau của một chú bé nhưng kết thúc đoạn trích ta lại chìm ngập trong dòng suối mát lành của tình mẹ con ấm áp. Cho dù bà cô có cố tình chia lìa tình mẹ con thì với Hồng cậu luôn tin rằng mẹ cậu sẽ trở về và niềm tin đó đã trở thành sự thực: *“Nhưng đến ngày giỗ đầu thầy tôi, tôi không viết thư gọi mẹ tôi cũng về”*.

Để diễn tả niềm vui sướng của bé Hồng khi gặp mẹ, nhà văn đã miêu tả một cách cụ thể, chi tiết: “Chiều hôm đó, tan buổi học ở trường ra, tôi chợt thoáng thấy một bóng người ngồi trên xe kéo giống mẹ tôi. Tôi liền đuổi theo gọi bối rối : “Mợ ơi ! Mợ ơi ! Mợ ơi Những cụm từ như “thoáng thấy”, “liền đuổi theo”, “gọi bối rối” thể hiện sự cuồng quýt, Vội vàng của chú bé. Ta hiểu rằng niềm mong chờ mẹ về luôn thường trực trong tâm trí của chú bé Hồng. Tuy nhiên, giống như con chim bị thương sợ gặp phải càn con, cậu bé Hồng chưa kịp vui sướng thì đã lo sợ, lo sợ nếu như

đó là người khác thì sẽ thành “trò cười tức bụng” cho lũ bạn. Hình ảnh so sánh tinh tế, biểu cảm cái lấm đó. khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc” cho người đọc thấy tâm trạng mong đợi khắc khoải của cậu bé Hồng.

Hình ảnh người bộ hành “ngã gục giữa sa mạc” sẽ chính là hình ảnh của chú bé Hồng sẽ gục ngã giữa sa mạc của sự ghẻ lạnh, đay nghiến nếu như mẹ cậu không về. Câu chuyện được đẩy lên đến cao trào, người đọc cũng hồi hộp chờ đợi: liệu người đó có phải là mẹ cậu bé ? Và rồi, tất cả như được tháo bung ra “Xe chạy chậm chậm mẹ tôi cầm nón vẫy tôi mẹ tôi xoa đầu tôi hỏi, thì tôi òa lên khóc rồi cứ thế nức nở”. Đó không còn là những giọt nước mắt tủi cực mà là những giọt nước mắt của niềm hạnh phúc vô bờ bến. Nhà văn đã viết nên những câu văn nhẹ nhàng để diễn tả tình mẹ con ấm áp. Trong lòng cậu bé Hồng giờ đây chỉ còn niềm vui sướng tột độ vì cậu thấy rằng mẹ mình không phải như những gì bà cô nói, mẹ vẫn tươi đẹp và “cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt”.

Chú bé Hồng thấy mình cần bé lại để “lăn vào lòng một người mẹ, áp mặt vào bầu sữa nóng của người mẹ, để bàn tay người mẹ vuốt ve từ trán xuống cằm, mới thấy người mẹ có một êm dịu vô cùng”. Ở bên mẹ, Hồng không còn một chút đau đớn, tất cả những lời bà cô giờ trở nên vô nghĩa với cậu “câu nói ấy bị chìm đi ngay, tôi không mảy may nghĩ ngợi gì nữa.”. Tình mẹ bao la và ấm áp đã xua tan đi mọi băng giá, khổ đau, đem lại một niềm hạnh

Nhiệm vụ 2: Biểu cảm về con người trong tác phẩm văn học Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ ? Đối với đề này em tìm hiểu ý gì? ? Hãy lập dàn ý cho đề trên. ? Xây dựng dàn ý cho đề trên. ? Viết thành bài văn hoàn chỉnh trên dàn ý đã lập. HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - HS làm theo nhóm/cá nhân Bước 3. Báo cáo, thảo luận - Báo cáo kết quả học tập của cá nhân/nhóm. - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4. Kết luận, nhận định - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	phúc tràn ngập. Người đọc như thấy đâu đây sự mỉm cười mãn nguyện của nhà văn. Ông thực sự là nhà văn có trái tim ấm nóng, hiểu và cảm thông sâu sắc với những người có số phận bất hạnh ,đặc biệt là với trẻ em và phụ nữ. Trang văn của Nguyên Hồng nói chung và đoạn trích Trong lòng mẹ nói riêng thực sự là những trang văn thấm đượm tấm lòng nhân đạo của một nhà văn chân chính. Đoạn trích <i>Trong lòng mẹ</i> khép lại nhưng đã gợi lên cho người đọc biết bao điều suy nghĩ: chúng ta sẽ làm gì để những tâm hồn non nớt, ngây thơ luôn được sống trong niềm yêu thương, hạnh phúc, chở che? Chúng ta làm gì để những giọt nước mắt đau đớn, tủi cực không còn lăn dài trên khuôn mặt thánh thiện của các em? Đó sẽ mãi là câu hỏi nhức nhối mà nhà văn gửi đến mỗi chúng ta. BÀI VĂN BIỂU CẢM VỀ SỰ VIỆC Lưu ý: - Biểu cảm về sự việc (trong đời sống hoặc trong tác phẩm văn học) là trình bày những tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ, thái độ...về sự việc ấy. Vì vậy cảm xúc phải hết sức chân thành, trong sáng, mang tính nhân văn. - Có thể trình bày tình cảm, cảm xúc đối với sự việc đó bằng cách trực tiếp dùng những từ ngữ, câu văn...hoặc gián tiếp qua yếu tố miêu tả... - Trong bài viết có thể sử dụng kết hợp yếu tố miêu tả, suy nghĩ, đánh giá...nhưng không được lạm dụng làm mất đi bản chất của bài viết là biểu cảm. - Khi biểu cảm về sự việc thì phải sắp xếp các sự việc theo một trình tự hợp lí, tránh biểu cảm theo cảm xúc ngẫu hứng làm cho người đọc,
--	---

	người nghe khó hình dung ra trình tự sự việc. - Sự việc biểu cảm có thể là sự việc em được tham gia, chứng kiến hoặc biết qua thông tin đại chúng, sách báo hay người khác kể lại,Tuy nhiên nếu sự việc đó em trực tiếp tham gia hoặc chứng kiến thì dễ dàng bộc lộ cảm xúc hơn. Đề minh họa: <i>Trong cuộc sống, có nhiều sự việc khiến em có những tình cảm, suy nghĩ sâu sắc. Em hãy viết bài văn biểu cảm bày tỏ tình cảm, suy nghĩ của mình về một trong những sự việc có ấn tượng sâu sắc đó.</i> Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết - Lựa chọn đề tài: Ngày khai trường đầu tiên của em - Xác định mục đích làm bài: Bày tỏ tình cảm, cảm xúc của mình về ngày khai trường đầu tiên. - Thu thập tài liệu: Từ việc tham gia chứng kiến và quan sát của bản thân. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý a. Tìm ý: - Đối tượng biểu cảm là sự việc gì? (ngày khai trường đầu tiên) - Ngày khai trường nào? Ở đâu? - Diễn biến của ngày khai trường đầu tiên đó. (Theo trình tự) -Để thể hiện tình cảm, cảm xúc, suy nghĩ, thái độ của mình, em dự định sẽ chọn cách biểu cảm nào (trực tiếp hay gián tiếp). b. Lập dàn ý *Mở bài: Cảm nghĩ chung về ngày khai trường đầu tiên: tình cờ nghe thấy bài hát “Ngày đầu tiên đi học” trên đài... *Thân bài: - Tâm trạng của em trước ngày khai trường,
--	--

những chuẩn bị cho buổi học đầu tiên: hồi hộp, lo lắng, bồn chồn, không ngủ được, xem đi xem lại sách vở, đồ dùng học tập đã được xếp gọn gàng vào túi,...

- Những cảm xúc, suy nghĩ của em trên đường đến trường, ấn tượng về cảnh tượng thiên nhiên khi đó: thấy mọi thứ dường như đổi khác (mới mẻ hơn, đẹp đẽ hơn), con đường đến trường, hàng cây, bầu trời,...

- Cảm xúc, suy nghĩ của em khi đến trường, ấn tượng về khung cảnh và không khí của ngày khai trường: sợ hãi vì sắp phải xa người thân, lo lắng “bị” cả trường nhìn vào (lúc lớp một điều hành),...

- Những cảm xúc, suy nghĩ về bạn bè, thầy cô, trường lớp: ban đầu còn bỡ ngỡ, băn khoăn; sau dần thấy thích thú vì cô giáo hiền dịu, bạn bè vô tư, nghịch ngợm,...

*** Kết bài:**

- Những cảm xúc đọng lại trong lòng em sau ngày khai trường đầu tiên.

- Ý nghĩa của những cảm xúc ấy đối với tuổi thơ của em: là những cảm xúc mong manh, đẹp đẽ ghi lại một thời vô tư đáng yêu.

Bước 3. Bài viết tham khảo

“Tuổi thơ như áng mây, rồi sẽ mãi bay về cuối trời...”, dẫu xa rồi những kỉ niệm tuổi thơ nhưng trong kí ức mỗi người, những gì đã qua lại là những gì đẹp đẽ nhất. Trong góc trời vô cùng tươi đẹp ấy của tôi luôn có một vị trí trang trọng nhất dành cho ngày đầu tiên tôi đến trường.

Buổi sáng hôm ấy, tôi được ngồi trên chiếc xe máy của bố để đến trường. Bầu trời đẹp và trong xanh, những làn gió đùa nghịch trong hương vị mát lành của mùa thu. Chẳng

Hoạt động 2: Biểu cảm về sự việc GV lưu ý Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ <i>? Nêu các bước làm đề minh họa này.</i> <i>? Đối với đề này em tìm những ý gì?</i> <i>? Xây dựng dàn ý cho đề trên.</i> <i>? Viết thành bài văn hoàn chỉnh trên dàn ý đã lập.</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ - Hs làm theo nhóm/cá nhân Bước 3. Báo cáo, thảo luận - Báo cáo kết quả học tập của cá nhân/nhóm. - GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4. Kết luận, nhận định - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.	mây chốc, cổng trường đã hiện ra, to, rộng và sừng sững ngay trước đôi mắt đầy ngạc nhiên và tò mò của tôi. Ngoài cổng trường, tôi thấy có khá nhiều những người bạn nhỏ trạc tuổi tôi, họ ngập ngừng không dám bước tiếp: đó cũng là những học sinh lớp 1. Có lẽ các bạn ấy cũng có cảm xúc giống như tôi lúc này: sợ hãi, rụt rè mà ngỡ ngàng, một cảm giác lạ lẫm ngỡ ngàng khi đứng trước cánh cổng trường. Cổng trường mở rộng dang hai cánh tay lực lưỡng, hướng về chúng tôi gọi chào. Sự thân thiện ấy như muốn xua tan đi những nỗi lo âu của những đứa trẻ lần đầu tiên đến lớp. Tôi lưỡng lự, tạm biệt bố rồi nhanh chân xếp hàng đi điều hành với các bạn. Những nỗi lo âu, sợ hãi như biến mất vào giây phút tôi cùng các bạn lớp một điều hành. Thay vào đó là một niềm hân hoan tột độ. Chúng tôi đi trong tiếng vỗ tay hoan hô và những cái vẫy chào thân ái của các anh chị lớp trên, của các thầy cô. Có lẽ đó là giờ phút đẹp đẽ và đáng nhớ nhất của tôi, giờ phút mà tôi được công nhận là học sinh lớp một. Thầy hiệu trưởng cầm dùi trống đánh ba tiếng thật to, thật cao vang xa mãi lên trời mây. Đồng loạt hàng chòm bóng bay bay lên trong muôn vàn ánh mắt dõi theo của hàng trăm học sinh chúng tôi. Tôi cứ ngẩn ngơ, ngẩn ngơ, tưởng chừng như nếu chòm bóng bay không bay được nữa chỉ dừng ở lưng chừng trời thì có lẽ tôi đứng cả buổi mà nhìn mãi! Tôi đã nghĩ rằng những chòm bóng bay kia cũng như những ước mơ của chúng tôi rồi sẽ bay cao, bay xa... Buổi khai giảng kết thúc, chúng tôi xếp hàng vào lớp. Lớp chúng tôi rộng rãi, ngăn nắp lắm, nổi bật giữa những bàn ghế, tranh ảnh
--	--

là chiếc bảng đen to và đẹp. Cô giáo chúng tôi hiền dịu bước vào lớp, nhẹ nhàng hỏi chuyện những học sinh ngồi đầu bàn. Tôi run rẩy khi đôi tay mềm mại của cô khẽ chạm lên bờ vai tôi ân cần hỏi han. Khoảnh khắc xúc động ấy là kỉ niệm tôi nhớ mãi không quên. Tôi cũng phát hiện ra rằng các bạn trong lớp mới cũng nghịch ngợm, đáng yêu và dễ gần như đám bạn hàng xóm của tôi vậy. Tôi và cô bạn cùng bàn ban đầu còn nhớn miệng cười gượng chào nhau. Nhưng chỉ một lát sau là ào ào kể cho nhau nghe về những trò chơi ở nhà chúng tôi hay chơi. Tôi nhìn sang xung quanh: cả lớp tôi cũng đang bắt đầu “kết bạn” với nhau một cách ầm ĩ như vậy!

Tôi không thể nào quên những cảm xúc kì lạ ngày khai trường lần tiên của mình. Trước mắt tôi sẽ còn biết bao ngày khai trường nữa nhưng tôi hiểu rằng những băn khoăn, hồi hộp, thích thú của ngày khai trường đầu tiên không bao giờ lặp lại nữa. Tôi lưu giữ những cảm xúc rưng rưng ấy như gìn giữ những gì quý báu nhất của đời mình.

Bước 4: Chỉnh sửa

Rà soát, chỉnh sửa bài viết theo những gợi ý trong bảng kiểm ở phần hướng dẫn chung.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ - GV yêu cầu HS: Viết bài văn biểu cảm về ngày Tết cổ truyền của dân tộc ta..	Đề 1. Viết bài văn biểu cảm về ngày Tết cổ truyền của dân tộc ta. *Mở bài: Giới thiệu ngày Tết cổ truyền dân tộc và ấn tượng chung.

? Xây dựng dàn ý cho đề văn trên. ? Viết thành bài văn hoàn chỉnh dựa trên dàn ý. Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hành viết đoạn văn, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý Bước 3. Báo cáo, thảo luận: - Chia sẻ bài làm của cá nhân. Bước 4. Kết luận, nhận định: - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.	Mỗi chúng ta, ai cũng từng trải qua không khí đón Tết cổ truyền dân tộc. Và tôi cũng vậy, ngày Tết cổ truyền luôn là ngày tôi chờ đợi, háo hức nhất trong một năm. *Thân bài *Biểu cảm về đặc điểm của Tết cổ truyền: - Tết cổ truyền là một niềm vui, một sự khởi đầu. Nguyên: sự bắt đầu, “đán”: buổi ban mai=> Nguyên đán: sự khởi đầu của một năm mới. - Biểu cảm về cảnh vật thiên nhiên: + Không khí, đất trời, nắng, gió, mây?... + Hoa: đào, mai, quất,... - Biểu cảm về nếp sống của dân tộc khi đón Tết + Mọi người trang hoàng nhà, mua sắm Tết + Không khí đường phố... *Biểu cảm về ý nghĩa của ngày Tết - Tết mang những nét đẹp về văn hóa truyền thống, về phong tục tập quán rất đặc trưng của dân tộc Việt Nam. Tết Nguyên Đán bắt nguồn từ Trung Quốc nhưng về đến Việt Nam thì nó đã có những nét riêng mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam. + Mâm ngũ quả: tượng trưng cho sự sinh sôi, phát triển, đùm bọc lẫn nhau + Bánh chưng xanh: quý trọng nghề nông, lòng biết ơn... + Tất niên: gia đình làm lễ cúng cuối năm. + Giao thừa: thời khắc chuyển từ năm cũ sang năm mới rất được xem trọng. + Xông đất: người đầu tiên bước vào nhà để mang đến tài lộc cho chủ nhà. + Xuất hành: theo quan niệm người xưa xuất hành đúng hướng sẽ mang lại tài lộc, may mắn. + Chúc Tết người thân, bạn bè: nét đẹp trong
--	---

truyền thống văn hóa.

+ Mừng tuổi: ông bà mừng tuổi cho các cháu bé, ngược lại con cái mừng tuổi cho bố mẹ, ông bà.

+ Khai bút đầu xuân: với mong muốn đỗ đạt cao trong học tập và làm ăn phát tài.

+ Hái lộc: mong những điều hạnh phúc, lộc tài dồi dào.

***Biểu cảm về tình cảm của em với Tết**

- Tết trong tôi là những đêm cùng mẹ nấu bánh chưng, bánh tét...->Phong tục này có từ thời Vua Hùng thể hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn, nhớ công sinh thành dưỡng dục của cha mẹ.

- Tết trong tôi là những lần cùng bố mẹ và em gái hồi hộp trong khoảnh khắc đón giao thừa.

- Tết trong tôi là bữa cơm gia đình sum họp chiều 30 Tết ở nhà nội....

- Tết trong tôi là những lần cùng bạn vào chùa hái lộc, thắp hương, cầu mong năm mới an lành, hạnh phúc.

- Tết đến xuân về đồng nghĩa với việc mỗi người thêm một tuổi và mỗi lúc ấy tôi chợt nhận ra ông bà cha mẹ của mình ngày một già đi....

-> Tôi luôn trân trọng những cái Tết sum vầy đông đủ cả gia đình.

***Kết bài:** Khẳng định lại tình cảm, suy nghĩ của em về ngày Tết cổ truyền

Có thể viết kết bài như sau:

Tết là một phần kí ức tuổi thơ tôi, đã ngấm vào máu thịt tôi từ lúc nào không hay. Tôi yêu Tết Nguyên Đán, yêu cái Tết cổ truyền của dân tộc tôi. Nó luôn đem đến cho con người những khởi đầu mới, những mới mẻ để con người cùng nhau khám phá. Và hơn thế

nữa, chúc cho tất cả mọi người đón một năm mới thật vui vẻ và hạnh phúc bên những người thân yêu, những người quan trọng với chúng ta.

Tham khảo bài văn mẫu của học sinh

Không biết từ bao giờ, với mỗi người dân Việt Nam, ngày Tết cổ truyền có một giá trị truyền thống tinh thần rất lớn. Giá trị đó ẩn sâu trong đời sống tâm hồn của mỗi người, trong gia đình và cả cộng đồng. Tết đến Xuân về không chỉ là niềm khao khát của biết bao đứa trẻ để được xúng xính quần áo mới, được ăn bánh mứt và nhất là được nhận lì xì, mà nó còn mang một ý nghĩa vô cùng sâu sắc.

Tết là dịp để người ta tiễn biệt những cái cũ đi, những điều buồn, điều không may mắn sẽ đi theo cùng năm cũ để đón một năm mới về sẽ mang lại những niềm hy vọng mới. Ngày tết, người sắm sửa, trang hoàng nhà cửa thật tươi tắn, trang trọng, đẹp đẽ, gói bánh chưng, làm mâm cỗ thờ cúng tổ tiên, tưởng niệm công đức của các bậc tiền nhân.

Ngày nay, phong tục gói bánh chưng ngày càng ít hơn ở những gia đình nơi thành phố nhưng khắp các miền quê, tập tục ấy vẫn còn được gìn giữ sâu đậm lẫn. Nhưng với những ai từng tự tay mình gói nên chiếc bánh chưng, thức đêm cạnh nồi bánh với bếp lửa hồng, uống vài ly rượu với người thân, kể chuyện làm ăn của một năm, ôn lại kỷ niệm vui buồn, chắc hẳn sẽ không bao giờ quên được.

Tết cổ truyền của người Việt Nam không chỉ thể hiện sự giao cảm giữa trời đất và con người trong quan niệm của người phương Đông, mà thiêng liêng hơn cả đó chính là ngày đoàn viên của mọi gia đình.

Năm nào cũng thế, ngày 30 tết, cả nhà nhau cùng nhau hoàn tất mọi việc, sẵn sàng đón tết. Bà và mẹ lo nấu nướng các món ăn còn tôi cùng ba và anh hai tất bật trang trí cây mai thật đẹp. Ba nói [cây mai trong ngày tết cổ truyền dân](#) tộc mang ý nghĩa quan trọng lắm. Cây mai vàng rực rỡ sẽ mang đến tài lộc và sự an lành cho gia chủ. Thiếu một cành mai vàng trong ba ngày tết là thiếu cả mùa xuân.

Đêm 30, ba hướng dẫn chúng tôi gói bánh chưng. Bên bếp lửa hồng, ba bày biện đủ thứ gạo nếp, thịt heo, đậu xanh, lá dong, lạt buộc,... Ba vừa làm, vừa chỉ cho chúng tôi tỉ mỉ từ cách đặt lá sao cho đều, đổ gạo nếp sao cho vừa, đặt nhân sao cho khéo, gói lá sao cho vuông, buộc lạt sao cho chặt để bánh được ngon và đẹp nhất. Lần đầu tập gói bánh, tôi và anh vụng về, sản phẩm làm ra cái méo, cái lệch trong hết sức buồn cười.

Trong lúc tôi cùng với anh hai ngồi đợi nồi bánh chín thì ba mẹ tôi và ông bà đi dọn dẹp lại nhà cửa một lần nữa cho thật sạch sẽ, gọn gàng và khang trang để đón giao thừa. Trên bàn thờ, ông đã dựng sẵn một cành đào hồng tươi thắm. Nhang, đèn, hoa quả cũng đã được trưng bày đầy đủ. Chỉ còn thiếu cặp bánh chưng ở hai bên khay đèn. Nhìn bàn thờ tổ tiên ngày tết, thật mới thấu hiểu hết tinh thần trọng tình nghĩa của dân tộc ta và lòng biết ơn sâu sắc của cháu con đối với các bậc tiền nhân.

Khi đồng hồ điểm mười hai giờ, những màn pháo hoa khắp nơi nổ ra những bông pháo hoa bay vút lên cao rồi tỏa sáng trong bóng đêm. Cả gia đình tôi cùng ngắm những chùm pháo hoa to, rực rỡ đang biểu diễn những màn múa tuyệt đẹp trên bầu trời. Sau khi màn pháo

hoa kết thúc, là lúc nôi bánh chưng cũng chín, mẹ cùng với bà lấy những chiếc bánh ấy xếp một lượt lên trên bàn ăn, để nguội rồi lấy vật nặng đè lên trên để chiếc bánh vuông vức đẹp mắt. Trong khoảnh khắc trọng đại ấy, tâm trạng của cả nhà ai nấy đều náo nức, rôm rả nói chuyện của ngày mai.

Tết thật sự là những ngày trọng đại và thiêng liêng nhất trong năm. Nó là dịp để cả gia đình có điều kiện sum vầy, vui vẻ bên nhau, là dịp cho mọi người diện những bộ quần áo mới, là khi khép lại mọi buồn phiền không may mắn ở năm cũ, để chào đón một năm mới an lành, tốt đẹp hơn. Mỗi năm một lần, ngày tết cổ truyền dân tộc để lại trong tôi những kỷ niệm đẹp không bao giờ phai mờ.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 4:

CHUYÊN ĐỀ 3: VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC

(Dùng chung 3 bộ sách)

Thời lượng: 3 tiết

I.MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Biết viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài văn về phân tích đặc điểm nhân vật

- Năng lực tiếp thu tri thức , nắm được các yêu cầu khi phân tích một nhân vật trong tác phẩm văn học.

3. Phẩm chất:

- Nghiêm túc trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- KHBD; STK

2. Chuẩn bị của học sinh: Xem lại bài học, đọc lại các văn bản truyện đã học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU/ KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS chia sẻ

c. Sản phẩm: Hs hoàn thành bài tập theo yêu cầu của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV nêu câu hỏi: *Trong các văn bản đã học, nhân vật nào để lại trong em ấn tượng sâu sắc nhất? Vì sao?*

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập để trình bày trước lớp.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã chia sẻ.
- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Nhân vật văn học là linh hồn của tác phẩm. Tác giả thông qua nhân vật – đưa con tinh thần của mình mà truyền tải mọi thông điệp mong muốn đến với người đọc, người nghe. Với dạng bài yêu cầu phân tích nhân vật thì nhiệm vụ của chúng ta là làm sáng tỏ những đặc điểm của nhân vật đó đồng thời thể hiện được “ý đồ” mà tác giả muốn gửi gắm khi xây dựng nhân vật ấy. Bài học hôm nay sẽ giúp các em nắm được các kỹ năng phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học.*

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu:

- Nắm được nhân vật văn học là gì? Có thể chia nhân vật văn học ra thành những loại nào? Nhân vật văn học thường thể hiện qua các phương diện nào?
- Thế nào là phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học?
- Nắm được yêu cầu khi làm bài văn phân tích nhân vật trong tác phẩm văn học.

- Phân tích được bài viết và nắm được những điều cần lưu ý khi viết bài văn phân tích nhân vật trong tác phẩm văn học.

- Nắm được các kĩ năng viết bài văn phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

c. Sản phẩm học tập:

- HS trả lời các yêu cầu khi làm bài văn phân tích nhân vật trong tác phẩm văn học.

- HS áp dụng các yêu cầu để phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Hoạt động 1: Tìm hiểu chung về bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học NV 1 : Nhân vật văn học Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập ? Nhân vật văn học là gì? ? Có thể chia nhân vật văn học thành những kiểu loại nào? ? Nhân vật văn học thường được thể hiện qua các phương diện nào ? Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và hoàn thành yêu cầu. Bước 3: Báo cáo và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	I. Tìm hiểu chung về bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học 1. Nhân vật văn học : - Nhân vật văn học là con người cụ thể được miêu tả trong tác phẩm văn học. - Nhân vật văn học có thể có tên riêng nhưng cũng có thể không có tên riêng. - Nhân vật văn học thường thể hiện quan niệm nghệ thuật và lí tưởng thẩm mĩ của nhà văn về con người. Vì thế nhân vật luôn gắn chặt với chủ đề tác phẩm. * Từ những góc độ khác nhau, có thể chia nhân vật văn học thành nhiều kiểu loại khác nhau : - Dựa vào đặc điểm, tính cách, việc truyền đạt ý tưởng của nhà văn : có thể chia nhân vật văn học thành nhân vật chính diện và nhân vật phản diện. - Dựa vào vị trí đối với nội dung cụ thể, với cốt truyện của tác phẩm, nhân vật văn học được chia thành nhân vật chính và nhân vật phụ. - Dựa vào thể loại văn học ta có nhân vật tự sự, nhân vật trữ tình, nhân vật kịch. - Dựa vào cấu trúc hình tượng, nhân vật được chia thành nhân vật chức năng, nhân vật loại hình, nhân vật tính cách, nhân vật tư tưởng. * Nhân vật văn học thường được thể hiện qua

các phương diện sau :

- **Lai lịch :** Đây là phương diện đầu tiên góp phần hình thành đặc điểm tính cách nhân vật. Nhưng không phải tác phẩm nào cũng chú ý tới lai lịch nhân vật . Ta chỉ chú ý tới lai lịch nhân vật khi đó là một dụng ý của nhà văn trong việc khắc họa số phận và tính cách nhân vật mà thôi.

- **Ngoại hình :** thể hiện qua việc miêu tả về thân hình, gương mặt, ánh mắt, làn da, mái tóc, trang phục, tướng mạo,... Qua ngoại hình, nhà văn gửi gắm những chiêm nghiệm về con người và cuộc đời. Việc miêu tả ngoại hình nhân vật thường hướng tới việc thể hiện nội tâm, tính cách nhân vật.

- **Nội tâm :** là thế giới bên trong nhân vật, bao gồm cảm giác, cảm xúc, tình cảm, tâm lí, suy nghĩ,... của con người. Ngòi bút của nhà văn có thể miêu tả được thế giới nội tâm của con người nhân vật rất sâu kín, phong phú, phức tạp. Qua đó có thể xét đoán được tính cách nhân vật.

- **Ngôn ngữ :** ngôn ngữ của nhân vật là lời nói (đối thoại, độc thoại) của nhân vật trong các tác phẩm. Thông thường con người làm sao thì lời ăn tiếng nói làm vậy. Ngôn ngữ của nhân vật góp phần thể hiện tính cách nhân vật trong tác phẩm.

- **Hành vi :** là những cử chỉ, thái độ, hành động, là cung cách ứng xử, là cách đối nhân xử thế của nhân vật trước những tình huống cụ thể, khác nhau của cuộc sống. Qua hành vi ta có thể xét đoán được tính cách của nhân vật.

Như vậy qua việc miêu tả ngoại hình, nội tâm, ngôn ngữ, hành vi.. của tác giả về nhân vật, ta nắm bắt được tính cách của nhân vật, số phận của nhân vật. Từ đó ta có cơ sở để tổng hợp lại và rút ra nhận xét, đánh giá chung về nhân vật.

Lưu ý : Không phải nhân vật nào cũng

NV 2 : Thế nào là phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập <i>? Trong đoạn trích trên, người viết giới thiệu các đặc điểm của nhân vật như thế nào?</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe câu hỏi, thảo luận bàn và hoàn thành yêu cầu. Bước 3: Báo cáo và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	được thể hiện đầy đủ các phương diện trên. Vì vậy khi phân tích nhân vật cần căn cứ vào từng nhân vật cụ thể để nêu đặc điểm và phân tích cho đúng theo yêu cầu đề ra. 2. Thế nào là phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học ? Phân tích đặc điểm nhân vật là giới thiệu, miêu tả và nêu lên nhận xét về những nét tiêu biểu của một nhân vật trong tác phẩm như lai lịch, hình dáng, suy nghĩ, lời nói, hành động, việc làm,... Ví dụ đoạn văn sau đây <i>«Ông Hai bán răn-tía An nuôi-trốn tù, đón vợ rồi bỏ vào rừng U Minh. Một con thuyền nhỏ, hai vợ chồng, thằng con trai và con chó Luốc đi lang thang kiếm sống bằng đủ thứ nghề : câu răn, lấy mật, săn cá sấu,...Gương mặt ông khoáng đạt, rất dễ mến. Làn da mặt như người trẻ, chỉ ở đôi khóe mắt và trên vầng trán cao là có xếp mấy đường nhăn...Đôi mắt to, sáng quắc, núp dưới cặp chân mày rậm đen...Mấy nét thôi, nhưng hiện ra cái vẻ phóng khoáng, tự tin của một đời sống tự do và từng trải. »</i> (Theo Bùi Hồng)
NV 3: Những yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập <i>? Những yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học.</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe câu hỏi, thảo luận bàn và hoàn thành yêu cầu. Bước 3: Báo cáo và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận	Trong đoạn trích trên, người viết vừa giới thiệu được các đặc điểm của nhân vật (lai lịch, xuất thân, hình dáng, hành động, việc làm,...) vừa kết hợp nêu lên các nhận xét về nhân vật ấy (Gương mặt ông khoáng đạt, rất dễ mến. », « Mấy nét thôi, nhưng hiện ra cái vẻ phóng khoáng, tự tin của một đời sống tự do và từng trải. ») 3. Những yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học : - Giới thiệu được nhân vật trong tác phẩm văn học. - Chỉ ra được đặc điểm của nhân vật dựa trên các

xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. NV 4: Các dạng đề phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập ? Các dạng đề phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học là những dạng đề nào? Ví dụ minh họa. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe câu hỏi, thảo luận bàn và hoàn thành yêu cầu. Bước 3: Báo cáo và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. NV 5: Phạm vi ra đề Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập ? Đối với kiểu bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học của chương trình lớp 7 thì yêu cầu của đề có thể là gì? Ví dụ.	bằng chứng trong tác phẩm. - Nhận xét được nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn. - Nêu được ý nghĩa của hình tượng nhân vật, vai trò hoặc sự ảnh hưởng của nhân vật đối với bản thân và mọi người. 4. Các dạng đề phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học : a. Dạng đề cụ thể : là dạng đề phân tích hoàn chỉnh đặc điểm một nhân vật hoặc chỉ phân tích một vài đặc điểm nhân vật trong một đoạn trích của tác phẩm văn học cụ thể. Lưu ý : Với dạng đề này, học sinh căn cứ vào những đặc điểm của một nhân vật cụ thể được thể hiện trong tác phẩm hoặc đoạn trích để phân tích. Ví dụ 1 : Phân tích nhân vật Dế Mèn qua đoạn trích « Bài học đường đời đầu tiên » của Tô Hoài. (Đoạn trích này có cả ở 3 bộ sách) => Đề yêu cầu phân tích toàn bộ nhân vật. Ví dụ 2 : Phân tích diễn biến tâm trạng của Giôn-xi qua truyện ngắn « Chiếc lá cuối cùng » của O.Hen-ri. => Đề yêu cầu phân tích một khía cạnh của nhân vật. b. Dạng đề mở : là dạng đề chỉ nêu yêu cầu phân tích đặc điểm nhân vật yêu thích trong một tác phẩm mà không yêu cầu phân tích nhân vật nào, tác phẩm nào. Lưu ý : Với dạng đề này, học sinh có thể tùy ý lựa chọn một nhân vật mà mình yêu thích trong
--	--

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe câu hỏi, thảo luận bàn và hoàn thành yêu cầu. Bước 3: Báo cáo và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Dự kiến sản phẩm Đối với kiểu bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học của chương trình lớp 7 thì yêu cầu của đề có thể : - Phân tích nhân vật trong đoạn trích, trích từ tác phẩm văn học đã được học, được đọc ở các bộ sách hiện hành. - Phân tích đặc điểm một nhân vật hoặc một vài đặc điểm của nhân vật trong một đoạn trích của một tác phẩm ngoài chương trình sách giáo khoa hiện hành. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức ➔ Ghi lên bảng. Hoạt động 2: Phương pháp viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học NV 1. Phương pháp chung Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập ? <i>Nêu tên các bước viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học?</i> ? <i>Chuẩn bị trước khi viết em làm những gì ?</i> ? <i>Tìm ý và lập dàn ý cho kiểu bài này.</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học	một tác phẩm văn học đã được học hoặc được đọc nhưng phải là nhân vật mà người viết yêu thích, ấn tượng nhất. Ví dụ : Em đã được đọc và học rất nhiều nhân vật, hãy viết bài văn phân tích một nhân vật văn học mà em yêu thích, ấn tượng nhất. 5. Phạm vi đề ra Đối với kiểu bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học của chương trình lớp 7 thì yêu cầu của đề có thể : - Phân tích nhân vật trong đoạn trích, trích từ tác phẩm văn học đã được học, được đọc ở các bộ sách hiện hành. - Phân tích đặc điểm một nhân vật hoặc một vài đặc điểm của nhân vật trong một đoạn trích của một tác phẩm ngoài chương trình sách giáo khoa hiện hành. Ví dụ 1 : Viết bài văn phân tích nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích « <i>Người đàn ông cô độc giữa rừng</i> » (Trích Tiểu thuyết « <i>Đất rừng phương Nam</i> » của nhà văn Đoàn Giỏi. (Bộ Cánh diều) Ví dụ 2 : Viết bài văn phân tích nhân vật Mên/Mon trong truyện ngắn « <i>Bầy chim chìa vôi</i> » của Nguyễn Quang Thiều. (Bộ Kết nối) Ví dụ 3 : Viết bài văn phân tích nhân vật người thầy trong tác phẩm « <i>Người thầy đầu tiên</i> » của Ai-tơ-ma-top.(Bộ Kết nối) Ví dụ 4 : Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật cụ Bơ-men trong truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng của O.Hen-ri. (Bộ Chân trời) II. Phương pháp viết bài văn phân tích đặc
--	--

tập - HS nghe câu hỏi, thảo luận bàn và hoàn thành yêu cầu. Bước 3: Báo cáo và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. GV có thể giới thiệu những cách mở bài và kết bài cho đề văn này và cho HS tham khảo các đoạn văn.	điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học 1.Phương pháp chung Bước 1 : Chuẩn bị trước khi viết -Xác định đề tài : Đề tài là nhân vật yêu thích trong một tác phẩm văn học đã học, đã đọc hoặc nhân vật được yêu cầu trong đề bài. -Xác định mục đích làm bài : Phân tích nhân vật để làm rõ những đặc điểm đáng chú ý, cuốn hút của nhân vật. Thuyết phục người đọc đồng tình với ý kiến của mình về một nhân vật văn học. - Thu thập tài liệu : Ngoài những nhân vật đã được học trong các văn bản sách giáo khoa, có thể tìm đọc các truyện ngắn viết cho thiếu nhi để mở rộng sự hiểu biết đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học ngoài sách giáo khoa. Khi chọn được nhân vật cần phân tích đặc điểm, học sinh đọc lại truyện một lần nữa và chú ý những chi tiết liên quan đến nhân vật như ngoại hình, lời nói, hành động, suy nghĩ, mối quan hệ với các nhân vật khác. Bước 2 : Tìm ý và lập dàn ý a.Tìm ý - Nhân vật em phân tích là nhân vật nào ? Trong tác phẩm nào ? Của ai ? Nhân vật ấy là người như thế nào ? - Nhân vật ấy có những đặc điểm nào nổi bật ? (Về ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, nội tâm). Những đặc điểm đó cho thấy điều gì về phẩm chất, tính cách của nhân vật ? - Mối quan hệ của nhân vật ấy với các nhân vật khác như thế nào ? - Người kể chuyện nhận xét gì về nhân vật ? - Em có nhận xét gì về nghệ thuật xây dựng nhân vật của nhà văn ? - Nêu ý nghĩa của hình tượng nhân vật. b. Lập dàn ý
---	--

***Mở bài :**

- Giới thiệu tác phẩm văn học và nhân vật cần phân tích

- Khái quát ấn tượng về nhân vật.

Ví dụ với đề bài : Phân tích nhân vật Dế Mèn qua đoạn trích « Bài học đường đời đầu tiên » của nhà văn Tô Hoài (Đoạn trích có ở 3 bộ sách giáo khoa hiện ngữ văn 6 hành)

Ta có thể có nhiều cách mở bài khác nhau nên khi viết cần linh hoạt vận dụng

Cách 1 : Triển khai từ tác giả : Thực hiện 4 thao tác (TT) sau :

- **TT1 :**Giới thiệu tác giả (thời kì trưởng thành, những đóng góp nổi bật,...)

- **TT2 :** Giới thiệu phong cách của tác giả (Chủ đề, đề tài chủ yếu trong sáng tác ; giọng điệu, ngôn từ ; cách nhìn nhận, khám phá cuộc sống độc đáo như thế nào ?...)

- **TT3 :** Giới thiệu tác phẩm (xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác,..)

- **TT4 :** Dẫn vào nhân vật cần nghị luận (theo yêu cầu của đề) và nêu ấn tượng về nhân vật.

Mở bài tham khảo 1 :

TT1 →Tô Hoài là một trong những cây bút xuất sắc của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam.

TT2 →Ông là người có vốn sống phong phú, có lối viết trần thuật hóm hỉnh, sinh động.

TT3 →Một trong những tác phẩm tiêu biểu của ông là « Dế Mèn phiêu lưu kí » ra đời 1941. Đây là tác phẩm viết cho thiếu nhi-một tác phẩm xuất sắc của nhà văn Tô Hoài. Và đoạn trích “*Bài học đường đời đầu tiên*” là đoạn trích hấp dẫn, đặc sắc trong tác phẩm này. **TT4 →**Đoạn trích đã khắc họa rõ nét nhân vật Dế Mèn cùng bài học đầu tiên mà Dế Mèn nhận được trên đường đời.

Mở bài tham khảo 2 :

TT1 → Tô Hoài được mệnh danh là nhà văn của thiếu nhi. **TT2** → Với những áng văn sinh động, hấp dẫn đã biết bao thập kỷ qua, những tác phẩm của ông đã trở thành món ăn tinh thần của trẻ nhỏ. **TT3** → Và hẳn ai cũng biết đến “Dế Mèn phiêu lưu kí” - một tác phẩm xuất sắc của Tô Hoài. Đoạn trích “Bài học đường đời đầu tiên” là đoạn trích hấp dẫn, đặc sắc trong tác phẩm này. **TT4** → Đoạn trích đã khắc họa rõ nét nhân vật Dế Mèn cùng bài học đầu tiên mà Dế Mèn nhận được trên đường đời.

Cách 2 : Triển khai từ thể loại : Thực hiện 2 thao tác sau :

- **TT1** : Khái quát đặc trưng thể loại của tác phẩm mà đề yêu cầu nghị luận về nhân vật trong tác phẩm đó.

- **TT2** : Dựa vào đặc trưng thể loại để giải mã nghệ thuật trong tác phẩm rồi dẫn vào nhân vật trong tác phẩm cần nghị luận.

Mở bài tham khảo : TT1 → Truyện đồng thoại là thể loại văn học dành cho thiếu nhi. Nhân vật truyện đồng thoại thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân hóa. Chúng vừa phản ánh đặc điểm sinh hoạt của loài vật vừa thể hiện đặc điểm của con người. « Dế Mèn phiêu lưu kí » là một trong những truyện đồng thoại đặc sắc của nhà văn Tô Hoài. **TT2** → Đến với đoạn trích « Bài học đường đời đầu tiên » trích từ tác phẩm ấy, chúng ta sẽ có dịp gặp gỡ nhân vật chính Dế Mèn được nhà văn xây dựng một cách chân thực, sinh động với những nét tính cách tinh nghịch, đáng yêu cùng với đó là câu chuyện về bài học đường đời đầu tiên của nhân vật này.

Cách 3 : Triển khai từ nhân vật : Thực hiện 2 thao tác sau :

-**TT1** : Khái quát về đặc điểm, chức năng của

nhân vật trong văn học hoặc trong thời đại, giai đoạn văn học mà nhân vật ấy được xây dựng, phản ánh trong tác phẩm.

-TT2 : Dẫn vào tác phẩm và nêu ấn tượng về nhân vật mà đề bài yêu cầu nghị luận.

Đề : Phân tích diễn biến tâm trạng nhân vật cậu bé Hồng trong đoạn trích « Trong lòng mẹ » của nhà văn Nguyên Hồng (Ngữ văn 6 bộ Cánh diều)

Mở bài tham khảo : TT1 → Trước những năm 1945, tầng lớp người lao động nghèo thấp cổ bé họng bị chèn ép, bị đẩy dọa đến cùng cực khiến cuộc sống của họ vô cùng bế tắc và tuyệt vọng. Tuy nhiên, họ vẫn giữ cho mình một thiên lương trong sáng với những phẩm chất tốt đẹp rất đáng trân trọng. Chính vì vậy, họ đã trở thành đối tượng chính được phản ánh trong các tác phẩm văn học. Hơn ai hết, Nguyên Hồng là người được mệnh danh là « nhà văn của những người cùng khổ » hay « nhà văn của phụ nữ và trẻ em ».

TT2 → Một trong những tác phẩm nổi tiếng của nhà văn là tập hồi kí « Những ngày thơ ấu » trong đó đoạn trích « Trong lòng mẹ » đã gây xúc động cho độc giả về một cậu bé Hồng sinh ra trong một gia đình bất hạnh với một tuổi thơ cay đắng nhưng vẫn ngùn ngụt tình yêu thương mẹ sâu sắc.

***Thân bài :**

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm (nếu sử dụng cách mở bài : triển khai từ thể loại hay triển khai từ nhân vật)

- Lần lượt phân tích các đặc điểm của nhân vật theo yêu cầu của đề dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm (Người đọc lần lượt đưa ra ý kiến của mình để khẳng định về các đặc điểm của nhân vật như : lai lịch, ngoại hình, ngôn ngữ, hành động, suy nghĩ....)

+Phân tích **đặc điểm thứ nhất** của nhân vật :

Nêu khái quát đặc điểm->Phân tích các khía cạnh.

++Khía cạnh 1 : Lí lẽ + bằng chứng

++Khía cạnh 2 : Lí lẽ + bằng chứng

++Khía cạnh n : Lí lẽ + bằng chứng

->Tiểu kết :.....

+Phân tích **đặc điểm thứ hai** của nhân vật : Nêu khái quát đặc điểm->Phân tích các khía cạnh.

++Khía cạnh 1 : Lí lẽ + bằng chứng

++Khía cạnh 2 : Lí lẽ + bằng chứng

++Khía cạnh n : Lí lẽ + bằng chứng

->Tiểu kết :.....

- Đánh giá :

+ Nghệ thuật xây dựng nhân vật : Cách sử dụng chi tiết, ngôn ngữ, biện pháp nghệ thuật.

+ Ý nghĩa của hình tượng nhân vật trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm hoặc quan niệm đời sống của tác giả.

*** Kết bài :**

- **1** ➔ Khẳng định lại ý kiến của người viết về nhân vật.

- **2** ➔ Nêu cảm nghĩ, ấn tượng về nhân vật, ý nghĩa, sự ảnh hưởng của nhân vật với con người trong thời đại đó hoặc ngày nay hay rút ra bài học cho mình và thế hệ trẻ hôm nay.

Kết bài tham khảo 1 : 1 ➔ Bằng nghệ thuật miêu tả tài tình và bút pháp so sánh điêu luyện, nhà văn Tô Hoài không chỉ cho người đọc thấy được chân dung sống động về một chàng đế khỏe mạnh cường tráng **2** ➔ mà còn để lại cho người đọc những bài học sâu sắc trong cuộc sống, đó là luôn phải biết khiêm tốn, giúp đỡ người khác và khi mắc lỗi phải biết hối cải và sửa chữa lỗi lầm.

Kết bài tham khảo 2 : 1 ➔ Nhân vật Đế Mèn là một hình ảnh đáng yêu, gần gũi với tuổi trẻ.

2 ➔ Nhìn vào Đế Mèn chúng ta thấy có mình

NV 2. Phương pháp cụ thể GV lưu ý cho hs kiểu bài này - Đối với kiểu bài này, ta áp dụng theo phương pháp chung. Song, cần lưu ý một số điểm sau: - Cần phân biệt sự khác nhau giữa kiểu bài “Phân tích đặc điểm nhân vật” với kiểu bài “Kể về nhân vật” và kiểu bài “Cảm nhận về nhân vật” hoặc “Biểu cảm về nhân vật” + Kiểu bài “Kể về nhân vật” là kiểu bài tự sự kể về nhân vật và những sự việc do nhân vật làm hoặc suy nghĩ, nói năng,... Vì vậy, kiểu bài này trọng tâm là chú ý đến nhân vật và chuỗi các sự việc là chính. Tuy có sử dụng các yếu tố	trong đó, tự nhìn nhận ra những nét chưa đẹp, những điểm còn thiếu sót để từ đó cố gắng hoàn thiện bản thân. Dế Mèn cũng dạy cho chúng ta bài học đường đời đó chính là không nên cao ngạo, hống hách, kiêu căng, làm việc gì cũng phải suy tính kỹ càng nếu không sẽ phải hối hận suốt đời. Kết bài tham khảo 3 : 1 → Khép lại trang sách cuối cùng, em vẫn không thôi nghĩ về nhân vật Dế Mèn-chàng dế cường tráng, khỏe mạnh nhưng tính tình kiêu căng xốc nổi. Rồi đây Dế Mèn sẽ tiếp tục cuộc đời của mình cùng bài học đầu tiên đã gây ra cho Dế Choắt. Khi nghĩ về điều đó, em lại cảm thấy nỗi buồn như được xoa dịu chỉ còn lại tình yêu thương ấm áp. 2 → Bởi Dế Mèn đã dạy cho em một bài học đó là trong cuộc đời không nên kiêu căng, ngạo mạn, làm việc gì cũng phải suy tính kỹ càng nếu không sẽ phải ân hận suốt đời. Bước 3: Viết bài - Dựa vào dàn ý đã lập, viết thành bài văn theo yêu cầu của đề - Tách phần thân bài thành các đoạn theo các ý chính đã dự kiến (đặc điểm thứ nhất, thứ hai,... của nhân vật) - Phân biệt kiểu bài phân tích nhân vật với kể lại nhân vật (tránh kể chuyện mà chú ý phân tích, nêu ý nghĩa của bằng chứng) - Sử dụng chi tiết bằng chứng: có thể tóm tắt hoặc trích dẫn trực tiếp. - Phân tích nhân vật một cách cụ thể, chi tiết, tránh nhận xét, đánh giá nhân vật một cách chung chung. Lưu ý: - Các ý kiến, lí lẽ và bằng chứng mà người viết đưa ra phải căn cứ vào tác phẩm và phải được
---	--

nhận xét, đánh giá, suy nghĩ...của người viết nhưng rất ít. + Kiểu bài “Biểu cảm về nhân vật” là kiểu bài có mục đích bày tỏ tình cảm, cảm xúc về nhân vật là chính. Mặc dù muốn thể hiện tình cảm, cảm xúc cũng phải dựa vào những đặc điểm của nhân vật nhưng những đặc điểm của nhân vật chỉ làm cơ sở cho biểu cảm mà không đi sâu phân tích đặc điểm nhân vật. Trong bài viết có sử dụng các yếu tố tự sự, miêu tả nhưng các yếu tố này chỉ làm cơ sở khơi nguồn cho bộc lộ cảm xúc. Việc sử dụng các yếu tố nhận xét, đánh giá cũng không được lạm dụng làm mất đi mục đích chính là biểu cảm... + Hai kiểu bài “Phân tích đặc điểm nhân vật” và “Cảm nhận về nhân vật” đều là kiểu bài nghị luận văn học nhưng cũng có những điểm khác nhau: • Kiểu bài “Cảm nhận về nhân vật” là kiểu bài nghị luận văn học tổng hợp về nhân vật nên yêu cầu về kiến thức, kĩ năng cao hơn. Đồng thời sử dụng các yếu tố tự sự, biểu cảm, miêu tả, lí lẽ, dẫn chứng, nhận xét, đánh giá, bình luận, so sánh đối chiếu...cũng thành thạo và nghệ thuật hơn. • Kiểu bài “Phân tích đặc điểm nhân vật” chỉ cần tìm ra được đặc điểm nhân vật và đưa ra những lí lẽ dẫn chứng để làm sáng tỏ cho đặc điểm đó, tuy có sử dụng các yếu tố khác như nói ở trên nhưng ở mức độ thấp hơn. Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập	sắp xếp theo một trình tự hợp lí. - Bằng chứng có thể là: + Lời người kể chuyện nhận xét trực tiếp về nhân vật. + Những nhận xét của các nhân vật khác về nhân vật đang được phân tích. + Đặc điểm của nhân vật được nhà văn thể hiện gián tiếp qua: • Các chi tiết miêu tả ngoại hình, hành động, ngôn ngữ, thế giới nội tâm,...Các chi tiết này cũng hé lộ tính cách nhân vật. • Mỗi quan hệ với các nhân vật khác: thái độ, lời nói, hành động,...của nhân vật với các nhân vật khác trong tác phẩm. - Mỗi nhân vật được nhà văn xây dựng theo một phương thức riêng. Có nhân vật thiên về hành động. (các nhân vật trong truyện cổ tích, truyền thuyết), có nhân vật thiên về diễn biến tâm trạng (nhân vật bé Hồng trong đoạn trích “Trong lòng mẹ” của nhà văn Nguyên Hồng, nhân vật Dế Mèn trong đoạn trích “Bài học đường đời đầu tiên” của nhà văn Tô Hoài,..). Bởi vậy khi phân tích nhân vật không nhất thiết phải phân tích hết tất cả các đặc điểm của nhân vật được nói đến ở mục I.1) - Trong quá trình phân tích có thể so sánh với các nhân vật khác để làm nổi bật vấn đề. Tuy nhiên nên so sánh các nhân vật có điểm tương đồng hoặc cùng thời kì, cùng chủ đề. - Quá trình phân tích nhân vật cần gắn với sự cảm thụ, đánh giá bút pháp nghệ thuật miêu tả của nhà văn. - Phân tích nhân vật không nên hiểu là một thao tác nghị luận (chỉ ra các đặc điểm của nhân vật) mà bao hàm cả sự nhận xét, đánh giá bằng cảm thụ, suy nghĩ của mình. Bước 4: Chỉnh sửa bài viết
--	--

?Từ những truyện cổ tích đã học và đọc thêm, em hãy phân tích đặc điểm một nhân vật mà em yêu thích. - Chuẩn bị trước khi viết. - Tìm ý và lập dàn ý. - Viết bài văn hoàn chỉnh cho đề minh họa trên. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe câu hỏi, thảo luận bàn và hoàn thành yêu cầu. Bước 3: Báo cáo và thảo luận - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. GV có thể giới thiệu những cách mở bài và kết bài cho đề văn này và cho HS tham khảo các đoạn văn.	Rà soát, chỉnh sửa bài viết theo những gợi ý trong bảng (sgk) 2. Phương pháp cụ thể Đề minh họa: Từ những truyện cổ tích đã học và đọc thêm, em hãy phân tích đặc điểm một nhân vật mà em yêu thích. Hướng dẫn làm bài Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết - Lựa chọn nhân vật trong các truyện cổ tích: Lựa chọn nhân vật yêu thích nhất. - Xác định mục đích làm bài: Phân tích nhân vật để làm rõ những đặc điểm đáng chú ý, cuốn hút của nhân vật. Thuyết phục người đọc đồng tình với ý kiến của mình về một nhân vật truyện cổ tích. - Thu thập tài liệu: Khi chọn được nhân vật trong truyện cổ tích cần phân tích đặc điểm, học sinh đọc lại truyện một lần nữa và chú ý những chi tiết liên quan đến nhân vật như ngoại hình, lời nói, hành động, suy nghĩ, mối quan hệ với các nhân vật khác,... Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý a. Tìm ý: - Nhân vật cổ tích em định phân tích là nhân vật nào? Trong truyện cổ tích nào? Nhân vật ấy là người như thế nào? - Nhân vật ấy có những đặc điểm gì nổi bật? (ngoại hình, hành động, ngôn ngữ,...). Những đặc điểm đó cho thấy gì về phẩm chất, giá trị của nhân vật? - Mối quan hệ của nhân vật ấy với các nhân vật khác như thế nào? - Ý nghĩa của hình tượng nhân vật. b. Lập dàn ý: Trên cơ sở các truyện cổ tích đã học và đọc như:
--	---

Cây khế, vua chích chòe, Thạch Sanh, Sọ Dừa, Em bé thông minh, Tấm Cám,...học sinh lựa chọn một nhân vật để phân tích. Với đề bài trên nhóm biên soạn chúng tôi chọn nhân vật Thạch Sanh (có trong bộ sách Cánh diều, Kết nối hiện hành)

Dàn ý tham khảo

***Mở bài:**

- Giới thiệu nhân vật Thạch Sanh trong truyện ngắn cùng tên.
- Ấn tượng về nhân vật: Nhân vật Thạch Sanh để lại nhiều ấn tượng khó quên với người đọc bởi những đức tính tốt đẹp.

***Thân bài:**

(1) Lần lượt phân tích các đặc điểm của nhân vật Thạch Sanh dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm

- Thạch Sanh có hoàn cảnh xuất thân đặc biệt:

- + Vốn là con của Ngọc Hoàng được sai xuống đầu thai làm con vợ chồng nghèo lương thiện.
 - + Người mẹ mang thai mấy năm mới hạ sinh Thạch Sanh.
 - + Mồ côi sớm, sống cô cút, lẻ loi trong túp lều tranh dưới gốc đa, cả gia tài chỉ có chiếc búa của cha để lại, hằng ngày lên rừng kiếm củi sống qua ngày.
 - + Được các thiên thần xuống chỉ dạy võ nghệ và các phép thần thông.
- => Sự ra đời và cuộc sống của Thạch Sanh là sự kết hợp hài hòa giữa những yếu tố bình thường và những yếu tố phi thường, kì lạ; là dấu hiệu báo trước cho người đọc biết những việc làm phi thường của chàng sau này; mở ra hướng phát triển của câu chuyện, làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn hơn.

- Thạch Sanh là người chất phác, hiền lành,

chăm chỉ, sẵn sàng xả thân vì người khác, không toan tính, vụ lợi:

+ Mồ côi cha mẹ từ nhỏ nên thiếu thốn tình cảm vì thế nên khi Lý Thông ngỏ lời kết tình huynh đệ đã không đắn đo, suy nghĩ gì mà nhận lời ngay.

+ Tin tưởng Lý Thông khi hấn nhờ canh miếu thờ nhưng thực chất là đi chết thay cho hấn.

+ Khi giết được chằn tinh chặt đầu mang về thì tiếp tục bị Lý Thông lừa cướp công.

+ Cứu công chúa, chàng tiếp tục bị Lý Thông hãm hại nên bị nhốt vào hang sâu.

=> Từ những việc làm, những hành động ấy cho thấy Thạch Sanh là một người hiền lành, chất phác, sẵn sàng xả thân vì người khác, không toan tính, vụ lợi.

- Thạch Sanh là con người tài năng, quả cảm, có tấm lòng nhân hậu, khoan dung, nhân đạo, yêu chuộng hòa bình:

+ Dũng cảm, tài trí đã dùng phép lạ và búa thần diệt trừ chằn tinh, trừ hậu họa cho nhân dân.

+ Diệt đại bàng cứu công chúa và Thái tử con vua Thủy Tề.

=> Những ngày tháng đầy gian truân, thử thách là cơ hội thể hiện tài năng, lòng quả cảm của Thạch Sanh.

+ Bao lần mẹ con Lý Thông bày kế hãm hại, có lần tưởng đi vào cỏi chết nhưng Thạch Sanh vẫn rộng lòng tha thứ.

+ Thiết đãi và tha cho quân mười tám nước chư hầu.

=> Những ngày tháng đầy gian truân, thử thách là cơ hội thể hiện tài năng, lòng quả cảm của Thạch Sanh. Những việc làm trên thể hiện tấm lòng nhân hậu, bao dung, yêu chuộng hòa bình của nhân vật Thạch Sanh.

(2) Đánh giá:

- Nhân vật Thạch Sanh được tác giả dân gian tạo nên bằng cốt truyện hết sức hấp dẫn, kịch tính, tạo hai tuyến nhân vật đối lập mà Thạch Sanh là đại diện cho cái thiện.

- Nhân vật Thạch Sanh được xây dựng là sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố bình thường và phi thường, sử dụng các chi tiết thần kì khiến cho nhân vật vừa giản dị, gần gũi nhưng cũng hết sức cao quý.

- Kết thúc tác phẩm là kết thúc có hậu phản ánh mơ ước, khát vọng, quan niệm “ở hiền gặp lành” của nhân dân ta.

***Kết bài:**

- Khẳng định lại ý kiến của người viết về nhân vật : *Thạch Sanh là một con người toàn mỹ cả về tài năng lẫn nhân cách.*

- Nêu cảm nghĩ, ấn tượng về nhân vật, ý nghĩa, sự ảnh hưởng của nhân vật với con người trong thời đại đó hoặc ngày nay hay rút ra bài học cho mình và thế hệ trẻ hôm nay : *Thông qua nhân vật Thạch Sanh tác giả muốn gửi gắm niềm tin, ước mơ về chân lý cái thiện luôn luôn thắng cái ác.*

Bước 3: Viết bài

Giới thiệu nhân vật → *Đàn kêu: Ai chém chăn tinh*

Cho mày vinh hiển dự mình quyền sang?

Đàn kêu: Ai chém xà vương

Đem nàng công chúa triều đường về đây?

Nhưng câu thơ Nôm ấy khiến ta nhớ ngay đến câu chuyện cổ tích với hình ảnh chàng dũng sĩ Thạch Sanh. **Ấn tượng nhân vật →** Nhân vật ấy đã để lại trong lòng độc giả ấn tượng sâu sắc bởi những đức tính tốt đẹp.

Mở bài 2:

Giới thiệu nhân vật → Cuộc sống vốn dĩ không bao giờ bằng phẳng, trên con đường tìm

đến hạnh phúc luôn chứa đầy những khó khăn, thử thách đòi hỏi ta phải dũng cảm, kiên trì vượt qua. Truyện cổ tích Thạch Sanh là minh chứng cho điều đó. Để tìm đến được hạnh phúc, chàng đã phải đối mặt với biết bao hiểm nguy, có khi tưởng chừng như gục ngã. **Ấn tượng nhân vật** → Nhân vật Thạch Sanh đã để lại trong lòng độc giả ấn tượng tốt đẹp về một con người hoàn mĩ về nhân cách và tài năng, mang theo đó là niềm tin bất diệt của con người vào sự công bằng trong xã hội.

Thân bài

Hoàn cảnh xuất thân đặc biệt → Thạch Sanh vốn là con của Ngọc Hoàng, vì thương đôi vợ chồng nghèo đã lớn tuổi mà chưa có con nên Ngọc Hoàng sai Thạch Sanh xuống đầu thai làm con. Chàng được sinh ra hết sức đặc biệt, người mẹ mang thai vài năm mới hạ sinh Thạch Sanh và khi chàng vừa khôn lớn thì cha mẹ đã qua đời. Chàng sinh sống một mình dưới gốc đa, lấy nghề đốn củi để kiếm sống qua ngày. Thạch Sanh còn được các thiên thần xuống chỉ dạy võ nghệ và các phép thần thông. Có thể nói, sự ra đời và cuộc sống của Thạch Sanh là sự kết hợp hài hòa giữa những yếu tố bình thường với những yếu tố phi thường, kì lạ. Bình thường ở chỗ cha mẹ chàng là những người lao động nghèo, hiền lành, tốt bụng, thường giúp đỡ mọi người. Thạch Sanh sớm mồ côi cha mẹ - chàng là đại diện cho những trẻ mồ côi, một trong những lớp người khổn cùng nhất của xã hội. Để nuôi sống bản thân Thạch Sanh đã dùng tài sản duy nhất của cha để lại là chiếc rìu mang đi đốn củi, công việc của chàng hết sức bình dị, đời thường. Những nét đời thường đó khiến nhân vật gần gũi hơn với đời sống nhân

GV lưu ý: Nhân vật trong truyện cổ thường được chia thành hai tuyến: nhân vật chính diện và nhân vật phản diện. Các nhân vật này khác nhau về cảnh ngộ, phẩm chất, tài năng và kết cục số phận. Để khắc họa nhân vật và cốt truyện, tác giả dân gian rất quan tâm, chú trọng đến các hành động của nhân vật chứ không quan tâm miêu tả ngoại hình, tâm lí nhân vật. Hành động nhân vật là mấu chốt, vì thế khi phân tích nhân vật cổ tích, người viết cần chú ý tới hành động nhân vật.

dân. Nhưng ẩn đằng sau cái bình dị, đời thường đó là sự xuất thân khác thường: chàng vốn là thái tử, con Ngọc Hoàng được sai xuống trần gian đầu thai làm con của một cặp vợ chồng nghèo lương thiện, người mẹ mang thai vài năm mới sinh, chàng được các thiên thần dạy võ nghệ và phép thuật. Những điểm khác thường đó chính là dấu hiệu báo trước cho người đọc biết những việc làm phi thường của chàng sau này đồng thời mở ra hướng phát triển của câu chuyện, làm câu chuyện trở nên hấp dẫn hơn.

Những thử thách tác giả dân gian đưa ra đã thể hiện được tài năng cũng như phẩm chất cao đẹp của Thạch Sanh. **Đầu tiên ta thấy Thạch Sanh là người chất phác, hiền lành, chăm chỉ, sẵn sàng xả thân vì người khác, không toan tính, vụ lợi.** Để có được hạnh phúc, chàng đã phải trải qua bao gian truân, thử thách. Là một người mồ côi cha mẹ từ nhỏ, thiếu thốn tình thân nên khi Lí Thông ngỏ lời kết tình huynh đệ, chàng chẳng mảy may suy nghĩ mà đồng ý luôn. Trên thực tế Lí Thông không có ý tốt gì, chỉ muốn lợi dụng chàng để thực hiện ý đồ của hắn, hắn là kẻ mưu mô, xảo quyệt. Hắn nhờ chàng đi canh miếu thờ nhưng thực chất là đẩy chàng đến cái chết. Vốn hiền lành lại tin người nên Thạch Sanh đồng ý giúp Lí Thông. Trong đêm ấy, Thạch Sanh không những không bị giết mà chàng còn đánh bại chằn tinh. Lí Thông lại lừa chàng về túp lều cũ để lĩnh thưởng. Không chỉ vậy, khi Thạch Sanh cứu công chúa, Lí Thông lại hãm hại khiến chàng bị chôn vùi dưới hang sâu. Tại đây, chàng được con trai của vua Thủy Tề tặng một cây đàn thần. Chằn tinh và đại bàng bị Thạch Sanh tiêu diệt, hồn của chúng quay về báo thù khiến chàng bị giam trong ngục tối. Nhờ có tiếng đàn thần chàng đã tự giải

cứu được cho chính mình, lật tẩy bộ mặt gian xảo, độc ác của mẹ con nhà Lí Thông và giúp công chúa lấy lại được tiếng nói. Những thử thách đến với chàng ngày một nhiều hơn và khó khăn hơn nhưng cũng đồng nghĩa với chiến công của chàng ngày một vĩ đại hơn. Tất cả những việc làm, những hành động ấy của Thạch Sanh đều cho thấy chàng là một con người hiền lành, chất phác, sẵn sàng xả thân vì người khác, không mưu toan, vụ lợi.

Không chỉ vậy, Thạch Sanh còn cho thấy mình là một con người hết sức **tài năng và quả cảm**. Trước những kẻ thù hung dữ như chằn tinh hay đại bàng, chàng chẳng hề nao núng, bình tĩnh dùng trí óc, phép lạ của mình để đánh bại chúng, giải cứu cho những người bị hại. Chàng cũng là người **có tấm lòng nhân hậu, khoan dung**. Dù biết mẹ con Lí Thông đã hãm hại mình rất nhiều lần, nhưng chàng vẫn tha thứ nhưng cuối cùng chúng cũng bị trời trừng phạt. Thạch Sanh chính là hiện thân của vẻ đẹp toàn mỹ, luôn đấu tranh chống lại cái ác để đem đến một cuộc sống tốt đẹp cho mọi người. Kết thúc truyện, Thạch Sanh nên duyên với công chúa, mẹ con Lí Thông bị trừng phạt thể hiện ước mơ về công lí của nhân dân “ác giả ác báo”, “gieo nhân nào gặt quả đó”.

Không chỉ hiện thân của vẻ đẹp lí tưởng trong quá trình đấu tranh chống giặc, nhân vật Thạch Sanh còn là biểu tượng của **tấm lòng nhân đạo cao cả, lòng yêu chuộng hòa bình của mọi người dân đất Việt**. Điều này thể hiện rõ nét khi Thạch Sanh thu phục các nước chư hầu. Với tiếng đàn kì diệu được tạo nên bằng tài năng và cả tấm lòng, tiếng đàn cất lên mang theo những ước muốn, khát khao hòa bình đã cảm động đến từng

binh sĩ, khiến cho quân giặc “ *bùn rùn chân tay, không còn nghĩ gì tới việc đánh nhau nữa*”. Sau đó, chàng lại dùng niêu cơm thần để thiết đãi những kẻ thua trận. Chi tiết này vừa cho thấy tấm lòng nhân đạo, vị tha của Thạch Sanh, vừa thể hiện ước mong về cuộc sống đầy đủ no ấm của nhân dân ta. Có thể nói ở Thạch Sanh hội tụ những phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam: hiền lành, thật thà, dũng cảm, kiên cường, tấm lòng nhân hậu và yêu chuộng hòa bình.

Đánh giá ➔ Xây dựng nhân vật Thạch Sanh, các tác giả dân gian đã tạo nên một cốt truyện hấp dẫn, đầy kịch tính với hai tuyến nhân vật đối lập mà Thạch Sanh là đại diện cho cái thiện. Bên cạnh đó, nhân vật được xây dựng bởi sự kết hợp giữa yếu tố bình thường và phi thường tạo cho nhân vật một sức hút lớn vừa giản dị nhưng cũng đầy bất ngờ. Đi kèm với nhân vật luôn có sự trợ giúp của các đồ vật thần kì (đàn, niêu cơm, cung tên) làm tăng sức hấp dẫn cho câu chuyện. Kết thúc tác phẩm là kết thúc có hậu, đây là kiểu kết thúc phổ biến của truyện cổ tích. Trải qua những khó khăn, vất vả, Thạch Sanh đã dành được phần thưởng xứng đáng (lấy công chúa, lên ngôi vua), qua đó còn phản ánh mơ ước, khát vọng, quan niệm “ở hiền gặp lành” của nhân dân ta.

Kết bài

Khẳng định lại ý kiến... ➔ Tóm lại, truyện cổ tích Thạch Sanh đã dựng lên chân dung một con người toàn mỹ cả về nhân cách lẫn tài năng. Hình tượng Thạch Sanh là đại diện cho lớp người lao động cần cù, lương thiện, dũng cảm đấu tranh chống lại kẻ ác và chống quân xâm lược. **Tác dụng của nhân vật...** ➔ Thông qua hình tượng nhân vật Thạch Sanh, các tác giả dân gian muốn

	gửi gắm niềm tin về đạo lí, công bằng trong xã hội, về chân lí bất di bất dịch “ở hiền gặp lành” “Gieo nhân nào gặt quả ấy”, đồng thời cũng thể hiện tư tưởng nhân đạo và lòng yêu chuộng hòa bình của nhân dân ta. Vì thế, chúng ta cần học tập phẩm chất cao đẹp của Thạch Sanh, người dũng sĩ phi thường và giàu lòng nhân ái. Bước 4: Chỉnh sửa bài viết Rà soát, chỉnh sửa bài viết theo những gợi ý trong bảng kiểm ở phần hướng dẫn chung.
--	---

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 5:

CHUYÊN ĐỀ 3: VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC (tt)

(Dùng chung 3 bộ sách)

Thời lượng: 3 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Biết viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài văn về phân tích đặc điểm nhân vật
- Năng lực tiếp thu tri thức, nắm được các yêu cầu khi phân tích một nhân vật trong tác phẩm văn học.

3. Phẩm chất:

- Nghiêm túc trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- KHBD; STK

2. Chuẩn bị của học sinh: Xem lại bài học, đọc lại các văn bản truyện đã học.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU/ KHỞI ĐỘNG

2. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để phân tích thêm các nhân vật văn học khác.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học viết bài văn phân tích nhân vật trong một tác phẩm văn học.

c. Sản phẩm học tập: Bài văn HS viết được

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV nêu yêu cầu: Hãy lựa chọn một nhân vật trong tác phẩm mà em yêu thích và viết bài văn phân tích về nhân vật đó.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe yêu cầu và thực hiện viết bài văn theo các bước.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- Hs hoàn thành và nộp bài viết.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, tổng kết hoạt động.

Đề 1: Phân tích đặc điểm nhân vật Dế Mèn qua đoạn trích “Bài học đường đời đầu tiên” của nhà văn Tô Hoài. (3 bộ sách hiện hành 6: Kết nối, Chân trời, Cánh diều)

Dàn ý:

* Mở bài:

- Giới thiệu nhân vật Dế Mèn trong đoạn trích “Bài học đường đời đầu tiên”.
- Khái quát ấn tượng về nhân vật Dế Mèn: để lại những ấn tượng khó quên với người đọc bởi những....

* Thân bài:

(1) Lần lượt phân tích các đặc điểm của nhân vật Dế Mèn dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm

- **Phân tích ngoại hình Dế Mèn:** Dế Mèn có vẻ ngoài khỏe khoắn, cường tráng, phong thái “thanh niên”, tự tin, yêu đời và luôn tự hào về bản thân mình.

+ Càng: mắt bóng; vuốt: cứng và nhọn hoắt; cánh: áo dài chấm đuôi; đầu: to, nổi từng tảng; răng: đen nhánh, nhai ngoàm ngoạm; râu: dài, cong vút.

+ Đi đứng oai vệ, làm điệu, nhún chân, rung đùi; quát mắng chị cào cào, đá ghẹo anh gọng vó; co cẳng, đập phanh phách vào các ngọn cỏ, dánh điệu tỏ vẻ con nhà võ, trịnh trọng vuốt râu, ...

- **Phân tích tính cách Dế Mèn:** Sự tự tin quá mức khiến Dế Mèn trở thành kẻ tự cao, tự đắc, kiêu căng và xốc nổi

+ Nhìn Dế Choắt bằng con mắt khinh thường giấu cợt, nói năng bằng giọng kẻ cả, trịch thượng “Chú mày có lớn mà chẳng có khôn”, “chú mày hôi như cú mèo thế này ta nào chịu được”, “mày bảo tao sợ cái gì?”

+ Cử xử ích kỉ, lỗ mắng “Đào tổ nông thì cho chết”

- **Phân tích bài học đầu tiên của Dế Mèn:** Chính bản tính kiêu căng, hống hách và ngông cuồng đã để lại cho Dế Mèn một bài học nhớ đời.

+ Dế Mèn nghĩ kế trêu chị Cốc, kết quả gây ra cái chết thương tâm cho Dế Choắt.

+ Tâm trạng sau khi trêu chị Cốc: Hả hê vì trò đùa tai quái của mình, chui vào hang nằm khẽnh....sợ hãi khi nghe tiếng chị Cốc mổ Dế Choắt....lo sợ, bất ngờ trước cái chết và lời khuyên của Dế Choắt, ân hận, sám hối=> Suy nghĩ về bài học đường đời đầu tiên: về thái độ sống, lòng tốt với những người xung quanh, tình bạn chân thành.

(2)Đánh giá :

+ Nhân vật : phẩm chất, ý nghĩa điển hình...

+ Nghệ thuật miêu tả nhân vật Dế Mèn của nhà văn.

+ Ý nghĩa của hình tượng nhân vật Dế Mèn trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm hoặc quan niệm đời sống của tác giả.

*** Kết bài :**

- Khẳng định lại ý kiến của người viết về nhân vật Dế Mèn.

- Nêu cảm nghĩ, ấn tượng về nhân vật, ý nghĩa, sự ảnh hưởng của nhân vật với con người trong thời đại đó hoặc ngày nay hay rút ra bài học cho mình và thế hệ trẻ hôm nay.

Có thể tham khảo bài văn sau

Giới thiệu tác phẩm văn học ➔ Tô Hoài được mệnh danh là nhà văn của thiếu nhi. Với những áng văn sinh động, hấp dẫn đã biết bao thập kỷ qua, những tác phẩm của ông đã trở thành món ăn tinh thần của trẻ nhỏ. Và hẳn ai cũng biết đến “Dế Mèn phiêu lưu kí” - một tác phẩm xuất sắc của Tô Hoài. Đoạn trích “Bài học đường đời đầu tiên” là đoạn trích hấp dẫn, đặc sắc trong tác phẩm này. **Giới thiệu nhân vật cần phân tích** ➔ Đoạn trích đã khắc họa rõ nét nhân vật Dế Mèn cùng bài học đầu tiên mà Dế Mèn nhận được trên đường đời.

Đọc đoạn trích “Bài học đường đời đầu tiên”, trước hết người đọc ấn tượng về chú dế khỏe mạnh, cường tráng và có lối sống khoa học. Dế Mèn tự giới thiệu và đánh giá về bản thân: “*Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm*”. Chính nhịp sinh hoạt đều đặn như vậy mà “*chẳng bao lâu tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên*

cường tráng". Dưới cái nhìn tinh tế, trí tưởng tượng phong phú, kỹ lưỡng, Tô Hoài đã tái hiện chân dung của một chàng trẻ thanh niên thật đẹp và sinh động: thân hình cường tráng, đôi mắt mẫm bóng, những vết ở chân và ở khoeo cứng và nhọn hoắt, "chỉ cần lia qua là những ngọn cỏ đã ngã rạp xuống"...Chính vì vậy, Dế Mèn rất tự tin về bản thân mình và nhận xét bản thân là rất ưa nhìn. Mỗi bước đi của cậu trở nên "trịnh trọng, khoan thai", cho ra cái dáng điệu của "con nhà võ", "cứ chốc chốc tôi lại trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu", "thình thoảng, tôi ngứa chân đá một cái". Có thể nói, không ai lại không thích cái vẻ khỏe khoắn, cường tráng, phong thái "thanh niên" ấy.

Không chỉ dừng lại ở việc miêu tả hình dáng bên ngoài của Dế Mèn mà nhà văn còn đi sâu vào tính cách của chú dế này, cho người đọc cảm nhận một chú dế nhỏ bé cũng có những nét tính cách khác nhau. Dế Mèn là một chú dế tự tin, yêu đời và luôn tự hào về bản thân mình, luôn hãnh diện với bà con hàng xóm vì vẻ ngoại hình và sức mạnh của mình. Nhưng chính từ sự tự hào và tự tin thái quá của tuổi trẻ mà Dế Mèn lại trở thành kiêu tự cao, tự đắc, kiêu căng và xốc nổi. Dế Mèn đem cái sức mạnh của mình đi để chọc ghẹo những người hàng xóm mà không biết rằng kì thực họ chỉ nhường nhịn và không thèm đối chấp với Dế Mèn nhưng chú lại nghĩ đó là họ sợ mình, không ai dám đối đầu với mình. Chính vì thế sự ảo tưởng ngông cuồng của mình mà Dế Mèn lại tự cho mình là "*một tay ghê gớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi*".

Chính bản tính kiêu căng, hống hách và ngông cuồng đã để lại cho Dế Mèn một bài học nhớ đời, bài học đắt giá ấy đã đánh đổi bằng cả mạng sống của anh bạn hàng xóm là Dế Choắt. Trái ngược hoàn toàn với Dế Mèn, Dế Choắt là một kẻ gầy gò, ốm yếu, bộ dạng không có sức sống lại không có sức làm. Dế Mèn là hàng xóm nhưng lại chỉ biết chê bai, khinh bỉ, khi Dế Choắt nhờ giúp cũng chẳng bận tâm. Bản tính ngông cuồng của Dế Mèn đã nảy ra ý tưởng trêu chị Cốc, hấn rủ Dế Choắt nhưng Dế Choắt thì sợ không dám, còn can ngăn nhưng không được. Sau khi trêu chị Cốc, Dế Mèn thì chui tọt vào hang sâu của mình lẫn trốn, mà đâu ngờ người bị chị Cốc tóm được lại là Choắt, Dế Choắt đã gánh chịu mọi hậu quả từ trò đùa dại dột của Dế Mèn. Chỉ đến khi Dế Choắt thoi thóp, Dế Mèn mới ân hận nhận ra lỗi lầm, tuy vậy cũng nhờ có Dế Choắt mà Dế Mèn có được bài học quý giá: "*Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn cũng mang vạ vào mình đấy*". Câu nói vào giây phút cuối cùng của cuộc đời Dế Choắt đã làm thức tỉnh Dế Mèn, để cho Dế Mèn một bài học sâu sắc về thái độ sống, về lòng tốt với những người hàng xóm xung quanh và về tình bạn chân thành.

Bằng nghệ thuật miêu tả tài tình, trí tưởng tượng phong phú và bút pháp nhân hóa, so sánh độc đáo, điêu luyện,... nhà văn Tô Hoài đã cho người đọc thấy được chân dung sống động về một chú dế. Đặc biệt khi miêu tả ngoại hình và diễn biến tâm lí của Dế Mèn, nhà văn đã chọn lựa những chi tiết độc đáo có sức gợi cảm nhằm tác động mãnh liệt đến tình cảm

nhận thức của người đọc về tính cách của nhân vật. Chính vì thế, các nhân vật trong tác phẩm thường mang nét riêng và gọi cho người đọc biết bao điều suy ngẫm.

Khẳng định lại ý kiến... → Đọc xong đoạn trích “*Bài học đường đời đầu tiên*”, tâm trí em mãi hình dung về nhân vật Dế Mèn với vẻ đẹp cường tráng nhưng tính nết còn kiêu căng, xốc nổi nên phải nhận lấy bài học đường đời đầu tiên đầy đau xót. **Tác dụng của nhân vật...** → Em còn tâm đắc, thấm thía hơn về những điều mà nhà văn Tô Hoài muốn nhắn gửi rằng trong cuộc sống cần phải biết khiêm tốn, giúp đỡ người khác, không nên hung hăng hiếu thắng kéo chuốt họa vào thân.

Đề 2: Phân tích nhân vật người cha trong truyện “*Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*” của nhà văn Nguyễn Ngọc Thuần. (Bộ Kết nối 7, tập 1)

Bài viết tham khảo

Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ của nhà văn Nguyễn Ngọc Thuần là một trong số ít những tác phẩm viết về tình cha con. Trong truyện này, tác giả xây dựng một vài nhân vật: người con, người cha, thằng Tí, bà Sáu... Nhưng với tôi, người để lại nhiều ấn tượng hơn cả là **nhân vật người cha**.

Nhân vật người cha xuất hiện song hành cùng người con và xuyên suốt câu chuyện. Trong mắt người con, cha hiện lên là **một người đam mê**, gần gũi với con “bố trồng nhiều hoa, bố làm cho “tôi” cái bình tưới nhỏ bằng thùng sơn, hai bố con cùng nhau tưới hoa”. Không chỉ có vậy, bố còn là **người có cách giáo dục đặc biệt**. Bố không dạy lí thuyết sách vở chung chung mà dạy con mọi thứ bằng thực hành, hướng dẫn con để con tự cảm nhận. Hàng ngày bố yêu cầu con nhắm mắt, sờ và đoán các loài hoa trong vườn. Ban đầu chưa quen, con chỉ đoán được một hai loại, dần dần con đã đoán được hết các loài hoa trong vườn của bố, hơn thế nữa con còn thuộc hết khu vườn, vừa nhắm mắt vừa đi mà không chạm phải một vật gì. Bài sờ hoa đoán đã thuộc, người cha tăng độ khó lên, lần này cha cho con ngửi mùi các loài hoa và đoán tên. Trò chơi của bố được lặp lại cho đến khi người con thuộc hết các loài hoa trong vườn thì thôi. Như vậy người đọc không chỉ thấy được phương pháp giáo dục hiện đại của người cha mà còn thấy được sự tỉ mỉ, ân cần trong cách dạy con, thấy được tình yêu thiên nhiên, trân trọng những điều giản dị nhất của người cha.

Bên cạnh đó, thông qua việc giảng giải cho người con về món quà, về sự huyền diệu của tên gọi người đọc còn thấy đây là **một người cha sống tình cảm và có hiểu biết rộng**. Khi biết con thích gọi tên thằng Tí, người cha đã lí giải cho con “mỗi cái tên là một âm thanh tuyệt diệu. Người càng thân với mình bao nhiêu thì âm thanh đó càng tuyệt diệu bấy nhiêu”. Rồi khi thằng Tí đem cho ổi, mặc dù cha không thích ăn những vẫn ăn ổi nó tặng, người con thắc mắc “sao bố kính trọng nó quá vậy”. Người bố trả lời người con chân thành “*bố không cưỡng lại được trước món quà. Một món quà bao giờ cũng đẹp. Khi ta nhận hay cho một món quà, ta cũng đẹp lây vì món quà đó*”. Câu nói của nhân vật bố có thể hiểu: món quà

chính là tình cảm, tấm lòng của người tặng đã gửi gắm vào đó nên món quà dù lớn hay nhỏ đều đẹp. Cách chúng ta nhận, trân trọng món quà của người tặng cũng thể hiện nét đẹp của chính mình.. Qua đây chúng ta cảm nhận được tình cảm cha con gắn bó tha thiết, người cha đã thể hiện tình yêu thương với đứa con thông qua những bài học sâu sắc từ cuộc sống, biết yêu thương, lắng nghe và thấu hiểu từ thiên nhiên, biết trân trọng mọi thứ xung quanh mình.

Nhân vật người cha được khắc họa qua hành động, cử chỉ, lời nói, cảm xúc, suy nghĩ và qua mối quan hệ với những nhân vật khác (thằng Tí, bà Sáu, hàng xóm...). Khi khắc họa nhân vật người cha, tác giả sáng tạo nhiều chi tiết có giá trị biểu hiện đặc sắc như: người cha nháy xuống cứu thằng Tí, cầm hai chân dốc ngược; Tác giả lựa chọn ngôi kể thứ nhất với điểm nhìn là người con kể về người cha khiến cho câu chuyện được kể hấp dẫn, hồn nhiên và người con dễ dàng bộc lộ được tình cảm, cảm xúc của mình với cha, ví như “bố cười khà khà khen tiến bộ lắm, bố tôi bơi giỏi lắm”...

Đánh giá... ➔ Xây dựng nhân vật người cha song hành cùng người con không chỉ giúp người đọc thấy được mối quan hệ cha con, tình cảm cha con trong gia đình mà tác giả còn cho người đọc thấy bài học bổ ích về phương pháp giáo dục hiện đại: học bằng thực hành. Đồng thời cũng nhắc nhở tới các bậc làm cha làm mẹ hãy yêu thương con cái, tạo cho con môi trường lành mạnh, gần gũi chan hòa với thiên nhiên. Thời buổi công nghệ số, con trẻ xem, chơi điện thoại, ipad quá nhiều, vì thế gần gũi giao hòa, cảm nhận thiên nhiên là điều hết sức cần thiết.

Khẳng định lại ý kiến... ➔ Nhân vật người cha để lại trong lòng tôi rất nhiều ấn tượng đẹp, đó không chỉ là tình cảm chân thành với người con mà còn là cách chơi, cách dạy con, cách giảng giải cho con về tất cả những điều mà con khúc mắc. **Tác dụng của nhân vật... ➔**Thăm nghĩ, sau này tôi cũng sẽ hướng dẫn và gần gũi con cái của mình giống như người cha trong câu chuyện *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*.

Một số đề đề tự luyện

Đề tự luyện 1: Truyện đồng thoại là truyện viết ra cho trẻ em, các nhân vật thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân cách hóa. Các nhân vật vừa mang những đặc tính vốn có của loài vật hoặc đồ vật, vừa mang đặc điểm của con người. Từ những truyện đồng thoại đã học, đã đọc, em hãy phân tích đặc điểm của một nhân vật mà em yêu thích.

Đề tự luyện 2: Phân tích đặc điểm nhân vật Hoàng tử bé trong văn bản “Nếu cậu muốn có một người bạn” trích từ tác phẩm “Hoàng tử bé” của nhà văn Ăng-tơ-an-đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri mà em đã được học, được đọc. (Bộ Kết nối 6)

Đề tự luyện 3: Phân tích đặc điểm nhân vật Sơn trong văn bản “Gió lạnh đầu mùa” của nhà văn Thạch Lam mà em đã được học, được đọc. (Bộ Kết nối 6, Chân trời 6)

Đề tự luyện 4: Phân tích đặc điểm nhân vật thầy Ha-men trong buổi học cuối cùng của nhà văn An-phông-xơ Đô-đê. (Bộ Cánh diều 7)

Đề tự luyện 5: Phân tích đặc điểm nhân vật Võ Tòng trong đoạn trích “Người đàn ông cô độc giữa rừng” trích tiểu thuyết “Đất rừng phương Nam” của nhà văn Đoàn Giỏi. (Bộ Cánh Diều 7)

Đề tự luyện 6: Phân tích nhân vật cụ Bơ-men trong truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng của nhà văn O. Hen-ri (Chân trời 6, tập 2)

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 6:

CHUYÊN ĐỀ 4: LUYỆN ĐỀ KIỂM TRA

(Dùng chung 3 bộ sách)

Thời lượng: 3 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức.

- Hệ thống lại các kiến thức ở cả ba phân môn Văn, tiếng Việt, tập làm văn ở cả ba bộ sách.

2. Về năng lực.

- Năng lực: giải quyết vấn đề, sáng tạo, năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Về phẩm chất.

- Giúp HS có trách nhiệm với việc học tập của bản thân và thêm yêu thích, hứng thú với môn Văn hơn nữa.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- **Chuẩn bị của GV:** Soạn các dạng đề, đáp án.

- **Chuẩn bị của HS:** Học ôn bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY- HỌC:

ĐỀ SỐ 01.

PHẦN I. ĐỌC- HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới :

Cảm ơn mẹ vì luôn bên con

Lúc đau buồn và khi sóng gió

Giữa giông tố cuộc đời

Vòng tay mẹ chở che khẽ vỗ về.

Bỗng thấy lòng nhẹ nhàng bình yên

Mẹ dành hết tuổi xuân vì con

Mẹ dành những chăm lo tháng ngày

Mẹ dành bao hi sinh để con chạm lấy ước mơ.

Mẹ là ánh sáng của đời con
 Là vầng trăng khi con lạc lối
 Dẫn đi trọn cả một kiếp người
 Cũng chẳng hết mấy lời mẹ ru...

(Trích lời bài hát *Con nợ mẹ*, Nguyễn Văn Chung)

Câu 1. (1,0 điểm) Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên.

Câu 2. (1,0 điểm) Em hiểu thế nào về nghĩa của từ “**đi**” trong câu: “*Dẫn đi trọn cả một kiếp người*”?

Câu 3. (2,0 điểm) Nêu nội dung chính của bài thơ.

Câu 4. (2,0 điểm) Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật trong những câu sau:

“Mẹ dành hết tuổi xuân vì con
 Mẹ dành những chăm lo tháng ngày
 Mẹ dành bao hi sinh để con chạm lấy ước mơ”.

PHẦN II. LÀM VĂN (14,0 điểm)

Câu 1. (4,0 điểm)

Cảm ơn mẹ vì luôn bên con
 Lúc đau buồn và khi sóng gió
 Giữa giông tố cuộc đời
 Vòng tay mẹ chở che khẽ vồ về.

Những câu ca trên gợi cho em suy nghĩ gì về ý nghĩa của lời cảm ơn trong cuộc sống.

Câu 2. (10,0 điểm)

Từ những truyện cổ tích mà em chưa được học trên lớp, hãy phân tích đặc điểm một nhân vật mà em yêu thích.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG TRẢ LỜI	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	6,0 điểm
	1	- Phương thức biểu đạt chính : biểu cảm. - Thể thơ : tự do	1,0 điểm
	2	Nghĩa của từ đi : <i>sống, trải qua</i>	1,0 điểm
	3 4	Nội dung chính : Suy ngẫm và lòng biết ơn của con dành cho mẹ. -Nghệ thuật: Điệp ngữ (<i>Mẹ dành</i>). -Tác dụng: + Nhấn mạnh sự chăm lo, hi sinh tuổi xuân, đánh đổi cả cuộc đời để con được trưởng thành, được chạm tới	2,0 điểm 2,0 điểm

		những ước mơ, khát vọng. + Khẳng định vai trò và tầm quan trọng của người mẹ trong cuộc đời mỗi con người.	
II		LÀM VĂN	14,0 điểm
	1	Viết đoạn văn	4,0 điểm
		a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội	0,25 điểm
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận	0,25 điểm
		c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn theo định hướng sau : <i>Giải thích:</i> <i>Cảm ơn</i> là từ đáp thể hiện sự biết ơn của mình với lòng tốt hay sự giúp đỡ của người khác. Nó chính là cách thể hiện tình cảm, lối ứng xử của con người có văn hóa, lịch sự và biết tôn trọng những người xung quanh mình <i>Chứng minh:</i> + Khẳng định ý nghĩa và đưa ra những biểu hiện cũng như vai trò, tác dụng của lời <i>cảm ơn</i> trong cuộc sống + Lấy một số dẫn chứng, những câu chuyện nhỏ trong cuộc sống hay văn học để làm sáng tỏ. + Khẳng định: <i>Cảm ơn</i> là nét sống văn minh của con người có học thức, có giáo dục. <i>Cảm ơn</i> hoàn toàn không phải là hình thức phức tạp hóa ứng xử, là sự khách sáo mà nó là một sự cần thiết, là quy tắc giao tiếp giữa con người với con người. Bạn đang tự làm đẹp mình khi biết nói hai từ <i>cảm ơn</i> ! - Phê phán những hành động đi ngược lại lối sống tốt đẹp và văn minh này, đặc biệt trong xã hội ngày nay - Đưa ra phương hướng và bài học hành động cho bản thân.	3,0 điểm
		d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.	0,25 điểm
		e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	0,25 điểm
	2	Viết bài văn	10,0 điểm

	a. Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học	0,25 điểm
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận : Phân tích đặc điểm một nhân vật mà em yêu thích.	0,25 điểm
	c. Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : *Mở bài: - Giới thiệu nhân vật Thạch Sanh trong truyện ngắn cùng tên. - Ấn tượng về nhân vật: Nhân vật Thạch Sanh để lại nhiều ấn tượng khó quên với người đọc bởi những đức tính tốt đẹp. *Thân bài: (1) Lần lượt phân tích các đặc điểm của nhân vật Thạch Sanh dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm - Thạch Sanh có hoàn cảnh xuất thân đặc biệt: + Vốn là con của Ngọc Hoàng được sai xuống đầu thai làm con vợ chồng nghèo lương thiện. + Người mẹ mang thai mấy năm mới hạ sinh Thạch Sanh. + Mô côi sớm, sống cô cút, lẻ loi trong túp lều tranh dưới gốc đa, cả gia tài chỉ có chiếc búa của cha để lại, hằng ngày lên rừng kiếm củi sống qua ngày. + Được các thiên thần xuống chỉ dạy võ nghệ và các phép thần thông. => Sự ra đời và cuộc sống của Thạch Sanh là sự kết hợp hài hòa giữa những yếu tố bình thường và những yếu tố phi thường, kì lạ; là dấu hiệu báo trước cho người đọc biết những việc làm phi thường của chàng sau này; mở ra hướng phát triển của câu chuyện, làm cho câu chuyện trở nên hấp dẫn hơn. - Thạch Sanh là người chất phác, hiền lành, chăm chỉ, sẵn sàng xả thân vì người khác, không toan tính, vụ lợi: + Mô côi cha mẹ từ nhỏ nên thiếu thốn tình cảm vì	9,0 điểm

	thể nên khi Lý Thông ngỏ lời kết tình huynh đệ đã không đắn đo, suy nghĩ gì mà nhận lời ngay. + Tin tưởng Lý Thông khi hãn nhờ canh miếu thờ nhưng thực chất là đi chết thay cho hãn. + Khi giết được chắt tinh chặt đầu mang về thì tiếp tục bị Lý Thông lừa cướp công. + Cứu công chúa, chàng tiếp tục bị Lý Thông hãm hại nên bị nhốt vào hang sâu. => Từ những việc làm, những hành động ấy cho thấy Thạch Sanh là một người hiền lành, chất phác, sẵn sàng xả thân vì người khác, không toan tính, vụ lợi. - Thạch Sanh là con người tài năng, quả cảm, có tấm lòng nhân hậu, khoan dung, nhân đạo, yêu chuộng hòa bình: + Dũng cảm, tài trí đã dùng phép lạ và búa thần diệt trừ chắt tinh, trừ hậu họa cho nhân dân. + Diệt đại bàng cứu công chúa và Thái tử con vua Thủy Tề. => Những ngày tháng đầy gian truân, thử thách là cơ hội thể hiện tài năng, lòng quả cảm của Thạch Sanh. + Bao lần mẹ con Lý Thông bày kế hãm hại, có lần tưởng đi vào cõi chết nhưng Thạch Sanh vẫn rộng lòng tha thứ. + Thiết đãi và tha cho quân mười tám nước chư hầu. => Những ngày tháng đầy gian truân, thử thách là cơ hội thể hiện tài năng, lòng quả cảm của Thạch Sanh. Những việc làm trên thể hiện tấm lòng nhân hậu, bao dung, yêu chuộng hòa bình của nhân vật Thạch Sanh. (2) Đánh giá: - Nhân vật Thạch Sanh được tác giả dân gian tạo nên bằng cốt truyện hết sức hấp dẫn, kịch tính, tạo hai tuyến nhân vật đối lập mà Thạch Sanh là đại diện cho cái thiện. - Nhân vật Thạch Sanh được xây dựng là sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố bình thường và phi thường, sử dụng các chi tiết thần kì khiến cho nhân vật vừa giản	
--	--	--

	dị, gần gũi nhưng cũng hết sức cao quý. - Kết thúc tác phẩm là kết thúc có hậu phản ánh mơ ước, khát vọng, quan niệm “ở hiền gặp lành” của nhân dân ta. *Kết bài: - Khẳng định lại ý kiến của người viết về nhân vật : <i>Thạch Sanh là một con người toàn mỹ cả về tài năng lẫn nhân cách.</i> - Nêu cảm nghĩ, ấn tượng về nhân vật, ý nghĩa, sự ảnh hưởng của nhân vật với con người trong thời đại đó hoặc ngày nay hay rút ra bài học cho mình và thế hệ trẻ hôm nay : <i>Thông qua nhân vật Thạch Sanh tác giả muốn gửi gắm niềm tin, ước mơ về chân lý cái thiện luôn luôn thắng cái ác.</i> Bài văn tham khảo (Xem giáo án bồi dưỡng HSG) Mở bài Giới thiệu nhân vật Cuộc sống vốn dĩ không bao giờ bằng phẳng, trên con đường tìm đến hạnh phúc luôn chứa đầy những khó khăn, thử thách đòi hỏi ta phải dũng cảm, kiên trì vượt qua. Truyện cổ tích Thạch Sanh là minh chứng cho điều đó. Để tìm đến được hạnh phúc, chàng đã phải đối mặt với biết bao hiểm nguy, có khi tưởng chừng như gục ngã. Ấn tượng nhân vật Nhân vật Thạch Sanh đã để lại trong lòng độc giả ấn tượng tốt đẹp về một con người hoàn mỹ về nhân cách và tài năng, mang theo đó là niềm tin bất diệt của con người vào sự công bằng trong xã hội. Thân bài..... Hoàn cảnh xuất thân đặc biệt .	
	d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.	0,25 điểm
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	0,25 điểm

PHẦN I. ĐỌC- HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới :

Con đi biển biệt tháng ngày
Lúc dừng chân đã mây bay trắng đầu !
Bơ vơ tội nghiệp giàn trầu
Tủi thân biết mấy thân cau trước nhà
Con về gần, mẹ đã xa,
Câu thơ lòng chồng giữa nhà mồ côi !
Mai sau dù có già rồi,
Con vẫn cần mẹ như thời trẻ thơ !

(Trích *Vẫn cần có mẹ*, Nguyễn Văn Thu)

Câu 1. (1,0 điểm) Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích trên ?

Câu 2. (1,0 điểm) Tình cảm của tác giả đối với mẹ được thể hiện trong đoạn trích như thế nào ?

Câu 3. (1,0 điểm) Đặc sắc nghệ thuật thể hiện trong đoạn trích là gì?

Câu 4. (1,0 điểm) Thông điệp mà em tâm đắc nhất qua văn bản là gì ? Nêu lí do chọn thông điệp đó. Trả lời câu hỏi trên bằng đoạn văn (3-5 câu)

PHẦN II. LÀM VĂN (14,0 điểm)

Câu 1. (4,0 điểm)

Từ nội dung đoạn thơ trên, em có suy nghĩ gì về ý nghĩa tình mẫu tử trong cuộc sống? Trả lời câu hỏi trên bằng một đoạn văn nghị luận khoảng 150 chữ.

Câu 2. (10,0 điểm)

Truyện đồng thoại là truyện viết ra cho trẻ, các nhân vật thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân cách hóa. Các nhân vật này vừa mang những đặc tính vốn có của loài vật hoặc đồ vật, vừa mang đặc điểm của con người. Từ những truyện đồng thoại đã học, đã đọc, em hãy phân tích đặc điểm một nhân vật mà em yêu thích.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG TRẢ LỜI	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	6,0 điểm
	1	Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm. Thể thơ : lục bát	0,5 điểm 0,5 điểm
	2	Tình cảm của tác giả trong đoạn trích: Tác giả bộc lộ niềm thương cảm, buồn tủi, xót xa khi nhớ về mẹ; hối hận và tự trách bản thân mình đã đi quá lâu để khi trở về nhà thì mẹ đã không còn.	1,0 điểm

	3	Đặc sắc nghệ thuật thể hiện trong đoạn trích: - Lời văn giàu cảm xúc - Hình ảnh sinh động - Phép nhân hóa giàu sức biểu cảm	2,0 điểm
	4	Căn cứ vào nội dung đoạn thơ, thí sinh lựa chọn thông điệp mà bản thân tâm đắc nhất và nêu rõ lí do chọn thông điệp đó. Gợi ý: Thông điệp: - Trân trọng những phút giây ở cạnh bên mẹ, đừng để mất đi rồi mới hối tiếc. - Tình mẫu tử bao giờ cũng rất thiêng liêng, cao quý.	2,0 điểm
II	LÀM VĂN		14,0 điểm
	1	Viết đoạn văn	4,0 điểm
		a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội	0,25 điểm
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận	0,25 điểm
		c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn theo định hướng sau : - Tình mẫu tử là tình ruột thịt nồng nàn giữa người mẹ và đứa con của mình. Hay nói cách khác tình mẫu tử là sự hy sinh vô điều kiện của người mẹ dành cho con và sự yêu thương tôn kính của đứa con với người mẹ của mình. - Ý nghĩa: + Giúp đời sống tinh thần của ta đầy đủ, phong phú và ý nghĩa. + Giúp ta tránh khỏi những cám dỗ trong cuộc sống. + Là điểm tựa tinh thần, tiếp thêm cho ta sức mạnh trước mỗi khó khăn. + Là niềm tin, là động lực và là mục đích cho sự nỗ lực và khát khao sống của cá nhân. - Có những hành động thiết thực, cụ thể để đáp đền tình cảm của mẹ dành cho mình : biết vâng lời, nghe theo lời dạy bảo của cha mẹ; siêng năng học hành để không phụ công ơn nuôi dưỡng, quan tâm, giúp đỡ từ những việc nhỏ nhất nhất. - Phê phán những hành động đi ngược lại với đạo lí: mẹ bỏ	3,0 điểm

		rời con hay con đối xử không tốt với mẹ, bỏ mặc mẹ.	
		d. Sáng tạo: cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.	0,25 điểm
		e. Chính tả, dùng từ đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0,25 điểm
	2	Viết bài văn	10,0 điểm
		a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận: có đầy đủ Mở bài, Thân bài, Kết bài. Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân bài giải thích nhận định và triển khai được các luận điểm làm rõ được nhận định; Kết bài khái quát được nội dung nghị luận	0,25 điểm
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Nhân vật Dế Mèn trong văn bản « Bài học đường đời đầu tiên » của nhà văn Tô Hoài (Có ở ba bộ sách lớp 6 hiện hành)	0,25 điểm
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Thí sinh có thể giải quyết vấn đề theo hướng sau: * Mở bài: - Giới thiệu nhân vật Dế Mèn trong đoạn trích “Bài học đường đời đầu tiên”. - Khái quát ấn tượng về nhân vật Dế Mèn: để lại những ấn tượng khó quên với người đọc bởi những.... * Thân bài: (1) Lần lượt phân tích các đặc điểm của nhân vật Dế Mèn dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm - Phân tích ngoại hình Dế Mèn: Dế Mèn có vẻ ngoài khỏe khoắn, cường tráng, phong thái “thanh niên”, tự tin, yêu đời và luôn tự hào về bản thân mình. + Càng: mắt bóng; vuốt: cứng và nhọn hoắt; cánh: áo dài chấm đuôi; đầu: to, nổi từng tảng; răng: đen nhánh, nhai ngoàm ngoạm; râu: dài, cong vút. + Đi đứng oai vệ, làm điệu, nhún chân, rung đùi; quát mấy chị cào cào, đá ghẹo anh gọng vó; co căng, đập phanh phách vào các ngọn cỏ, dáng điệu tỏ vẻ con nhà võ, trịnh	9,0 điểm

	trọng vuốt râu,... - Phân tích tính cách Đế Mèn: Sự tự tin quá mức khiến Đế Mèn trở thành kẻ tự cao, tự đắc, kiêu căng và xốc nổi + Nhìn Đế Choắt bằng con mắt khinh thường giấu cợt, nói năng bằng giọng kẻ cả, trịch thượng “Chú mày có lớn mà chẳng có khôn”, “chú mày hôi như cú mèo thế này ta nào chịu được”, “mày bảo tao sợ cái gì?” + Cử xử ích kỉ, lỗ mắng “Đào tổ nông thì cho chết” - Phân tích bài học đầu tiên của Đế Mèn: Chính bản tính kiêu căng, hống hách và ngông cuồng đã để lại cho Đế Mèn một bài học nhớ đời. + Đế Mèn nghĩ kế trêu chị Cốc, kết quả gây ra cái chết thương tâm cho Đế Choắt. + Tâm trạng sau khi trêu chị Cốc: Hả hê vì trò đùa tai quái của mình, chui vào hang nằm khểnh....sợ hãi khi nghe tiếng chị Cốc mổ Đế Choắt.....lo sợ, bất ngờ trước cái chết và lời khuyên của Đế Choắt, ân hận, sám hối=> Suy nghĩ về bài học đường đời đầu tiên: về thái độ sống, lòng tốt với những người xung quanh, tình bạn chân thành. (2)Đánh giá : + Nhân vật : phẩm chất, ý nghĩa điển hình... + Nghệ thuật miêu tả nhân vật Đế Mèn của nhà văn. + Ý nghĩa của hình tượng nhân vật Đế Mèn trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm hoặc quan niệm đời sống của tác giả. * Kết bài : - Khẳng định lại ý kiến của người viết về nhân vật Đế Mèn. - Nêu cảm nghĩ, ấn tượng về nhân vật, ý nghĩa, sự ảnh hưởng của nhân vật với con người trong thời đại đó hoặc ngày nay hay rút ra bài học cho mình và thế hệ trẻ hôm nay. (Xem bài văn mẫu trong giáo án bồi dưỡng HSG)	
	d. Sáng tạo: cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.	0,25 điểm
	e. Chính tả, dùng từ đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt	0,25 điểm

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 7:

CHUYÊN ĐỀ 5: VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG

(Dùng chung 3 bộ sách)

Thời lượng: 6 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Biết viết bài văn nghị luận về 1 vấn đề trong đời sống.
- Nêu được vấn đề và ý kiến cần bàn luận.
- Trình bày được sự tán thành với ý kiến cần bàn luận
- Đưa ra được những lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng để chứng tỏ sự tán thành hay phản đối là có căn cứ.

2. Năng lực:

*** Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học:

- + Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mình
- + Thích ứng với cuộc sống

- Năng lực giao tiếp và hợp tác

- + Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân

*** Năng lực đặc thù**

- Biết viết bài văn nghị luận về 1 vấn đề trong đời sống.
- Nêu được vấn đề và ý kiến cần bàn luận.
- Trình bày được sự tán thành với ý kiến cần bàn luận
- Đưa ra được những lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng để chứng tỏ sự tán thành hay phản đối là có căn cứ.

3. Phẩm chất: Nhân ái:

- + Trân trọng danh dự, sức khỏe và cuộc sống riêng tư của người khác.
- + Không đồng tình với cái ác, cái xấu; không cổ xúy, không tham gia các hành vi bạo lực; sẵn sàng bên vực người yếu thế, thiệt thòi,...
- + Tôn trọng sự khác biệt về nhận thức, phong cách cá nhân của những người khác

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, PHT, một số đề tham khảo.
- Học ôn lại bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU/KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu:

- Biết được kiểu bài văn nghị luận (trình bày ý kiến tán thành hay phản đối) về 1 vấn đề trong đời sống.
- Nhận biết được vấn đề cần thể hiện ý kiến là đúng đắn.

b. Nội dung:

- GV hỏi, HS trả lời.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - HS quan sát video ? Với những việc đúng đắn, nên làm thì chúng ta cần thể hiện thái độ của mình ntn? ? Em có đồng ý với việc làm xả rác bừa bãi của một số người không? Vì sao? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc cá nhân, chia sẻ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận HS báo cáo kết quả, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhấn mạnh kỹ năng nói và nghe.	- Đồng tình - Không đồng tình

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu

- Biết vận dụng kiến thức đã học để nêu được vấn đề bàn luận, làm rõ bản chất của vấn đề.
- Vấn đề được bàn luận cần thiết yếu đối với mọi người, thu hút được sự quan tâm, hứng thú của cộng đồng.
- Dùng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc rằng sự phản đối hoặc cách hiểu của người viết là có cơ sở.

b. Nội dung: HS suy nghĩ, trình bày.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Hoạt động 1: Tìm hiểu chung về viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (trình bày ý kiến tán thành hay phản đối) NV 1 (phần 1+2+3+ 4) Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Hs trả lời các câu hỏi sau: ? Bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống là gì? ? Em hãy chỉ ra sự khác biệt giữa nghị bài văn nghị luận lớp 6 và lớp 7. ? Các yếu tố trong bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (trình bày ý kiến tán thành hay phản đối) ? Nội dung của bài nghị luận trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống như thế nào? ? Những yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, nhóm, thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận:	I. Tìm hiểu chung về viết bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (trình bày ý kiến tán thành hay phản đối) - Bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống là một văn bản nghị luận mà trong đó người viết đưa ra ý kiến của mình về một vấn đề được gọi ra từ các hiện tượng, sự việc trong đời sống hoặc một vấn đề thuộc về lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống của con người. Phân biệt sự khác nhau giữa văn nghị luận 6 và 7 <table><tr><th rowspan="2">Khối lớp</th><th colspan="2">Mức độ phạm vi</th></tr><tr><th>Nội dung</th><th>Hình thức</th></tr><tr><td>Lớp 6</td><td> *Yêu cầu học sinh bước đầu viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng mà mình quan tâm. - Nêu được vấn đề và suy nghĩ của người viết - Giải thích lí do vì sao người viết quan tâm đến vấn đề đó - Đưa ra lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến của mình. *Lưu ý: - Chưa yêu cầu hs bàn bạc mở rộng vấn đề hay rút ra bài học nhận thức và hành động. - Lí lẽ, dẫn chứng ở phạm vi hẹp, đơn giản, ngắn gọn. </td><td>Trình bày bằng một bài văn.</td></tr><tr><td>Lớp 7</td><td> *Yêu cầu học sinh bước đầu viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến (đồng tình hay phản đối) của người viết: - Nêu được vấn đề đời sống đồng tình hay phản đối. - Giải thích lí do vì sao đồng tình hay phản đối. - Đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng </td><td>Trình bày bằng một bài văn.</td></tr></table>	Khối lớp	Mức độ phạm vi		Nội dung	Hình thức	Lớp 6	*Yêu cầu học sinh bước đầu viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng mà mình quan tâm. - Nêu được vấn đề và suy nghĩ của người viết - Giải thích lí do vì sao người viết quan tâm đến vấn đề đó - Đưa ra lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến của mình. *Lưu ý: - Chưa yêu cầu hs bàn bạc mở rộng vấn đề hay rút ra bài học nhận thức và hành động. - Lí lẽ, dẫn chứng ở phạm vi hẹp, đơn giản, ngắn gọn.	Trình bày bằng một bài văn.	Lớp 7	*Yêu cầu học sinh bước đầu viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến (đồng tình hay phản đối) của người viết: - Nêu được vấn đề đời sống đồng tình hay phản đối. - Giải thích lí do vì sao đồng tình hay phản đối. - Đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng	Trình bày bằng một bài văn.
Khối lớp	Mức độ phạm vi											
	Nội dung	Hình thức										
Lớp 6	*Yêu cầu học sinh bước đầu viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến về một hiện tượng mà mình quan tâm. - Nêu được vấn đề và suy nghĩ của người viết - Giải thích lí do vì sao người viết quan tâm đến vấn đề đó - Đưa ra lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến của mình. *Lưu ý: - Chưa yêu cầu hs bàn bạc mở rộng vấn đề hay rút ra bài học nhận thức và hành động. - Lí lẽ, dẫn chứng ở phạm vi hẹp, đơn giản, ngắn gọn.	Trình bày bằng một bài văn.										
Lớp 7	*Yêu cầu học sinh bước đầu viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến (đồng tình hay phản đối) của người viết: - Nêu được vấn đề đời sống đồng tình hay phản đối. - Giải thích lí do vì sao đồng tình hay phản đối. - Đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng	Trình bày bằng một bài văn.										

HS báo cáo kết quả, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định. GV nhấn mạnh những yêu cầu cần đạt trong một bài viết. GV lưu ý: Kiểu bài này đã học ở lớp 6 nhưng theo tinh thần Chương trình giáo dục phổ thông 2018 là mỗi khối lớp có yêu cầu về mức độ và phạm vi khác nhau. Vì như vậy mới đảm bảo được mục tiêu phát triển năng lực tư duy và phẩm chất của học sinh.	chứng đa dạng. *Lưu ý: - Chưa yêu cầu hs bàn bạc mở rộng vấn đề hay rút ra bài học nhận thức và hành động. - Mỗi bài viết thường chỉ thể hiện 1 ý kiến (là đồng tình hoặc phản đối). - Lí lẽ, dẫn chứng ở phạm vi đa dạng và rộng hơn so với lớp 6.	
	2. Các yếu tố trong bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (trình bày ý kiến tán thành hay phản đối) - Vấn đề nghị luận: Thuộc chủ đề, đề tài gì? - Luận điểm: là nội dung chính của bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống. - Luận cứ: lí lẽ, dẫn chứng, phân tích, bình luận + Lí lẽ: ngắn gọn, thuyết phục, khách quan + Dẫn chứng: có tính xác thực được lấy từ đời sống, từ nghiên cứu khoa học...và phải phù hợp với vấn đề nghị luận. - Lập luận: Cách sử dụng các luận cứ làm rõ vấn đề nghị luận nhằm thuyết phục người đọc, người nghe. 3. Nội dung của bài nghị luận trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống rất phong phú: - Gia đình - Tình bạn - Tình thầy trò - Thiên nhiên - Môi trường - Tệ nạn xã hội - Văn hóa ứng xử - Môi trường học đường: bạo lực, đồng phục, văn hóa ứng xử, ... - Sở thích, đam mê của tuổi trẻ - Mạng xã hội - Truyền thống đạo lí - 4. Những yêu cầu đối với bài văn nghị luận về một vấn đề	

NV 2 (phân 5) Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - HS trả lời các câu hỏi sau: ? Các dạng đề của bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (trình bày ý kiến tán thành hay phản đối) là gì? ? Dạng cụ thể và dạng mở (gián tiếp) cụ thể như thế nào ạ? Cho ví dụ minh họa. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, nhóm, thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định. GV nhận xét, đánh giá	trong đời sống: - Nêu được vấn đề và ý kiến cần bàn luận. - Trình bày được ý kiến tán thành hay phản đối của người viết đối với vấn đề cần nghị luận. - Đưa ra được những lí lẽ rõ ràng, bằng chứng xác thực, đa dạng, thuyết phục để chứng tỏ sự tán thành hay phản đối là có căn cứ. 5. Các dạng đề của bài văn nghị luận về một vấn đề đời sống (trình bày ý kiến tán thành hay phản đối) a. Dạng cụ thể và trực tiếp: là dạng đề mà yêu cầu và vấn đề nghị luận trong đời sống được thể hiện trực tiếp trong đề bài. Ví dụ: Đề 1. Sống giản dị là một lối sống tốt, cần phát huy. Em có đồng tình với ý kiến đó không? Hãy viết bài văn thể hiện ý kiến của em. Đề 2. Bảo vệ môi trường là bảo vệ cuộc sống của chúng ta. Em có đồng tình với quan điểm trên không? Hãy bày tỏ ý kiến của mình bằng một bài văn nghị luận. b. Dạng đề mở và gián tiếp: là dạng đề mà đề bài chỉ nêu vấn đề nghị luận, không nêu yêu cầu hoặc vấn đề nghị luận phải thông qua một số ngữ liệu (ngữ liệu có thể là câu văn, câu thơ, câu nói, hay một đoạn văn, đoạn thơ, mẫu chuyện, hình ảnh, số liệu, thông tin,...) Ví dụ: Đề 1. Có những bạn trẻ chỉ biết mãi mê dán hình thần tượng khắp nơi, chỉ biết đắm chìm trong sở thích của riêng mình... Họ đâu thấy rằng bên cạnh đó có những người đang vì họ mà vất vả, lo toan ; có những người đã dành cho họ bao nhiêu yêu thương, trù mến... Những bạn trẻ ấy đâu biết rằng họ đang sống vô cảm ngay trong chính gia đình mình. Viết bài văn ngắn (1 trang giấy thi), trình bày suy nghĩ của em về vấn đề trên. Đề 2. Sài Gòn hôm nay đầy nắng. Cái nắng gắt như thiêu như đốt khiến dòng người chạy bạt mạng hơn. Ai cũng muốn chạy cho nhanh để thoát khỏi cái nóng. Một người phụ nữ độ tuổi
---	--

trung niên đeo trên vai chiếc ba lô thật lớn, tay còn xách giỏ trái cây. Phía sau bà là một thiếu niên. Cứ đi được một đoạn, người phụ nữ phải dừng lại nghỉ mệt. Bà lắc lắc cánh tay, xoay xoay bờ vai cho đỡ mỏi. Chiếc ba lô nặng oằn cả lưng. Chàng thiếu niên con bà bước lững thững, nhìn trời ngó đất. Cậu chẳng mấy may để ý đến những giọt mồ hôi đang thấm ướt vai áo mẹ. Chốc chốc thấy mẹ đi chậm hơn mình, cậu còn quay lại gắt gỏng: “Nhanh lên mẹ ơi! Mẹ làm gì mà đi chậm như rùa”.

(Những câu chuyện xót xa về sự vô cảm của con trẻ - <http://vietnamnet.vn>)

Viết bài văn ngắn (khoảng 1 trang giấy thi) nêu suy nghĩ của em về hiện tượng được nhắc đến trong câu chuyện trên.

Đề 3. Những hình ảnh sau gợi cho em suy nghĩ gì? Trả lời bằng bài văn ngắn (khoảng 1 trang giấy thi)





Gợi ý:

- Sự đồng cảm, thương yêu, chia sẻ để cùng vượt qua đại dịch (tình người ấm áp)
- Sự hi sinh của bản thân mỗi người vì người khác, vì cộng đồng
- Ý chí quyết tâm chung sức chống lại đại dịch.

=> Khi làm bài HS có thể chọn một trong số những nội dung trên để làm

Hoạt động 2: Phương pháp làm bài chung

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- Hs trả lời các câu hỏi sau:

? Có mấy bước làm bài?

? Em cần chuẩn bị gì trước khi viết?

? Em tìm ý và lập dàn ý như thế nào?

? Mở bài trực tiếp và gián tiếp đối với kiểu bài này như thế nào? Ví dụ minh họa.

? Kết bài trực tiếp và gián tiếp đối với kiểu bài này như thế nào? Ví dụ minh họa.

? Khi viết em cần lưu ý

II. Phương pháp làm bài

1. Phương pháp chung:

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

- **Xác định, lựa chọn đề tài:** Trong cuộc sống hàng ngày, có biết bao vấn đề gợi những cách nhìn nhận, đánh giá đa chiều và được thể hiện bằng những ý kiến khác nhau. HS có thể tham khảo các đề tài được giới thiệu hoặc tự tìm đề tài mới (sách báo, internet,..)

- **Xác định mục đích:** Trình bày ý kiến đồng tình hay phản bác, vừa đồng tình, vừa phản bác, đưa ra lí lẽ, bằng chứng phù hợp thuyết phục mọi người đồng tình với quan điểm của mình, từ đó rút ra ý nghĩa của vấn đề.

- **Thu thập tư liệu:** Thu thập các bằng chứng xác đáng để tăng thuyết phục cho lập luận.

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

a. Tìm ý:

- Vấn đề gì được nêu ra để bàn luận?

- Vấn đề gợi ra những cách hiểu nào? Một vấn đề có thể được hiểu theo nhiều cách:

+ Đúng

+ Sai

điều gì? ? Viết xong em chỉnh sửa bài viết ra sao? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, nhóm, thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định. GV nhận xét, đánh giá	+ Vừa đúng vừa sai Ví dụ: Hút thuốc lá là tốt hay xấu, lợi hay hại?.. - Ý kiến nào đáng quan tâm nhất. Lưu ý: Với dạng bài này, có những vấn đề chúng ta dễ dàng thể hiện rõ quan điểm đồng tình hay phản đối nhưng cũng có những vấn đề mà ở góc độ này chúng ta đồng tình nhưng ở góc độ kia chúng ta lại phản bác.
---	---

b. Lập dàn ý

Nội dung	Thể hiện quan điểm tán thành	Thể hiện quan điểm phản bác	Thể hiện quan điểm vừa tán thành vừa phản bác
Các phần			
Mở bài	- Giới thiệu vấn đề đời sống cần bàn. - Bày tỏ ý kiến tán thành cách nhìn nhận về vấn đề	- Giới thiệu vấn đề đời sống cần bàn. - Bày tỏ ý kiến phản đối cách nhìn nhận về vấn đề	- Giới thiệu vấn đề đời sống cần bàn.
Thân bài	- Nêu ý kiến đáng quan tâm về vấn đề - Thể hiện thái độ tán thành ý kiến được nêu bằng các ý: + Khía cạnh thứ nhất cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng) + Khía cạnh thứ hai cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng)	- Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm đã nêu để bàn luận - Phản đối các khía cạnh của ý kiến, quan niệm (lí lẽ, bằng chứng) - Nhận xét những tác động tiêu cực của ý kiến, quan niệm đối với đời sống (lí lẽ, bằng chứng)	- Vấn đề được nêu ra để bàn luận. - Nêu ý kiến đáng quan tâm về vấn đề. - Thể hiện thái độ vừa tán thành vừa phản bác ý kiến được nêu bằng các ý: + Khía cạnh tán thành (lí lẽ, dẫn chứng) + Khía cạnh phản bác

	+ Khía cạnh thứ ba cần tán thành (lí lẽ, bằng chứng) +....		(lí lẽ, dẫn chứng)
Kết bài	- Khẳng định lại quan điểm cá nhân về vấn đề. - Bức thông điệp gửi tới mọi người	- Khẳng định lại quan điểm cá nhân về vấn đề. - Bức thông điệp gửi tới mọi người	- Khẳng định lại quan điểm cá nhân về vấn đề. - Bức thông điệp gửi tới mọi người

	*Mở bài trực tiếp: nêu thẳng vấn đề nghị luận. Với cách mở bài này, chúng ta thường diễn đạt như: <i>Có ý kiến cho rằng.., bàn về vấn đề...., có ý kiến cho rằng....Tôi tán thành/ tôi phản bác ý kiến trên.</i> Ví dụ: Có ý kiến cho rằng: “.....”. Em có đồng ý với ý kiến này hay không? Hãy viết bài văn bày tỏ ý kiến của mình. Mở bài tham khảo: Có ý kiến cho rằng “...”.Tôi hoàn toàn đồng ý với ý kiến trên. * Mở bài gián tiếp: dẫn dắt để nêu lên vấn đề nghị luận. Có nhiều cách như: trích dẫn một câu nói, một đoạn thơ, dẫn dắt từ thực tế cuộc sống...->nêu lên vấn đề nghị luận. Ví dụ: Có ý kiến cho rằng “<i>Đời sống của chúng ta sẽ bị tổn hại rất nhiều nếu mỗi người không có ý thức bảo vệ môi trường</i>”. Em có đồng tình với quan điểm trên không? Vì sao? Hãy viết bài văn bày tỏ ý kiến của mình. Mở bài tham khảo 1: “<i>Tổ quốc Việt Nam xanh ngát/Có sạch đẹp mãi được không? Điều đó tùy thuộc hành động của bạn/ Tùy thuộc vào bạn mà thôi</i>”. Lời bài hát ấy như lời nhắc nhở xoáy sâu vào suy nghĩ của mỗi người, thôi thúc mỗi chúng ta cần hành động để bảo vệ môi trường xanh - sạch- đẹp. Chính vì vậy, có ý kiến cho rằng: “Đời
--	---

sống của chúng ta sẽ bị tổn hại rất nhiều nếu mỗi người không có ý thức bảo vệ môi trường". Em hoàn toàn đồng ý với quan điểm này.

Mở bài tham khảo 2: Mỗi người trong chúng ta luôn cố gắng để xây dựng cho cuộc sống của mình tươi đẹp hơn. Thế nhưng chúng ta đâu biết rằng chỉ một hành động vô ý nhỏ bé của mình cũng đủ làm tổn hại đến môi trường, đến cuộc sống của chúng ta. Vậy nên có ý kiến cho rằng *"Đời sống của chúng ta sẽ bị tổn hại rất nhiều nếu mỗi người không có ý thức bảo vệ môi trường"*. Em hoàn toàn đồng ý với quan điểm này.

***Kết bài:** Ở phần này người viết muốn tạo độ lắng đọng trong suy nghĩ của người đọc thì nên gửi gắm tới mọi người bức thông điệp.

Ví dụ: Có ý kiến cho rằng *"Đời sống của chúng ta sẽ bị tổn hại rất nhiều nếu mỗi người không có ý thức bảo vệ môi trường"*. Em có đồng tình với quan điểm trên không? Vì sao? Hãy viết bài văn bày tỏ ý kiến của mình.

Kết bài tham khảo: Tóm lại, môi trường rất quan trọng trong cuộc sống của mỗi người. Vậy nên mọi người hãy cùng nhau bảo vệ môi trường bằng những hành động nhỏ nhất. *Hãy bảo vệ cuộc sống bằng cách giữ vững màu xanh cho môi trường, để cùng hướng tới một "hành tinh mãi xanh"*

Bước 3: Viết bài

Từ dàn ý đã chuẩn bị, bám sát dàn ý, viết thành bài văn. Khi viết bài, cần lưu ý:

- Trình tự lập luận phù hợp.
- Lí lẽ xác đáng, sắc bén, thuyết phục.
- Khi viết cần chú ý mạch văn trôi chảy, kết nối các câu trong đoạn và các đoạn trong bài chặt chẽ, hợp lí, tránh kể lể, rườm rà.

		- Để cho bài văn tăng sức hấp dẫn, thuyết phục, cần đan xen biểu cảm, tự sự phù hợp. - Thể hiện quan điểm, lập trường của người viết trước vấn đề. Bước 4: Chỉnh sửa bài viết Rà soát, chỉnh sửa bài viết theo những gợi ý trong bảng sau:
	Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
1	Nêu cụ thể vấn đề nghị luận và ý kiến mà mình đồng tình hay phản bác	Chỉnh sửa nếu thấy vấn đề nghị luận và ý kiến mà mình đồng tình hay phản bác còn mơ hồ
2	Trình bày rõ sự đồng tình/phản bác của người viết về ý kiến vừa nêu	Diễn đạt cho rõ nếu thấy sự đồng tình/phản bác chưa được thể hiện rõ ràng.
3	Đưa ra lí lẽ và bằng chứng để việc đồng tình/phản bác ý kiến có sức thuyết phục	Củng cố lí lẽ nếu thấy chưa vững chắc, bổ sung bằng chứng nếu còn thiếu.
4	Nêu được ý nghĩa của việc đồng tình/phản bác ý kiến.	Bổ sung nếu thấy ý nghĩa của việc đồng tình/phản bác ý kiến còn mờ nhạt.
5	Bảo đảm yêu cầu về bố cục	Chỉnh sửa nếu chưa đảm bảo về bố cục.
6	Việc sử dụng từ ngữ, câu văn, cách liên kết các câu trong đoạn và các đoạn trong bài đã đạt yêu cầu chưa?	- Rà soát lỗi chính tả và diễn đạt (dùng từ, đặt câu) - Chỉnh sửa nếu phát hiện có lỗi. - Bổ sung từ ngữ liên kết nếu thấy giữa các câu, các đoạn còn rời rạc.

Hoạt động 3: Phương pháp làm bài cụ thể Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - Hs trả lời các câu hỏi sau: ? Với dạng đề cụ thể và trực tiếp, em cần lưu ý điều gì? ? Có ý kiến cho rằng “Đời sống của chúng ta sẽ bị tổn hại rất nhiều nếu mỗi người không có ý thức bảo vệ môi trường”. Em có đồng tình với quan	2. Phương pháp làm cụ thể a. Dạng đề cụ thể và trực tiếp: Đối với dạng đề này, cần lưu ý: vấn đề nghị luận đã được thể hiện rõ ở đề bài, vì vậy cần nêu lên được quan điểm của mình (tán thành hay phản bác) ý kiến về vấn đề đời sống. Đề minh họa: Có ý kiến cho rằng “Đời sống của chúng ta sẽ bị tổn hại rất nhiều nếu mỗi người không có ý thức bảo vệ môi trường”. Em có đồng tình với quan điểm trên không? Vì sao? Hãy viết bài văn bày tỏ ý kiến của mình.
--	--

điểm trên không? Vì sao? Hãy viết bài văn bày tỏ ý kiến của mình. -Xây dựng các bước làm một bài văn nghị luận cho đề văn trên. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, nhóm, thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, nhận xét. Bước 4: Kết luận, nhận định. GV nhận xét, đánh giá	Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết - Xác định, lựa chọn đề tài: Đây là vấn đề gần gũi, bức thiết với cuộc sống hằng ngày của mỗi chúng ta. Bằng sự chứng kiến trong cuộc sống hay lắng nghe trên các phương tiện thông tin đại chúng, các em sẽ dễ dàng bày tỏ quan điểm của mình về việc bảo vệ môi trường. - Xác định mục đích: Trình bày ý kiến để thuyết phục mọi người thấy được bảo vệ môi trường là trách nhiệm của chung chứ không phải của riêng một ai để từ đó gửi gắm bức thông điệp bảo vệ môi trường. -Thu thập tài liệu: + Bằng chứng ô nhiễm môi trường qua các hình ảnh, bài viết, video... + Phỏng vấn trực tiếp đối với những nơi bị ô nhiễm môi trường. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý a. Tìm ý: - Vấn đề cần bàn luận: Đời sống của chúng ta sẽ bị tổn hại rất nhiều nếu mỗi người không có ý thức bảo vệ môi trường. - Ý kiến của em: Đồng tình với ý kiến trên vì “<i>Đời sống của chúng ta sẽ bị tổn hại rất nhiều nếu mỗi người không có ý thức bảo vệ môi trường</i>”; <i>bảo vệ môi trường là bảo vệ cuộc sống của chúng ta.</i> - Cần đưa ra những lí lẽ, dẫn chứng để thuyết phục mọi người về ý kiến trên: + Ô nhiễm môi trường ảnh hưởng tới tất cả mọi người trên nhiều phương diện: . Làm mất mỹ quan đường phố . Gây những tổn hại to lớn (mất nguồn gỗ, chim, thú, hạn hán, lũ lụt,...) . Ảnh hưởng tới sức khỏe mọi người (bệnh hô hấp, viêm phổi do ô nhiễm không khí, bệnh ung
---	--

	thư do ô nhiễm nguồn nước, khí độc, ô nhiễm đất do thuốc trừ sâu,... Dẫn chứng: Formosa Hà Tĩnh gây ra thảm họa môi trường lớn nhất Việt Nam trong nhiều năm qua, gây ô nhiễm môi trường biển khiến cá chết hàng loạt ở khu vực miền Trung từ Hà Tĩnh đến Thừa Thiên Huế. + Bảo vệ môi trường không còn là trách nhiệm của riêng ai mà là trách nhiệm chung, trách nhiệm của tất cả mọi người. - Khẳng định lại ý kiến và bức thông điệp mà em muốn nhắn gửi tới mọi người: + Em hoàn toàn đồng ý với ý kiến trên. + Thông điệp: Mỗi người cần có ý thức, hãy chung tay bảo vệ môi trường bằng những việc làm nhỏ nhất. b. Lập dàn ý *Mở bài: - Dẫn dắt để nêu lên vấn đề nghị luận: Đời sống của chúng ta sẽ bị tổn hại rất nhiều nếu mỗi người không có ý thức bảo vệ môi trường. - Bày tỏ quan điểm của em về vấn đề nghị luận: đồng tình hay phản bác. *Thân bài: - Vấn đề được nêu ra để bàn luận: Đời sống của chúng ta sẽ bị tổn hại rất nhiều nếu mỗi người không có ý thức bảo vệ môi trường. - Đưa ra lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục mọi người về quan điểm của mình: + Thứ nhất: ô nhiễm môi trường ảnh hưởng tới tất cả mọi người trên nhiều phương diện: . Làm mất mỹ quan đường phố . Gây những tổn hại to lớn về kinh tế (mất nguồn gỗ, chim, thú, hạn hán, lũ lụt,...) . Ảnh hưởng tới sức khỏe mọi người + Bảo vệ môi trường không còn là trách nhiệm
--	--

của riêng ai mà là trách nhiệm chung, trách nhiệm của tất cả mọi người.

***Kết bài:**

- Khẳng định lại quan điểm cá nhân về vai trò của bảo vệ môi trường đối với mọi người.

- Bức thông điệp gửi tới mọi người.

Bước 3: Viết bài

Bài tham khảo

Mỗi người trong chúng ta luôn cố gắng để xây dựng cho cuộc sống của mình tươi đẹp hơn. Thế nhưng chúng ta đâu biết rằng chỉ một hành động vô ý nhỏ bé của mình cũng đủ làm tổn hại đến môi trường, đến cuộc sống của chúng ta. Vậy nên có ý kiến cho rằng “*Đời sống của chúng ta sẽ bị tổn hại rất nhiều nếu mỗi người không có ý thức bảo vệ môi trường*”. Em hoàn toàn đồng ý với quan điểm này.

Cụm từ “*bảo vệ môi trường*” là từ khóa được nhiều kênh thông tin đại chúng nhắc đến hàng ngày, hàng giờ bởi nó liên quan, ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống của chúng ta. Thế nhưng có không ít người cho rằng bảo vệ môi trường không phải là trách nhiệm của mình mà là trách nhiệm của ai đó. Chính vì vậy, ý kiến trên như bức thông điệp nhắc nhở tới tất cả mọi người: bảo vệ môi trường là bảo vệ cuộc sống của chúng ta. Vậy đời sống của chúng ta sẽ bị tổn hại như thế nào nếu mỗi người không có ý thức bảo vệ môi trường?

Thứ nhất=> Ô nhiễm môi trường ảnh hưởng tới tất cả mọi người trên nhiều phương diện. Môi trường là không khí bạn hít thở mỗi ngày, là mặt đất bạn đứng trên, là cánh rừng bát ngát, là dòng nước bạn uống,..Tất cả đều quý giá biết bao. Thế nhưng vì cái lợi trước mắt mà những lưỡi cưa sắc nhọn đã cứa vào thân gỗ.

Triệu triệu cây gỗ bị hạ xuống, màu xanh dần mất, lũ lụt tràn về, không khí không được điều hòa, ngày càng trở nên ngột ngạt. Cuộc sống chính thức bị đe dọa. Chẳng phải thế là tổn thất quá lớn hay sao chỉ vì một từ “*thiếu ý thức*”. Rồi những nguồn lợi vật chất rừng mang đến cho con người cũng bị cuốn vào những lưới cửa kia. Quê hương xanh đẹp giờ là đồi trọc. Đời sống của con người cũng vì đó mà tổn hại rất nhiều.

Môi trường đó là bầu không khí ta thở hằng ngày cũng bị con người làm cho ô nhiễm. Hàng ngàn nhà máy, xí nghiệp mọc lên, khói xả nghi ngút bầu trời. Tầng ô-zôn bị thủng, tia tử ngoại và tia cực tím chiếu xuống tạo ra bệnh tật. Và hậu quả là tính mạng con người bị đe dọa bất cứ lúc nào.

Ông bà ta nói “*rừng vàng, biển bạc*”. Ấy thế mà thử tưởng tượng xem, nếu mặt biển bập bênh những rác, cá, ốc, sinh vật dưới biển chết trôi, nước đục ngầu,...thì đâu là sự trong trẻo, tươi đẹp nữa. Ôi! Thật kinh khủng làm sao. Ta có thể thấy điều đó qua vụ thải chất độc từ nhà máy Formosa Hà Tĩnh gây ra thảm họa môi trường lớn nhất Việt Nam trong nhiều năm qua, gây ô nhiễm môi trường biển khiến cá chết hàng loạt ở khu vực miền Trung từ Hà Tĩnh đến Thừa Thiên Huế. Ta chứng kiến hình ảnh người dân bao đời gắn bó với biển nay xót xa ghen ngào khi nhìn biển “*chết*”.

Phá hoại môi trường cũng là phá hoại nền kinh tế. Đất bị kho cằn, nứt nẻ, mất chất dinh dưỡng làm cho cây cối trở nên khô héo, nông nghiệp sa sút. Không khí ô nhiễm làm khí hậu theo đất ô nhiễm. Và chắc chắn rồi đây những sinh vật trên mặt đất sẽ không còn thấy sự tươi tốt trù phú bao phủ mọi nơi. Tất cả đều đáng sợ.

GV: Phương pháp làm như dạng đề a nhưng thêm một bước ở phần thân bài là: Tóm tắt nội dung chính của ngữ liệu để rút ra vấn đề cần nghị luận. Cụ thể như sau: - Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận. - Tóm tắt nội dung chính của ngữ liệu để rút ra vấn đề cần nghị luận. - Bày tỏ quan điểm, ý kiến (có thể đồng tình hoặc phản đối hoặc vừa đồng tình vừa phản đối). + Đưa ra lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục mọi người về quan điểm của mình.	Thứ hai=> Vậy nên mọi người cần chung tay bảo vệ môi trường. Môi trường là Nếu rừng đã lở bị hại những ai có ý thức thì đừng tiếp tục phá rừng nữa, hãy trồng thêm cây và chăm sóc rừng đi. Một người không thể làm việc quá lớn, vậy nên hãy bắt đầu từ những việc nhỏ nhất như: vệ sinh nhà cửa, thu gom rác thải và vứt rác đúng nơi qui định, chăm sóc cây, bảo vệ hồ, ao, sông, biển,...Điều đó ai cũng có thể làm và nhiều việc nhỏ sẽ tích thành việc lớn. Thiên nhiên ban tặng cho ta những điều kì diệu nhưng cũng có thể mang đi bất cứ lúc nào nếu ai đó lơ làm thiên nhiên nổi giận. Đừng bao giờ để điều đó xảy ra, bởi: <i>“Tổ quốc Việt Nam xanh ngát/Có sạch đẹp mãi được không? Điều đó tùy thuộc hành động của bạn/ Tùy thuộc vào bạn mà thôi”</i>. Tóm lại, môi trường rất quan trọng trong cuộc sống của mỗi người. Vậy nên mọi người hãy cùng nhau bảo vệ môi trường bằng những hành động nhỏ nhất. Hãy bảo vệ cuộc sống bằng cách giữ vững màu xanh cho môi trường, để cùng hướng tới một <i>“hành tinh mãi xanh”</i> Bước 4: Chỉnh sửa bài viết Rà soát, chỉnh sửa bài viết theo những gợi ý trong bảng kiểm ở phần hướng dẫn chung. b. Dạng đề mở và gián tiếp thông qua ngữ liệu Đề minh họa: Hãy quan sát những hình ảnh sau trong đại dịch Covid 19 và viết bài văn (khoảng 1 trang giấy thi) bày tỏ suy nghĩ của em.
---	--

+ Người viết nhắn gửi bức thông điệp về vấn đề trong đời sống (bài học, phát huy, khuyến nhủ, cảnh cáo,...)

Lưu ý:

- Cả hai dạng bài đều phải sử dụng hệ thống dẫn chứng, lí lẽ cho phù hợp,
- Cần phân biệt cụ thể dạng đề mở thông qua ngữ liệu để tránh nhầm lẫn với bài nghị luận văn học khi có cùng một nội dung của vấn đề.

Ví dụ: Ta xét 2 đề sau

Đề 1 : Tục ngữ có câu : « *Đi một ngày đàng học một sàng khôn* ». Em hãy viết bài văn nghị luận giải thích và làm sáng tỏ vấn đề trên.

Đề 2 : Tục ngữ có câu : « *Đi một ngày đàng học một sàng khôn* ». Em hãy viết bài văn nghị luận trình bày ý kiến của em về vấn đề được đặt ra trong câu tục ngữ.

=>Đề 1 : **Nghị luận văn học**

=>Đề 2 : **Nghị luận về vấn đề đời sống**

do có cụm từ « *trình bày ý kiến của em về vấn đề được đặt ra trong câu tục ngữ* ».

Thực tế, do người ra đề dùng từ ngữ không rõ ràng nên HS có sự nhầm lẫn.

Ví dụ : Viết đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của em về câu nói : « *Học, học nữa, học mãi* » (Lê-Nin)

Đề ra như vậy là chưa chuẩn đối với đề nghị luận xã hội do có cụm từ « *trình bày suy nghĩ của em về câu nói* » vì cụm từ này là dùng cho đề văn nghị luận văn học.

Đề chuẩn phải là :Viết đoạn văn



Hướng dẫn làm bài

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

- **Xác định, lựa chọn đề tài:** Tình yêu thương, sẻ chia con người trong đại dịch Covid 19.

(khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của em về **vấn đề được đặt ra** trong câu nói : « Học, học nữa, học mãi » (Lê-Nin)

Vì vậy để tránh sự nhầm lẫn thì lệnh đề phải thể hiện rõ được bản chất của bài viết trong đề bài và cụm từ « trình bày ý kiến của em về vấn đề được đặt ra trong ngữ liệu(...)trên » là rất cần thiết.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

? Em cần chuẩn bị gì trước khi viết?

? Em tìm ý và lập dàn ý như thế nào?

? Viết bài văn hoàn chỉnh.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS làm việc cá nhân, nhóm, thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

HS báo cáo kết quả, nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định.

GV nhận xét, đánh giá

- **Xác định mục đích:** Trình bày quan điểm của em về những hành động, việc làm giúp đỡ nhau qua đại dịch Covid 19, từ đó giúp mọi người nhận ra trong cuộc sống cần lan tỏa tình yêu thương.

- **Thu thập tài liệu:**

+ Thu thập bằng chứng xác đáng để tăng tính thuyết phục cho lập luận. Bằng chứng phong phú, các em nghe, gặp hằng ngày trên sách báo, ti vi.

+ Lắng nghe thêm ý kiến bình luận của thầy cô, bố mẹ và các bạn học sinh khác về hành động yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau trong đại dịch Covid 19 để có cái nhìn toàn diện hơn, khẳng định ý kiến chủ quan của bản thân về vấn đề.

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

a. Tìm ý:

* **Vấn đề cần bàn luận :** hành động, việc làm giúp đỡ lẫn nhau trong đại dịch Covid 19.

* **Ý kiến của em về vấn đề :** Đồng tình với những hành động, việc làm lan tỏa yêu thương.

* **Cần đưa ra những lí lẽ, dẫn chứng gì để thuyết phục mọi người về quan điểm :**

- **Những hành động sẽ chia yêu thương trong đại dịch Covid 19 nói riêng và trong cuộc sống nói chung có rất nhiều ý nghĩa :**

+ Làm cho cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn : giúp con người biết yêu thương, sẻ chia, biết giúp đỡ để cùng nhau vượt qua khó khăn, thử thách.

+ Là chiếc chìa khóa kì diệu làm nên tinh thần đoàn kết đáng quý của dân tộc, là cội nguồn cho sự phát huy sức mạnh của đại đoàn kết toàn dân.

Dẫn chứng :

- Ngay từ lúc dịch bùng phát, giữa bối cảnh nhiều quốc gia hoang mang, lo lắng, chính phủ ta đã có động thái vô cùng nhân văn: đón kiều bào trở về từ vùng dịch. Với phương châm «Việt Nam quyết tâm không để ai bị bỏ lại phía sau, trong cuộc

	chiến chống đại dịch Covid 19» - Trong thời gian miền Nam gồng mình chống dịch thì khắp nơi trên cả nước đều hướng về miền Nam ruột thịt với tinh thần « lá lành đùm lá rách », « Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ ». Nhưng chuyển xe không đồng, những siêu thị không đồng, những bữa cơm không đồng lần lượt ra đời. Những bao gạo, bó rau, từng quả bí, quả bầu cũng được gói gém cẩn thận để gửi đến bà con. Những thông điệp có ý nghĩa lan tỏa ngày một nhiều ở các tỉnh thành có dịch mà không riêng gì miền Nam như « Nếu khó khăn cứ lấy một phần. Nếu bạn ổn định xin nhường cho người khác »,.... Nhiều người ở tâm dịch còn tự nguyện đóng cửa kinh doanh ăn uống chỉ để tập trung phục vụ nấu cơm cho người dân nghèo đang oằn mình vì dịch. Và nhiều người trong số họ đã ra đi khi dự định còn dang dở như anh... - Tại các khu cách li, các bạn học sinh, sinh viên,.. tích cực lấy mẫu xét nghiệm, phát khẩu trang, nước rửa tay miễn phí cho bà con. Còn đội ngũ công an, bộ đội thì ngày đêm túc trực. Cảm động vô cùng hình ảnh các y, bác sĩ làm việc 24/24 không có thời gian nghỉ ngơi, thậm chí có người đã phải ra đi khi tham gia công tác phòng chống dịch. *Khẳng định lại ý kiến trên và bức thông điệp gửi tới mọi người : Hãy lan tỏa tình yêu thương từ trái tim của bạn đến với mọi người để cuộc sống của chúng ta luôn đẹp, luôn xanh hơn. b. Lập dàn ý * Mở bài : - Dẫn dắt nêu lên vấn đề nghị luận :Tình yêu thương, sẻ chia con người trong đại dịch Covid 19. - Nêu lên quan điểm của bản thân : đồng tình với
--	---

những việc làm trên.

***Thân bài :**

- **Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm.**

- **Đưa ra lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục mọi người về quan điểm :** Tình yêu thương, sẻ chia có ý nghĩa lớn lao:

+ Làm cho cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn : giúp con người biết yêu thương, sẻ chia, biết giúp đỡ để cùng nhau vượt qua khó khăn, thử thách.

+ Là chiếc chìa khóa kì diệu làm nên tinh thần đoàn kết đáng quý của dân tộc, là cội nguồn cho sự phát huy sức mạnh của đại đoàn kết toàn dân.

*** Kết bài :**

- Khẳng định lại quan điểm cá nhân.

- Bức thông điệp muốn gửi tới mọi người.

Bước 3 : Viết bài

Có thể tham khảo bài văn sau

"Nếu có một gia vị làm tăng thêm hơi ấm và ý nghĩa trong cuộc sống... đó chính là tình yêu thương. Nếu có một tình cảm thiêng liêng giúp chúng ta vượt qua bao khó khăn, thử thách đó chính là tình yêu thương". Câu nói trên đã nói lên được ý nghĩa của tình yêu thương, sẻ chia trong cuộc sống đặc biệt là trong những ngày Sài Gòn oằn mình chống dịch. Những hành động sẻ chia, giúp đỡ đồng bào miền Nam có ý nghĩa vô cùng lớn lao, làm nên những điều kì diệu của cuộc sống. Những việc làm, hành động ấy, em hoàn toàn đồng tình và trân trọng.

Những hình ảnh mà chúng ta quan sát trên là những nghĩa cử cao đẹp của con người Việt Nam để giúp Sài Gòn nói riêng và cả nước nói chung vượt qua đại dịch. Nó là minh chứng cho tình người trong hoàn cảnh khó khăn, thử thách. Những hành động đẹp này theo em cần lan tỏa nhiều trong cuộc sống để xã hội ngày một tốt đẹp

hơn.

Hành động, yêu thương sẻ chia trong đại dịch nói riêng và trong cuộc sống nói chung có rất nhiều ý nghĩa. Trước hết, nó làm cho cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn. Nó giúp giúp con người biết yêu thương, sẻ chia, biết giúp đỡ để cùng nhau vượt qua khó khăn, thử thách. Hơn thế nữa, tình người còn là chiếc chìa khóa kì diệu làm nên tinh thần đoàn kết đáng quý của dân tộc, là cội nguồn cho sự phát huy sức mạnh của đại đoàn kết toàn dân. Trong đại dịch vừa qua, tình yêu thương sẻ chia đã tạo nên sự gắn kết giữa người với người, khiến cho mọi người xích lại gần nhau hơn để cùng thấu hiểu và chia sẻ.

Ngay từ lúc dịch bùng phát, giữa bối cảnh nhiều quốc gia hoang mang, lo lắng, chính phủ ta đã có động thái vô cùng nhân văn, thể hiện trách nhiệm bảo vệ, giúp đỡ công dân là đón kiều bào trở về từ vùng dịch. Với phương châm *«Việt Nam quyết tâm không để ai bị bỏ lại phía sau, trong cuộc chiến chống đại dịch Covid 19»*.

Trong thời gian miền Nam gồng mình chống dịch thì khắp nơi trên cả nước đều hướng về miền Nam ruột thịt với tinh thần *« lá lành đùm lá rách »*, *« Một con ngựa đau cả tàu bỏ cỏ »*. Những chuyến xe không đông, những siêu thị không đông, những bữa cơm không đông lần lượt ra đời. Những bao gạo, bó rau, từng quả bí, quả bầu cũng được gói gém cẩn thận để gửi đến bà con. Những thông điệp có ý nghĩa lan tỏa ngày một nhiều ở các tỉnh thành có dịch mà không riêng gì miền Nam như *« Nếu khó khăn cứ lấy một phần. Nếu bạn ổn định xin nhường cho người khác »*,... Nhiều người ở tâm dịch còn tự nguyện đóng cửa kinh doanh ăn uống chỉ để tập trung phục vụ nấu cơm cho người dân nghèo

đang oằn mình vì dịch. **Và nhiều người trong số họ đã ra đi khi dự định còn dang dở như anh...**

Tại các khu cách li, các bạn học sinh, sinh viên,.. tích cực lấy mẫu xét nghiệm, phát khẩu trang, nước rửa tay miễn phí cho bà con. Còn đội ngũ công an, bộ đội thì ngày đêm túc trực. Cảm động vô cùng hình ảnh các y, bác sĩ làm việc 24/24. Họ là lực lượng ở tuyến đầu. Căng thẳng, áp lực và nguy cơ lây nhiễm luôn thường trực nhưng những « *chiến sĩ áo trắng* » ấy vẫn lặng thầm gánh trên vai sứ mệnh cao cả-chữa bệnh, cứu người của người thầy thuốc. Họ không ngại xông pha đến các điểm nóng của dịch bệnh, thức đêm lấy mẫu xét nghiệm, tạm gác lại hạnh phúc riêng tư, xa những người thân yêu nhất để ngày đêm túc trực bên giường bệnh, tận tình chăm sóc bệnh nhân. Dù bao gian khổ nhưng họ vẫn lao vào tâm dịch với một tâm thế sẵn sàng và một trái tim nhiệt huyết nhất vì người dân và đất nước. Và rất nhiều người trong số họ đã mãi mãi ra đi khi những dự định còn dang dở.

Tóm lại, "*Con người sống không có tình thương cũng giống như vườn hoa không có ánh nắng mặt trời*"(Vích-to Huy-gô). Vậy nên, hãy lan tỏa tình yêu thương từ trái tim của bạn đến với mọi người để cuộc sống của chúng ta luôn đẹp, luôn xanh các bạn nhé !

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

a.Mục tiêu:

- Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của người viết, thực hiện đầy đủ các bước theo hướng dẫn.
- HS đưa ra ý kiến phản đối quan niệm hay tán thành quan niệm về một vấn đề, nhằm góp phần tạo nên một sự thay đổi tích cực trong cuộc sống.

b. Nội dung: HS suy nghĩ, trình bày.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: <i>? Em tìm ý và lập dàn ý cho đề trên?</i> <i>? Viết thành bài văn hoàn chỉnh.</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, nhóm, thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, nhận xét. Dự kiến sản phẩm * Vấn đề cần bàn luận: có nên viết vẽ vào sách giáo khoa. * Ý kiến của em về vấn đề: vừa đồng tình vừa không đồng tình với hai ý kiến trên bởi: - Viết vẽ vào sách giáo khoa (SGK) sẽ đưa lại hiệu quả trong học tập nhưng ngược lại viết vẽ bậy lung tung sẽ để lại hậu quả, ảnh hưởng tới học tập. - Từ việc phân tích của bản thân để giúp người đọc có sự điều chỉnh như thế nào cho phù hợp để việc sử dụng sách giáo khoa trở nên hữu ích với mọi người. * Cần đưa ra những lí lẽ, dẫn chứng gì để thuyết phục mọi người về quan điểm? - Thứ nhất, viết vẽ đúng cách trong SGK sẽ đưa lại những hiệu quả tích cực: Ghi chú về nội dung bài học mà bản thân các em tự học trên mạng – đặc biệt là môn Tiếng Anh (ghi chú về từ mới, ngữ pháp), giải thích một thuật ngữ của môn học, ghi chú lỗi sai mà mình thường mắc phải, ghi chú thêm nội dung mà thầy cô giảng giải thêm trên lớp,... - Thứ hai, viết vẽ trong SGK không	Đề 1: Có ý kiến cho rằng: Sách giáo khoa được bố mẹ mua cho là quyền sở hữu của mỗi học sinh. Vậy nên muốn viết hay vẽ gì vào đó là quyền của mỗi người. Viết bài văn bày tỏ suy nghĩ của em về ý kiến đó. 1. Tìm ý: * Vấn đề cần bàn luận: có nên viết vẽ vào sách giáo khoa. * Ý kiến của em về vấn đề: vừa đồng tình vừa không đồng tình với hai ý kiến trên bởi: - Viết vẽ vào sách giáo khoa (SGK) sẽ đưa lại hiệu quả trong học tập nhưng ngược lại viết vẽ bậy lung tung sẽ để lại hậu quả, ảnh hưởng tới học tập. - Từ việc phân tích của bản thân để giúp người đọc có sự điều chỉnh như thế nào cho phù hợp để việc sử dụng sách giáo khoa trở nên hữu ích với mọi người. * Cần đưa ra những lí lẽ, dẫn chứng gì để thuyết phục mọi người về quan điểm? - Thứ nhất, viết vẽ đúng cách trong SGK sẽ đưa lại những hiệu quả tích cực: Ghi chú về nội dung bài học mà bản thân các em tự học trên mạng – đặc biệt là môn Tiếng Anh (ghi chú về từ mới, ngữ pháp), giải thích một thuật ngữ của môn học, ghi chú lỗi sai mà mình thường mắc phải, ghi chú thêm nội dung mà thầy cô giảng giải thêm trên lớp,... - Thứ hai, viết vẽ trong SGK không đúng cách sẽ đưa lại những hậu quả không tốt trong học tập: gạch xóa nội dung bài học trong sách, vẽ những hình minh họa phản cảm, biến SGK trở thành vở nháp lung tung,... SGK sử dụng không đúng mục đích, trở nên vô nghĩa. * Bức thông điệp em muốn nhắn gửi tới mọi người: Viết vẽ trong SGK một cách hợp lí sẽ
--	---

đúng cách sẽ đưa lại những hậu quả không tốt trong học tập: gạch xóa nội dung bài học trong sách, vẽ những hình minh họa phản cảm, biến SGK trở thành vở nháp lung tung,...SGK sử dụng không đúng mục đích, trở nên vô nghĩa.

*** Bức thông điệp em muốn nhắn gửi tới mọi người: Viết vẽ trong SGK một cách hợp lí sẽ trở nên hiệu quả trong học tập đối với học sinh, vì thế cần học cách viết, vẽ cho phù hợp.**

Bước 4: Kết luận, nhận định.

GV nhận xét, đánh giá

trở nên hiệu quả trong học tập đối với học sinh, vì thế cần học cách viết, vẽ cho phù hợp.

2. Lập dàn ý:

***Mở bài:**

- Dẫn dắt để nêu ý kiến: Sách giáo khoa được bố mẹ mua cho là quyền sở hữu của mỗi học sinh khi mang đến lớp. Vì vậy muốn viết vẽ gì vào đó là quyền của mỗi người.

- Bày tỏ quan điểm của bản thân về ý kiến: vừa đồng tình, vừa không đồng tình.

***Thân bài:**

- Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm: Thực trạng sử dụng SGK hiện nay.

- Đưa ra lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục mọi người về quan điểm của mình:

+ Thứ nhất, viết vẽ đúng cách trong SGK sẽ đưa lại những hiệu quả tích cực: Ghi chú về nội dung bài học mà bản thân các em tự học trên mạng – đặc biệt là môn Tiếng Anh (ghi chú về từ mới, ngữ pháp), giải thích một thuật ngữ của môn học, ghi chú lỗi sai mà mình thường mắc phải, ghi chú thêm nội dung mà thầy cô giảng giải thêm trên lớp,...

+ Thứ hai, viết vẽ trong SGK không đúng cách sẽ đưa lại những hậu quả không tốt trong học tập: gạch xóa nội dung bài học trong sách, vẽ những hình minh họa phản cảm, biến SGK trở thành vở nháp lung tung,...SGK sử dụng không đúng mục đích, trở nên vô nghĩa.

- Nhận xét những tác động tiêu cực của ý kiến, quan niệm đối với đời sống (lí lẽ, bằng chứng)

*** Kết bài:**

- Khẳng định lại quan điểm cá nhân về việc nên hay không nên viết, vẽ vào SGK.

- Thông điệp gửi tới mọi người.

Viết bài

Sách giáo khoa là “*người thầy im lặng*” giúp bạn khám phá thế giới của tri thức. Vậy sử dụng sách giáo khoa thế nào cho đúng? Có ý kiến cho rằng “*Sách giáo khoa được bố mẹ mua cho là quyền sở hữu của mỗi học sinh. Vậy nên muốn viết hay vẽ gì vào đó là quyền của mỗi người. Em vừa đồng tình vừa không đồng tình với ý kiến trên.*”

Ý kiến trên đã đề cập đến việc sử dụng SGK hiện nay của các bạn học sinh. Có những bạn học hết cả năm học rồi mà SGK còn như mới mua; có những bạn mua về hôm trước, hôm sau đã thấy rách bìa; có những bạn mua về viết vẽ bậy lung tung vào đó,...Nếu có ai nhắc nhở thì các bạn lại bảo rằng: SGK được bố mẹ mua cho là quyền sở hữu của các bạn nên các bạn muốn làm gì với nó cũng được vì các bạn có quyền. Vậy sử dụng SGK như thế nào cho hợp lí, có ý nghĩa để đem lại kết quả học tập tốt nhất.

Trước hết, viết vẽ đúng trong SGK sẽ đem lại hiệu quả học tập tốt. Bởi SGK mà chúng ta học sẽ có những từ mới, từ khó, những thuật ngữ mà ta chưa bao giờ gặp buộc ta phải tra từ điển hay tham khảo trên mạng. Lúc này những ghi chú trong SGK sẽ giúp chúng ta nhớ lâu. Chúng ta có thể dùng bút chì để ghi chú lại đặc biệt là môn Tiếng Anh. Có nhiều bạn còn ghi chú những lỗi sai mà mình hay gặp phải. Lại có bạn ghi chú thêm nội dung mà thầy cô giảng giải thêm trên lớp,...Những cách viết, vẽ minh họa hay ghi chú như vậy sẽ đạt hiệu quả tốt trong học tập.

Tuy nhiên, bên cạnh việc viết vẽ đúng trong SGK thì có một bộ phận các bạn viết vẽ trong SGK không đúng cách. Việc làm này sẽ đưa lại những hậu quả không tốt trong học tập.

Một số bạn còn lấu tấu gạch xóa những nội dung bài học trong sách. Một số bạn thiếu ý thức đã vẽ những hình minh họa nhìn rất phản cảm. Một số bạn vô tình biến SGK trở thành vở nháp lung tung, thành một mớ giấy lộn, những em học sinh khóa sau cũng không thể sử dụng lại những cuốn sách đó nữa... Vậy nên sử dụng SGK không đúng mục đích sẽ trở nên vô nghĩa trong học tập.

Ý kiến trên có tác động ảnh hưởng không nhỏ tới ý thức của các bạn học sinh khi sử dụng SGK. Nó trở thành lời bao biện cho những ai viết vẽ không đúng mục đích. Và nó là nguyên nhân dẫn đến ý thức kém trong việc bảo quản đồ dùng học tập cũng như trong cuộc sống sau này.

Tóm lại, SGK mà bố mẹ mua cho ta thì ta có quyền sở hữu về nó nhưng sử dụng như thế nào thì chúng ta nên cân nhắc hợp lí. Bởi sử dụng sai cách sẽ đem lại những hậu quả đáng tiếc. Vậy nên, hãy biết nâng niu, trân quý những quyển sách ấy vì nó chính là những người thầy vĩ đại của mình đấy, các bạn nhé!

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 8:

CHUYÊN ĐỀ 5: VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG (tt)

(Dùng chung 3 bộ sách)

Thời lượng: 3 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Biết viết bài văn nghị luận về 1 vấn đề trong đời sống.
- Nêu được vấn đề và ý kiến cần bàn luận.
- Trình bày được sự tán thành với ý kiến cần bàn luận

- Đưa ra được những lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng để chứng tỏ sự tán thành hay phản đối là có căn cứ.

2. Năng lực:

* Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học:

- + Tự điều chỉnh tình cảm, thái độ, hành vi của mình
- + Thích ứng với cuộc sống

- Năng lực giao tiếp và hợp tác

- + Xác định trách nhiệm và hoạt động của bản thân

* Năng lực đặc thù

- Biết viết bài văn nghị luận về 1 vấn đề trong đời sống.
- Nêu được vấn đề và ý kiến cần bàn luận.
- Trình bày được sự tán thành với ý kiến cần bàn luận
- Đưa ra được những lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng để chứng tỏ sự tán thành hay phản đối là có căn cứ.

3. Phẩm chất: Nhân ái:

- + Trân trọng danh dự, sức khoẻ và cuộc sống riêng tư của người khác.
- + Không đồng tình với cái ác, cái xấu; không cổ xúy, không tham gia các hành vi bạo lực; sẵn sàng bên vực người yếu thế, thiệt thòi,...
- + Tôn trọng sự khác biệt về nhận thức, phong cách cá nhân của những người khác

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, PHT, một số đề tham khảo.
- Học ôn lại bài.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU/KHỞI ĐỘNG

2. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

a. Mục tiêu:

- Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của người viết, thực hiện đầy đủ các bước theo hướng dẫn.
- HS đưa ra ý kiến phản đối quan niệm hay tán thành quan niệm về một vấn đề, nhằm góp phần tạo nên một sự thay đổi tích cực trong cuộc sống.

b. Nội dung: HS suy nghĩ, trình bày.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1	Đề 1. Có ý kiến cho rằng nên sử dụng bao bì ni lông để đựng thực phẩm vì nó vừa nhẹ, bền
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:	

? Em tìm ý và lập dàn ý cho đề 1?

? Viết thành bài văn hoàn chỉnh.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS làm việc cá nhân, nhóm, thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

HS báo cáo kết quả, nhận xét.

lại vừa tiện lợi. Em hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến trên.

*** Mở bài :**

- Dẫn dắt nêu lên vấn đề nghị luận : nên sử dụng bao bì ni lông để đựng thực phẩm vì nó vừa nhẹ, bền lại vừa tiện lợi.

- Nêu lên quan điểm của bản thân : không đồng tình với ý kiến trên.

*** Thân bài :**

- **Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm :**
Hiện tượng sử dụng bao bì ni lông hiện nay.

- **Đưa ra lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục mọi người về quan điểm :**

+ Trước hết sử dụng bao bì ni lông nhẹ, bền, tiện lợi nên ở Việt Nam hằng ngày sử dụng bao bì ni lông quá nhiều. Trung bình một người sử dụng hơn 35 kg/người/ năm. Theo thống kê, chỉ riêng hai thành phố lớn là Hà Nội và TP. HCM , trung bình mỗi ngày thải ra môi trường khoảng 80 tấn rác nhựa và túi ni lông. Con số này không ngừng tăng lên hằng ngày.

+ Tuy nhiên, theo phân tích của các nhà khoa học về môi trường thì nhựa, túi ni lông, thải ra môi trường cần vài trăm năm đến vài nghìn năm mới có thể tự phân hủy được nếu không bị tác động của ánh sáng mặt trời. Chính vì thế, sử dụng bao bì ni lông sẽ đưa lại nhiều hậu quả khôn lường :

. Thứ nhất, bao bì ni lông lẫn vào đất làm cản trở quá trình sinh trưởng của các loại thực vật mà nó bao quanh.

. Thứ hai, bao bì ni lông gây ra hiện tượng ngập úng vì khi rác bị vứt xuống cống, hồ,...làm tắc nghẽn các đường ống dẫn nước thải làm tăng khả năng ngập lụt ở các đô thị vào mùa mưa.

. Thứ ba, bao bì ni lông tàn phá hệ sinh thái. Túi

ni lông khi nằm trong đất khiến đất không giữ được nước, quá trình trao đổi chất dinh dưỡng không xảy ra được nên cây cối không phát triển được.

- Thứ tư, bao bì ni lông bị trôi xuống hồ, sông biển và vô tình làm chết các sinh vật khi chúng nuốt phải. Bằng chứng là nhiều động vật đã chết do nuốt phải những hộp nhựa đựng thức ăn của khách du lịch vứt bừa bãi. (Dẫn chứng)

- Thứ năm, bao bì ni lông màu đựng thực phẩm làm ô nhiễm thực phẩm do chứa các kim loại như chì, ca-di-mi gây tác hại cho não và là nguyên nhân gây ung thư phổi. Nguy hiểm hơn khi bao bì ni lông được đốt lên, các khí thải ra đặc biệt là khí đi-ô-xin có thể gây ngộ độc, ngất, khó thở, ho ra máu ảnh hưởng đến các tuyến nội tiết, làm giảm khả năng miễn dịch, gây rối loạn chức năng, gây ung thư và các dị tật bẩm sinh cho trẻ sơ sinh.

- Cuối cùng, lạm dụng bao bì ni lông cùng với sự vô ý thức của con người sẽ làm mất mỹ quan nơi mình sinh sống. Không những thế, những ô rác ấy còn là tác nhân chứa vi khuẩn gây bệnh, gây ô nhiễm môi trường.

- **Tác động không tốt của ý kiến trên :** Khiến mọi người có thói quen lạm dụng bao bì ni lông trong đựng thực phẩm, bao biện cho thói quen xấu hằng ngày của mình, làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới môi trường mà con người là nhân tố chịu hậu quả đầu tiên.

*** Kết bài :**

- Khẳng định lại quan niệm của cá nhân về việc sử dụng bao bì ni lông bền, nhẹ và vô cùng tiện lợi.

- Bức thông điệp gửi tới mọi người : Một ngày không sử dụng bao bì ni lông.

Nhiệm vụ 2 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: ? Em tìm ý và lập dàn ý cho đề 2? ? Viết thành bài văn hoàn chỉnh. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS làm việc cá nhân, nhóm, thực hiện nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, nhận xét.	HS tự viết bài văn Đề 2. Có ý kiến cho rằng sử dụng mạng xã hội vừa có lợi, vừa có hại. Em hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của em về vấn đề này. Dàn ý tham khảo * Mở bài : - Dẫn dắt nêu lên vấn đề nghị luận : sử dụng mạng xã hội vừa có lợi, vừa có hại. - Nêu lên quan điểm của bản thân : đồng tình với ý kiến trên. * Thân bài : - Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm : thực trạng sử dụng mạng xã hội hiện nay » : nhà nhà sử dụng, người người sử dụng với những mục đích khác nhau. - Đưa ra lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục mọi người về quan điểm : + Trước hết sử dụng mạng xã hội facebook đem lại nhiều lợi ích : . Giúp ta cập nhật những tin tức hằng ngày một cách nhanh chóng chỉ bằng một nút like hay một nút share. . Lưu giữ lại những kỉ niệm đẹp bằng những bức ảnh hay video thú vị. . Là nơi giao lưu kết bạn, trò chuyện học hỏi vô cùng bổ ích. . Là nơi có thể kinh doanh buôn bán các mặt hàng online.... Dẫn chứng : Nhờ mạng xã hội facebook mà tìm được người thân, chung tay sẻ chia những mảnh đời bất hạnh, tìm được của cải bị mất, bán hàng với danh số cao..... + Tuy nhiên, sử dụng mạng xã hội facebook quá nhiều và chưa đúng mục đích sẽ để lại nhiều hậu quả : . Nghiện mạng xã hội trầm trọng.
--	--

	. Dành nhiều thời gian vào nó. . Ảnh hưởng đến sức khỏe. . Sống vô cảm với mọi người xung quanh. . Ảnh hưởng đến cuộc sống của bản thân, mọi người. . Là nơi lan truyền những thông tin không lành mạnh, những tin rác chưa được kiểm chứng, thậm chí là những tin phản động ,... Dẫn chứng : - Năm 2016, xuất hiện thông tin bịa đặt trên mạng xã hội rằng « ăn vài thìa sẽ dễ mắc bệnh viêm não Nhật Bản ». Thông tin này làm cả người trồng vải và người tiêu dùng vô cùng hoang mang. - Ngày 21/8/2021, vào khoảng 12 giờ cùng ngày, Công an phường Trảng Dài phát hiện tài khoản facebook “Gia Minh Khang” có đăng một bài viết kèm theo hình ảnh với nội dung “Hẻm Tư Bách - Hẻm 97 khu phố 3, phường Trảng Dài có 23 ca nhiễm, mọi người cố gắng phòng bệnh hơn chữa bệnh”. Bài viết sau đó đã được chia sẻ nhiều trên mạng xã hội, gây tâm lý hoang mang trong dư luận. - Các tin đồn nói xấu vô căn cứ từ các “anh hùng bàn phím”. Nhiều người sau khi sử dụng mạng xã hội đã trở nên phán xét nhiều hơn ở trên mạng với những điều mà ngoài đời họ không dám nói ra. - Hiện nay, việc lừa đảo thông tin online, lấy đi thông tin người dùng bằng một đường dẫn dính virus đã trở nên khá phổ biến. Một trong những tác hại của mạng xã hội là có thể khiến bạn bị mạo danh. Tài khoản của bạn có thể bị mất và sẽ có người mạo danh bạn thực hiện các hành động phi pháp như lừa gạt tiền bạc danh sách bạn bè trên mạng của bạn.
--	--

Nhiệm vụ 3

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

? Em tìm ý và lập dàn ý cho đề 3?

? Viết thành bài văn hoàn chỉnh.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

HS làm việc cá nhân, nhóm, thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

HS báo cáo kết quả, nhận xét.

-

* Kết bài :

- Khẳng định lại quan điểm của cá nhân về việc sử dụng mạng xã hội facebook vừa có lợi vừa có hại.

- Bức thông điệp gửi tới mọi người.

HS tự viết bài văn

Đề 3. Có người cho rằng: *Của cho không bằng cách cho*. Viết bài văn bày tỏ ý kiến của em về vấn đề này.

1/Mở bài:

- Nêu lên vấn đề nghị luận – ý kiến được đưa ra để bàn luận: *Của cho không bằng cách cho*.

- Nêu lên quan điểm của bản thân: đồng tình với quan điểm, ý kiến trên.

2/Thân bài:

a/Vấn đề được nêu ra để bàn luận

- *Của cho* có nghĩa là chỉ đến những đồ dùng, vật dụng, thức ăn...mà người khác cho tặng biếu giúp đỡ cho mình.

- *Cách cho* có nghĩa là nói đến việc cho bằng cách là đưa hai tay, quăng xuống hay thậm chí là ném.

- Câu nói thể hiện cách ứng xử, thái độ sống, lối sống đúng đắn.

b/Chứng minh: Đưa lí lẽ, dẫn chứng để thuyết phục mọi người về quan điểm của mình.

- Trước hết, khi chúng ta cho người khác cái gì đó chẳng hạn như một món quà, một ánh mắt thân thiện, một cái nhìn cảm thông, một thái độ yêu thương, trân trọng, một lời khuyên răn mà đôi lúc chúng ta vô tình cho mình là bề trên, là bậc đàn anh đàn chị, là kẻ có thể có quyền, là kẻ ban ơn bố thí thì rất có thể bạn đang làm tổn thương người khác. Ngược lại, đối phương tức là những người lãnh nhận món quà của ta, họ lại

bị xếp vào loại những kẻ thấp hèn, nghèo khó, tội nghiệp. Những lúc như vậy, quà tặng của chúng ta chắc chắn sẽ không được người khác đón nhận. Bởi lẽ, đã là con người ai chẳng có lòng tự trọng. Cái tôi cá nhân, cái tính tự ái dễ làm cho người ta có thái độ mặc cảm khi bị người khác coi thường. Người đón nhận có thể sẽ không hài lòng, dù cho món quà của ta có giá trị đến đâu và người cho có quyền thế đến cỡ nào đi nữa. Một cách nào đó, tôi và bạn đã làm tổn thương danh dự và nhân phẩm của người khác. (Dẫn chứng)

- Ngược lại nếu bạn và tôi biết cho đi cách tế nhị bằng tấm lòng chân thành, thì dù cho món quà của chúng ta có nhỏ bé, tầm thường đến đâu nhưng chúng vẫn được đón nhận với tất cả sự biết ơn và trân trọng. (Dẫn chứng)

- Hơn nữa, trước khi cho ai cái gì, bạn phải thực sự cân nhắc trước sau. Bạn nên xem cái bạn cho có thực sự cần thiết cho đối phương không? Có hợp với nhu cầu và thị hiếu của đối phương hay không? Có như thế, bạn sẽ không bao giờ phải thất vọng về những gì bạn cho đi. (Dẫn chứng)

3/Kết bài:

- Khẳng định lại quan điểm của cá nhân về vấn đề: Của cho không bằng cách cho, cả văn hóa cho nhận cũng cần phải học, cho làm sao để người nhận không bị cảm giác ban ơn, bố thí; nhận làm sao để người cho cảm thấy vui và hạnh phúc.

- Bức thông điệp muốn gửi tới mọi người: Một khi chúng ta biết cho đi bằng cả tấm lòng thì chắc chắn món quà của chúng ta sẽ được người khác đón nhận với tất cả sự biết ơn và cảm phục.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 9:

CHUYÊN ĐỀ 6: RÈN KỸ NĂNG ĐỌC HIỂU THƠ

(Dùng chung 3 bộ sách)

Thời lượng: 3 tiết

I/MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nhận biết được các phương thức biểu đạt; thể thơ; những từ ngữ, hình ảnh thể hiện nội dung trong bài; nội dung chính; cách hiểu một câu thơ, đoạn thơ; bày tỏ quan điểm và lí giải tại sao; những thông điệp rút ra từ câu thơ, đoạn thơ;....

2. Năng lực:

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học

+ Giải quyết vấn đề

- Năng lực chuyên môn:

+ Năng lực ngôn ngữ

+ Năng lực văn học.

3. Phẩm chất: Ý thức tự chủ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, STK.

- Vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1.MỞ ĐẦU/KHỞI ĐỘNG

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: + Muốn xác định phương thức biểu đạt, thể thơ thì làm như thế nào? Ví dụ. + Tìm hình ảnh, từ ngữ thể hiện một nội dung nào đó. + Chỉ ra biện pháp tu từ? Nêu tác dụng? + Xác định nội dung chính của văn bản: + Trình bày cách hiểu về một câu thơ, đoạn thơ: + Bày tỏ quan điểm và lí giải tại sao?	1.Xác định phương thức biểu đạt - Chính: một phương án (thường là biểu cảm) Ví dụ: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ sau. Trả lời: Biểu cảm/ miêu tả,.. - Các: từ hai phương án (thường là biểu cảm kết hợp với miêu tả và tự sự) Ví dụ: Xác định các phương thức biểu đạt của đoạn thơ sau.

+ <i>Thông điệp có ý nghĩa nhất? Tại sao?</i> + <i>Bài học rút ra? Tại sao?</i> + <i>Đoạn thơ đã bồi đắp những tình cảm gì?</i> + <i>Em có nhận xét như thế nào về thái độ, tình cảm của tác giả</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi hoàn thiện bài tập - GV quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày sản phẩm cá nhân - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	Trả lời: Biểu cảm kết hợp miêu tả/Biểu cảm kết hợp tự sự,... =>Yêu cầu: Đọc kĩ đoạn thơ, căn cứ nội dung đối chiếu với các phương thức biểu đạt để tìm câu trả lời. 2/ Xác định thể thơ a/ Thơ truyền thống -Thơ đường + Thất ngôn tứ tuyệt + Ngũ ngôn tứ tuyệt + Thất ngôn bát cú -Thơ dân tộc : + Lục bát + Song thất lục bát b/ Thơ hiện đại - Thơ 5 chữ, 7 chữ, 8 chữ (không quy định số câu, thanh điệu) - Thơ tự do (Số tiếng mỗi dòng không đều nhau) - Thơ văn xuôi (không có vần, đọc như văn xuôi. Cách làm: + Đếm số chữ trong từng dòng thơ + Kết luận Ví dụ 1: Xác định thể thơ trong đoạn thơ sau: Tháng ba mùa giáp hạt Đến rong rêu cũng gầy Mẹ bưng rá vay gạo Cha héo hắt đường cày Trả lời: Thể thơ trong đoạn thơ trên: thể thơ 5 chữ. Lưu ý: Các em chỉ mới học thơ lục bát, bốn chữ, năm chữ. 3/ Tìm hình ảnh, từ ngữ thể hiện
---	--

một nội dung nào đó.

- Đọc kĩ câu hỏi, gạch chân dưới từ ngữ quan trọng.

- Đọc văn bản để tìm những từ ngữ, hình ảnh liên quan đến nội dung cần trả lời.

Ví dụ:

1/Tìm những từ ngữ, hình ảnh miêu tả thiên nhiên khổ thơ ...của nhà thơ.....

2/ Hãy ghi lại 2 hình ảnh thiên nhiên được tác giả sử dụng để miêu tả tiếng thơ thầy đọc.....

4/ Chỉ ra biện pháp tu từ? Nêu tác dụng?

- Đọc kĩ, gạch chân dưới từ ngữ quan trọng.

Bước 1: Xác định đó là biện pháp tu từ gì?

- So sánh: A = B (tương đồng)
- Ẩn dụ: B (Xuất hiện trong câu thơ)
=> A (ẩn) (A và B nét tương đồng)
- Hoán dụ: B (Xuất hiện) => A (ẩn)
(A và B tương cận (gần gũi và đi liền với nhau)).
- Điệp từ: từ nào được lặp lại, lặp lại mấy lần.
- Liệt kê (cái gì, thuộc trường nghĩa nào)
- Nói giảm, nói tránh

Bước 2: Chỉ ra những từ ngữ thể hiện biện pháp tu từ đó.**Bước 3: Nêu tác dụng**

- Nội dung: Nhấn mạnh hoặc làm nổi bật sự vật, hiện tượng.

- Nghệ thuật: Làm câu văn, câu thơ

	sinh động, gợi hình, gợi cảm, tạo nhịp điệu cho lời văn, lời thơ. - Bộc lộ thái độ, tình cảm, tài năng của người viết. * Lưu ý: Tác dụng 3 có thể đi kèm với tác dụng 1. + So sánh, ẩn dụ, hoán dụ: gợi hình gợi cảm; nhấn mạnh ý cần biểu thị. + Nhân hóa: sinh động, hấp dẫn/nhấn mạnh ý cần biểu thị. + Điệp từ, điệp ngữ: nhấn mạnh cái được điệp lại/ tạo âm hưởng cho lời thơ (tha thiết/hào hùng) + Liệt kê, phóng đại: nhấn mạnh cái liệt kê/phóng đại => ca ngợi/phê phán. + Đảo ngữ: nhấn mạnh cái được đảo, tạo liên kết câu Ví dụ: Nhà thơ sử dụng biện pháp tu từ nào trong những dòng thơ sau đây? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó. <i>Một ngày hòa bình Anh không về nữa.</i> Trả lời: Bước 1: Biện pháp tu từ: Nói giảm nói tránh. Bước 2: Chỉ ra từ ngữ thực hiện biện pháp tu từ đó: <i>không về</i> Bước 3: Nêu tác dụng - Làm cho câu thơ sinh động, gợi hình gợi cảm. - Tránh cảm giác đau thương, mất mát, tạo cảm giác dễ tiếp nhận cho người đọc khi nói về sự hi sinh của “anh”.
--	---

5/ Xác định nội dung chính của văn bản: 5.1. Xác định đối tượng trữ tình (được miêu tả và phản ánh trong bài thơ) và nhân vật trữ tình (xưng em, anh, tôi, thường là sự hóa thân của tác giả). - Căn cứ vào nhan đề, từ ngữ, hình ảnh lặp đi lặp lại để rút ra nội dung chính. 5.2. Nội dung chính của một đoạn thơ/bài thơ bao giờ cũng có hai phần. Để tìm được nội dung chính, cần trả lời câu hỏi: + Câu hỏi 1: Đối tượng trữ tình được miêu tả trong bài thơ có đặc điểm như thế nào? + Câu hỏi 2: Thông qua việc miêu tả, phản ánh đối tượng trữ tình, tác giả đã bày tỏ tình cảm, cảm xúc của mình như thế nào? 5.3. Bài thơ đã miêu tả/phản ánh ... Qua đó, tác giả đã thể hiện sự... 6/ Trình bày cách hiểu về một câu thơ, đoạn thơ: - Đọc kĩ câu hỏi, gạch chân dưới từ ngữ quan trọng. - Giải thích những từ ngữ quan trọng. - Đưa ra cách hiểu của bản thân theo nghĩa đen, nghĩa bóng ý nghĩa cả câu thơ/đoạn thơ. - Rút ra bài học cho bản thân. Ví dụ: Trình bày cách hiểu câu thơ sau của nhà thơ Xuân Quỳnh: “<i>Mẹ già và đất nước/Chia đều nỗi nhớ</i>”

	thương” 7/ Bài tỏ quan điểm và lí giải tại sao? - Học sinh đọc kĩ câu hỏi, gạch chân dưới từ ngữ quan trọng. + Bài tỏ quan điểm (đồng ý/không đồng ý). + Lí giải: - giải thích từ ngữ quan trọng, ý nghĩa cả câu thơ/ đoạn thơ, - Nếu không có ... thì sẽ ... (hướng xấu) - Nếu có ...thì sẽ ...(kết quả tốt). + Kết hợp kiến thức xã hội để giải thích và đi đến kết luận. Ví dụ: Em có đồng ý với quan điểm: “Ở hiền thì lại gặp hiền/Người ngay thì được phật tiên độ trì” hay không Vì sao? Trả lời: Em/tôi có đồng ý với quan điểm: “Ở hiền thì lại gặp hiền/Người ngay thì được phật tiên độ trì” Bởi vì: - Ở hiền là: - Gặp hiền là: - Người ngay là..... - Phật tiên độ trì là..... * Hai câu thơ trên được hiểu như sau: Sở dĩ tôi đồng ý vì: + Nếu không ở hiền và sống ngay thẳng thì ... + Nhưng khi ở hiền và sống ngay thẳng thì... Chính vì thế, đây là một quan điểm
--	---

đúng đắn cần thực hiện trong cuộc sống.

8/ Rút ra một bài học, một thông điệp ý nghĩa nhất

- Bài học là những gì người đọc nhận thức được rút ra cho mình qua những điều mà tác giả phản ánh trong đoạn thơ/ bài thơ.

- Thông điệp là những điều mà tác giả muốn gửi đến người đọc.

- Để làm câu hỏi này cần phải căn cứ vào nội dung của văn bản để có cơ sở suy luận hợp lí.

- Nên rút ra một hoặc hơn một bài học/ thông điệp có tầm khái quát.

- Ghi ngắn gọn không cần giải thích dài dòng.

*** Cách diễn đạt:**

- Thông điệp/ bài học có ý nghĩa sâu sắc nhất đối với em: chúng ta cần; nên; phải; đừng...Đây là những thông điệp có ý nghĩa nhất đối với em vì nó giúp em nhận ra rằng.../hiểu rằng...

- Thiết nghĩ thông điệp này không chỉ có ý nghĩa đối với em mà còn hữu ích với mọi người.

Ví dụ:

Mẹ ru khúc hát ngày xưa
Qua bao nắng sớm chiều mưa vẫn còn

Chân trần mẹ lội đầu non
Che giông giữ tiếng cười giòn cho ai
Vì ai chân mẹ giẫm gai
Vì ai tất tả vì ai dải dầu
Vì ai áo mẹ phai màu

	Vì ai thao thức bạc đầu vì ai. (Trích Ca dao mẹ và tôi, Đỗ Trung Quân) Thông điệp đoạn trích gửi gắm là gì? Trả lời - Mẹ là người có thể hi sinh tất cả vì ta. - Mỗi người cần phải sống hiếu thảo với mẹ để báo đáp xứng đáng công sinh thành, dưỡng dục mà mẹ đã dành cho ta. 9/ Đoạn thơ đã bồi đắp những tình cảm gì? - Căn cứ vào nội dung chính của bài thơ/đoạn thơ để trả lời. Ví dụ như: Đoạn thơ viết về quê hương thì trả lời đã bồi đắp tình yêu quê hương, đất nước,..... - Nói tóm lại: chúng ta có thể nêu các cung bậc tình cảm: yêu thương, căm ghét, tự hào, căm phục, quý trọng, căm thù, đồng cảm, xót thương... 10/ Em có nhận xét như thế nào về thái độ, tình cảm của tác giả: -Căn cứ vào nội dung chính, có thể trả lời: + Đoạn thơ đã thể hiện thái độ, tình cảm... Đó là thái độ: tôn trọng, ngợi ca, lên án, phản đối, dứt khoát, rõ ràng + Đó là thứ tình cảm rất nồng nàn, chân thành, tha thiết. Thứ tình cảm xuất phát từ một tái tim, một tấm lòng...
--	---

+ Chính thái độ, tình cảm ấy khiến cho đoạn thơ hay hơn, xúc động, truyền cảm, chạm đến trái tim bạn đọc. Giúp cho tôi hiểu sâu sắc hơn về ... (Nội dung chính, tư tưởng chủ đề của đoạn thơ).

Ví dụ: Đọc đoạn thơ anh, chị hiểu thế nào về tình cảm mà nhà thơ dành cho người thầy của mình?

Lưu ý:

- Học sinh trả lời bằng câu (có chủ ngữ + vị ngữ, kết thúc bằng dấu chấm).
- Nhận diện đúng câu hỏi, huy động kĩ năng trả lời của từng loại câu hỏi.
- Đề bài hỏi gì thì trả lời đấy.
- Trả lời ngắn gọn, đầy đủ.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể

b. Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao

c. Sản phẩm: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện

ĐỀ 1.

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi

Mẹ ru khúc hát ngày xưa
Qua bao nắng sớm chiều mưa vẫn còn
Chân trần mẹ lội đầu non
Che giông giữ tiếng cười giòn cho ai
Vì ai chân mẹ gầy gai
Vì ai tất tả vì ai dải dầu
Vì ai áo mẹ phai màu
Vì ai thao thức bạc đầu vì ai.

(Trích Ca dao mẹ và tôi, Đỗ Trung Quân)

Câu 1. (0,5 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính và thể thơ của đoạn thơ trên,

Câu 2. (0,5 điểm) Khái quát nội dung đoạn trích.

Câu 3. (1,0 điểm) Chỉ ra và nêu tác dụng của 2 biện pháp tu từ được sử dụng trong phần gạch chân ở đoạn trích.

Câu 4. (1,0 điểm) Thông điệp đoạn trích gửi gắm là gì?

HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI

Câu 1. Phương thức biểu đạt của đoạn thơ: Biểu cảm, thể thơ lục bát

Câu 2. Nội dung: Những nhọc nhằn vất vả và những hy sinh to lớn của mẹ để nuôi con khôn lớn.

Câu 3.

-Điệp ngữ: “Vì sao” và câu hỏi tu từ được sử dụng liên tiếp.

-Tác dụng:

+ Điệp ngữ: khắc sâu nỗi nhọc nhằn, vất vả và những hy sinh của cuộc đời mẹ đồng thời bộc lộ niềm yêu thương, xót xa, trân trọng và biết ơn của những người con trước những vất vả mà mẹ phải trải qua.

+ Những câu hỏi tu từ: xoáy vào tâm can mỗi người làm con, nhắc nhở mỗi người về ý thức trách nhiệm và lòng hiếu thảo với cha mẹ.

=> Tạo nhịp điệu dồn dập cho lời thơ, gây cảm xúc mạnh nơi người đọc.

Câu 4.

- Mẹ là người có thể hi sinh tất cả vì ta.

- Mỗi người cần phải sống hiếu thảo với mẹ để báo đáp xứng đáng công sinh thành, dưỡng dục mà mẹ đã dành cho ta.

ĐỀ 2.

Đọc bài thơ sau và thực hiện yêu cầu bên dưới :

RA VƯỜN NHẬT NẮNG

Ông ra vườn nhật nắng
Tha thần suốt buổi chiều
Ông không còn trí nhớ
Ông chỉ còn tình yêu

Bé khẽ mang chiếc lá
Đặt vào vệt nắng vàng
Ông nhật lên chiếc nắng
Quầy nhẹ, mùa thu sang

(Nguyễn Thế Hoàng Linh)

Khoanh tròn vào một phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 3)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên là gì? Xác định thể thơ.

Câu 2. Em hãy nêu ý nghĩa nhan đề bài thơ “Ra vườn nhật nắng”.

Câu 3. Chỉ ra và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ có trong khổ thơ.

Câu 4. Em có suy nghĩ gì về hình ảnh : “Ông không còn trí nhớ/Ong chỉ còn tình yêu”?

Câu 5. Bài thơ gửi tới chúng ta bức thông điệp gì? Em có thấy sự đồng điệu với bức thông điệp mà tác giả gửi gắm không?

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
1	-Phương thức biểu đạt chính của bài thơ: biểu cảm. -Thể thơ: năm chữ	
2	Ý nghĩa nhan đề “Ra vườn nhật nắng” thể hiện cái nhìn hồn nhiên, đáng yêu của trẻ thơ về hình ảnh người ông ra vườn nhà gom nhặt nắng trong trạng thái thơ thần, mất trí nhớ. Phải chăng đó còn là hình ảnh tượng trưng cho sự gom nhặt niềm vui bình dị khi tìm thấy chính mình trong kí ức tuổi thơ tươi đẹp của mỗi người.	
3	*HS chỉ được các biện pháp tu từ: - Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: nhật nắng - Điệp từ “ông” *Tác dụng: -Phép ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: gợi tả cách nhận ngậy thơ, trong trẻo của cháu về nắng-cái điều bình dị, thân thương mà ông tha thẩn nhật trong cảm nhận của cháu. -Phép điệp từ khẳng định tình yêu ông dành cho cháu không bao giờ thay đổi kể cả khi ông mất hết trí nhớ. Tình yêu ông dành cho cháu vô cùng mãnh liệt. => Các biện pháp tu từ trên đã góp phần bộc lộ cái nhìn ấm áp, yêu thương, kính trọng, biết ơn sâu nặng của người cháu đối với ông của mình và cũng chính là đối với khung trời tuổi thơ tươi đẹp một thời.	
4	HS trình bày đảm bảo các ý sau: - Hình ảnh đối lập: Ông không còn trí nhớ/Ong chỉ còn tình yêu” nhằm nhấn mạnh điều còn lại duy nhất mà tuổi tác, trí nhớ, thời gian không bao giờ lấy đi được ở người ông chính là tình yêu thương.	

	- Tình yêu thương ở người ông trong đoạn thơ chính là tình cảm thiêng liêng, bền vững nhất cần có ở mỗi người. - Giáo dục chúng ta phải biết trân trọng, yêu quý ông của mình dù có chuyện gì xảy ra.	
5	Bài thơ gửi tới chúng ta bức thông điệp: - Biết trân trọng, yêu kính người thân trong gia đình. - Biết góp nhặt những niềm vui bình dị mỗi ngày... - Biết mở rộng tâm hồn để lắng nghe, cảm nhận sự biến chuyển của thiên nhiên, đất trời... Liên hệ bản thân: biết nâng niu, trân quý tình cảm gia đình thiêng liêng, biết mở rộng tâm hồn để cảm nhận vẻ đẹp bình dị của cuộc sống....	

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 10:

CHUYÊN ĐỀ 7: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI SỰ VIỆC CÓ THẬT LIÊN QUAN ĐẾN NHÂN VẬT HOẶC SỰ KIỆN LỊCH SỬ.

(Dùng chung 3 bộ sách)

Thời lượng: 3 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Thấy được chức năng của bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.
- Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. Bài viết có sử dụng yếu tố miêu tả; sắp xếp các sự việc theo trật tự trước sau, quan hệ nhân quả.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.

- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. **Phẩm chất:** Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- KHBD, PHT

2. Chuẩn bị của học sinh: Vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU/KHỞI ĐỘNG

a. **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. **Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS: nhớ lại cách viết bài văn thuật lại một sự kiện mà các em đã học ở lớp 6 (bài 6), HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận, thuật lại ngắn gọn - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, đánh giá <i>GV dẫn dắt vài bài:</i> Các em vừa nhớ lại bài tường thuật lại lễ hội Gióng, một sinh hoạt văn hoá dân gian. Đó chính là VB thuyết minh thuật lại một sự kiện, thuộc loại văn bản thông tin. Trong bài học mới hôm nay, các em cũng là viết về một sự kiện/ sự việc, nhưng ở đây yêu cầu sự việc đó phải có thật và liên quan tới một nhân vật hoặc một sự kiện lịch sử.	

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Nhận biết được thể nào là bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử, các yêu cầu của bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật hoặc sự kiện lịch sử, bố cục bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử, các kiểu bài và các dạng đề của bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

b. Nội dung: Hs chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời, PHT của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Hoạt động 1: Tìm hiểu chung về viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ: ? Thế nào là bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử? ? Những yêu cầu đối với bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử? ? Bố cục bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. ? Các kiểu bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. ? Các dạng đề của bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS trao đổi hoàn thiện bài tập - GV quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày sản phẩm cá nhân - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời	I. Tìm hiểu chung về viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. 1. Thế nào là bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử? - Sự việc có thật là sự việc đã xảy ra trong đời thực, không hư cấu, tưởng tượng; được nhiều người biết hoặc chứng kiến, có sử sách ghi lại... + Nhân vật hoặc sự kiện không chỉ có trong lịch sử đấu tranh giữ nước mà còn là những con người hoặc sự kiện trong các lĩnh vực lao động, văn hóa, khoa học. + Các câu chuyện liên quan đến sự kiện hoặc nhân vật lịch sử thường được kể lại bởi người chứng kiến hoặc được sưu tầm, nghiên cứu và thể hiện lại qua sách, báo, phim ảnh... - Bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử là một kiểu bài thuật lại một sự việc có thật giúp người đọc, người nghe hiểu về sự việc qua đó hiểu về nhân vật và sự kiện lịch sử có liên quan. Ví dụ:

của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

- Kể lại cuộc đời Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

- Kể lại cuộc đời chị Võ Thị Sáu.

- Kể lại sự kiện Bác Hồ đọc bản tuyên ngôn độc lập

-

2. Những yêu cầu đối với bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

- Giới thiệu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện được kể.

- Kể được sự việc theo một trình tự hợp lí

- Sử dụng ngôi kể phù hợp

- Kết hợp yếu tố miêu tả trong khi kể.

- Nêu được ý nghĩa của sự việc

- Nêu được suy nghĩ, ấn tượng của người viết về sự việc được kể.

3. Bố cục bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

- Mở bài:

+ Giới thiệu được sự việc về nhân vật hoặc sự kiện lịch sử được kể.

+ Ấn tượng chung về nhân vật hoặc sự kiện lịch sử được kể.

- Thân bài:

+ Gợi lại bối cảnh, không gian, thời gian, địa điểm xảy ra sự việc.

+ Kể lại diễn biến của sự việc theo một trình tự hợp lí.

+ Nêu ý nghĩa của sự việc.

- Kết bài:

+ Nhấn mạnh lại ý nghĩa của sự việc.

+ Cảm xúc, suy nghĩ của người viết.

4. Các kiểu bài văn kể lại sự việc có

thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

- Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật lịch sử (trong các lĩnh vực: giữ nước, văn hóa, thể thao, cuộc sống hàng ngày,...).

- Kể lại một sự việc có thật liên quan đến sự kiện lịch sử (trong các lĩnh vực: giữ nước, văn hóa, thể thao, cuộc sống hàng ngày,...).

Lưu ý: Mặc dù hai yếu tố chính của văn tự sự là nhân vật và sự việc nhưng bài văn kể lại sự việc về nhân vật thì nghiêng về nhân vật còn bài văn kể lại sự việc, sự kiện thì nghiêng về sự việc, sự kiện (dù có nhân vật).

5. Các dạng đề của bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

- Dạng đề mở: là dạng đề không cụ thể về sự việc, nhân vật, sự kiện.

Ví dụ: Viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu.

- Dạng đề cụ thể hơn về đối tượng và phạm vi:

Ví dụ 1: Trong đại dịch Covid 19, có những sự việc có thật về sự hi sinh quên mình của đội ngũ y bác sĩ. Em hãy kể lại một sự việc có thật liên quan đến những y bác sĩ anh hùng đó.

Ví dụ 2: Trong cuộc sống hiện nay có những sự việc về những con người nổi tiếng với những việc làm có ý nghĩa như cứu người gặp nạn, nhường cơm xẻ áo, ...Em hãy kể lại một tấm gương mà em

Hoạt động 2: Phương pháp viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- Gv chuyển giao nhiệm vụ:

? *Nêu cụ thể các bước tiến hành viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.*

? *Tìm ý và lập dàn ý cho kiểu bài này như thế nào?*

? *Mở bài, kết bài trực tiếp và gián tiếp triển khai như thế nào? Ví dụ.*

? *Khi viết bài cần lưu ý điều gì?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS trao đổi hoàn thiện bài tập

- GV quan sát, hỗ trợ

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS trình bày sản phẩm cá nhân

- GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

GV Lưu ý:

Về cụm từ: “*Kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử*” theo yêu cầu của chương trình 2018. Ta có thể hiểu hai cách như sau:

- Là sự việc của người kể có liên quan đến nhân vật, sự kiện lịch sử được kể.

- Là sự việc của nhân vật hoặc sự kiện lịch sử được kể.

Căn cứ vào bản chất của kiểu bài này, cần lưu ý:

biết.

Ví dụ 3: Trong lĩnh vực đấu tranh chống giặc ngoại xâm, các em đã học và đọc nhiều câu chuyện lịch sử, hãy viết bài văn kể lại sự việc liên quan đến một nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em yêu thích.

Lưu ý: Dạng đề này không nên áp đặt quá cụ thể về sự việc và nhân vật, sự kiện.

Ví dụ 1: Trong sự nghiệp đấu tranh bảo vệ Tổ quốc, Hưng đạo vương Trần Quốc Tuấn là một anh hùng dân tộc. Hãy kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật này.

Ví dụ 2: Trong cuộc sống đời thường, Nguyễn Ngọc Mạnh là một người hùng. Hãy kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật này.

(Bối đề quá cụ thể sẽ là áp lực đối với học sinh. Vậy nên chỉ giới hạn ở lĩnh vực nào đó để học sinh lựa chọn đối tượng cụ thể sẽ phát huy được năng lực của học sinh hơn như: Giữ gìn và bảo vệ Tổ quốc, khoa học, lao động, ...hoặc cụ thể về thời gian như: Chống phong kiến Phương Bắc, chống Pháp, chống Mĩ, hòa bình hay cuộc sống đời thường,...)

II. Phương pháp viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

a. Lựa chọn đề tài:

- Mục đích viết bài này là gì? (Chia sẻ để nhiều người cùng biết và truyền cảm

- Nếu ta hiểu theo cách 1 là không nên vì kể lại sự việc của người kể thì bài văn này trở thành một kiểu bài văn trải nghiệm (đã học ở lớp 6) là không đúng với yêu cầu của chương trình đối mới (lớp 7)

- Bản chất của kiểu bài này là kể về sự việc có thật “liên quan” nghĩa là “về” hoặc “của” nhân vật hoặc sự kiện lịch sử được kể. Vì vậy, hiểu đúng phải là: Kể về một sự việc có thật về (của) nhân vật hoặc sự kiện lịch sử được kể.

Về ngôi kể:

- Nhân vật hoặc sự kiện được kể trong bài văn là nhân vật, sự kiện lịch sử nên chỉ kể ở ngôi thứ nhất=> Khó với học sinh lớp 7 vì ngôi thứ nhất thường là nhập vai nhân vật mà nhân vật lịch sử không phải nhân vật nào cũng có thể nhập vai được.

- Nếu sử dụng ngôi thứ nhất thì chỉ có thể xảy ra khi người kể chứng kiến một sự việc nào đó có liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. **Ví dụ:** Năm nào cũng vậy, cứ đến tháng Tám âm lịch, gia đình em tổ chức đi lễ hội Đền Trần. Đây là lễ hội mà em có nhiều ấn tượng nhất bởi vì lễ hội này liên quan đến một nhân vật lịch sử là Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn hay còn gọi là Trần Hưng Đạo-người có công rất lớn trong ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông –Nguyên ở nước ta.

- Hoặc chỉ sử dụng ngôi thứ nhất khi người kể nhập vai nhân vật để kể=>khó vì người kể khó có thể hiểu được suy

hướng tới người đọc)

- Người đọc bài viết này là ai?(Bạn bè, thầy cô, những người quan tâm)

- Nội dung và cách viết như thế nào?

Để từ đó:

- Lựa chọn sự việc có thật (thuộc các lĩnh vực như: kinh tế, chính trị, văn hóa, cuộc sống đời thường,...)

- Lựa chọn nhân vật có thật (như nhà chính trị, khoa học, nhà thơ, nhà văn, người nổi tiếng,...)

b. Thu thập tài liệu: bằng nhiều nguồn khác nhau như hình ảnh, hiện vật, lời kể của người khác, tài liệu lưu trữ, thông tin đại chúng,...

c. Lựa chọn ngôi kể phù hợp.

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý:

a.Tìm ý:

- Sự việc có thật định kể là sự việc gì? Có mối quan hệ với nhân vật sự kiện lịch sử như thế nào?

- Sự việc diễn ra ở đâu? Khi nào?

- Diễn biến của sự việc như thế nào? Trong diễn biến của sự việc định kể có nhân vật và sự kiện lịch sử nào?

- Cần tư liệu hình hoặc thông tin gì về nhân vật hoặc sự kiện lịch sử không? Và có cần kết hợp các yếu tố khác như miêu tả, đánh giá không?

- Sự việc định kể có ý nghĩa như thế nào?

- Em có suy nghĩ gì về sự việc được kể?

b.Lập dàn ý:

Mở bài:

- Giới thiệu được sự việc về nhân vật hoặc sự kiện lịch sử được kể.

ngẫm, cảm xúc nội tâm của nhân vật vì đây là nhân vật lịch sử. Ví dụ: Nhập vai Bác Hồ kể lại.....=> không nên.

- Những nhân vật đời thường thì có thể nhập vai để kể ở ngôi thứ nhất. **Ví dụ:** Nhập vai anh Nguyễn Ngọc Mạnh kể lại việc cứu cháu bé rơi từ tầng 12 của chung cư...

=>Người viết cần hiểu đúng về bản chất của kiểu bài để lựa chọn ngôi kể phù hợp.

Kể lại sự việc có thật về nhân vật lịch sử: Đối với kiểu bài này, ta có thể áp dụng các bước ở phần phương pháp chung. Song cần lưu ý:

- Sự việc và nhân vật phải có thật không được hư cấu tưởng tượng.

- Có rất nhiều sự việc về nhân vật lịch sử=> chọn những sự việc có thật về nhân vật được nhiều người biết đến để tăng sức thuyết phục cho bài viết.

- Khi kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm,...tránh lạm dụng làm mất đi tính chất “kể” của bài viết.

- Khi kể về nhân vật có thể trích dẫn những câu nói trực tiếp của nhân vật để tăng độ chính xác, tin cậy.

Kể lại sự việc có thật về sự kiện lịch sử: Đối với kiểu bài này, ta có thể áp dụng các bước ở phần phương pháp chung. Song cần lưu ý:

- Trọng tâm của kiểu bài này là kể một sự việc có thật về sự kiện lịch sử. Vì vậy cả sự việc và sự kiện phải có thật không hư cấu tưởng tượng.

- Có rất nhiều sự việc về các sự kiện lịch

- Ấn tượng chung về nhân vật hoặc sự kiện được kể.

HS cần vận dụng linh hoạt khi mở bài, có thể chọn nhiều cách mở bài khác nhau.

Ví dụ Em đã học và đọc nhiều câu chuyện lịch sử, hãy viết bài văn kể lại sự việc liên quan đến một nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em yêu thích.

***Mở bài gián tiếp:**

Mở bài tham khảo 1: Dân tộc Việt Nam trong quá khứ và hiện tại luôn rất anh hùng, dũng cảm, kiên trung xây dựng và bảo vệ đất nước. Có rất nhiều những tấm gương người anh hùng đã không tiếc máu xương để bảo vệ độc lập, tự do cho dân tộc. Anh Kim Đồng là một người như vậy.

Mở bài tham khảo 2: Trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc từ xưa đến nay có biết bao tấm gương anh hùng đã xả thân vì nước vì dân. Tên tuổi và công lao đóng góp của họ đã in sâu trong lòng mỗi người con đất Việt. Trong số đó, người anh hùng Nguyễn Văn X...đã để lại trong lòng em những ấn tượng khó phai mờ.

***Mở bài gián tiếp:**

- Mở bài từ sự trải nghiệm của bản thân:
+ Trải nghiệm được dự lễ hội rồi kể

Mở bài tham khảo: Năm nào cũng vậy, cứ đến tháng Tám âm lịch, gia đình em tổ chức đi lễ hội Đền Trần. Đây là lễ hội mà em có nhiều ấn tượng nhất bởi vì lễ hội này liên quan đến một nhân vật lịch sử là Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn

sử. Tuy nhiên nên chọn những sự việc có thật (thuộc một trong những lĩnh vực: chống giặc ngoại xâm, văn hóa, thể thao, ...) nhưng phải được mọi người biết đến, thừa nhận thì bài viết mới có sức thuyết phục.

+ Các sự việc phải được sắp xếp theo trình tự hợp lí và có thể linh hoạt nhiều cách kể (kể xuôi, kể ngược) để bài viết hấp dẫn hơn.

+ Kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm, ...nhưng không được lạm dụng chúng mà làm mất đi tính chất “kể” của bài viết.

+ Khi kể về sự kiện phải gắn liền với nhân vật lịch sử hoặc nhân vật nổi tiếng để tăng độ chính xác, tin cậy.

hay còn gọi là Trần Hưng Đạo-người có công rất lớn trong ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông –Nguyên ở nước ta.

+ Trải nghiệm về cảnh mà nhớ lại sự kiện.

Mở bài tham khảo: Hè năm vừa rồi, gia đình em có chuyến du lịch ra Hạ Long và chuyển đi đó em cùng với ba mẹ có ghé thăm cửa sông Bạch Đằng. Khi gia đình em vừa tới cửa sông cũng là lúc trời mưa tầm tã. Mưa tạnh, cả nhà ra bến sông và khi đứng trước những cọc ngàm tua tủa trên sông, em bồi hồi nhớ lại sự kiện Trần Hưng Đạo lãnh đạo quân nhà Trần đánh tan tác quân Mông –Nguyên với trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 1288 mà em đã được học.

- Mở bài từ những câu ca dao, tục ngữ, thơ văn,...

Mở bài tham khảo: Ca dao Việt Nam có câu: “*Dù ai buôn bán đâu xa/ Hai mươi tháng tám giỗ cha thì về*”. Câu ca dao trên đã gợi nhắc em nhớ tới nhân vật lịch sử Trần Hưng Đạo-người có công lao rất lớn trong cuộc kháng chiến chống Mông-Nguyên thời Trần thế kỉ XIII.

- Mở bài từ niềm say mê yêu thích bộ môn.

Mở bài tham khảo: Trong những môn học ở trường, em đặc biệt yêu thích môn lịch sử. Vì mỗi lần đọc những trang sử vàng của dân tộc, em cảm thấy vô cùng tự hào về các vị anh hùng dân tộc, trong đó có Hưng Đạo Vương Trần Quốc

	Tuấn-người có công rất lớn trong ba lần kháng chiến chống Mông Nguyên. Thân bài - Gợi lại bối cảnh, không gian, thời gian xảy ra sự việc - Kể lại diễn biến của sự việc theo một trình tự hợp lí. - Nêu ý nghĩa của sự việc. Lưu ý: Có thể sử dụng yếu tố miêu tả, tư liệu, tranh ảnh phù hợp, tránh lạm dụng. Kết bài - Nêu suy nghĩ và ấn tượng của người viết về sự việc. Có thể viết kết bài bằng các cách sau: - Kết bài bằng cách khẳng định giá trị nhân vật, sự kiện lịch sử theo thời gian. Kết bài tham khảo: Đã nhiều thế kỉ trôi qua, chúng ta có dịp tiếp xúc với nhiều nhân vật, sự kiện trong đại những nhân vật lịch sử Trần Hưng Đạo vẫn mãi mãi in sâu trong tâm hồn mỗi người con đất Việt. Vì vậy, sự kiện lễ hội Đền Trần vẫn mãi diễn ra hàng năm. Sự kiện này không chỉ có ý nghĩa tôn vinh người anh hùng mà còn nêu gương tốt cho thế hệ mai sau. - Kết bài bằng cách nêu ý nghĩa của nhân vật, sự kiện đối với bản thân và nhắc nhở mọi người. Kết bài tham khảo: Mặc dù trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc, có rất nhiều nhân vật anh hùng và nhiều sự kiện có ý nghĩa nhưng nhân vật Trần Hưng Đạo và sự kiện lễ hội Đền Trần đã giúp em hiểu sâu sắc thêm về người anh
--	--

hùng toàn đức toàn tài, hiểu thêm về những trang sử vẻ vang của dân tộc. Từ đó, em cảm thấy mình phải luôn trân trọng, tự hào, biết gìn giữ và phát huy những vẻ đẹp sáng ngời đó để xác định cho mình mục đích học tập đúng đắn để sau này góp phần xây dựng quê hương đất nước giàu đẹp.

Bước 3. Viết bài

- Tiến hành viết bài theo bố cục ba phần đã chuẩn bị

- Khi viết bài cần lưu ý:

+ Bám sát dàn ý

+ Trân trọng sự thật về nhân vật, sự kiện lịch sử được kể, tránh hư cấu tưởng tượng không đúng với sự thật.

+ Khi kể lại nội dung diễn biến của sự việc cần chỉ ra mối liên hệ giữa sự việc với nhân vật và sự kiện lịch sử (có thể dùng nhân chứng, vật chứng, bằng chứng hoặc tư liệu,...đáng tin cậy)

+ Kết hợp các yếu tố miêu tả, tự sự, biểu cảm một cách linh hoạt, tránh lạm dụng.

+ Bài viết vừa đảm bảo bố cục ba phần mạch lạc, vừa có sự liên kết chặt chẽ giữa các phần.

Bước 4: Chỉnh sửa bài viết

Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
Giới thiệu được sự việc có thật về nhân vật, sự kiện lịch sử và cảm xúc chung	Đọc lại phần mở bài để đảm bảo đúng yêu cầu kiểm tra. Nếu chưa có hoặc chưa đủ hãy bổ sung đầy đủ.
Nêu được không	Kiểm tra tính xác

	gian, thời gian, địa điểm diễn ra sự việc	thực của thông tin, nếu chưa chính xác cần điều chỉnh cho đúng.
	Trình bày được diễn biến sự việc theo một trình tự hợp lí (có sử dụng yếu tố miêu tả trong khi kể) Nêu được ý nghĩa của sự việc	- Kiểm tra trình tự diễn biến của sự việc và ý nghĩa của sự việc. Nếu chưa hợp lí, chưa đủ thì bổ sung, chỉnh sửa. - Nếu chưa có yếu tố miêu tả, biểu cảm thì kết hợp thêm, nếu lạm dụng thì bỏ bớt,...
	Nêu được ấn tượng, suy nghĩ sâu sắc về sự việc được kể	Đánh dấu những từ ngữ thể hiện sự suy nghĩ, ấn tượng trước sự việc. Nếu chưa có hoặc chưa đủ thì bổ sung.
	Đảm bảo yêu cầu về chính tả, diễn đạt, dùng từ, đặt câu, sử dụng ngôi kể, từ ngữ liên kết câu và liên kết đoạn văn,...	Rà soát lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu, liên kết....Chỉnh sửa nếu phát hiện lỗi.

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS thực hành viết bài, bám sát dàn ý đã lập.
- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Đề 1. Em hãy viết bài văn kể lại một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử mà em có dịp tìm hiểu.

HƯỚNG DẪN LÀM BÀI

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

- Lựa chọn đề tài:
- + Người đọc bài viết này: Thầy cô giáo và bạn bè
- + Lựa chọn nhân vật có thật: Lý Công Uẩn
- Xác định mục đích làm bài: Kể lại một sự việc có thật về nhân vật lịch sử để mọi người được biết và truyền cảm hứng cho người đọc.
- Thu thập tài liệu: Từ nhiều nguồn khác nhau: hình ảnh, hiện vật, lời kể của người khác, tài liệu lưu trữ, thông tin đại chúng hoặc nghe người khác kể lại...
- Lựa chọn ngôi kể phù hợp: Kết hợp ngôi thứ nhất (mở bài, kết bài) và ngôi thứ ba (phần thân bài)

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

a. Tìm ý: Tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi sau:

- Nhân vật định kể là nhân vật nào?
- Nhân vật đã làm những gì? Kết quả ra sao?
- Để kể được sự việc có thật của Lý Công Uẩn có cần đến tư liệu, hình ảnh, thông tin gì về nhân vật, sự kiện lịch sử không?
- Nhân vật định kể có ý nghĩa như thế nào với cộng đồng?
- Em có suy nghĩ gì về nhân vật được kể?

b. Lập dàn ý:

*** Mở bài:**

- Giới thiệu được sự việc về nhân vật hoặc sự kiện lịch sử được kể.
- Ấn tượng chung.

***Thân bài:** Tập trung kể về nhân vật với các sự kiện chính.

- Giới thiệu ngắn gọn nhưng đầy đủ những thông tin về Lý Công Uẩn.

Lý Công Uẩn (974-1028) tức Lý Thái Tổ, là người châu Cổ Pháp, lộ Bắc Giang (nay là xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Tục truyền rằng Công Uẩn không có cha; mẹ là Phạm Thị đi chơi chùa Tiên Sơn (làng Tiên Sơn, phủ Từ Sơn), đêm về nằm mộng thấy "đi lại" với thần nhân, rồi có thai đẻ ra đứa con trai. Lên ba tuổi, đứa bé càng khô ngô tuần tú; gia đình đem cho nhà sư ở chùa cổ Pháp tên là Lý Khánh Văn làm con nuôi. Lý Công Uẩn được học hành chữ Nho, kinh Phật và võ nghệ từ nhỏ, lớn lên dưới mái chùa, trở thành một tài trai văn võ song toàn. Sinh thời ông được biết đến là người thông minh, nhân ái, có chí lớn

và lập được nhiều chiến công. Dưới thời Lê ông làm chức Tả thân vệ điện tiền chỉ huy sứ. Khi Lê Ngọa Triều mất ông được tôn lên làm vua lấy niên hiệu là Thuận Thiên- khai sáng ra triều đại nhà Lý.

- Kể sự việc về Lý Công Uẩn

+ Ngoài 20 tuổi, Lý Công uẩn đã làm võ tướng dưới triều vua Lê Đại Hành, từng lập công to trong trận Chi Lăng (981) đại phá quân Tống xâm lược, chém đầu tướng giặc Hầu Nhân Bảo.

+ Về sau, ông giữ chức Tả thân thị vệ điện tiền Chỉ huy sứ, nắm trong tay toàn bộ binh quyền. Đức trọng tài cao, ông được quần thần và tướng sĩ rất kính phục.

+ Năm 1005, Lê Đại Hành băng hà. Ngôi vua được truyền cho Lê Long Việt. Chỉ 3 ngày sau, Lê Long Đĩnh giết anh, giành lấy ngai vàng. Lê Long Đĩnh là một tên vua vô cùng bạo ngược khác nào Kiệt, Trụ ngày xưa. Hấn hoang dâm vô độ, nên mắc bệnh không ngồi được; đến buổi chiều thì cứ nằm mà thị triều, cho nên tục gọi là Vua Ngọa Triều.

+ Cuối năm 1009, Lê Ngọa Triều chết. Năm đó, Lý Công uẩn đã 35 tuổi. Bấy giờ lòng người đã oán giận nhà Tiền Lê lắm rồi; quân thần và tầng lớp tăng lữ suy tôn ông lên ngôi báu, mở đầu triều đại nhà Lý (1010- 1225).

+ Đầu xuân 1010, Lý Công Uẩn lên ngôi hoàng đế lấy tên là Lý Thái Tổ.

+ Nhà vua trị vì được 19 năm, thọ 55 tuổi, băng hà năm 1028.

***Kết bài:** Nêu suy nghĩ và ấn tượng của người viết về nhân vật Lý Công Uẩn.

Bước 3: Viết bài

Trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc từ xưa đến nay có biết bao tấm gương anh hùng đã xả thân vì nước vì dân. Tên tuổi và công lao đóng góp của họ đã in sâu trong lòng mỗi người con đất Việt. Trong số đó, nhân vật lịch sử Lý Công Uẩn đã để lại trong lòng em những ấn tượng khó phai mờ.

Lý Công Uẩn (974-1028) tức Lý Thái Tổ, là người châu Cổ Pháp, lộ Bắc Giang (nay là xã Đình Bảng, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh). Tục truyền rằng Công Uẩn không có cha; mẹ là Phạm Thị đi chơi chùa Tiên Sơn (làng Tiên Sơn, phủ Từ Sơn) , đêm về nằm mộng thấy "đi lại" với thần nhân, rồi có thai đẻ ra đứa con trai. Lên ba tuổi, đứa bé càng khô ngô tuần tú; gia đình đem cho nhà sư ở chùa cổ Pháp tên là Lý Khánh Văn làm con nuôi. Lý Công Uẩn được học hành chữ Nho, kinh Phật và võ nghệ từ nhỏ, lớn lên dưới mái chùa, trở thành một tài trai văn võ song toàn. Sinh thời ông được biết đến là người thông minh, nhân ái, có chí lớn và lập được nhiều chiến công. Dưới thời Lê ông làm chức Tả thân vệ điện tiền chỉ huy sứ. Khi Lê Ngọa Triều mất ông được tôn lên làm vua lấy niên hiệu là Thuận Thiên- khai sáng ra triều đại nhà Lý.

Ngoài 20 tuổi, Lý Công uẩn đã làm võ tướng dưới triều vua Lê Đại Hành, từng lập công to trong trận Chi Lăng (981) đại phá quân Tống xâm lược, chém đầu tướng giặc Hầu Nhân

Bảo. Về sau, ông giữ chức Tả thân thị vệ điện tiền Chỉ huy sứ, nắm trong tay toàn bộ binh quyền. Đức trọng tài cao, ông được quần thần và tướng sĩ rất kính phục. Năm 1005, Lê Đại Hành băng hà. Ngôi vua được truyền cho Lê Long Việt. Chỉ 3 ngày sau, Lê Long Đinh giết anh, giành lấy ngai vàng. Lê Long Đinh là một tên vua vô cùng bạo ngược khác nào Kiệt, Trụ ngày xưa. Hăn hoang dân vô độ, nên mắc bệnh không ngồi được; đến buổi chiều thì cứ nằm mà thị triều, cho nên tục gọi là Vua Ngọa Triều. Cuối năm 1009, Lê Ngọa Triều chết. Năm đó, Lý Công uẩn đã 35 tuổi. Bấy giờ lòng người đã oán giận nhà Tiền Lê lắm rồi; quần thần và tầng lớp tăng lữ suy tôn ông lên ngôi báu, mở đầu triều đại nhà Lý (1010- 1225).

Đầu xuân 1010, Lý Công Uẩn lên ngôi hoàng đế lấy tên là Lý Thái Tổ. Tháng 7 cùng năm, ông đã có một quyết định sáng suốt đó là quyết định dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La, nay là Hà Nội.

Theo Đại Việt sử lược, năm 1028 (tức năm Thuận Thiên thứ 19), sức khỏe [Lý Thái Tổ](#) đã không được tốt, thường xuyên đau yếu. Ngày 31 tháng 3 năm ấy, Thái Tổ băng hà ở điện Long An, ở ngôi 19 năm, hưởng thọ 54 tuổi. Hiện nay ở làng Đình Bảng vẫn còn có lăng và đền thờ các vua nhà Lý trong đó có Lý Công Uẩn.

Mặc dù trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc, có rất nhiều nhân vật anh hùng và nhiều sự kiện có ý nghĩa nhưng nhân vật Trần Hưng Đạo và sự kiện lễ hội Đền Trần đã giúp em hiểu sâu sắc thêm về người anh hùng toàn đức toàn tài, hiểu thêm về những trang sử vẻ vang của dân tộc. Từ đó, em cảm thấy mình phải luôn trân trọng, tự hào, biết gìn giữ và phát huy những vẻ đẹp sáng ngời đó để xác định cho mình mục đích học tập đúng đắn để sau này góp phần xây dựng quê hương đất nước giàu đẹp.

Bước 4: Chỉnh sửa bài viết

Rà soát, chỉnh sửa bài viết theo những gợi ý trong bảng kiểm ở phần hướng dẫn chung.

Đề 2.

Em hãy viết bài văn kể lại một sự việc có thật về sự kiện lịch sử có ý nghĩa mà em được chứng kiến hoặc được biết qua sách, báo, thông tin đại chúng.

Hướng dẫn làm bài

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

- Lựa chọn đề tài:
- + Người đọc bài viết này: Thầy cô giáo, bạn bè,...
- + Lựa chọn sự việc có thật: Cuộc tổng tiến quân và nổi dậy mùa xuân năm 1975.
- Xác định mục đích làm bài: Kể một sự việc lịch sử để mọi người biết và truyền cảm hứng cho người đọc.
- Thu thập tư liệu Từ nhiều nguồn khác nhau: hình ảnh, hiện vật, lời kể, tài liệu lưu trữ, thông tin đại chúng hoặc nghe người khác kể lại...
- Lựa chọn ngôi kể: Ngôi 1 (mở bài, kết bài), ngôi 3 (thân bài)

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

a. Tìm ý:

- Sự việc có thật định kể là sự kiện gì? (Cuộc tổng tiến quân và nổi dậy mùa xuân năm 1975)
- Sự việc diễn ra ở đâu? Khi nào? (Diễn ra ở nhiều tỉnh thuộc miền Nam Việt Nam vào mùa xuân 1975 trong thời kì chống Mỹ cứu nước)
- Diễn biến của sự kiện như thế nào? Nhân vật đã làm những gì? Kết quả ra sao?
- Để kể được sự việc có thật đó có cần đến tư liệu, hình ảnh, thông tin gì về nhân vật, sự kiện lịch sử không?
- Sự kiện định kể có ý nghĩa như thế nào với cộng đồng? (Để ghi nhớ đến sự kiện lịch sử trọng đại của đất nước, tưởng nhớ đến sự hi sinh vì nước vì dân của những chiến sĩ, nhân dân,...và tự hào về họ. Đồng thời biết trân trọng, giữ gìn những trang sử hào hùng của dân tộc. Từ đó, xác định cho mình mục đích, động cơ học tập đúng đắn sau này góp ích cho đất nước...)
- Em có suy nghĩ gì về sự kiện được kể? (Sự kiện thể hiện truyền thống yêu nước, ý chí quyết tâm đánh giặc cứu nước của dân tộc ta...)

b. Lập dàn ý:

Mở bài:

- Giới thiệu được sự việc của sự kiện lịch sử được kể.
- Ấn tượng chung về sự kiện lịch sử.

Thân bài:

***Tập trung kể về sự kiện với các sự việc chính.**

- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 của quân dân Việt Nam bắt đầu từ ngày 4/3/1975 và kết thúc vào ngày 30/4/1975 trong đó tiến công quân sự đóng vai trò quyết định.
- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 giành được thắng lợi vang dội đầu tiên bằng chiến dịch Tây Nguyên (từ 10/3/1975 đến 24/3/1975). Mở đầu chiến dịch này là cuộc tiến công táo bạo, bất ngờ giải phóng hoàn toàn thị xã Buôn Mê Thuộc (11/3/1975)
- Đến ngày 24/3/1975, vùng chiến lược Tây Nguyên rộng lớn với hơn 60 vạn đồng bào các dân tộc đã được giải phóng, 12 vạn quân địch đã bị tiêu diệt. Ngày 19/3/1975 toàn bộ tỉnh Quảng Trị được giải phóng. Ngày 24/3, Tam Kỳ và Quảng Ngãi được giải phóng. Ngày 26-3-1975, các lực lượng vũ trang nhân dân đã tiến hành hợp vây và cùng với đông đảo lực lượng quần chúng cách mạng nổi dậy tiêu diệt tập đoàn phòng ngự Thừa Thiên-Huế gồm 4 vạn tên địch, làm chủ thành phố Huế và toàn bộ tỉnh Thừa Thiên.
- Ngày 28-3-1975, pháo binh quân giải phóng mở đầu cuộc tấn công giải phóng Đà Nẵng bằng đòn tập kích hoả lực mãnh liệt vào các vị trí quân sự địch trong thành phố và bán đảo Sơn Trà.

- Thắng lợi của chiến dịch Huế-Đà Nẵng và của chiến dịch Tây Nguyên, cùng những thắng lợi trên khắp chiến trường đã đẩy quân địch vào tình thế tuyệt vọng, tinh thần bị suy sụp, tổ chức bị tan rã, chiến lược bị bế tắc. Chính đế quốc Mỹ cũng phải thừa nhận rằng, đây là những đòn hiểm không có cách gì chống đỡ và không có phép gì hồi phục được. Tuy nhiên, với bản chất cực kỳ phản động và ngoan cố, Mỹ-ngụy vẫn tìm mọi cách cố thủ.

- Dưới sự đôn đốc của tướng Mỹ Uâyen và với một khối lượng vũ khí do Mỹ viện trợ cấp tốc bằng một cầu hàng không mới từ Băng Cốc (Thái Lan) sang, chúng gấp rút xây dựng phòng tuyến từ Phan Rang trở vào, hòng cố giữ đến mùa mưa, và đề ra một kế hoạch khẩn trương củng cố và tăng cường lực lượng để chuẩn bị cho những trận độ sức mới. ở khu vực Sài Gòn, sào huyệt cuối cùng, địch bố trí những lực lượng lớn khống chế các đường dẫn vào thành phố; trên mọi hướng dày đặc các sư đoàn, lữ đoàn bộ binh, các đơn vị thiết giáp, lính dù, v.v...

- Bộ Chính trị cũng đã quyết định tiến hành chiến dịch giải phóng Sài Gòn lấy tên là chiến dịch Hồ Chí Minh (từ 9-4 đến ngày 30-4-1975).

- Từ đầu tháng 4-1975, các binh đoàn chủ lực trên đường hành quân tiến về Sài Gòn đã đánh địch, giải phóng Phan Rang, Bình Thuận, Bình Tuy, Xuân Lộc, đánh chiếm Bà Rịa. Ngày 26-4-1975, cuộc tiến công lớn vào Sài Gòn bắt đầu. Những trận chiến đấu quyết liệt và những trận bão lửa dữ dội diễn ra trước hết ở hướng đông là hướng địch tập trung nhiều lực lượng và tổ chức chống cự rất điên cuồng. Từ khắp các hướng, năm cánh quân lớn phối hợp với các lực lượng vũ trang địa phương và được sự giúp sức của quần chúng nổi dậy, nhất loạt tấn công địch với sức mạnh vũ bão. Từ ngày 26 đến ngày 28-4, một bộ phận quan trọng lực lượng địch trên tuyến phòng thủ vòng ngoài bị tiêu diệt. Các binh đoàn chủ lực của quân giải phóng xiết chặt vòng vây xung quanh Sài Gòn.

- Ngày 30-4, với sự hiệp đồng chiến đấu rất anh dũng của các lực lượng đặc biệt tinh nhuệ, các lực lượng biệt động, tự vệ vùng ven và nội đô, cùng với sự nổi dậy đều khắp và rất kịp thời của quần chúng trong và ngoài thành phố, các cánh quân hùng mạnh đã thần tốc thọc sâu, tiến thẳng vào chiếm các mục tiêu quan trọng trong thành phố Sài Gòn-Gia Định: Dinh Độc Lập (tức Phủ Tổng thống ngụy), Bộ Tổng tham mưu và Khu Bộ tư lệnh các binh chủng của địch, sân bay Tân Sơn Nhất, Đài phát thanh, Biệt khu thủ đô và Tổng nha cảnh sát. Nhân dân thành phố Sài Gòn hân hoan chào đón các lực lượng vũ trang, con em của mình và cùng bộ đội truy lùng địch, tước vũ khí của chúng, dẫn đường cho bộ đội, bảo vệ các cơ sở kinh tế và văn hoá. Tổng thống ngụy quyền Dương Văn Minh phải tuyên bố đầu hàng không điều kiện.

- Đúng 11 giờ 30 ngày 30-4-1975, lá cờ cách mạng được cắm trên nóc Dinh Độc lập. Đây là thời điểm đánh dấu thành phố Sài Gòn-Gia Định hoàn toàn giải phóng. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. Như vậy, trong một thời gian ngắn (55 ngày đêm) cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 của quân và dân Việt Nam đã giành thắng lợi hoàn toàn.

- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 chính là “cột mốc vàng” của lịch sử dân tộc.

***Ý nghĩa của sự kiện:**

- Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 là mốc son chói lọi của lịch sử dân tộc...

Kết bài: Nêu suy nghĩ và ấn tượng của người viết về sự kiện.

Bước 3. Viết bài

Có thể tham khảo bài viết sau

Như thường lệ, cứ đến ngày 30/4 hằng năm Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đều long trọng làm lễ kỉ niệm về ngày Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước và ôn lại những sự kiện chính của cuộc kháng chiến chống Mỹ trong đó có sự kiện cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975. Em rất thích sự kiện này vì đây là một sự kiện lịch sử trọng đại có ý nghĩa như một mốc son chói lọi, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta kéo dài gần 21 năm, đôi bờ Nam Bắc nối liền một dải.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 của quân dân Việt Nam bắt đầu từ ngày 4/3/1975 và kết thúc vào ngày 30/4/1975 trong đó tiến công quân sự đóng vai trò quyết định với ba chiến tiên biểu: chiến dịch Tây Nguyên, chiến dịch Huế - Đà Nẵng, chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 giành được thắng lợi vang dội đầu tiên bằng chiến dịch Tây Nguyên (từ 10/3/1975 đến 24/3/1975). Mở đầu chiến dịch này là cuộc tiến công táo bạo, bất ngờ giải phóng hoàn toàn thị xã Buôn Mê Thuột (11/3/1975). Bị choáng váng và sau khi các cuộc điều quân phản kích hòng chiếm lại Buôn Ma Thuột đều bị đánh bại, ngày 14/3/1975 Nguyễn Văn Thiệu và Bộ Tổng tham mưu ngụy đã hốt hoảng đi tới quyết định rút khỏi Playcu, Kon Tum. Cuộc rút quân của địch đã biến thành cuộc tháo chạy hỗn loạn. Đến ngày 24/3/1975, vùng chiến lược Tây Nguyên rộng lớn với hơn 60 vạn đồng bào các dân tộc đã được giải phóng, 12 vạn quân địch đã bị tiêu diệt.

Từ lúc chiến dịch Tây Nguyên mở đầu, quân và dân Trị-Thiên đã phối hợp hoạt động mạnh, tiến công và nổi dậy nhiều nơi. Ngày 19/3/1975 toàn bộ tỉnh Quảng Trị được giải phóng. Tiếp đó, quân và dân Thừa Thiên Huế đã hình thành thế bao vây Huế bằng nhiều mũi và khống chế chặn đường rút chạy ra biển và vào Đà Nẵng. Ngày 24/3, Tam Kỳ và Quảng Ngãi được giải phóng. Ngày 26-3-1975, các lực lượng vũ trang nhân dân đã tiến hành hợp vây và cùng với đông đảo lực lượng quần chúng cách mạng nổi dậy tiêu diệt tập đoàn phòng ngự Thừa Thiên-Huế gồm 4 vạn tên địch, làm chủ thành phố Huế và toàn bộ tỉnh Thừa Thiên.

Ngày 28-3-1975, pháo binh quân giải phóng mở đầu cuộc tấn công giải phóng Đà Nẵng bằng đòn tập kích hoả lực mãnh liệt vào các vị trí quân sự địch trong thành phố và bán đảo Sơn Trà. Từ các hướng bắc, tây bắc, tây nam và đông nam, các binh đoàn thọc sâu có xe tăng dẫn đầu đã ào ạt tiến vào trung tâm thành phố. Cuộc tiến công Đà Nẵng của các binh đoàn

chủ lực, kết hợp với lực lượng vũ trang địa phương và quần chúng nổi dậy đúng lúc kịp thời đã kết thúc sau 33 giờ chiến đấu giành thắng lợi rực rỡ, giải phóng Đà Nẵng-thành phố lớn thứ hai ở miền Nam-tiêu diệt và làm tan rã hơn 10 vạn quân địch, trong đó có cơ quan Bộ tư lệnh quân đoàn 1 ngụy, đập nát căn cứ liên hợp quân sự mạnh nhất của địch ở miền Trung. Quân khu 1 ngụy bị xoá sổ. Kế hoạch co cụm chiến lược hòng giữ vùng đồng bằng ven biển của địch vừa triển khai đã bị đập tan.

Thắng lợi của chiến dịch Huế-Đà Nẵng và của chiến dịch Tây Nguyên, cùng những thắng lợi trên khắp chiến trường đã đẩy quân địch vào tình thế tuyệt vọng, tinh thần bị suy sụp, tổ chức bị tan rã, chiến lược bị bế tắc. Chính đế quốc Mỹ cũng phải thừa nhận rằng, đây là những đòn hiểm không có cách gì chống đỡ và không có phép gì hồi phục được. Tuy nhiên, với bản chất cực kỳ phản động và ngoan cố, Mỹ-ngụy vẫn tìm mọi cách cố thủ.

Dưới sự đôn đốc của tướng Mỹ Uýen và với một khối lượng vũ khí do Mỹ viện trợ cấp tốc bằng một cầu hàng không mới từ Băng Cốc (Thái Lan) sang, chúng gấp rút xây dựng phòng tuyến từ Phan Rang trở vào, hòng cố giữ đến mùa mưa, và đề ra một kế hoạch khẩn trương củng cố và tăng cường lực lượng để chuẩn bị cho những trận độ sức mới. ở khu vực Sài Gòn, sào huyệt cuối cùng, địch bố trí những lực lượng lớn khổng lồ chế các đường dẫn vào thành phố; trên mọi hướng dày đặc các sư đoàn, lữ đoàn bộ binh, các đơn vị thiết giáp, lính dù, v.v... Chúng còn đặt những vật chướng ngại ngăn cản bộ binh, xe tăng quân giải phóng và huy động 3 sư đoàn không quân trực tiếp chi viện.

Về phía quân ta, Bộ Chính trị cũng đã quyết định tiến hành chiến dịch giải phóng Sài Gòn lấy tên là chiến dịch Hồ Chí Minh (từ 9-4 đến ngày 30-4-1975). Từ đầu tháng 4-1975, các binh đoàn chủ lực trên đường hành quân tiến về Sài Gòn đã đánh địch, giải phóng Phan Rang, Bình Thuận, Bình Tuy, Xuân Lộc, đánh chiếm Bà Rịa. Ngày 26-4-1975, cuộc tiến công lớn vào Sài Gòn bắt đầu. Những trận chiến đấu quyết liệt và những trận bão lửa dữ dội diễn ra trước hết ở hướng đông là hướng địch tập trung nhiều lực lượng và tổ chức chống cự rất điên cuồng. Từ khắp các hướng, năm cánh quân lớn phối hợp với các lực lượng vũ trang địa phương và được sự giúp sức của quần chúng nổi dậy, nhất loạt tấn công địch với sức mạnh vũ bão. Từ ngày 26 đến ngày 28-4, một bộ phận quan trọng lực lượng địch trên tuyến phòng thủ vòng ngoài bị tiêu diệt. Các binh đoàn chủ lực của quân giải phóng xiết chặt vòng vây xung quanh Sài Gòn.

Ngày 30-4, với sự hiệp đồng chiến đấu rất anh dũng của các lực lượng đặc biệt tình nguyện, các lực lượng biệt động, tự vệ vùng ven và nội đô, cùng với sự nổi dậy đều khắp và rất kịp thời của quần chúng trong và ngoài thành phố, các cánh quân hùng mạnh đã thần tốc thọc sâu, tiến thẳng vào chiếm các mục tiêu quan trọng trong thành phố Sài Gòn-Gia Định: Dinh Độc Lập (tức Phủ Tổng thống ngụy), Bộ Tổng tham mưu và Khu Bộ tư lệnh các binh chủng của địch, sân bay Tân Sơn Nhất, Đài phát thanh, Biệt khu thủ đô và Tổng nha cảnh sát. Nhân

dân thành phố Sài Gòn hân hoan chào đón các lực lượng vũ trang, con em của mình và cùng bộ đội truy lùng địch, tước vũ khí của chúng, dẫn đường cho bộ đội, bảo vệ các cơ sở kinh tế và văn hoá. Tổng thống ngụy quyền Dương Văn Minh phải tuyên bố đầu hàng không điều kiện.

Đúng 11 giờ 30 ngày 30-4-1975, lá cờ cách mạng được cắm trên nóc Dinh Độc lập. Đây là thời điểm đánh dấu thành phố Sài Gòn-Gia Định hoàn toàn giải phóng. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. Như vậy, trong một thời gian ngắn (55 ngày đêm) cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 của quân và dân Việt Nam đã giành thắng lợi hoàn toàn.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 chính là “cột mốc vàng” của lịch sử dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đại thắng mùa Xuân năm 1975 đã đi vào lịch sử dân tộc Việt Nam như một mốc son chói lọi, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta kéo dài gần 21 năm. Đại thắng Mùa xuân 1975 có ý nghĩa hết sức sâu sắc, làm thất bại hoàn toàn cuộc chiến tranh xâm lược và ách thống trị thực dân mới của đế quốc Mỹ ở miền Nam, giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc vẻ vang cuộc chiến tranh cứu nước lâu dài nhất, khó khăn nhất và vĩ đại nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của nhân dân ta.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc ta đã qua lâu rồi nhưng mỗi lần được nghe, đọc, hay xem những thước phim lịch sử quý giá về cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, em vô cùng xúc động và tự hào về dân tộc Việt Nam. Em thấy mình cần phải sống xứng đáng với thế hệ cha anh đi trước-những người đã không tiếc máu xương đem lại hòa bình độc lập ngày hôm nay.

Bước 4: Chỉnh sửa bài viết

Rà soát, chỉnh sửa bài viết theo những gợi ý trong bảng kiểm ở phần hướng dẫn chung.

MỘT SỐ ĐỀ TỰ LUYỆN

Đề 1. Kể lại một sự việc về nhân vật nổi tiếng trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục.

Đề 2. Kể lại một sự việc về nhân vật nổi tiếng trong lĩnh vực y tế.

Đề 3. Kể lại một sự việc về một tấm gương nổi tiếng trong lĩnh vực thể thao

Đề 4. Kể lại một sự việc có thật về một tấm gương đời thường.

Đề 5. Kể lại một sự việc có thật về một nhân vật lịch sử.

Hướng dẫn làm đề 1:

Đề số 1: Kể lại một sự việc về nhân vật nổi tiếng trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục.

Câu chuyện về thầy Chu Văn An (thời Trần) - người thầy chuẩn mực muôn đời của Việt Nam.

1.Mở bài: Giới thiệu nhân vật và sự việc liên quan: Giới thiệu thầy giáo Chu Văn An và những sự tích về thầy giáo-người thầy chuẩn mực muôn đời của Việt Nam.

Có thể viết mở bài như sau:

Năm nào cũng vậy, cứ đến ngày 20/11 là Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đều làm lễ kỉ niệm ngày Hiến chương nhà giáo. Ngày này nhìn đâu đâu em cũng thấy ca ngợi những người lái đò-những người đã cống hiến rất nhiều cho sự nghiệp giáo dục. Những lúc ấy, lòng em lại trào dâng một cảm xúc khó tả. Em lại không thể nào không nghĩ về thầy Chu Văn An-người thầy đạo cao đức trọng-chuẩn mực muôn đời của Việt Nam.

2.Thân bài:

***Trình bày diễn biến của sự việc được kể:**

- Chu Văn An sinh năm 1292 tại xã Quang Liệt, huyện Thanh Đàm (nay là làng Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, Hà Nội). Ông là nhà giáo, thầy thuốc, đại quan dưới triều Trần. Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*, Chu Văn An "tính cương nghị, thẳng thắn, sửa mình trong sạch, không cầu lợi lộc". Ông ở nhà đọc sách, học văn tinh thông, nổi tiếng gần xa, "học trò đầy cửa, thường có kẻ đỗ đại khoa".

- *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam* viết Chu Văn An là thầy giỏi nhưng nghiêm khắc, trọng tài năng của học trò và ghét những người cậy giàu ham chơi. Học trò của ông có nhiều người giỏi, có công giúp nước như Phạm Sư Mạnh, Lê Quát, hai quan lớn của triều Trần. Sinh thời, ông được dân chúng tôn là "Vạn thế sư biểu", nghĩa là người thầy chuẩn mực muôn đời của Việt Nam.

- Ở thời Chu Văn An, trường học còn rất hiếm. Cả nước chỉ có một trường quốc lập là Quốc Tử Giám ở kinh đô dành cho con vua, con quan, sau mở rộng cho những người tài trong nhân dân theo học. Vậy nên con em nhân dân phần lớn thất học, Chu Văn An đã mở trường Huỳnh Cung tại quê nhà (Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội ngày nay) để dạy học. "Trường có lớp, thư viện.... Học trò đến học ở trường Huỳnh Cung khá đông, đến 3.000", tác giả Trần Lê Sáng viết trong cuốn *Chu Văn An, Nguyễn Bình Khiêm, Nguyễn Thiếp - ba bậc thầy của giáo dục Việt Nam*.

- Trong khoa thi năm 1314, hai học trò của ông đỗ Thái học sinh, tương đương học vị tiến sĩ. Việc này gây tiếng vang lớn trong giới sĩ tử đương thời. Thầy giáo Chu Văn An và trường Huỳnh Cung được cả nước biết đến. Trường Huỳnh Cung trở thành mốc quan trọng trong lịch sử phát triển của nền giáo dục Việt Nam. Kể từ đây, bên cạnh trường quốc lập, các trường dân lập phát triển, đông đảo con em nhân dân có nơi học tập, sự nghiệp giáo dục nước nhà mở rộng hơn trước.

- Sau khi danh tiếng của Chu Văn An và trường Huỳnh Cung được cả nước biết tới, ông được vua Trần Minh Tông mời ra làm Tư nghiệp (hiệu trưởng) trường Quốc Tử Giám, trông coi việc học cho cả nước. Dù được phong chức Tư nghiệp trường Quốc Tử Giám, những năm đầu, Chu Văn An chỉ có trách nhiệm chính là kèm cặp thái tử Trần Vượng, đào tạo vua mới cho nước nhà.

- Sau khi Trần Vương (tức vua Trần Hiến Tông) lên ngôi năm 1329, Chu Văn An mới thực sự chuyên tâm vào công việc ở trường Quốc Tử Giám. Ông cho mở mang trường, viết *Tứ thư thuyết ước*, tóm tắt bốn bộ sách lớn là *Luận ngữ*, *Mạnh tử*, *Đại học* và *Trung dung*, làm giáo trình dạy học. Kể từ thời Chu Văn An trở về sau, Quốc Tử Giám mỗi ngày được củng cố, mở rộng.
- Thời gian làm hiệu trưởng trường Quốc Tử Giám đem đến cho Chu Văn An nhiều vinh quang mới, nhưng cũng khiến ông gặp đầy sóng gió. Vua Hiến Tông, học trò của ông ở ngôi được hai năm thì qua đời, công lao hơn mười năm đào tạo khó nhọc và hy vọng củng cố nhà Trần của thầy trò tiêu tan.
- Lúc này, vua Trần Dụ Tông lên thay, triều chính đất nước rối ren. Vua ham mê tửu sắc, nóng nảy, nông cạn. Trong triều, quyền gian liên kết hoành hành, bên ngoài giặc giã dấy lên cướp bóc. Thấy chính sự bê bối, nhà giáo Chu Văn An phẫn nộ. Ông đã viết *Thất trảm sớ*, đòi chém 7 kẻ nịnh thần, đều là người quyền thế được vua yêu. Dù bị vua Dụ Tông phớt lờ, tấu sớ của hiệu trưởng trường Quốc Tử Giám gây chấn động dư luận bởi theo quy chế lúc bấy giờ, chỉ quan Ngự sử mới được quyền can gián vua.
- Sau khi dâng *Thất trảm sớ* nhưng không được vua trả lời, Chu Văn An rời kinh thành về vùng đất Chí Linh (Hải Dương) mở trường tiếp tục dạy học. Dù là nơi thâm sâu cùng cốc, số học trò đến với thầy Chu vẫn đông. Lúc này, Chu Văn An lấy hiệu là Tiều Ẩn, chỉ lấy việc dạy học, làm thơ cho vui.
- Từ khi Chu Văn An về, Chí Linh dấy lên phong trào học tập, nhiều người học giỏi nổi tiếng. Đặc biệt, ở đời nhà Mạc, huyện này có bà Nguyễn Thị Duệ thi đỗ tiến sĩ, là nữ tiến sĩ đầu tiên và duy nhất của Việt Nam thời phong kiến. Ngoài ra còn có Nguyễn Phong, mới 14 tuổi đã cùng cha thi đỗ kỳ thi Hương, 26 tuổi đỗ tiến sĩ.
- Những ngày dạy học ở Chí Linh, Chu Văn An còn trồng cây thuốc, nghiên cứu y học, giúp người dân chữa bệnh. Dù ở xa, nhiều học trò cũ đã làm quan vẫn về thăm ông. *Đại Việt sử ký* viết khi học trò về thăm, ai làm điều gì chưa đúng phép, ông vẫn nghiêm khắc dạy bảo. Điều này khiến học trò càng thêm kính mến.
- Cuối đời, Chu Văn An sống thanh thản trong cảnh nghèo, vui với lớp học, văn chương. Triều đình nhiều lần mời về nhưng ông nhất định từ chối. Thế nhưng lòng ông vẫn hướng về nhà Trần. Sau khi vua Trần Nghệ Tông dẹp yên loạn Dương Nhật Lễ, lấy lại được ngôi vua, Chu Văn An dù tuổi cao vẫn về triều chúc mừng. Việc làm đó của ông khiến nhân dân và sĩ phu đương thời quý trọng.
- Trở lại Chí Linh, Chu Văn An lúc bấy giờ gần 80 tuổi, ốm nặng. Tháng 11/1370, ông trút hơi thở cuối cùng. Sau khi mất, triều đình đã đưa Chu Văn An vào thờ ở Văn Miếu, xem ông ngang hàng với những bậc thánh hiền ngày xưa.

- "Suốt cuộc đời mình, Chu Văn An không lúc nào sao nhãng sự nghiệp giáo dục... Điểm nổi bật trong công lao đóng góp của ông là việc sáng lập nên trường học trong nhân dân; việc học và dạy có kết quả lớn. Trường Huỳnh Cung đánh dấu một mốc quan trọng trong lịch trình phát triển sâu rộng của nền giáo dục nước ta", tác giả Trần Lê Sáng khẳng định.

- Năm 2018, Việt Nam đã xây dựng hồ sơ khoa học về danh nhân Chu Văn An để đề nghị UNESCO phối hợp tổ chức kỷ niệm 650 năm ngày mất của ông vào năm 2020. Phó chủ tịch Hội đồng Di sản văn hóa quốc gia Đặng Văn Bài khẳng định Chu Văn An có ảnh hưởng lớn tới nền giáo dục Việt Nam. Tư tưởng nổi bật của ông là tự học, tự lập, học tập suốt đời và là tấm gương tôn sư trọng đạo.

- Để tưởng nhớ Chu Văn An, nhiều đường phố, trường học khắp cả nước được đặt theo tên ông. Gần đây nhất, trường Bưởi - Chu Văn An vừa kỷ niệm 110 năm thành lập. Giữa khoảng sân của ngôi trường cổ kính, tượng đài Chu Văn An đứng sừng sững như biểu tượng nhắc nhở thầy trò phải phấn đấu học tập. Vào những dịp như năm học mới hay ngày 20/11, nhiều thầy cô, học sinh, cựu học sinh tới trường Chu Văn An để thắp nén hương tưởng nhớ ông.

3.Kết bài: Nêu suy nghĩ và ấn tượng của người viết về sự việc

Có thể viết kết bài như sau:

Hình ảnh thầy Chu Văn An là tấm gương sáng về người thầy đạo cao đức trọng. Tài năng, nhân cách của ông được người đời kính phục. Là thế hệ trẻ của thế kỉ XXI, em vô cùng tự hào về điều đó. Vậy nên em hôm nay cần phải ra sức rèn đức luyện tài vì ngày mai lập nghiệp để xứng đáng với những gì mà thế hệ đi trước đã dày công vun đắp. Cảm ơn thầy giáo Chu Văn An-người thầy chuẩn mực Việt Nam muôn đời đã dạy cho em những bài học làm người bổ ích.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 11:

CHUYÊN ĐỀ 7: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI SỰ VIỆC CÓ THẬT LIÊN QUAN ĐẾN NHÂN VẬT HOẶC SỰ KIỆN LỊCH SỬ. (tt)

(Dùng chung 3 bộ sách)

Thời lượng: 3 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Thấy được chức năng của bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

- Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. Bài viết có sử dụng yếu tố miêu tả; sắp xếp các sự việc theo trật tự trước sau, quan hệ nhân quả.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận.
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất: Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- KHBD, PHT

2. Chuẩn bị của học sinh: Vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU/KHỞI ĐỘNG

2. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS: HS thực hành viết bài, bám sát dàn ý đã lập.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Đề số 1. Kể lại một sự việc có thật về một tấm gương đời thường.

Câu chuyện về anh Nguyễn Ngọc Mạnh – người cứu bé gái rơi từ tầng 12 chung cư 60B Nguyễn Huy Tưởng, Hà Nội.

1. Mở bài: Giới thiệu nhân vật và sự việc liên quan đến nhân vật

Có thể viết mở bài như sau:

Hằng ngày xem phim, báo, đài,.. em đã gặp rất nhiều tấm gương người tốt việc tốt. Họ là những người hùng giữa đời thường. Họ đã không màng đến tính mạng của bản thân để cứu người bởi họ sinh ra để làm việc tốt cho đời. Trong những tấm gương người tốt, việc tốt giữa đời thường ấy, có lẽ câu chuyện về anh Nguyễn Ngọc Mạnh làm nghề lái xe, trong phút chốc đã cứu em bé 3 tuổi rơi từ tầng 12 của chung cư 60B Nguyễn Huy Tưởng (Hà Nội) đã để lại trong em nhiều xúc động hơn cả.

2. Thân bài:

***Trình bày diễn biến của sự việc được kể:**

- Anh Nguyễn Ngọc Mạnh, sinh ngày 03-02-1990, cư trú ở xóm 4, thôn Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh, Hà Nội, hiện làm nghề lái xe tải. Anh sinh ra trong một gia đình có ông nội nguyên là Bí thư Chi đoàn xã Vĩnh Ngọc, bố đẻ là Trưởng thôn Vĩnh Thanh, là những người luôn tích cực tham gia các công tác của đoàn thể và thường xuyên quan tâm, hỗ trợ bà con, nhất là các gia đình chính sách và những người có hoàn cảnh khó khăn ở địa phương.

- Ngay từ khi còn nhỏ, cậu bé Mạnh đã được ông bà, bố mẹ giáo dục tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ mọi người.

- Nhớ về buổi sáng hôm đó, anh Mạnh xúc động kể lại:

+ Sự việc xảy ra hôm đó là hoàn toàn bất ngờ, tôi nhận được đơn chở hàng từ Triều Khúc về Chung cư 60B Nguyễn Huy Tưởng.

+ Khi đang ngồi trong ô tô dưới sảnh chờ của một toà nhà cạnh chung cư 60B Nguyễn Huy Tưởng để chuẩn bị chuyển đồ cho khách, thì nghe thấy tiếng kêu của trẻ nhỏ. Lúc đầu, tôi chỉ tưởng cháu bị bố mẹ mắng, nhưng khi nghe thấy tiếng hét ở xung quanh, tôi vội chui ra khỏi xe. Khi tôi vừa ngược mắt nhìn lên phía trên tòa nhà đối diện thì thấy cháu bé đang trèo lên lan can ban công tầng 13 sắp bị rơi xuống. Trong đầu tôi lúc đó, nói thật, chẳng suy nghĩ nhiều, chỉ nghĩ làm cách nào đỡ được cháu bé? Bản thân tôi lúc ấy rất lo như là chính con gái của mình đang gặp nạn vậy... Tôi cố tìm đường gần nhất để tiếp cận hướng cháu bé rơi, rồi trèo lên bức tường rào cao hơn 2 m bao quanh chung cư, nhảy sang mái tôn của căn nhà để máy phát điện cạnh chung cư. Trong đầu tôi nghĩ phải làm sao đỡ được cháu cho chính xác để hạn chế thương vong cho cháu. Trong lúc đứng trên mái tôn đón cháu, do mái nhà bị nghiêng làm tôi bị trượt chân ngã, nên đỡ cháu không được như ý mình mong muốn. Khi cháu bé rơi gần xuống mái tôn, tay tôi đã chạm được một phần vào người cháu, nhưng do lực rơi quá mạnh, từ tầng cao nên không giữ được, để cháu rơi từ tay mình xuống mái tôn. Rất may nhờ có mái tôn nên cả hai chú cháu được an toàn. *(Sử dụng các yếu tố miêu tả trong khi kể)*

- Sự việc cứu cháu bé của anh Nguyễn Ngọc Mạnh đã nhận được sự khen ngợi, động viên, khích lệ kịp thời của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Bộ, ngành Trung ương, địa phương và các tổ chức, đoàn thể xã hội,... Trong đó có Bằng khen, Thư khen của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, Thư khen của Bí thư Thành ủy Hà Nội Vương Đình Huệ... và nhiều lời động viên, ca ngợi khác.

- Khi tìm hiểu về anh Nguyễn Ngọc Mạnh, đặc biệt khi được tiếp xúc trực tiếp với anh, chúng tôi nhận thấy anh là một người thật thà, chất phác và khiêm tốn. Việc cứu cháu bé của Mạnh đã nhận được sự tôn vinh của xã hội, mọi người gọi anh là “người hùng”, nhưng khi hỏi

chuyện, anh chỉ khiêm tốn: Tôi không phải là người hùng, đã máu đỏ da vàng ai cũng sẽ như nhau. Bất cứ ai ở trong hoàn cảnh đó cũng sẽ hành động như vậy”. Với hành động dũng cảm của mình, anh Mạnh đã được nhiều tập thể, cá nhân đề nghị tặng tiền và những phần quà có giá trị, trong đó có lời đề nghị làm đại diện hình ảnh thương hiệu của một số doanh nghiệp..., Song anh Mạnh đã cảm ơn và lịch sự từ chối. Với việc cứu cháu bé, anh Mạnh luôn suy nghĩ đơn giản là mọi người khi gặp tình huống đó thì ai cũng sẽ làm như vậy và mong muốn dành những quà tặng vật chất đó chuyển vào quỹ từ thiện cho những người có hoàn cảnh khó khăn hơn mình.

- Không chỉ dũng cảm cứu bé gái rơi từ tầng 12, anh Mạnh còn được biết đến với nhiều việc tốt khác. Cuối năm 2020, trong khi đi trả hàng, anh đã nhặt được một số tiền trị giá 1,7 triệu đồng của ai đó đánh rơi. Sau nhiều ngày tìm kiếm người bị mất không được, anh xe chở hàng đi Ninh Bình tình cờ gặp một vụ tai nạn giao thông, anh đã dừng Mạnh đã chuyển số tiền này vào quỹ từ thiện. Trong một lần khác, khi lái xe và tích cực sơ cứu bước đầu và cùng mọi người bảo quản tài sản cho người bị nạn khi chờ người nhà và cơ quan chức năng đến tiếp nhận. Ngoài giờ đi làm, anh Mạnh còn cắt tóc miễn phí cho nhiều người khó khăn.

***Nêu ý nghĩa của sự việc được kể:**

- Hành động dũng cảm và cuộc sống đời thường nhân ái, giản dị của anh Nguyễn Ngọc Mạnh đã đọng lại trong chúng ta bài học về tinh thần tương thân, tương ái đồng thời là nguồn cổ vũ động viên, khuyến khích mỗi chúng ta nuôi dưỡng ước mơ, hoài bão, lập nghiệp, phấn đấu để trưởng thành và cống hiến nhiều hơn cho đất nước.

3.Kết bài: Nêu suy nghĩ và ấn tượng của người viết về sự việc

Có thể viết kết bài như sau:

Câu chuyện cứu người của anh Mạnh đã xảy ra hơn một năm rồi nhưng cứ mỗi lần nghe các phương tiện thông tin đại chúng nói về những tấm gương người tốt việc tốt thì em lại xúc động và tự hào bởi những điều tốt đẹp, những hành động truyền cảm hứng vẫn luôn tồn tại xung quanh chúng ta. Thế hệ trẻ chúng em hôm nay nguyện tiếp bước, phát huy tinh thần dũng cảm, trách nhiệm, nỗ lực học tập và rèn luyện, cống hiến hết mình và lan tỏa những hành động đẹp đến cộng đồng, chung tay xây dựng cuộc sống bình yên, thân thiện, giàu đẹp, văn minh.

Đề 2. Kể lại một sự việc có thật về một nhân vật lịch sử.

Câu chuyện về Bác Hồ với thiếu niên nhi đồng - Đến thăm trường thiếu nhi miền Nam.

1. Mở bài: Giới thiệu nhân vật và sự việc liên quan mà bài viết muốn kể.

Có thể viết đoạn văn như sau:

Bác Hồ kính yêu của chúng ta không những là vị lãnh tụ vĩ đại mà còn là người vô cùng thương yêu thiếu nhi. Đã có biết bao câu chuyện xúc động thể hiện tình yêu thương bao la của Bác dành cho trẻ thơ. Trong những câu chuyện mà em được đọc, em thích nhất là câu chuyện đến thăm trường thiếu nhi miền Nam của Bác Hồ.

2. Thân bài:

***Trình bày diễn biến của sự việc được kể:**

Nghe tin Bác đến thăm trường thiếu nhi miền Nam, các cô chú phụ trách trường tíu tít chuẩn bị, trang hoàng hội trường đón Bác.

Khi Bác đến, tất cả mọi người ùa ra đón Bác và đưa Bác đến hội trường đã được chuẩn bị cờ, hoa long lanh. Nhưng Bác đề nghị dẫn Bác đến nhà bếp và phòng ngủ xem các cháu có được ăn no, ngủ ấm và chăm sóc chu đáo không. Sau đó Bác lấy ra một gói kẹo lớn chia đều cho các cháu. Đang nhìn các cháu ăn kẹo, Bác chợt nhận ra có 1 cháu đang đứng ở góc phòng, nét mặt buồn xo. Bác gọi lại hỏi:

- Cháu tên là gì? Vì sao lại đứng ở đây?
- Cháu tên là Tộ. Vì cháu phạm lỗi, tay bẩn không rửa nên các cô chú phạt, không cho nhận kẹo của Bác.

Bác cười bảo bạn Tộ đi rửa tay rồi chia kẹo cho Tộ, sau đó Bác dạy:

- Từ nay, cháu phải luôn giữ gìn đôi tay cho sạch nhé. Bàn tay con người rất đáng quý.

Bạn Tộ rất cảm động trước sự chăm sóc ân cần của Bác. Từ đấy, bạn luôn giữ đôi tay sạch sẽ và rửa tay sạch trước khi ăn.

***Nêu ý nghĩa của sự việc được kể:**

Sự chăm sóc ân cần, chu đáo và những lời dạy dỗ của Bác đã làm cho bạn Tộ ý thức được việc giữ gìn đôi tay sạch sẽ bởi đôi bàn tay con người rất đáng quý “Bàn tay ta làm nên tất cả”.

3. Kết bài: Nêu suy nghĩ và ấn tượng của người viết về sự việc.

Có thể viết kết bài như sau

Có thể nói, cuộc đời và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh đã đi vào lịch sử và đời sống tâm hồn dân tộc Việt Nam. Những câu chuyện kể về Bác Hồ thì vô vàn, không thể nào kể hết. Mỗi câu chuyện là một bài học về đạo đức làm người mà mỗi chúng ta cần biết để hoàn thiện bản thân hơn. Câu chuyện về Bác Hồ đến thăm trường thiếu nhi miền Nam là một trong những câu chuyện hay mà em biết. Qua câu chuyện này, em ý thức được việc giữ gìn vệ sinh của bản thân mình mà trước hết là đôi bàn tay bởi đôi bàn tay con người là “rất đáng quý”.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 12:

CHUYÊN ĐỀ 8: LUYỆN ĐỀ KIỂM TRA

(Dùng chung 3 bộ sách)

Thời lượng: 3 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức.

- Hệ thống lại các kiến thức ở cả ba phân môn Văn, tiếng Việt, tập làm văn ở cả ba bộ sách.

2. Về năng lực.

- Năng lực: giải quyết vấn đề, sáng tạo, năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Về phẩm chất.

- Giúp HS có trách nhiệm với việc học tập của bản thân và thêm yêu thích, hứng thú với môn Văn hơn nữa.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- **Chuẩn bị của GV:** Soạn các dạng đề, đáp án.

- **Chuẩn bị của HS:** Học ôn bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY- HỌC:

ĐỀ LUYỆN SỐ 1.

PHẦN I. ĐỌC- HIỂU (10,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới :

Mẹ!

Cái tiếng gọi mà từ khi bập bẹ

Đến lúc trưởng thành

Con vẫn chưa hiểu hết chiều sâu

Mẹ!

Có nghĩa là bắt đầu

Cho sự sống, tình yêu, hạnh phúc

Mẹ!

Có nghĩa là duy nhất

Một bầu trời

Một mặt đất

Một vầng trăng

Mẹ không sống đủ trăm năm
Nhưng đã cho con dư dả nụ cười và tiếng hát.

.....

Mẹ!

Có nghĩa là ánh sáng
Một ngọn đèn thắp bằng máu con tim
Cái đóm lửa thiêng liêng
Cháy trong bão bùng, cháy trong đêm tối

Mẹ!

Có nghĩa là mãi mãi
Là cho - đi - không - đòi - lại - bao - giờ
Cổ tích thường bắt đầu từ: "Ngày xưa có một công chúa..." hay "Ngày xưa có một vị vua..."
Cổ tích còn bắt đầu từ: "Ngày xưa có mẹ..."
(“Ngày xưa có mẹ”, Thanh Nguyên)

Khoanh tròn vào một phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5)

Câu 1. (1,0 điểm) Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là gì?

A. Tự sự. B. Miêu tả. C. Biểu cảm. D. Nghị luận.

Câu 2. (1,0 điểm) Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong khổ thơ thứ 3?

A. So sánh. B. Chơi chữ. C. Ẩn dụ. D. Liệt kê

Câu 3. (1,0 điểm) Đoạn trích trên viết về chủ đề gì?

A. Tình phụ tử. B. Tình mẫu tử
C. Tình anh em. D. Tình bà cháu

Câu 4. (1,0 điểm) Biện pháp tu từ đặc sắc nhất trong đoạn trích là:

A. So sánh. B. Ẩn dụ. C. Điệp ngữ. D. Liệt kê

Câu 5. (1,0 điểm) Em hiểu như thế nào về những câu thơ “Mẹ!/Có nghĩa là duy nhất/Một bầu trời/Một mặt đất/Một vầng trăng”?

Câu 6. (2,0 điểm) Trình bày suy nghĩ của em về câu thơ: “Mẹ!/ Có nghĩa là ánh sáng/ Một ngọn đèn thắp bằng máu con tim” bằng một đoạn văn ngắn (3-5 câu)

Câu 7. (1,0 điểm) Thông điệp nào có ý nghĩa nhất với em qua đoạn trích ?

Câu 8. (2,0 điểm) Từ dòng cuối của đoạn thơ « Mẹ!/Có nghĩa là mãi mãi/Là cho - đi - không - đòi - lại - bao - giờ », em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5-7 câu) trình bày suy nghĩ của em về tình mẹ.

PHẦN II. VIẾT (10,0 điểm)

Hãy quan sát những hình ảnh sau trong đại dịch Covid 19 và viết bài văn (khoảng 2 trang giấy thi) bày tỏ suy nghĩ của em.



ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I. ĐỌC HIỂU	1	C	1,0 điểm
	2	D	1,0 điểm
	3	B	1,0 điểm
	4	C	1,0 điểm
	5	Ý nghĩa những câu thơ: “Mẹ!/Có nghĩa là duy nhất/Một bầu trời/Một mặt đất/Một vầng trăng”: khẳng định mẹ là duy nhất đối với mỗi người trên cuộc đời cũng như chỉ có một bầu trời, một mặt	1,0 điểm

		đất, một vầng trăng trong thế giới này mà thôi.	
	6	- Mẹ mang cho con “ánh sáng”, đó là niềm tin, tình yêu thương dẫn lối cuộc đời con. Mẹ thấp sáng đời con bằng “máu con tim”, bằng tấm lòng bao la và vĩnh cửu của người. - Qua đó , khẳng định tình mẹ bao giờ cũng cao cả, lớn lao, không gì đo đếm được. Tiếng gọi “mẹ!” sẽ mãi mãi sống cùng năm tháng với con, sẽ không bao giờ tắt được trên thế gian khi tình cảm của con vẫn luôn dành cho mẹ với niềm kính trọng, yêu thương mãi mãi bất diệt với thời gian.	2,0 điểm
	7	- HS có thể tự chọn thông điệp có ý nghĩa và lí giải, miễn sao hợp lí. Gợi ý: + Công ơn sinh thành và dưỡng dục của mẹ. + Tình yêu bao la vô bờ bến của mẹ. + Sự thiêng liêng của tình mẫu tử.	1,0 điểm
	8	HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần nêu được các ý cơ bản sau: - Tiếng gọi mẹ sẽ mãi mãi sống cùng năm tháng với người con, sẽ không bao giờ tắt được trên thế gian khi tình cảm của con vẫn luôn giành cho mẹ với niềm kính trọng, yêu thương mãi mãi. - Mẹ hi sinh tất cả vì con, cho đi chứ không cần nhận lại. - Khẳng định tình mẹ bao giờ cũng lớn cao cả, lớn lao, không gì đo đếm được. - Mỗi người con phải sống sao cho xứng đáng, không phụ lòng mong mỏi của mẹ.	2,0 điểm
II. VIẾT	a.	<i>Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận</i>	0,5 điểm
	b.	<i>Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Tình yêu thương, sẻ chia con người trong đại dịch Covid 19.</i>	0,5 điểm
	c.	<i>Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết bài văn theo định hướng sau :</i> * Mở bài : - Dẫn dắt nêu lên vấn đề nghị luận :Tình yêu thương, sẻ	8,0 điểm

chia con người trong đại dịch Covid 19.

- Nêu lên quan điểm của bản thân : đồng tình với những việc làm trên.

Có thể viết mở bài như sau :

"Nếu có một gia vị làm tăng thêm hơi ấm và ý nghĩa trong cuộc sống... đó chính là tình yêu thương. Nếu có một tình cảm thiêng liêng giúp chúng ta vượt qua bao khó khăn, thử thách đó chính là tình yêu thương". Câu nói trên đã nói lên được ý nghĩa của tình yêu thương, sẽ chia trong cuộc sống đặc biệt là trong những ngày Sài Gòn oằn mình chống dịch. Những hành động sẻ chia, giúp đỡ đồng bào miền Nam có ý nghĩa vô cùng lớn lao, làm nên những điều kì diệu của cuộc sống. Những việc làm, hành động ấy, em hoàn toàn đồng tình và trân trọng.

***Thân bài :**

- **Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm.**

- **Đưa ra lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục mọi người về quan điểm :** Tình yêu thương, sẻ chia có ý nghĩa lớn lao:

+ Làm cho cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn : giúp con người biết yêu thương, sẻ chia, biết giúp đỡ để cùng nhau vượt qua khó khăn, thử thách.

+ Là chiếc chìa khóa kì diệu làm nên tinh thần đoàn kết đáng quý của dân tộc, là cội nguồn cho sự phát huy sức mạnh của đại đoàn kết toàn dân.

*** Kết bài :**

- Khẳng định lại quan điểm cá nhân.

- Bức thông điệp muốn gửi tới mọi người.

Có thể viết kết bài như sau :

Tóm lại, *"Con người sống không có tình thương cũng giống như vườn hoa không có ánh nắng mặt trời"*(Vích-to Huy-gô). Vậy nên, hãy lan tỏa tình yêu thương từ trái tim của bạn đến với mọi người để cuộc sống của chúng ta luôn đẹp, luôn xanh các bạn nhé !

(Xem bài văn viết mẫu trong giáo án bồi dưỡng HSG văn 7)

	d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề.	0,5 điểm
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	0,5 điểm

ĐỀ LUYỆN SỐ 2.

PHẦN I. ĐỌC- HIỂU (10,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới :

Ước mơ giống như bánh lái của con tàu. Bánh lái có thể nhỏ và không nhìn thấy được, nhưng nó điều khiển hướng đi của con người. Cuộc đời không có ước mơ giống như con tàu không có bánh lái. Cũng như con tàu không có bánh lái, người không ước mơ sẽ trôi dạt lững lờ cho đến khi mắc kẹt trong đầm rong biển.

(Theo Bùi Hữu Giao, Hành trang vào đời, trang 99, NXB Thanh Niên)

Khoanh tròn vào một phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là gì?

- A. Tự sự. B. Miêu tả. C. Nghị luận. D. Biểu cảm

Câu 2. Xác định biện pháp tu từ trong câu “*Cuộc đời không có ước mơ giống như con tàu không có bánh lái*»

- A. So sánh. B. Nhận hóa. C. Ẩn dụ. D. Điệp ngữ

Câu 3. Theo tác giả, bánh lái con tàu có tác dụng gì?

- A. Ngăn bão tố trên biển.
B. Giúp con người di chuyển nhanh hơn.
C. Nâng cao tuổi thọ cho con tàu.
D. Điều khiển hướng đi của con người.

Câu 4. Em hiểu như thế nào về câu nói của tác giả : “*người không ước mơ sẽ trôi dạt lững lờ cho đến khi mắc kẹt trong đầm rong biển* ».

- A. Người không có ước mong, hoài bão sẽ không tìm được ý nghĩa cuộc sống và khó thoát ra khỏi những khó khăn.
B. Người không có ước mong, hoài bão sẽ trở thành kẻ vô dụng, không có ích cho xã hội.
C. Người không có ước mong, hoài bão sẽ gây nên phiền toái cho những người xung quanh.
D. Người không có ước mong, hoài bão sẽ trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội.

Câu 5. Nội dung chính của đoạn trích là:

- A. Bàn về vai trò của ước mơ đối với cuộc sống mỗi con người.
B. Bàn về của ước mơ đối với cuộc sống mỗi con người
C. Bàn về vai trò của ý chí, nghị lực đối với cuộc sống mỗi con người
D. Bàn về vai trò của niềm tin đối với cuộc sống mỗi con người

Câu 6. Xác định biện pháp tu từ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu: « Ước mơ giống như bánh lái của con tàu ».

Câu 7. Thông điệp mà đoạn trích muốn gửi đến là gì?

Câu 8. Từ nội dung phần đọc hiểu trên, em hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của em về vai trò của ước mơ đối với sự thành công của mỗi người.

PHẦN II. VIẾT (10,0 điểm)

Phân tích đặc điểm nhân vật Dế Mèn qua đoạn trích “Bài học đường đời đầu tiên” của nhà văn Tô Hoài. (3 bộ sách hiện hành 6: Kết nối, Chân trời, Cánh diều)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I. ĐỌC HIỂU	1	C	<i>1,0 điểm</i>
	2	A	<i>1,0 điểm</i>
	3	D	<i>1,0 điểm</i>
	4	A	<i>1,0 điểm</i>
	5	A	<i>1,0 điểm</i>
	6	Biện pháp so sánh: Ước mơ so sánh với bánh lái của con tàu - Tác dụng: + Giúp câu văn thêm sinh động, dễ hình dung. + Khi so sánh ước mơ như bánh lái con tàu tác giả muốn nhấn mạnh nếu con tàu không có bánh lái không thể vận hành, cũng giống như con người sống không có mơ ước thì chính là đang sống hoài, sống phí.	<i>2,0 điểm</i>
	7	Thông điệp: Cần có ước mơ để vượt qua những trở ngại trong cuộc sống.	<i>2,0 điểm</i>
	8	Đoạn văn hướng đến những nội dung sau: - Giới thiệu vấn đề: Vai trò của ước mơ đối với sự thành công của con người. - Người có ước mơ mới có động lực làm việc, học tập và cống hiến cho xã hội. Khi mỗi con người trên con đường thực hiện ước mơ của mình cũng chính là đóng góp cho xã hội, cho đất nước phát triển. - Người sống có ước mơ sẽ thấy cuộc sống tươi đẹp hơn, nhiều màu sắc hơn.	<i>2,0 điểm</i>

	- Phê phán những bạn trẻ sống không có ước mơ, không có ý chí phấn đấu, sống buông bỏ đời mình theo số phận muốn tới đâu thì tới... - Ra sức rèn luyện học tập, tu dưỡng đạo đức để chuẩn bị những tư trang cần thiết cho con đường đi tới ước mơ của mình.	
II. VIẾT	a. Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận	0,5 điểm
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: Phân tích đặc điểm nhân vật Đế Mèn qua đoạn trích “Bài học đường đời đầu tiên” của nhà văn Tô Hoài.	0,5 điểm
	c. Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : * Mở bài: - Giới thiệu nhân vật Đế Mèn trong đoạn trích “ <i>Bài học đường đời đầu tiên</i> ”. - Khái quát ấn tượng về nhân vật Đế Mèn: để lại những ấn tượng khó quên với người đọc bởi những.... * Thân bài: (1) Lần lượt phân tích các đặc điểm của nhân vật Đế Mèn dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm - Phân tích ngoại hình Đế Mèn: Đế Mèn có vẻ ngoài khỏe khoắn, cường tráng, phong thái “thanh niên”, tự tin, yêu đời và luôn tự hào về bản thân mình. + Càng: mắt bóng; vuốt: cứng và nhọn hoắt; cánh: áo dài chấm đuôi; đầu: to, nổi từng tảng; răng: đen nhánh, nhai ngoàm ngoạm; râu: dài, cong vút. + Đi đứng oai vệ, làm điệu, nhún chân, rung đùi; quát mấy chị cào cào, đá ghẹo anh gọng vó; co căng, đập phanh phách vào các ngọn cỏ, đáng điệu tỏ vẻ con nhà võ, trịnh trọng vuốt râu,... - Phân tích tính cách Đế Mèn: Sự tự tin quá mức khiến Đế Mèn trở thành kẻ tự cao, tự đắc, kiêu căng và xốc nổi + Nhìn Đế Choắt bằng con mắt khinh thường giễu cợt, nói năng bằng giọng kẻ cả, trịch thượng “Chú mày có lớn mà chẳng có khôn”, “chú mày hôi như cú mèo thế này ta	8,0 điểm

	nào chịu được”, “mày bảo tao sợ cái gì?” + Cử xử ích kỉ, lỗ mắng “Đào tổ nông thì cho chết” - Phân tích bài học đầu tiên của Dế Mèn: Chính bản tính kiêu căng, hống hách và ngông cuồng đã để lại cho Dế Mèn một bài học nhớ đời. + Dế Mèn nghĩ kể trêu chị Cốc, kết quả gây ra cái chết thương tâm cho Dế Choắt. + Tâm trạng sau khi trêu chị Cốc: Hả hê vì trò đùa tai quái của mình, chui vào hang nằm khểnh....sợ hãi khi nghe tiếng chị Cốc mỗ Dế Choắt.....lo sợ, bất ngờ trước cái chết và lời khuyên của Dế Choắt, ân hận, sám hối=> Suy nghĩ về bài học đường đời đầu tiên: về thái độ sống, lòng tốt với những người xung quanh, tình bạn chân thành. (2)Đánh giá : + Nhân vật : phẩm chất, ý nghĩa điển hình... + Nghệ thuật miêu tả nhân vật Dế Mèn của nhà văn. + Ý nghĩa của hình tượng nhân vật Dế Mèn trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm hoặc quan niệm đời sống của tác giả. * Kết bài : - Khẳng định lại ý kiến của người viết về nhân vật Dế Mèn. - Nêu cảm nghĩ, ấn tượng về nhân vật, ý nghĩa, sự ảnh hưởng của nhân vật với con người trong thời đại đó hoặc ngày nay hay rút ra bài học cho mình và thế hệ trẻ hôm nay.	
	d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề.	0,5 điểm
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	0,5 điểm

ĐỀ LUYỆN SỐ 3.

PHẦN I. ĐỌC- HIỂU (10,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới :

Lời ru ầu nơi nào
Giữa mệnh mang trời đất
Khi con vừa ra đời
Lời ru về mẹ hát

Lúc con nằm ầu ắp
Lời ru là tấm chắn
Trong giấc ngủ êm đêm
Lời ru thành giấc mộng

Khi con vừa tỉnh giấc
Thì lời ru đi chơi
Lời ru xuống ruộng khoai
Ra bờ ao rau muống

Và khi con đến lớp
Lời ru ở cổng trường
Lời ru thành ngọn cỏ
Đón bước bàn chân con

Mai rồi con lớn khôn
Trên đường xa nắng gắt
Lời ru là bóng mát
Lúc con lên núi thăm
Lời ru cũng gập ghềnh
Khi con ra biển rộng
Lời ru thành mệnh mông.

(Nguồn: *Thơ Xuân Quỳnh*, Kiều Văn chủ biên, NXB Đồng Nai, 1997)

Khoanh tròn vào một phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 3)

Câu 1. (1,0 điểm) Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

A. Bốn chữ. B. Năm chữ. C. Lục bát. D. Tự do.

Câu 2. (1,0 điểm) Bài thơ có cách ngắt nhịp chủ yếu:

A. Nhịp 2/3 hoặc 3/2. B. Nhịp 2/3 hoặc 4/1
C. Nhịp 4/1 hoặc 3/2. D. Nhịp 2/3 hoặc 1/1/3.

Câu 3. (1,0 điểm) Bài thơ gieo vần nào?

A. Vần chân. B. Vần cách. C. Vần liền. D. Vần hỗn hợp.

Câu 4. (1,0 điểm) Em hãy lựa chọn Đ (đúng) hoặc S (sai) cho những câu sau:

- A. Bài thơ nói về giá trị của lời ru trong cuộc sống của mỗi con người.
 B. Bài thơ mượn hình ảnh lời ru để nói về tình mẹ tha thiết, thiêng liêng, bất tử.
 C. Bài thơ gợi những niềm rung động sâu xa trong lòng người đọc về tình mẫu tử.
 D. Bài thơ sử dụng hình ảnh lời ru để bộc lộ tấm lòng hiếu thảo của người con đối với mẹ.

Câu 5. (1,0 điểm) Nối từ ở cột A với phần giải nghĩa ở cột B sao cho phù hợp

Cột A (Từ)	Cột B (Nghĩa của từ)
1. mệnh mang	a. rộng lớn đến mức như không có giới hạn
2. ấm áp	b. yên tĩnh, không có sự xao động, tạo cảm giác yên ổn.
3. mệnh mông	c. rộng lớn đến mức gây cảm giác mông lung, mờ mịt.
4. êm đềm	d. ấm và tạo cảm giác dễ chịu (nói khái quát)

Câu 6. (1,0 điểm) Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ trong khổ thơ thứ hai.

Câu 7. (2,0 điểm) Em nhận ra thông điệp chung gì từ các dòng thơ sau:

*“Khi con ra biển rộng
 Lời ru thành mệnh mông”*

Và:

*“Con dù lớn vẫn là con của mẹ
 Đi hết đời lòng mẹ vẫn theo con”*

Câu 8. (2,0 điểm) Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, em hãy viết một đoạn văn khoảng 150 chữ trình bày suy nghĩ của mình về ý nghĩa lời ru của mẹ đối với đời sống mỗi con người.

PHẦN II. VIẾT (10,0 điểm)

Trình bày cảm nhận của em về bài thơ “Lời ru” của tác giả Xuân Quỳnh.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I. ĐỌC HIỂU	1	B	<i>1,0 điểm</i>
	2	A	<i>1,0 điểm</i>
	3	D	<i>1,0 điểm</i>
	4	A và D: sai; B và C: đúng	<i>1,0 điểm</i>
	5	1 với c; 2 với d; 3 với a; 4 với b	<i>1,0 điểm</i>

6	- Biện pháp tu từ : so sánh: lời ru là - Tác dụng: + Khi con nằm ấm áp trong vòng tay mẹ, lời ru như tấm chăn mềm mại che chở, ủ ấp con, đưa con vào giấc mộng lành. + Hình ảnh so sánh gợi lên niềm yêu thương và tấm lòng của người mẹ. + Tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt, tạo nên hình tượng thơ chân thật. + Phải có một trái tim nhân hậu, giàu tình thương đối với con, tác giả mới phát hiện và ghi lại cảm xúc một cách chân thành mà sâu sắc đến thế.	2,0 điểm
7	Điểm chung của các dòng thơ: Tình mẫu tử là vĩnh hằng, bất diệt, luôn tìm thấy bên cuộc đời mỗi người. Dẫu con lớn khôn, trưởng thành thì tình mẹ vẫn không xa vắng, vẫn ở bên con chia sẻ ngọt bùi, che chở đời con, dõi theo mỗi bước con đi, giúp con vững bước trên đường đời.	2,0 điểm
8	* Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận 150 chữ * Xác định đúng vấn đề cần nghị luận : ý nghĩa lời ru của mẹ đối với đời sống mỗi con người * Có thể triển khai theo hướng sau: - Tiếng ru của mẹ là tình cảm, là ước mong, là lời gửi gắm tâm tình của mẹ đối với con mình. Lời ru chứa đựng trong đó cả một thế giới tinh thần mà người mẹ có được và muốn xây dựng cho đứa con. - Lời ru của mẹ được hấp thu từ mạch nguồn truyền thống yêu thương tình nghĩa từ bao đời của dân tộc ta. - Ý nghĩa của lời ru: Là lời khuyên nhủ, dạy bảo, lời yêu thương, trân quý, là lời dặn dò và lưu giữ những nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc. - Tuy nhiên, trong thời đại công nghệ hiện đại, một số bộ phận các bà mẹ trẻ không thuộc những lời bài hát ru và chưa ru con theo cách truyền thống. - Thật hạnh phúc cho những ai được lớn lên trong	2,0 điểm

	tiếng hát ru của mẹ, trong điệu nhạc du dương, trong những ngôn từ đẹp đẽ, ấm áp ngọt ngào đầy nhân bản của tình mẫu tử. - Khẳng định vấn đề, đưa ra thông điệp.	
II. VIẾT	a. Đảm bảo hình thức bài văn biểu cảm	<i>0,5 điểm</i>
	b. Xác định đúng vấn đề cần biểu cảm:	<i>0,5 điểm</i>
	c. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : 1/Mở bài: - Giới thiệu về nhà thơ Xuân Quỳnh - một nữ sĩ đã dành nhiều trang thơ cho thiếu nhi (hoặc giới thiệu về đề tài “lời ru” trong văn học Việt Nam). - Giới thiệu bài thơ “<i>Lời ru của mẹ</i>” và trích dẫn những đoạn thơ cần nêu cảm nhận. 2/Thân bài: - Giới thiệu khái quát về những lời ru trong đời sống và văn học: lời ru là lời ru con ngủ của mẹ; bài hát hát ru là những bài ca dao về con cò, cái bóng; tiếng ru đã trở thành đề tài cho nhiều bài thơ, bài hát... - Cảm nhận về những đoạn thơ đề bài đã dẫn: - Nguồn gốc của lời ru: “<i>Lời ru ăn nơi nào ... Lời ru về mẹ hát</i>” + Lời ru có ở khắp nơi: “<i>ăn</i>” “<i>giữa mênh mang trời đất</i>”. + Lời ru ra đời cùng với sự ra đời của con: “<i>Khi con vừa ra đời / Lời ru về mẹ hát</i>”. - Lời ru theo con suốt cuộc đời, in dấu và chở che mỗi bước con đi: + Lúc đường xa - lời ru là bóng mát. + Lúc con lên núi thăm - lời ru cũng gập ghềnh. + Lúc con ra biển rộng - lời ru thành mênh mông. -> “<i>Lời ru</i>” được lặp lại tạo nên giọng điệu tha thiết, gợi sức sống, sự bền bỉ của lời ru. - Ý nghĩa hình ảnh “<i>lời ru</i>”: đó là tình mẫu tử - tình mẹ thiêng liêng và cảm động. + Tình mẫu tử có ở khắp nơi, được ấp ủ trong những tháng ngày mẹ hoài thai và dần lớn lên cùng với sự ra đời	<i>8,0 điểm</i>

	của con. + Tình mẫu tử che chở đời con, dõi theo mỗi bước con đi, giúp con vững bước trên đường đời. -> “<i>Lời ru</i>” là một hình ảnh ẩn dụ đầy cảm động về tình mẹ. - Những biện pháp nghệ thuật nổi bật: ẩn dụ, phép điệp từ, thể thơ năm chữ, thơ giàu hình ảnh. 3/Kết bài: - Những đoạn thơ đã dẫn là những đoạn thơ tha thiết và cảm động về tình mẫu tử; thể hiện rõ phong cách thơ Xuân Quỳnh. - Đoạn thơ gợi những niềm rung động sâu xa trong lòng người đọc.	
	d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề.	0,5 điểm
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	0,5 điểm

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 13:

CHUYÊN ĐỀ 9:

KỸ NĂNG LÀM BÀI TẬP VỀ CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ (ĐÃ HỌC)

(Dùng chung 3 bộ sách)

Thời lượng: 3 tiết

I.MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức:

- Nhận biết, phân biệt và nêu được tác dụng của các biện pháp tu từ đã học: so sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, điệp ngữ, nói giảm nói tránh.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài thực hành.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập xác định biện pháp tu từ trong câu.
- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

3. Phẩm chất:

- Thái độ học tập nghiêm túc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, STK
- Vở ghi

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

- Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng HS thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học về các biện pháp tu từ.
- Nội dung:** GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS tìm hiểu về biện pháp tu từ.
- Sản phẩm:** xác định được ý nghĩa của từ dùng trong câu thơ.
- Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

? Kể tên những biện pháp tu từ mà em đã học.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS nghe GV nêu yêu cầu và suy nghĩ trả lời

Bước 3: Báo cáo và thảo luận

- GV mời HS trả lời câu hỏi.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, kết luận, dẫn dắt bài mới.

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

- Mục tiêu:** Nắm được kiến thức về các biện pháp tu từ, phân biệt được các biện pháp tu từ và nêu được tác dụng của những biện pháp tu từ ấy.
- Nội dung:** HS chốt lọc kiến thức đã học để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.
- Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh.
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Hoạt động 1: Nhận biết các biện pháp tu từ Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập ? So sánh, nhân hóa, ẩn dụ, hoán dụ, điệp ngữ, nói giảm nói tránh là gì? Cho	I. Các biện pháp tu từ 1. So sánh - Khái niệm: so sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng. - Tác dụng: Làm tăng sức gợi hình, gợi

<i>ví dụ.</i> <i>? Tác dụng của những biện pháp tu từ ấy?</i> <i>? Dấu hiệu để nhận biết những biện pháp tu từ vừa nêu là gì?</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe câu hỏi, nêu khái niệm các biện pháp tu từ, nêu tác dụng và dấu hiệu nhận biết. Bước 3: Báo và thảo luận - GV mời 2 – 3 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng. GV lưu ý cho HS cách phân biệt giữa ẩn dụ và hoán dụ. Đây là 2 biện pháp tu từ dễ nhầm lẫn nhất vì cả hai ẩn dụ và hoán dụ thì A (đều bị ẩn) chỉ có B (hiện) Bước 1: Khôi phục lại từ đã bị ẩn đi. Bước 2: Thử mối quan hệ giữa hai bên A và B Bản chất của Ẩn dụ là so sánh ngầm. Vậy khi đã khôi phục được 2 hình ảnh A và B, ta thử đặt một từ so sánh giữa chúng, nếu hợp lí thì rõ ràng mối quan hệ giữa A và B là mối quan hệ tương đồng=> Ẩn dụ. Còn ngược lại nếu ta thêm từ so sánh vào giữa A và B mà câu không có nghĩa, không hợp lí=> Hoán dụ. Ví dụ 1: Người cha mái tóc bạc	cảm cho sự vật được nhắc tới, khiến cho câu văn thêm phần sinh động, gây hứng thú với người đọc. - Dấu hiệu nhận biết: Có các từ ngữ so sánh: “là”, “như”, “bao nhiêu...bấy nhiêu”. Tuy nhiên, cần lưu ý một số trường hợp, từ ngữ so sánh bị ẩn đi. Ví dụ: + Trẻ em <u>như</u> búp trên cành + Người ta <u>là</u> hoa đất + “Trường Sơn: chí lớn ông cha Cửu Long: lòng mẹ bao la sóng trào” 2. Nhân hóa - Khái niệm: Là biện pháp tu từ sử dụng những từ ngữ chỉ hoạt động, tính cách, suy nghĩ,... vốn dành cho con người để miêu tả đồ vật, sự vật, con vật,... - Tác dụng: Làm cho sự vật, đồ vật, cây cối trở nên gần gũi, sinh động, thân thiết với con người hơn. - Dấu hiệu nhận biết: Các từ chỉ hoạt động, tên gọi của con người: <u>người</u>, <u>chơi</u>, <u>sà</u>, <u>anh</u>, <u>chị</u>,... Ví dụ: + “<u>Chị</u> ong nâu nâu nâu nâu/ <u>chị</u> bay đi đâu đi đâu” + Heo hút cồn mây súng <u>ngươi</u> trời + Ông trời <u>Mặc</u> áo giáp đen <u>Ra trận</u> Muôn nghìn cây mía <u>Múa</u> gươm Kiến <u>Hành quân</u> Đầy đường. 3. Ẩn dụ
--	---

Đốt lửa cho anh năm A (ẩn)->B (hiện) Bước 1: Khôi phục từ bị ẩn. Chúng ta liên tưởng người cha là Bác Hồ. Bước 2: Thử mối quan hệ: Bác Hồ như người cha->hợp lí=> Ẩn dụ. Ví dụ 2: Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước Chỉ cần trong xe có một trái tim. Bước 1: Khôi phục từ bị ẩn. Chúng ta liên tưởng trái tim là người lính. Bước 2: Thử mối quan hệ: Người lính như trái tim/Trái tim như người lính->không hợp lí=> Hoán dụ.	- Khái niệm: Ẩn dụ là phương thức biểu đạt gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó. - Tác dụng: Làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. - Dấu hiệu nhận biết: Các sự vật dùng để so sánh có nét tương đồng với nhau Ví dụ: “<u>Người cha</u> mái tóc bạc/ đốt lửa cho anh năm/ ⇒ Người cha=Bác Hồ vì có nét tương đồng nhau: quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho các anh bộ đội/con. 4. Hoán dụ - Khái niệm: Là biện pháp tu từ gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi. - Tác dụng: Làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt. - Dấu hiệu nhận biết: Các sự vật dùng để so sánh có nét tương cận với nhau Ví dụ: “<u>Áo nâu</u> cùng với <u>áo xanh</u>/ <u>Nông thôn</u> cùng với <u>thành thị</u> đứng lên” ⇒ Áo nâu đại diện cho người nông dân của vùng nông thôn, áo xanh đại diện cho giai cấp công nhân của thành thị. 5. Nói quá - Khái niệm: Là biện pháp tu từ phóng đại quy mô, mức độ, tính chất của sự vật, hiện tượng - Tác dụng: Giúp hiện tượng, sự vật miêu tả được nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm - Dấu hiệu nhận biết: Những từ ngữ
---	---

cường điệu, khoa trương, phóng đại so với thực tế

Ví dụ: *Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng*

Ngày tháng mười chưa cười đã tối.

6. Nói giảm nói tránh

- Khái niệm: Là biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển

- Tác dụng: Tránh gây cảm giác đau thương, ghê sợ nặng nề, tránh thô tục, thiếu lịch sự

- Dấu hiệu nhận biết: Các từ ngữ diễn đạt tế nhị, tránh nghĩa thông thường của nó:

Ví dụ: “Bác đã đi rồi sao Bác ơi/ Mùa thu đang đẹp nắng xanh trời”

⇒ Ở 2 câu thơ này từ “đi” đã được sử dụng thay cho từ “chết” để tránh cảm giác đau thương mất mát cho người dân Việt Nam.

7. Điệp từ, điệp ngữ

- Khái niệm: Là biện pháp tu từ nhắc đi nhắc lại nhiều lần một từ, cụm từ

- Tác dụng: Làm tăng cường hiệu quả diễn đạt như nhấn mạnh, tạo ấn tượng, gợi liên tưởng, cảm xúc, vần điệu cho câu thơ, câu văn.

- Dấu hiệu nhận biết: Các từ ngữ được lặp lại nhiều lần trong đoạn văn, thơ

- Lưu ý: Phân biệt với lỗi lặp từ

Ví dụ: “Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín”

⇒ Từ “giữ” được nhắc lại 4 lần nhằm nhấn mạnh vai trò của tre trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc.

Hoạt động 2: Các bước làm bài tập về biện pháp tu từ Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập <i>? Muốn làm bài tập về biện pháp tu từ thì em làm theo mấy bước?</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe câu hỏi, nêu các bước làm bài Bước 3: Báo và thảo luận - GV mời 2 – 3 HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.	*Cách phân biệt giữa ẩn dụ và hoán dụ. Đây là 2 biện pháp tu từ dễ nhầm lẫn nhất vì cả hai ẩn dụ và hoán dụ thì A (đều bị ẩn) chỉ có B (hiện) Bước 1: Khôi phục lại từ đã bị ẩn đi. Bước 2: Thử mối quan hệ giữa hai bên A và B - Bản chất của Ẩn dụ là so sánh ngầm. Vậy khi đã khôi phục được 2 hình ảnh A và B, ta thử đặt một từ so sánh giữa chúng, nếu hợp lí thì rõ ràng mối quan hệ giữa A và B là mối quan hệ tương đồng=> Ẩn dụ. - Còn ngược lại nếu ta thêm từ so sánh vào giữa A và B mà câu không có nghĩa, không hợp lí=> Hoán dụ. Ví dụ 1: Người cha mái tóc bạc Đốt lửa cho anh nằm A (ẩn)->B (hiện) Bước 1: Khôi phục từ bị ẩn. Chúng ta liên tưởng người cha là Bác Hồ. Bước 2: Thử mối quan hệ: Bác Hồ như người cha->hợp lí=> Ẩn dụ. Ví dụ 2: Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước Chỉ cần trong xe có một trái tim. Bước 1: Khôi phục từ bị ẩn. Chúng ta liên tưởng trái tim là người lính. Bước 2: Thử mối quan hệ: Người lính như trái tim/Trái tim như người lính->không hợp lí=> Hoán dụ. II. Các bước làm bài tập về biện pháp tu từ Bước 1. Xác định đó là biện pháp tu từ nào?
---	--

	- So sánh. - Ẩn dụ - Hoán dụ - Nhân hóa - Điệp ngữ - Nói giảm nói tránh - ... Bước 2: Chỉ ra những từ ngữ thể hiện biện pháp tu từ đó. Bước 3: Nêu tác dụng - Nghệ thuật: Làm câu văn, câu thơ sinh động, gợi hình, gợi cảm, tạo nhịp điệu cho lời văn, lời thơ. - Nội dung: Nhấn mạnh hoặc làm nổi bật sự vật, hiện tượng. - Bộc lộ thái độ, tình cảm, tài năng của người viết. Lưu ý: Tác dụng 3 có thể đi kèm với tác dụng 2.
--	---

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học về để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành các bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bài 1. Chỉ ra và nêu tác dụng của một biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn được gạch chân.

Tuổi thơ của tôi được nâng lên từ những cánh diều. Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng chúng tôi hò hét nhau thả diều thi. Cánh diều mềm mại như cánh bướm. Chúng tôi vui sướng đến phát dại nhìn lên trời. Tiếng sáo diều vì vu trầm bổng, sáo đơn, rồi sáo kép, sáo bè,...như gọi thấp xuống những vì sao sớm.

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

- **Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn được gạch chân:** Liệt kê , nhân hóa

- **Từ ngữ thể hiện:**

+ Liệt kê: sáo đơn, rồi sáo kép, sáo bè.

+ Nhân hóa: như gọi thấp xuống những vì sao sớm.

- **Tác dụng:**

- * Liệt kê: sáo đơn, rồi sáo kép, sáo bè.
 - + Làm nổi bật niềm vui sướng, lòng tự hào của nhân vật tôi trước sự phong phú của các loại sáo diều.
 - + Làm cho câu văn sinh động, hấp dẫn.
- (Tác dụng 3+ Nội dung= Tác dụng 1)
- * Nhân hóa: như gọi thấp xuống những vì sao sớm.
 - + Nhấn mạnh sự kì diệu của tiếng sáo diều, những tưởng tượng đáng yêu của trẻ con.
 - + Làm cho hình ảnh cánh diều tuổi thơ trở nên gần gũi, sống động.
 - + Thể hiện niềm thích thú và tình yêu của tác giả đối với cánh diều tuổi thơ.

Bài 2. Hãy đọc đoạn văn sau và chỉ ra và phân tích tác dụng nghệ thuật của biện pháp tu từ được tác giả sử dụng trong đoạn trích

“Nắng hạ. Những tia đầu tiên ánh lên trang vở còn chưa khô màu mực. Và ẩn đâu trong những tàn lá xanh ấy, có những nàng vũ công dần xòe chiếc váy đỏ rực của mình ra, như một điệu ba lê trong bản nhạc ve sầu du dương. Đôi mắt tôi chợt thoáng nhuộm màu buồn, một mảng màu nhẹ thôi mà không hiểu sao khóe mắt cứ rưng rưng...Tôi lắng mình xuống, dường như tôi nghe văng vẳng đâu đây một bài hát chia tay mà chú ve sầu ngoài khung cửa đang cất lên. Sắp đến rồi! Sắp chia tay thật rồi sao!”

(Trích **“Tuổi học trò và những tháng ngày không quên”** - Nguyễn Hùng Việt)

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

- * **Biện pháp tu từ** chủ yếu được tác giả sử dụng : **Nhân hoá.**
- * **Từ ngữ thể hiện:**
 - “...Những nàng vũ công dần xòe chiếc váy đỏ rực của mình ra, như một điệu ba lê trong bản nhạc ve sầu du dương.
 - “Một bài hát chia tay mà chú ve sầu ngoài khung cửa đang cất lên.”
- * **Tác dụng :**
 - Làm cho những sinh vật được nhắc đến trong đoạn văn thêm sinh động, có hồn, gợi hình ảnh cho đoạn văn.
 - Góp phần khắc hoạ rõ nét nỗi buồn, nỗi lo lắng của những cô/ cậu học trò khi mùa hạ sắp tới- mùa chia tay.

Bài 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của 2 biện pháp tu từ được sử dụng trong phần gạch chân ở đoạn trích sau.

Mẹ ru khúc hát ngày xưa
 Qua bao nắng sớm chiều mưa vẫn còn
 Chân trần mẹ lội đầu non
 Che giông giữ tiếng cười giòn cho ai
Vì ai chân mẹ gầy gai

Vì ai tất tả vì ai dài dẫu

Vì ai áo mẹ phai màu

Vì ai thao thức bạc đầu vì ai.

(Trích Ca dao mẹ và tôi, Đỗ Trung Quân)

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

- Điệp ngữ: “Vì sao” và câu hỏi tu từ được sử dụng liên tiếp.

-Tác dụng:

+ Điệp ngữ: khắc sâu nỗi nhọc nhằn, vất vả và những hy sinh của cuộc đời mẹ đồng thời bộc lộ niềm yêu thương, xót xa, trân trọng và biết ơn của những người con trước những vất vả mà mẹ phải trải qua.

+ Những câu hỏi tu từ: xoáy vào tâm can mỗi người làm con, nhắc nhở mỗi người về ý thức trách nhiệm và lòng hiếu thảo với cha mẹ.

=> Tạo nhịp điệu dồn dập cho lời thơ, gây cảm xúc mạnh nơi người đọc.

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 14:

CHUYÊN ĐỀ 10: LUYỆN ĐỀ KIỂM TRA

(Dùng chung 3 bộ sách)

Thời lượng: 3 tiết

I.MỤC TIÊU

1. Về kiến thức.

- Hệ thống lại các kiến thức ở cả ba phân môn Văn, tiếng Việt, tập làm văn ở cả ba bộ sách.

2. Về năng lực.

- Năng lực: giải quyết vấn đề, sáng tạo, năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Về phẩm chất.

- Giúp HS có trách nhiệm với việc học tập của bản thân và thêm yêu thích, hứng thú với môn Văn hơn nữa.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Chuẩn bị của GV: Soạn các dạng đề, đáp án.

- Chuẩn bị của HS: Học ôn bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY- HỌC:

ĐỀ LUYỆN SỐ 1.

PHẦN I. ĐỌC- HIỂU (10,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện yêu cầu bên dưới :

RA VƯỜN NHẬT NẮNG

Ông ra vườn nhật nắng
Tha thần suốt buổi chiều
Ông không còn trí nhớ
Ông chỉ còn tình yêu

Bé khẽ mang chiếc lá
Đặt vào vệt nắng vàng
Ông nhật lên chiếc nắng
Quầy nhẹ, mùa thu sang

(Nguyễn Thế Hoàng Linh)

Khoanh tròn vào một phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 3)

Câu 1. (1,0 điểm) Phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên là gì?

A. Tự sự. B. Miêu tả. C. Biểu cảm. D. Thuyết minh

Câu 2. (1,0 điểm) Bài thơ có cách ngắt nhịp chủ yếu

A. Nhịp 2/3 hoặc 3/2. B. Nhịp 2/3 hoặc 1/4
C. Nhịp 1/4 hoặc 3/2 D. Nhịp 2/3 hoặc 1/1/3

Câu 3. (1,0 điểm) Bài thơ thể hiện tình cảm của ai với ai?

A. Cháu với ông. B. Ông với cháu
C. Ông với chiếc lá. D. Cháu với mùa thu

Câu 4. (1,0 điểm) Lựa chọn Đ (đúng) hoặc S (sai) điền vào bảng sau cho phù hợp

Câu	Nội dung	Đ hoặc S
A	Người ông không còn trí nhớ nữa nên thường tha thần ra ngoài vườn mỗi buổi chiều.	
B	Người cháu cùng ông chơi đùa mỗi buổi chiều	
C	Bài thơ sử dụng yếu tố tự sự như đang kể một câu chuyện nhỏ về người ông	
D	Hình ảnh người ông ra vườn gom nhật nắng trong trạng thái thơ thần mất trí nhớ là hình ảnh tượng trưng cho sự gom nhật niềm vui bình dị hằng ngày.	

Câu 5. (1,0 điểm) Em hãy nêu ý nghĩa nhan đề bài thơ “Ra vườn nhật nắng”.

Câu 6. (2,0 điểm) Chỉ ra và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ có trong khổ thơ.

Câu 7. (2,0 điểm) Em có suy nghĩ gì về hình ảnh : “Ông không còn trí nhớ/Ông chỉ còn tình yêu”?

Câu 8. Bài thơ gửi tới chúng ta bức thông điệp gì? Em có thấy sự đồng điệu với bức thông điệp mà tác giả gửi gắm không?

PHẦN II. VIẾT (10,0 điểm)

Viết bài văn trình bày cảm nhận của em sau khi đọc bài thơ “Ra vườn nhật nắng” của Nguyễn Thế Hoàng Linh.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I. ĐỌC HIỂU	1	C	<i>1,0 điểm</i>
	2	B	<i>1,0 điểm</i>
	3	A	<i>1,0 điểm</i>
	4	A,C,D: Đ; C: S	<i>1,0 điểm</i>
	5	Ý nghĩa nhan đề “Ra vườn nhật nắng” thể hiện cái nhìn hồn nhiên, đáng yêu của trẻ thơ về hình ảnh người ông ra vườn nhà gom nhặt nắng trong trạng thái thơ thần, mất trí nhớ. Phải chăng đó còn là hình ảnh tượng trưng cho sự gom nhặt niềm vui bình dị khi tìm thấy chính mình trong kí ức tuổi thơ tươi đẹp của mỗi người.	<i>1,0 điểm</i>
	6	*HS chỉ được các biện pháp tu từ: - Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: nhật nắng - Điệp từ “ông” *Tác dụng: -Phép ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: gợi tả cách nhận ngậy thơ, trong trẻo của cháu về nắng-cái điều bình dị, thân thương mà ông tha thần nhật trong cảm nhận của cháu. -Phép điệp từ khẳng định tình yêu ông dành cho cháu không bao giờ thay đổi kể cả khi ông mất hết trí nhớ. Tình yêu ông dành cho cháu vô cùng mãnh liệt. => Các biện pháp tu từ trên đã góp phần bộc lộ cái nhìn ấm áp, yêu thương, kính trọng, biết ơn sâu nặng của người cháu đối với ông của mình và cũng chính là đối với khung trời tuổi thơ tươi đẹp một thời.	<i>2,0 điểm</i>
	7	HS trình bày đảm bảo các ý sau: - Hình ảnh đối lập: Ông không còn trí nhớ/Ông chỉ còn tình yêu” nhằm nhấn mạnh điều còn lại duy	<i>2,0 điểm</i>

	nhất mà tuổi tác, trí nhớ, thời gian không bao giờ lấy đi được ở người ông chính là tình yêu thương. - Tình yêu thương ở người ông trong đoạn thơ chính là tình cảm thiêng liêng, bền vững nhất cần có ở mỗi người. - Giáo dục chúng ta phải biết trân trọng, yêu quý ông của mình dù có chuyện gì xảy ra.	
8	Bài thơ gửi tới chúng ta bức thông điệp: - Biết trân trọng, yêu kính người thân trong gia đình. - Biết góp nhặt những niềm vui bình dị mỗi ngày... - Biết mở rộng tâm hồn để lắng nghe, cảm nhận sự biến chuyển của thiên nhiên, đất trời... Liên hệ bản thân: biết nâng niu, trân quý tình cảm gia đình thiêng liêng, biết mở rộng tâm hồn để cảm nhận vẻ đẹp bình dị của cuộc sống....	2,0 điểm
II. VIẾT	a. Đảm bảo hình thức bài văn	0,5 điểm
	b. Xác định đúng vấn đề: cảm nhận của em sau khi đọc bài thơ “Ra vườn nhặt nắng” của Nguyễn Thế Hoàng Linh.	0,5 điểm
	c. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : I/Mở bài: - Giới thiệu bài thơ, tác giả - Cảm nhận chung về bài thơ II/ Thân bài 1/Lần lượt cảm nhận cái hay của bài thơ về nội dung và nghệ thuật. - Khổ đầu: Những cảm nhận đầy trong sáng, yêu thương của người cháu với người ông của mình. + Đó là người ông đã già, chiều chiều lại thẩn thơ đi dạo trong vườn để nhặt nắng “ông ra vườn nhặt nắng/Tha thẩn suốt buổi chiều”. Qua cái nhìn trong trẻo, ấm áp yêu thương của người cháu, gợi hình dung người ông đã già không còn minh mẫn, thường góp nhặt niềm vui tuổi già vào mỗi buổi chiều nơi khu vườn nhỏ, hòa mình trong những giọt nắng chiều. + Dù thời gian có trôi, ông có thêm già, trí nhớ không còn	8,0 điểm

	minh mãi nhưng tình yêu thương trong ông không bao giờ vơi cạn, vẫn luôn dành cho cháu tất cả yêu thương “Ông không còn trí nhớ/ Ông chỉ còn tình yêu”. - Khổ cuối: là những cảm nhận của cháu về không gian mùa thu đã chạm ngõ nơi khu vườn nhỏ: + Sắc vàng của lá hòa trong màu nắng làm nên vệt vàng lung linh huyền diệu, báo hiệu bước chuyển mình của thời gian thật nhẹ, thật khẽ không báo trước. Một chiếc lá vàng rụng xuống xao động cả không gian đất trời. Hẳn tác giả phải là một người có tâm hồn tinh tế, yêu thiên nhiên tha thiết mới có thể cảm nhận được bước chuyển mình tinh tế của thiên nhiên tạo vật. 2/ Đánh giá: - Tâm hồn tinh tế, cảm nhận được những xao động của đất trời khi chớm vào thu. - Tình yêu thiên nhiên; tấm lòng trân trọng người ông kính yêu. III/ Kết bài: - Khẳng định lại cảm xúc của em về bài thơ - Thông điệp: Bài thơ lắng lại trong ta bao suy ngẫm: + Biết trân trọng, yêu kính người thân trong gia đình.... + Biết mở rộng tâm hồn để lắng nghe, cảm nhận sự biến chuyển của thiên nhiên, đất trời...	
	d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề.	0,5 điểm
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	0,5 điểm

ĐỀ LUYỆN SỐ 2.

PHẦN I. ĐỌC- HIỂU (10,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

HAI CHỊ EM

Nín đi em, bố mẹ bận ra tòa!
 Chị lên bảy rồi em trai ba tuổi
 Thằng bé khóc bụng chưa quen chịu đói
 Hai bàn tay xé áo chị đòi cơm.

Bố mẹ đi từ sáng, khác mọi hôm
Không nấu nướng và không hề trò chuyện
Hai bóng nhỏ hai đầu ngõ hẻm
Cùng một đường sao chẳng thể chờ nhau?
Biết lấy gì dỗ cho em nín đau
Ngoài hai tiếng ra tòa vừa nghe nói
Chắc nó nghĩ như ra đồng, ra bãi
Sớm muộn chi rồi bố mẹ cũng về.
Mẹ bế em âu yếm, vuốt ve
Bố xách nước khi mẹ vừa nhóm bếp
Nó sung sướng vào ra tíu tít
Rồi quây quần, nôi cơm mở vung ra!
Nó biết đâu bố mẹ nó ra tòa
Đối mặt nhau, đối mặt cùng pháp lý
Chẳng phải chỗ năm xưa đi đăng ký
Chẳng phải lời dịu ngọt tháng ngày xa.
Nó biết đâu bố mẹ nó ra tòa
Là cầm cửa xẻ ngang tình đoàn tụ
Đưa còn mẹ thì thôi, không còn bố
Hai chị em rồi sẽ mất nhau...
– Nín đi em! Em khản giọng khóc gào
Chị mếu máo, đầm đìa nước mắt
Những bố mẹ bên bờ chia cắt
Phút giây thôi, hãy nghe tiếng con mình!

(Vương Trọng)

Khoanh tròn vào một phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (Từ câu 1 đến câu 4)

Câu 1. (1,0 điểm) Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

- A. Bốn chữ. B. Năm chữ. C. Lục bát. D. Tự do.

Câu 2. (1,0 điểm) Phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên là gì?

- A. Miêu tả. B. Tự sự. C. Biểu cảm. D. Nghị luận

Câu 3. (1,0 điểm) Bài thơ được viết theo chủ đề nào?

- A. Bạn bè. B. Gia đình. C. Quê hương. D. Thiên nhiên

Câu 4. (1,0 điểm) Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong khổ thơ 5 và 6?

- A. So sánh. B. Nhân hóa. **C. Điệp ngữ.** D. Ẩn dụ.

Trả lời câu hỏi

Câu 5. (1,0 điểm) Chỉ ra và nêu tác dụng biện pháp tu từ trong câu thơ: “*Hai bóng nhỏ hai đầu ngõ hẻm?*”

Câu 6. (1,0 điểm) Em hiểu điều gì qua hai câu thơ: *Chắc nó nghĩ như ra đồng, ra bãi/ Sớm muộn chỉ rồi bố mẹ cũng về...*

Câu 7. (2,0 điểm) Thông điệp mà em tâm đắc nhất qua văn bản là gì ? Nêu rõ lí do.

Câu 8. (1,0 điểm) Trình bày suy nghĩ của em về nỗi đau của những đứa trẻ trong cuộc sống hôm nay được gợi ở phần Đọc hiểu bằng một đoạn văn ngắn khoảng 1 trang giấy thi.

PHẦN II. VIẾT (10,0 điểm)

Cảm nghĩ của em về nhân vật bé Hồng trong đoạn trích “*Trong lòng mẹ*” của Nguyên Hồng.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I. ĐỌC HIỂU	1	D	1,0
	2	C	1,0
	3	B	1,0
	4	C	1,0
	5	- Biện pháp tu từ hoán dụ (<i>hai bóng nhỏ</i> - chỉ hình ảnh bố mẹ) - Tác dụng: gợi hình ảnh cụ thể, gần gũi trên quan hệ tiếp cận giữa <i>bóng</i> và <i>người</i> , từ đó câu thơ gợi cảnh ra toà để li hôn, báo hiệu sự tan vỡ của hạnh phúc gia đình.	1,0
	6	Cách hiểu hai câu thơ: <i>Chắc nó nghĩ như ra đồng, ra bãi/Sớm muộn chỉ rồi bố mẹ cũng về...</i> :Đó là suy nghĩ thể hiện sự ngây thơ, trong sáng của hai đứa trẻ. Các em càng ngây thơ, người đọc, người nghe càng xót xa, đau đớn trước tình trạng li hôn trong cuộc sống; Đó cũng là niềm khao khát mái ấm gia đình của trẻ thơ.	1,0
	7	Học sinh có thể trình bày và lí giải thông điệp tâm đắc nhất theo ý riêng, không vi phạm chuẩn mực đạo, pháp luật và có lí giải hợp lí. Sau đây là vài gợi ý: - Gia đình là tổ ấm duy nhất của mỗi con người - Hãy đem lại hạnh phúc cho trẻ thơ...	2,0
	8	- Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội	2,0

	- Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: nỗi đau của những đứa trẻ trong cuộc sống hôm nay. - Có thể viết đoạn văn theo định hướng sau : 1/ Mở đoạn : Dẫn ý liên quan để nêu vấn đề cần nghị luận. 2/ Thân đoạn: - Nêu biểu hiện: Trong đoạn thơ, nỗi đau khổ của <i>hai chị em</i> chính là sống trong cảnh bố mẹ ra toà li hôn. Ngoài ra, trẻ em còn chịu nhiều nỗi đau khác như nạn bạo hành, bị xâm hại, bị bóc lột sức lao động,...Đây là một hiện tượng xã hội đáng báo động. - Bàn luận, phân tích, chứng minh: + Hậu quả: những đứa trẻ có bố mẹ li hôn sẽ trở nên trầm cảm, tự kỷ, xa lánh cuộc sống, thậm chí sa ngã, hư hỏng, trở thành gánh nặng cho gia đình, xã hội; những em bị bạo hành sẽ bị tổn thương về thể xác và tâm hồn... + Nguyên nhân: do thiếu vắng tình thương, sự chăm sóc, dạy dỗ, nuôi dưỡng của cha mẹ. Việc ngược đãi, xâm hại, bạo lực, bóc lột đối với trẻ em chưa được cộng đồng chủ động phát hiện sớm và báo cho các cơ quan chức năng xử lý, can thiệp kịp thời... - Bài học nhận thức và hành động. 3/ Kết đoạn: Khẳng định vấn đề	
II. VIẾT	a. Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận.	0,5 điểm
	b. Xác định đúng vấn đề: Cảm nghĩ của em về nhân vật bé Hồng trong đoạn trích “ <i>Trong lòng mẹ</i> ” của Nguyên Hồng.	0,5 điểm
	c. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : I. Mở bài - Giới thiệu đoạn trích <i>Trong lòng mẹ</i> và nhân vật bé Hồng: Nguyên Hồng là một nhà văn với ngòi bút chan chứa tình cảm. Ngòi bút của ông được thể hiện rõ nhất qua đoạn trích <i>Trong lòng mẹ</i>. Chú bé Hồng - chính tác giả hồi nhỏ	8,0 điểm

đã để lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc.

II. Thân bài

- Tuổi thơ cơ cực của Hồng

+ Là đứa con sinh ra trong một gia đình không có tình yêu: bố vì nghiện thuốc phiện mà chết sớm; mẹ phải bỏ đi tha hương cầu thực; em sống cùng với người cô cay nghiệt.

- Cuộc đối thoại của Hồng và bà cô

+ Khi bà cô xoáy sâu vào nỗi đau, sự thiếu thốn tình mẫu tử: em im lặng không nói gì.

+ Khi bà cô nhồi nhét vào đầu em những suy nghĩ xấu xa rằng mẹ đã ruồng rẫy em và có con ở Thanh Hóa: trong lòng em căm phẫn những lời nói đó, luôn một mực giữ lòng tin yêu ở mẹ mình.

+ Sự tức giận lên đến tột cùng, em căm hờn những hủ tục lạc hậu và miệng đời cay nghiệt đã dày dọ mẹ mình, em ước nó như hòn đá, cục thủy tinh, mẫu gỗ để cắn, nhai, nghiền đến kì nát thì thôi → Tình yêu thương mẹ vô bờ bến, khao khát muốn bảo vệ mẹ trước mọi điều xấu xa.

- Cuộc gặp gỡ của Hồng và mẹ

+ Trong lòng em luôn khao khát mẹ về và được gặp mẹ, khi thấy người ngồi trong xe kéo giống mẹ đã gọi và chạy theo → mẹ luôn hiện hữu trong lòng em.

+ Cảm giác xấu hổ với đám bạn nếu đó không phải mẹ mình nhưng trên hết là sự tủi thân vì luôn mong ngóng mẹ.

+ Khi biết người ngồi trên xe là mẹ mình: chạy đến, òa khóc nức nở, vỡ òa cảm xúc.

+ Thu mình trong lòng mẹ để cảm nhận tình yêu thương, hơi ấm. Em nhận ra mẹ không tiều tụy như lời người cô kể mà vẫn tươi đẹp như thuở sung túc.

+ Lời người cô văng vẳng bên tai nhưng nhanh chóng tan biến chỉ còn lại tình yêu thương và cảm xúc hạnh phúc.

→ Tình mẫu tử thiêng liêng là động lực giúp Hồng vượt qua tất cả những nỗi đau.

	III. Kết bài: Khái quát lại nhân vật: bé Hồng không chỉ lấy được nhiều sự thương cảm của mọi người mà còn là một hồi chuông cảnh tỉnh, nhắc nhở con người cần phải bảo vệ trẻ em, để trẻ em có một môi trường sống tốt nhất có thể. Có thể tham khảo bài văn mẫu sau (Xem giáo án BDHSG)	
	d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề.	0,5 điểm
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	0,5 điểm

ĐỀ LUYỆN SỐ 3.

PHẦN I. ĐỌC- HIỂU (10,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Củ khoai lớn ở ngoài đồng
 Ông trăng lên lớn ở trong bầu trời
 Cánh buồm lớn giữa biển khơi
 Lá cờ lớn bởi gió vờ lên cao.
 Con đường lớn với khát khao
 Niềm vui lớn bởi tiếng chào, bàn tay
 Còn như con của mẹ đây
 Trong vòng tay mẹ ngày ngày lớn lên.

(Hát ru, Xuân Quỳnh, Thơ Xuân Quỳnh, Nxb Hội nhà văn, 2014, tr 232)

Khoanh tròn vào một phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (Từ câu 1 đến câu 5)

Câu 1. (1,0 điểm) Văn bản trên được viết theo phương thức biểu đạt chính nào ?

A. Tự sự. B. Miêu tả. C. Biểu cảm. D. Nghị luận.

Câu 2. (1,0 điểm) Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào ?

A. Bốn chữ. B. Năm chữ. C. Lục bát. D. Tự do.

Câu 3. (1,0 điểm) Văn bản trên nổi bật với biện pháp tu từ nào ?

A. So sánh. B. Ẩn dụ. **C. Điệp ngữ.** D. Nói giảm nói tránh

Câu 4. (1,0 điểm) Ý nghĩa của câu thơ “Còn như con của mẹ đây/ Trong vòng tay mẹ ngày ngày lớn lên”?

A. Con cái luôn là những đứa trẻ ngoan của cha mẹ.

B. Con lớn lên nhờ vào tình yêu thương, sự che chở của cha mẹ.

C. Con cái là món quà quý của mẹ cha.

D. Công ơn của cha mẹ không gì sánh bằng.

Câu 5. (1,0 điểm) Nội dung của đoạn thơ là gì?

A. Sự nuối tiếc của tác giả khi mẹ hiền không còn nữa.

B. Tình yêu thương bao la của mẹ dành cho con.

C. Lời tâm sự và tình yêu của con dành cho mẹ.

D. Không ai có thể tự mình lớn lên nếu không có chiếc nôi rộng lớn là cuộc đời.

Trả lời câu hỏi

Câu 6. (1,0 điểm) Chỉ ra hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong 6 dòng thơ đầu.

Câu 7. (2,0 điểm) Theo em qua lời ru trên, người mẹ muốn giáo dục cho con bài học gì?

Câu 8. (2,0 điểm) Em hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ) trình bày suy nghĩ của mình về vai trò của lời ru đối với sự hình thành nhân cách con người trong xã hội hiện đại.

PHẦN II. VIẾT (10,0 điểm)

Phân tích đặc điểm nhân vật Hoàng tử bé trong văn bản “*Nếu cậu muốn có một người bạn*” trích từ tác phẩm “*Hoàng tử bé*” của nhà văn Ăng-toan-đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri mà em đã được học, được đọc. (Bộ Kết nối 6)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I. ĐỌC HIỂU	1	C	1,0
	2	C	1,0
	3	C	1,0
	4	B	1,0
	5	D	1,0
	6	- BPTT: Điệp từ, điệp cấu trúc - Tác dụng + Nội dung: Nhấn mạnh những hiện tượng tự nhiên, xã hội có chung quy luật: Vạn vật lớn lên nhờ có thế giới xung quanh, có cộng đồng + Nghệ thuật: Tạo nhịp điệu, âm hưởng cho lời ru.	1,0
	7	Đây là bài học giản dị về ý thức cộng đồng: Không ai có thể tự mình lớn lên nếu không có chiếc nôi rộng lớn là cuộc đời.	2,0
	8	Có thể viết đoạn văn theo định hướng sau : - Lời ru là điệu hát dân gian êm ái, thiết tha, ru cho trẻ ngủ, đồng thời biểu lộ tình cảm, tâm sự	2,0

	một cách nhẹ nhàng. - Lời ru có ý nghĩa quan trọng đối với sự hình thành nhân cách con người trong xã hội truyền thống cũng như xã hội hiện đại, đó là bồi đắp, nuôi dưỡng tâm hồn đứa trẻ trước khi phải va chạm với một thế giới ồn ào, bon chen, trước khi tiếp xúc với những phương tiện hiện đại nhưng vô hồn. + Trong lời ru có tình thương yêu sâu lắng và tha thiết của bà, của mẹ... + Trong lời ru chứa đựng những điều hay lẽ phải, những kinh nghiệm, bài học về cách ứng xử, cách sống đẹp ở đời; - Tuy nhiên, trong xã hội hiện đại, một bộ phận lớn trẻ em không được nghe hát ru, trong đời sống tinh thần thiếu vắng lời ru, các bà mẹ không biết hoặc không muốn hát ru đã mang đến cho con âm nhạc điện tử. Đây là mặt trái của xã hội hiện đại, làm tâm hồn con người xơ cứng, vô cảm.	
II. VIẾT	a. Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận	0,5 điểm
	b. Xác định đúng vấn đề: phân tích đặc điểm nhân vật Hoàng tử bé trong văn bản “ <i>Nếu cậu muốn có một người bạn</i> ” trích từ tác phẩm “ <i>Hoàng tử bé</i> ” của nhà văn Ăng-toan-đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri	0,5 điểm
	c. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : I/ Mở bài : - Giới thiệu nhân vật Hoàng tử bé trong đoạn trích “<i>Nếu cậu muốn có một người bạn</i>” - Nêu khái quát ấn tượng về nhân vật: Một cậu bé hồn nhiên, có tâm hồn trong sáng, lịch sự, thân thiện, luôn tin cậy, biết trân trọng giá trị của tình bạn. II/ Thân bài : 1. Khái quát những thông tin về tác giả, tác phẩm (nếu áp dụng cách mở bài 2,3 nghĩa là phần mở bài chưa nêu) - Ăng-toan-đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri (1900-1944) là nhà văn	8,0 điểm

lớn của nước Pháp, hầu hết các tác phẩm của ông lấy nguồn cảm hứng từ những chuyến bay và cuộc sống của người phi công.

- “Hoàng tử bé” là một trong những tác phẩm nổi tiếng của văn học Pháp nói chung và thế giới nói riêng. Đoạn trích “*“Nếu cậu muốn có một người bạn”*” nằm ở chương XXI của tác phẩm, kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa Hoàng tử bé và một con cáo trên Trái đất.

2. Nêu và lần lượt phân tích những đặc điểm của nhân vật Hoàng tử bé dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm :

a. Hoàng tử bé là một cậu bé hồn nhiên, trong sáng, lịch sự và thân thiện :

- Hoàng tử bé là nhân vật chính của truyện. Cậu đang trên hành trình tìm kiếm bạn bè. Cậu đến từ một hành tinh khác. Cậu không có một tên gọi cụ thể mà chỉ được gọi là “Hoàng tử bé”. Trong cuộc trò chuyện với nhân vật cáo, người đọc biết được, cậu đến Trái đất để tìm con người, tìm bạn bè... “Mình đi tìm con người...Mình đi tìm bạn bè”.

- Khi vừa đặt chân xuống Trái đất, Hoàng tử bé nhìn thấy một vườn hoa hồng và nhận ra, ở hành tinh của mình, cậu chỉ có “*một bông hoa hồng tầm thường*”. Điều đó khiến cậu buồn bã, đau khổ, nằm trên cỏ và khóc lóc.

- Đang nằm khóc lóc, cậu nghe thấy một giọng nói cất lên: “Xin chào”. Tuy không biết là ai nhưng cậu đã lịch sự đáp lại lời chào. Đến khi nhìn thấy cáo, cậu còn khen cáo rằng “Bạn dễ thương quá”. Hoàng tử bé cư xử với cáo thân thiện, lịch sự khác với loài người bởi con người trên Trái đất luôn coi cáo là con vật ranh mãnh, gian xảo.

b. Hoàng tử bé còn là một cậu bé chân thành, luôn tin cậy và hướng tới cái phần đẹp đẽ, tốt lành của cuộc sống, luôn biết trân trọng giá trị tình bạn.

- Hoàng tử bé nói với cáo rằng mình rất buồn chán và mong cáo hãy đến chơi với mình. Nhưng cáo đã từ chối cậu vì “*Mình chưa được cảm hóa*”. Với tâm hồn tò mò

của một đứa trẻ, hoàng tử bé đã hỏi cáo “*cảm hóa nghĩa là gì?*”. Cáo đã nhận ra Hoàng tử bé không phải là con người trên Trái đất. Nó hỏi cậu lí do đến đây và biết được câu trả lời. Rồi nó giải thích cho Hoàng tử bé “*cảm hóa*” có nghĩa là “*làm cho gần gũi hơn*”. Nó lí giải rõ hơn cho hoàng tử bé hiểu rằng cậu chỉ là một trong số trăm nghìn cậu bé, con cáo cũng giống như vậy. Nhưng nếu được “*cảm hóa*” thì cả hai sẽ là duy nhất đối với nhau. Nhờ có lời giải thích đó, hoàng tử bé chợt nhận ra rằng cậu đối với bông hoa hồng của mình cũng như vậy.

- Khi đã giải thích xong, nó tiếp tục trò chuyện với cậu về cuộc sống ở trái đất. Rằng con người rất phiến toái, cuộc sống trên trái Đất có đủ thứ chuyện. Cáo cảm thấy buồn bã, chán nản vì chẳng có gì là hoàn hảo cả. “Cuộc sống này thật đơn điệu: Mình săn gà, con người săn mình. Mọi con gà đều giống nhau, mọi con người đều giống nhau. Cho nên mình hơi chán”. Và cáo đã cho biết những điều kì diệu sẽ xảy ra nếu hoàng tử bé cảm hóa nó. Đó là tiếng bước chân của cậu sẽ gọi nó ra khỏi hang, như là tiếng nhạc. Hay những cánh đồng lúa mì sẽ khiến nó nhớ đến màu tóc vàng óng của cậu. Vậy nên, cáo một lần nữa tha thiết muốn: “*Bạn làm ơn hãy cảm hóa mình đi*”. Lần này, cáo đã nhận được câu trả lời: “*Mình muốn lắm... nhưng mình không có thời gian. Mình còn phải đi kiếm bạn bè và tìm hiểu nhiều thứ*”. Và cáo nói rằng “*Người ta chỉ hiểu những gì họ đã cảm hóa. Nếu muốn có bạn, cậu hãy cảm hóa mình đi*”. Cuối cùng, hoàng tử bé đã đồng ý cảm hóa cáo vì Hoàng tử bé nhận ra rằng ý nghĩa của tình bạn mà cáo đã giảng giải qua từ “*cảm hóa*”: là kết bạn, tạo dựng mối quan hệ gần gũi, gắn kết tình cảm, biết quan tâm gắn bó với nhau. Hoàng tử bé đã trân trọng, lắng nghe, không định kiến, hoài nghi.

- Cuộc trò chuyện giữa Hoàng tử bé và con cáo còn cho thấy mối quan hệ giữa cảm hóa và tình bạn: Tình bạn được xây dựng trên sự “*cảm hóa*”. Đối với cáo, nó sẽ được “*chiếu sáng*”, biết thêm một tiếng chân khác khiến

	cáo chui ra khỏi hang chứ không còn trốn vào lòng đất. Sau khi được cảm hóa thì lúa mì vốn chẳng có ích gì cho cáo sẽ là thứ gọi đến hoàng tử bé mỗi khi thấy nó. Khi chia tay rất buồn nhưng vẫn có được nhiều thứ. Còn đối với hoàng tử bé thì tìm ra ý nghĩa bông hoa hồng của mình - là thứ “<i>đã cảm hóa mình</i>”. Khi thăm lại vườn hồng, cảm thấy bông hoa của mình là duy nhất. Nhận ra những thứ cốt lõi phải được cảm nhận bằng trái tim, trách nhiệm với những gì đã cảm hóa. => Tình bạn được xây dựng dựa trên sự thấu hiểu, kiên nhẫn. 3. Đánh giá a. Nhân vật: - Hoàng tử bé là một cậu bé hồn nhiên, trong sáng, lịch sự, thân thiện, chân thành, luôn tin cậy và hướng tới cái phần đẹp đẽ, tốt lành trong cuộc sống, luôn biết trân trọng giá trị của tình bạn. b. Nghệ thuật: - Xây dựng nhân vật qua nhiều chi tiết miêu tả lời nói, suy nghĩ, cảm xúc, từ đó làm nổi bật đặc điểm nhân vật. - Ngôn ngữ đối thoại sinh động, phong phú. Truyện giàu chất tưởng tượng (Hoàng tử bé đến từ hành tinh khác, con cáo có thể trò chuyện kết bạn với con người,...) c. Nội dung: - Thông qua cuộc gặp gỡ giữa Hoàng tử bé và con cáo, nhà văn đã vẽ ra một thế giới cảm xúc hồn nhiên, ngây thơ, trong trẻo dành cho trẻ thơ. Giúp người đọc cảm nhận được ý nghĩa của tình bạn, ý thức trách nhiệm với bạn bè, với những gì mà mình gắn bó, yêu thương. III/ Kết bài : - Khẳng định về nhân vật. - Sự ảnh hưởng của nhân vật đối với bản thân em hoặc tình cảm của em đối với nhân vật.	
	d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề.	0,5 điểm
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính	0,5 điểm

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 15:

CHUYÊN ĐỀ 11: VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH VỀ MỘT QUY TẮC HAY LUẬT LỆ TRONG TRÒ CHƠI HOẶC HOẠT ĐỘNG

(Dùng chung 3 bộ sách)

Thời lượng: 6 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nắm được cấu trúc tương đối ổn định của kiểu bài viết thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.
- Viết bài văn thuyết minh một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- HS nắm được cấu trúc tương đối ổn định của kiểu bài viết thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.
- Viết bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động quen thuộc với mình hoặc được bản thân tìm hiểu kỹ qua sách báo và các phương tiện truyền thông khác.

3. Phẩm chất:

- *Chăm chỉ*: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.
- *Trách nhiệm*: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, STK
- PHT
- Vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

- a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM													
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ Gv tổ chức trò chơi ô chữ bí mật Câu 1: Đây là trò chơi trong đó một người chơi sẽ bị bịt mắt và cố gắng bắt những người khác trong một phạm vi sân chơi giới hạn. Người bị bắt sẽ thua cuộc và phải thế chỗ cho người bắt. Câu 2: Sắp xếp các kí tự sau để thành tên một hoạt động vui chơi trong dịp hè của trẻ em vùng nông thôn ả/h/t/u/ê/i/d Câu 3: Trò chơi diễn ra vào mùa xuân, sử dụng đu quay làm công cụ, người chơi thể hiện sự khéo léo, mạnh mẽ của mình. Câu 4: Sắp xếp các kí tự sau để thành tên một trò chơi ả/o/a/b/b/n/h/y/ố	Học sinh tham gia trò chơi													
	1					B	I	T	M	Ắ	T	B	Ắ	T
	2						T	H	Ả	D	I	Ề	U	
	3		C	H	Ơ	I	Đ	U						
	4				N	H	Ả	Y	B	A	O	B	Ố	
	5						T	Ế	T					
	6							T	H	Ố	I	C	Ơ	M
	7	T	R	Ố	N	T	Ì	M						
	8						Đ	I	C	À	K	H	E	O
	9				Đ	Ậ	P	N	I	Ê	U			
	10		C	H	Ơ	I	C	H	U	Y	Ề	N		

Câu 5: Đây là một dịp được mong đợi nhất trong năm của người Việt Nam. Câu 6: Đây là tên một hội thi nổi tiếng ở Đồng Văn? m/t/ơ/h/ổ/c/i Câu 7: Cũng gọi là chơi 5-10 là trò chơi phổ biến của trẻ em, số lượng người chơi không hạn chế (nhưng ít nhất là ba). Mục đích là một người đi tìm còn những người kia lẫn trốn. Câu 8: Trò chơi dùng 2 cây tre, trên đó cột hai cái khắc cũng bằng tre làm bàn đập để đứng lên đó đi thay chân. Câu 9: Trò chơi treo một chiếc niêu đất lên và nhiệm vụ của người chơi là phải đập vỡ nó với một chiếc gậy. Câu 10: Trò chơi còn gọi là chơi chắt, dùng 1 quả bóng tung lên nhặt lấy que chuyền rồi chụp bóng. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ + HS nghe và trả lời Bước 3: Báo cáo và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận, thuật lại ngắn	
--	--

gọn + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, đánh giá GV dẫn dắt vào bài.	
--	--

2.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu của bài văn thuyết minh một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động.

b. Nội dung: Hs chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Hoạt động 1: Tìm hiểu chung về văn bản thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập <i>? Thế nào là văn bản thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động?</i> <i>? Những yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về quy tắc hay luật lệ của một hoạt động hoặc trò chơi.</i> <i>? Các dạng đề viết văn bản thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động</i> Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe câu hỏi, suy nghĩ trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - GV mời 2 HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định	I. Tìm hiểu chung về văn bản thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động 1. Thế nào là văn bản thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động? Viết văn bản thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động là thuyết minh, giới thiệu những quy định, chuẩn mực hoặc các công thức, kết luận tổng quát buộc các thành viên tham gia hoạt động hay trò chơi ấy cần tôn trọng và tuân thủ; nhằm đảm bảo sự an toàn và hiệu quả cho trò chơi hoặc hoạt động. 2. Những yêu cầu đối với bài văn thuyết minh về quy tắc hay luật lệ của một hoạt động hoặc trò chơi. - Xác định hoạt động hoặc trò chơi cần thuyết minh - Giới thiệu được những thông tin cần thiết về trò chơi hay hoạt động (hoàn

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức. Hoạt động 1: Phương pháp viết văn bản thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập ? Em chuẩn bị trước khi viết như thế nào? ? Tìm ý và lập dàn ý ra sao? ? Mở bài gián tiếp bằng những cách nào? Ví dụ. ? Kết bài em triển khai đoạn văn như thế nào? ? Khi viết bài cần chú ý điều gì? ? Khi viết bài xong em làm gì ở bước tiếp theo. Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe câu hỏi, suy nghĩ trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	cảnh diễn ra, đối tượng tham gia). - Miêu tả được quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động, nêu rõ trình tự các bước cần thực hiện trong trò chơi hay hoạt động đó. - Nêu được vai trò, tác dụng của trò chơi hay hoạt động đối với con người. - Nêu được ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động. 3. Các dạng đề viết văn bản thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động a. Dạng đề cụ thể: là dạng đề viết văn bản thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động cụ thể. Ví dụ: Viết bài văn bản thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi đập niêu đất/cướp cờ. Với dạng đề này, HS căn cứ vào trò chơi hoặc hoạt động cụ thể để viết. b. Dạng đề mở: là dạng đề chỉ nêu yêu cầu viết văn bản thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động nào đó mà không yêu cầu viết văn bản thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động nào cụ thể. Ví dụ: Viết bài văn bản thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi dân gian mà em yêu thích. Với dạng đề này, HS có thể tùy ý lựa chọn một trò chơi dân gian mà mình yêu thích. II. Phương pháp viết văn bản thuyết minh về một quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động
--	---

- HS báo cáo sản phẩm học tập. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.	1. Phương pháp chung Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết - Xác định trò chơi hoặc hoạt động: Lựa chọn trò chơi hay hoạt động mà em yêu thích hoặc thuyết minh về trò chơi hay hoạt động được yêu cầu trong đề bài. - Xác định mục đích làm bài: Cung cấp cho người đọc, người nghe những thông tin về quy tắc hay luật lệ trong trò chơi hoặc hoạt động, thu hút mọi người cùng tham gia. - Thu thập tư liệu: Tìm hiểu thêm thông tin và thu thập tranh, ảnh về hoạt động hay trò chơi định thuyết minh. Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý a. Tìm ý: - Đó là hoạt động hay trò chơi gì? Diễn ra ở đâu? - Đối tượng tham gia trò chơi hay hoạt động đó là ai? - Quy tắc, luật lệ của trò chơi hay hoạt động đó là gì? - Trình tự tiến hành như thế nào? - Giá trị và ý nghĩa của hoạt động hay trò chơi ấy như thế nào? - Hiện nay, người ta có còn chơi trò chơi đó hay duy trì hoạt động đó nữa không? b. Lập dàn ý *Mở bài: Giới thiệu hoạt động hay trò chơi (tên gọi của hoạt động hay trò chơi) Có nhiều cách mở bài khác nhau nên khi viết bài cần vận dụng một cách linh hoạt Ví dụ: Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ một trò chơi dân gian mà em yêu thích.
--	--

- Trò chơi bịt mắt bắt dê
- Trò chơi nhảy bao bố
- Trò chơi ô ăn quan
- Trò chơi pháo đất
- Thi thả diều
- Chơi cướp cờ
- Thi thổi cơm
- Hát đối đáp.
-

Nếu chọn trò chơi thả diều thì có thể viết mở bài như sau:

Mở bài trực tiếp: Nhắc đến trò chơi dân gian của Việt Nam, chúng ta không thể không nhắc đến trò chơi thả diều. Một trò chơi xuất hiện từ rất lâu rồi nhưng vẫn còn tồn tại đến tận ngày hôm nay. Những cánh diều tuổi thơ sẽ mãi là kỉ niệm mà chúng ta mãi không quên.

Mở bài gián tiếp:

- **Mở bài từ sự trải nghiệm về trò chơi:**

Mở bài tham khảo: Năm nào cũng vậy, cứ đến hè là em được bố mẹ cho về quê ngoại chơi. Em và những đứa bạn ở quê được trải nghiệm rất nhiều trò chơi dân gian nhưng trò chơi hấp dẫn và thú vị mà em thích nhất có lẽ là trò chơi thả diều.

- **Mở bài từ những câu thơ, lời văn, câu hát,...rồi gợi nhớ đến trò chơi định thuyết minh.**

Mở bài tham khảo 1:

“Thả diều, thả diều

Ởi con diều giấy tuổi thơ

Thả diều, thả diều

Ởi con diều ấy là ước mơ tuổi thơ tôi.

	<i>Bay lên hỡi cánh diều, bay lên vượt núi đồi</i> <i>Bay cao bay cao nhận gió muôn phương...”</i> Lời bài hát “Thả diều” của Nguyễn Quang Thắng ngân vang mãi trong lòng người nghe giống như cánh diều vi vu trong gió. Trò chơi thả diều tự bao giờ đã trở thành một trò chơi dân gian quen thuộc không chỉ đối với trẻ con mà còn đối với nhiều người ở lứa tuổi khác nhau. Mở bài tham khảo 2: <i>“Cánh diều no gió Tiếng nó chơi vơi Diều là hạt cau Phơi trên nong trời”</i> (“Thả diều” Trần Đăng Khoa) Hình ảnh con diều bay lượn trên bầu trời đã trở nên gần gũi và nên thơ trong cái nhìn của một người con đất Việt. Và thả diều từ lâu đã là một trò chơi dân gian gắn bó với nhiều thế hệ người Việt Nam. - Mở bài thông qua việc giới thiệu các trò chơi dân gian và nhấn mạnh trò chơi định thuyết minh. Mở bài tham khảo: Chẳng biết có từ khi nào nữa mà những trò chơi dân gian cứ dần dần rồi dần dần trở thành những trò chơi không thể thiếu đối với tất cả những đứa trẻ không chỉ ở thôn quê mà còn ở thành thị nữa. Những trò chơi dân gian chẳng phải chỉ dành cho trẻ em mà nó dành cho tất cả mọi lứa tuổi. Nói đến những trò chơi dân gian ta không thể
--	--

không nhắc đến một trò chơi gắn liền đối với chúng ta đó là trò chơi thả diều.

***Thân bài:**

- Giới thiệu hoàn cảnh diễn ra và đối tượng tham gia hoạt động hay trò chơi.
- Miêu tả quy tắc hoặc luật lệ của trò chơi hay hoạt động
- Nêu trình tự của trò chơi hay hoạt động
- Tác dụng của trò chơi hay hoạt động

***Kết bài:** Ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động đối với cuộc sống con người.

Với đề bài trên ta có thể có các cách kết bài sau:

-Kết bài khẳng định ý nghĩa, vai trò của trò chơi và bày tỏ mong muốn:

Kết bài tham khảo: Ngày nay, xã hội đã phát triển, nhiều trò chơi ra đời dần thay thế cho những trò chơi dân gian nhưng thả diều không chỉ là trò chơi thú vị của tuổi thơ mà còn có ý nghĩa như một nét đẹp văn hóa dân gian đậm đà bản sắc dân tộc.. Chính vì thế mọi người cần chung tay gìn giữ những giá trị truyền thống của dân tộc nói chung và những trò chơi dân gian nói riêng, đặc biệt là trò chơi thả diều.

-Kết bài ở hiện tại và mong muốn hứa hẹn ở tương lai

Kết bài tham khảo: Kỳ nghỉ hè đã qua và em cũng đã trở lại thành phố để học nhưng những lúc rảnh rỗi thì mọi kỉ niệm thả diều cùng chúng bạn cứ hiện ra trước mắt em. Thật là đẹp làm sao. Em ước mong sẽ nhanh chóng được nghỉ hè để em có thể về quê và vui đùa cùng lũ

	bạn bên những cánh diều no gió. Các bạn ơi hãy chờ mình nhé! -Kết bài nêu ý nghĩa trò chơi và thực tại để nhắc nhở mọi người Kết bài tham khảo: Trò chơi thả diều không chỉ tượng trưng cho ước mơ khát vọng tuổi thơ mà còn là nét đẹp văn hóa dân gian. Tuy nhiên hiện nay với nền công nghệ vượt bậc mà nhiều trò chơi ra đời thay thế cho những trò chơi dân gian trong đó có trò chơi thả diều. Chính vì vậy, mọi người cần chung tay gìn giữ những giá trị truyền thống của dân tộc nói chung và những trò chơi dân gian nói riêng đặc biệt là trò chơi thả diều. Bước 3: Viết bài - Dựa vào dàn ý đã làm để viết thành bài văn thuyết minh. - Trong khi viết có thể kết hợp các thông tin em tham khảo được về trò chơi hay hoạt động hoặc liên hệ với những trải nghiệm của riêng em (nếu có). - Mỗi quy tắc, luật lệ của trò chơi hay hoạt động trình bày thành một đoạn văn, giữa các đoạn nên dùng các từ chuyển tiếp phù hợp để thể hiện sự thay đổi nội dung trong quy tắc hoặc luật lệ. Bước 4: Chỉnh sửa bài viết Rà soát, chỉnh sửa bài viết theo những gợi ý trong bảng sau:
Yêu cầu	Gợi ý chỉnh sửa
(1) Giới thiệu được những thông tin cần thiết về trò chơi hay hoạt động	Nếu bài viết chưa giới thiệu cụ thể tên trò chơi hay hoạt động, hoàn cảnh diễn ra trò chơi hay hoạt động, đối tượng tham gia,...thì cần bổ sung.
(2) Miêu tả chi tiết, rõ ràng quy tắc, luật	Bổ sung thông tin (nếu cần) hoặc điều

lệ của trò chơi hay hoạt động	chỉnh các câu, đoạn cho bài viết mạch lạc.
(3)Nêu được tác dụng và ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động	Nếu việc nêu tác dụng, ý nghĩa của trò chơi hay hoạt động còn sơ sài hoặc chưa chính xác thì cần bổ sung hoặc điều chỉnh.
(4)Đảm bảo yêu cầu về chính tả và diễn đạt	Rà soát lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu... trong bài viết và chỉnh sửa (nếu có)

3.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức để làm bài tập

b. Nội dung: câu hỏi GV, câu trả lời của HS

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + Hoàn thành bài tập theo các bước đã học + Yêu cầu học sinh viết thành một bài văn hoàn chỉnh (ở nhà hoặc trên lớp) + Hướng dẫn dùng bảng kiểm để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết; sau đó dùng bảng kiểm để nhận xét bài của bạn - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận, viết bài - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	Đề 1: <i>Các trò chơi dân gian trong môi trường học đường không chỉ giúp học sinh nâng cao sức khỏe, giáo dục tinh thần đoàn kết, sự thông minh, khéo léo mà còn góp phần duy trì, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc đặc biệt giúp học sinh thoát khỏi thế giới ảo. Từ những trải nghiệm của bản thân về các trò chơi dân gian mà em đã tham gia ở trường, hãy viết bài văn thuyết minh về luật lệ một trò chơi dân gian mà em yêu thích.</i> Hướng dẫn làm bài Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết - Lựa chọn đề tài: Đề yêu cầu viết bài văn thuyết minh về luật lệ một trò chơi dân gian mà em yêu thích ở môi trường học đường. Do đó cần chọn một trong những trò chơi mà bản thân đã tham gia như: ô ăn quan, chơi chuyền, oẳn tù tì, kéo co, nhảy bao bố, cướp cờ, bịt mắt bắt dê, dung dăng dung dẻ, rồng rắn lên mây, nhảy dây,...để thuyết minh.
--	---

	- Xác định mục đích làm bài: Cung cấp cho người đọc, người nghe những luật lệ của một trong những trò chơi dân gian mà bản thân đã tham gia. - Thu thập tài liệu: Tìm hiểu thêm thông tin, thu thập tranh ảnh về trò chơi dân gian mà bản thân đã tham gia trên các phương tiện thông tin đại chúng, các tài liệu sách, báo,... Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý a.Tìm ý - Trò chơi đó diễn ra ở đâu? (sân trường, lớp học) - Trò chơi dành cho lứa tuổi nào? - Hiện nay học sinh có còn chơi hoặc duy trì trò chơi đó hay không? - Trò chơi đó diễn ra như thế nào? - Luật lệ của trò chơi đó? - Trò chơi đó có tác dụng như thế nào đối với học sinh? - Ý nghĩa của trò chơi đó? b.Lập dàn ý Trên cơ sở trò chơi đã xác định , học sinh chọn một trò chơi để thuyết minh. Đối với đề bài trên nhóm chúng tôi chọn trò chơi kéo co để thuyết minh. Dàn ý tham khảo *Mở bài: Giới thiệu và dẫn dắt vào trò chơi kéo co. *Thân bài: -Giới thiệu hoàn cảnh diễn ra và đối tượng tham gia trò chơi + Trong các hoạt động ngoại khóa của nhà trường, trong các buổi sinh hoạt văn hóa, hội trại, trong giờ ra chơi,...
--	---

+ Người chơi: nam hay nữ hoặc cả hai bên đều là nam, đều là nữ hoặc nam nữ xen kẽ,...

-Lần lượt giới thiệu chi tiết luật lệ của trò chơi theo một thứ tự nhất định

+ Luật kéo co ở mỗi nơi mỗi khác.

+ Mỗi hiệp kéo co có hai đội, mỗi đội dùng sức của mình giành chiến thắng.

+ Kéo đến khi nào bên kia ngã về phía mình, giữa sợi dây có buộc một cái khăn, bên nào kéo đoạn dây có buộc khăn qua vạch của mình trước là thắng.

+ Trò chơi thường có ba hiệp (keo), đội nào giành số hiệp (keo) thắng nhiều hơn thì thắng chung cuộc.

+ Nếu có nhiều đội tham gia thì đội nào giành chiến thắng sẽ được vào vòng tiếp theo và đấu với những đội mạnh hơn để tìm ra đội chiến thắng cuối cùng.

-Trình tự của trò chơi kéo co

+ Chuẩn bị một dây thừng đủ vững chắc, chia thành hai phần bằng nhau và đánh dấu điểm chính giữa bằng một chiếc khăn hoặc mảnh vải khác màu, điểm đánh dấu này sẽ trùng với vạch kẻ ngang (bằng vạch vôi hoặc phấm màu) dưới mặt đất.

+ Thành viên hai đội sau khi được sắp xếp vào vị trí thì nắm lấy sợi dây đứng sau vạch kẻ ở tư thế sẵn sàng kéo.

+ Người trọng tài sau khi thấy hai đội đã ổn định thì thổi một tiếng còi thật to. Tiếng còi của trọng tài vừa dứt cũng là lúc hai đội dùng hết sức để kéo sợi dây về phía mình.

+ Đội nào kéo khỏe hơn để điểm đánh

dấu chính giữa chạm qua vạch kẻ bên mình hoặc thành viên đứng đầu của đội còn lại vượt qua vạch kẻ của họ thì đội đó giành chiến thắng và tiếng còi của trọng tài vang lên báo hiệu hiệp đầu kết thúc.

-Tác dụng của trò chơi kéo co:

+ Là môn thể thao rèn luyện sức khỏe, sức bền và tinh thần đoàn kết của người chơi.

+ Giải trí, tạo niềm vui cho con người, thể hiện nét văn hóa truyền thống của dân tộc.

***Kết bài:** Khẳng định lại ý nghĩa của trò chơi kéo co trong đời sống tinh thần của con người.

Bước 3: Viết bài

Giới thiệu và dẫn dắt vào trò chơi kéo co → Trò chơi dân gian là những trò chơi xuất hiện từ rất sớm và được lưu truyền trong dân gian, trở thành một nét đẹp văn hóa. Trong các lễ hội truyền thống của dân tộc, trò chơi dân gian được mọi người tổ chức hàng năm. → Một số trò chơi dân gian tiêu biểu có thể kể đến như đua thuyền, chơi ô ăn quan, ...Kéo co cũng là một trò chơi độc đáo và thông dụng trong đời sống từ xưa tới nay.

Giới thiệu hoàn cảnh diễn ra và đối tượng tham gia trò chơi → Trò chơi này đã xuất hiện từ lâu đời và trở thành một nét đẹp văn hóa không thể thiếu trong đời sống tinh thần của người Việt Nam ta. Trên khắp dải đất hình chữ S này, đâu đâu con người cũng biết đến

trò chơi thân quen đó. Nó xuất hiện trong các lễ hội, trong nhà trường, trong các buổi sinh hoạt văn hóa thậm chí là trò các em nhỏ thường xuyên chơi với nhau. Dù tồn tại ở thể nào hay dịp nào thì nó vẫn mang một màu sắc, một đặc điểm riêng biệt không lẫn lộn với bất cứ một trò chơi nào khác. Trò chơi này không yêu cầu người chơi là nam hay nữ, có khi cả hai bên đều nam, có khi cả hai bên đều nữ hoặc là nam nữ xen kẽ. Ai cũng có thể chơi được, chỉ cần có sức khỏe tốt, có tinh thần hiếu thắng, muốn tham gia cuộc thi để độ sức và khẳng định mình.

Giới thiệu chi tiết luật lệ của trò chơi theo một thứ tự nhất định → Về luật chơi mỗi một nơi có thể tự đề ra luật và các quy chế tính điểm riêng. Nhưng về cơ bản kéo co là trò chơi đòi hỏi sự phối hợp lẫn nhau trong cùng một đội. Trong trường học thường chia người kéo co thành các đội theo các tiêu chí khác nhau: cùng khối lớp, cùng lớp, cùng tổ, cùng nhóm...Số người giữa hai đội là như nhau, các đội có quyền tự chọn thành viên, thông thường các thành viên được chọn là những người có sức khỏe, có kinh nghiệm chơi,...

Mỗi hiệp kéo co có hai đội. Người chơi dùng hết sức lực của mình kéo sợi dây thừng sao cho chiếc khăn buộc giữa dây nghiêng về phía mình và vượt qua vạch giới hạn của mình trước thì bên đó thắng. Trò chơi thường có ba hiệp (keo), đội nào giành số hiệp (keo) thắng nhiều

hơn thì thắng chung cuộc. Nếu có nhiều đội tham gia thì đội nào giành chiến thắng sẽ được vào vòng tiếp theo và đấu với những đội mạnh hơn để tìm ra đội chiến thắng cuối cùng. Mỗi trận thi đấu chỉ diễn ra vài giây thậm chí căng thẳng đến cả vài phút.

Trình tự của trò chơi kéo

co→Về tư thế kéo, người nào thuận bên nào thì đứng phía đó, nhưng vẫn phải sắp xếp sao cho hợp lí, khi nắm dây phải nắm vững và chắc, chân mở rộng, một trước một sau chùng xuống, người hơi đổ về phía sau, kẹp thường kéo co vào nách. Vì kéo co là trò chơi đòi hỏi sự đoàn kết nhịp nhàng nên người trong một đội cần thống nhất chặt chẽ với nhau về việc dùng lực, có thể sử dụng các tiếng hô đều “1, 2,..” để tập trung sức kéo cùng lúc. Trong quá trình chơi phải cần có chiến thuật, kéo hết mình, nhiệt tình dùng hết sức lực.

Khi chơi cần chuẩn bị một dây thường đủ vững chắc, độ dài vào khoảng 10m hoặc có thể hơn, chia thành hai phần bằng nhau và đánh dấu điểm chính giữa bằng một chiếc khăn hoặc mảnh vải khác màu, điểm đánh dấu này sẽ trùng với vạch kẻ ngang (băng vạch vôi hoặc phấm màu) dưới mặt đất. Đây là dấu hiệu chiến thắng trong cuộc đọ sức. Thành viên hai đội sau khi được sắp xếp vào vị trí thì nắm lấy sợi dây đứng sau vạch kẻ ở tư thế sẵn sàng kéo. Người trọng tài sau khi thấy hai đội đã ổn định thì thổi một tiếng còi thật to. Tiếng còi

của trọng tài vừa dứt cũng là lúc hai đội dùng hết sức để kéo sợi dây về phía mình. Đội nào kéo khỏe hơn để điểm đánh dấu chính giữa chạm qua vạch kẻ bên mình hoặc thành viên đứng đầu của đội còn lại vượt qua vạch kẻ của họ thì đội đó giành chiến thắng và tiếng còi của trọng tài vang lên báo hiệu hiệp đấu kết thúc.

Khán giả khi xem trò chơi kéo co thường phải đứng cách thành viên mỗi đội một khoảng cách nhất định để đảm bảo cho người chơi có đủ khoảng không gian để duy chuyển cũng như tránh sự xô đẩy, va ngã vào người mình. Không khí của buổi kéo co nô nức, rộn ràng bởi tiếng trống, tiếng hò reo của khán giả cổ vũ tinh thần cho hai đội. Chính sự tương bừng này đã làm cho khí thế của cuộc thi kéo co được nâng lên và thu hút nhiều người xem hơn.

Tác dụng của trò chơi kéo

co→Có thể nói trò chơi kéo co là môn thể thao rèn luyện sức khỏe, sức bền và tinh thần đoàn kết của người chơi. Nó không những giải trí, tạo niềm vui cho con người mà còn thể hiện nét văn hóa truyền thống của dân tộc. Nó còn giúp cho con người gần gũi với nhau hơn, từ cuộc thi chúng ta có thể giao lưu và có thêm những người bạn mới. Trò chơi dân gian này còn được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại đa quốc gia đại diện của nhân loại.

Khẳng định lại ý nghĩa của trò

chơi kéo co trong đời sống tinh thần của con người 1 → Quả thực, ở Việt Nam hiện nay đã xuất hiện nhiều trò chơi hiện đại đầy mới mẻ và hấp dẫn nhưng những trò chơi dân gian, đặc biệt là trò chơi kéo co sẽ vẫn giữ một vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của con người Việt Nam ta. Với tuổi thơ mỗi người chắc chắn đây cũng là trò chơi nhớ mãi không quên. Hy vọng mọi người cùng chung tay trân trọng, gìn giữ hoạt động văn hóa này.

Khẳng định lại ý nghĩa của trò chơi kéo co trong đời sống tinh thần của con người 2 → Tóm lại, trò chơi dân gian này vốn được lưu truyền từ lâu đời và còn tồn tại rộng rãi cho đến tận ngày hôm nay và mai sau. Trong thời buổi công nghiệp hóa, hiện đại hóa như hiện nay nhưng trò chơi này vẫn giữ một vai trò quan trọng trong đời sống tinh thần của con người Việt Nam ta. Khi mà game online và vô số các trò chơi, thú vui hiện đại khác ra đời thì việc lưu giữ vẻ đẹp và phát huy giá trị của kéo co nói chung và các trò chơi dân gian khác nói riêng là vai trò và trách nhiệm của các thế hệ con người Việt Nam ta. Nhiều năm tháng qua đi nhưng trò chơi này vẫn giữ nguyên vẹn những giá trị tinh thần to lớn của nó và để lại ấn tượng sâu sắc trong tâm trí của lớp lớp bao thế hệ con người.

Bước 4: Chỉnh sửa bài viết

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 15:

CHUYÊN ĐỀ 11: VIẾT VĂN BẢN THUYẾT MINH VỀ MỘT QUY TẮC HAY LUẬT LỆ TRONG TRÒ CHƠI HOẶC HOẠT ĐỘNG (tt)

(Dùng chung 3 bộ sách)

Thời lượng: 3 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nắm được cấu trúc tương đối ổn định của kiểu bài viết thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.
- Viết bài văn thuyết minh một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- HS nắm được cấu trúc tương đối ổn định của kiểu bài viết thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.
- Viết bài văn thuyết minh về một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động quen thuộc với mình hoặc được bản thân tìm hiểu kĩ qua sách báo và các phương tiện truyền thông khác.

3. Phẩm chất:

- *Chăm chỉ*: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.
- *Trách nhiệm*: Làm chủ được bản thân trong quá trình học tập, có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- KHBD, STK
- PHT
- Vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - GV chuyển giao nhiệm vụ + Hoàn thành bài tập theo các bước đã học	Đề 1: Tết Nguyên Đán là dịp lễ đặc biệt nhất trong năm đối với người dân Việt Nam. Đây không chỉ là Tết đoàn viên, dịp đầu xuân năm mới mà còn là
---	--

+ Yêu cầu học sinh viết thành một bài văn hoàn chỉnh (ở nhà hoặc trên lớp) + Hướng dẫn dùng bảng kiểm để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết; sau đó dùng bảng kiểm để nhận xét bài của bạn - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ - HS thảo luận, viết bài - Gv quan sát, hỗ trợ Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức	“mùa” của những lễ hội. Trong dịp này, mỗi địa phương trên toàn dải đất chữ S, đặc biệt là ở những làng quê Việt Nam sẽ tổ chức các lễ hội truyền thống với nhiều trò chơi dân gian thú vị. Từ những trò chơi dân gian trong dịp Tết mà bản thân em đã tham gia hoặc thấy thích thú, muốn tìm hiểu. em hãy viết bài văn thuyết minh về trò chơi ấy. HƯỚNG DẪN LÀM BÀI Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết -Lựa chọn đề tài: Đề yêu cầu viết bài văn thuyết minh về một trò chơi dân gian trong dịp Tết Nguyên đán. Do đó, cần chọn một trong những trò chơi mà bản thân đã tham gia hoặc thấy thích thú, muốn tìm hiểu. Ví dụ: trò chơi đánh đu, đấu vật, đập niêu đất, chọi gà, đi cầu kiều, cướp cờ, đua thuyền, bịt mắt bắt lợn,... -Xác định mục đích làm bài: Cung cấp cho người đọc, người nghe những luật lệ của một trong những trò chơi dân gian mà bản thân đã tham gia hoặc thấy thích thú, muốn tìm hiểu. -Thu thập tài liệu: Tìm hiểu thêm thông tin, thu thập tranh ảnh về trò chơi dân gian mà bản thân đã tham gia hoặc thấy thích thú, muốn tìm hiểu trên các phương tiện thông tin đại chúng, các tài liệu sách, báo,... Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý a.Tìm ý: -Trò chơi đó diễn ra ở đâu? -Trò chơi đó dành cho lứa tuổi nào?
---	--

- Hiện nay, mọi người có còn chơi hoặc duy trì trò chơi đó nữa không?
- Trò chơi đó diễn ra như thế nào?
- Luật lệ của trò chơi đó ra sao?
- Trò chơi đó có tác dụng gì?
- Ý nghĩa của trò chơi?

b. Lập dàn ý: Chọn trò chơi: Bịt mắt đập niêu

***Mở bài:** Giới thiệu trò chơi bịt mắt đập niêu.

***Thân bài:**

- Giới thiệu hoàn cảnh diễn ra và đối tượng tham gia trò chơi:
- + Bịt mắt đập niêu thường xuất hiện trong các lễ hội như hội làng, hội đình, hoạt động ngoại khóa....
- + Tổ chức chơi ở những khoảng đất trống, bằng phẳng như sân nhà, sân đình, sân trường, sân vận động.
- + Những người tham gia trò chơi này thuộc mọi lứa tuổi và không phân biệt trai gái, số lượng.
- Lần lượt giới thiệu chi tiết các quy tắc, luật lệ của trò chơi theo một thứ tự nhất định.
- + Dụng cụ để chơi bịt mắt đập niêu ngày xưa thường là các niêu đất, còn bây giờ ngoài niêu đất có thể dùng lợn đất, bóng nước,...các sợi dây, các thanh sào, các dụng cụ bịt mắt như khăn, vải, đồ bịt mắt.
- + Nếu chơi mỗi đội một người thì người chơi sẽ bị bịt mắt, đứng cách vị trí treo niêu vài mét cầm một chiếc gậy ngắn trên tay khoảng 50cm, tự đoán định khoảng cách và bước tới để đập vỡ cái

	niêu đã được treo lên cao. + Còn với đội có hai người, cách chơi như sau: Mỗi đội một người công, một người được công. Người được công bịt mắt và dùng gậy đập vào niêu. Người công không được hỗ trợ bằng tay hoặc nói (có thể hoặc không thể) cho người được công. + Quy định của trò chơi có thể theo một số cách như sau: Người chơi hoặc đội chơi nào đập vỡ được niêu trước sẽ là đội thắng. - Trình tự của trò chơi bịt mắt đập niêu + Đầu tiên ban tổ chức sẽ tiến hành treo những chiếc niêu đất lên cột đã được chuẩn bị sẵn và nhiệm vụ của người chơi là phải đập vỡ những chiếc niêu đó bằng cây gậy. + Sau khi có tiếng còi báo hiệu bắt đầu, người chơi sẽ di chuyển lại gần để đập vỡ niêu. - Tác dụng của trò chơi: + Giúp người chơi tăng khả năng tập trung và phán đoán của bản thân mình trong mọi tình huống, hoàn cảnh. + Rèn luyện sự khéo léo và kiên nhẫn của người tham gia. + Giúp cho đôi tay trở nên chắc khỏe, dẻo dai và định hướng được tốc độ chính xác khi làm bất cứ một việc gì đó. + Thể hiện tính cộng đồng, tính tập thể, tinh thần đoàn kết dân tộc, góp phần tạo nên những bản sắc đặc trưng và riêng biệt của mỗi cộng đồng. *Kết bài: Ý nghĩa của hoạt động hay trò chơi đối với cuộc sống con người.
--	--

Bước 3: Viết bài

Bài viết tham khảo

Mở bài 1: Giới thiệu và dẫn dắt vào trò chơi kéo co → Tết đến, Xuân về không chỉ là dịp để cả gia đình đoàn viên mà còn thời gian để mọi người sum họp, hòa mình vào các lễ hội truyền thống, cùng tham gia những trò chơi dân gian thú vị, đầy ắp tiếng cười. Một trong những trò chơi hấp dẫn nhiều người tham gia đó là trò chơi bịt mắt đập niêu.

Mở bài 2: Giới thiệu và dẫn dắt vào trò chơi kéo co → Bịt mắt đập niêu đất là trò chơi không biết có từ bao giờ nhưng đến nay, nó đã trở thành hoạt động không thể thiếu trên quê hương em trong những ngày đầu xuân năm mới.

Thân bài: Giới thiệu hoàn cảnh diễn ra và đối tượng tham gia trò chơi → Đập niêu đất là một trò chơi thú vị. Vì vậy, nó đã thu hút sự tham gia cổ vũ của rất nhiều người. Trò chơi này thường xuất hiện trong các lễ hội như hội làng, hội đình, hoạt động ngoại khóa....Trò chơi được tổ chức chơi ở những khoảng đất trống, bằng phẳng như sân nhà, sân đình, sân trường, sân vận động. Những người tham gia trò chơi này thuộc mọi lứa tuổi và không phân biệt trai gái, số lượng.

Giới thiệu chi tiết luật lệ của trò chơi theo một thứ tự nhất định → Để chơi trò chơi, người ta sử dụng dụng cụ để chơi bịt mắt đập niêu ngày xưa thường là các niêu đất, còn bây giờ ngoài niêu đất có thể dùng lợn đất, bóng

nước,...các sợi dây, các thanh sào, các dụng cụ bịt mắt như khăn, vải, đồ bịt mắt. Về luật chơi: Nếu chơi mỗi đội một người thì người chơi sẽ bị bịt mắt, đứng cách vị trí treo niêu vài mét cầm một chiếc gậy ngắn trên tay khoảng 50cm, tự đoán định khoảng cách và bước tới để đập vỡ cái niêu đã được treo lên cao. Còn với đội có hai người, cách chơi như sau: Mỗi đội một người công, một người được công. Người được công bịt mắt và dùng gậy đập vào niêu. Người công không được hỗ trợ bằng tay hoặc nói (có thể hoặc không thể) cho người được công.

Quy định của trò chơi có thể theo một số cách như sau: Người chơi hoặc đội chơi nào đập vỡ được niêu trước sẽ là đội thắng. Đối với luật chơi này sẽ tính theo thời gian và thứ tự về đích của các đội chơi để trao giải. Hoặc chỉ cần người chơi vào đội chơi đập được niêu sẽ nhận được phần thưởng được ghi trong mẫu giấy nhỏ trong niêu hoặc được ban tổ chức định sẵn, những phần quà sẽ khác nhau để kích thích người chơi. Hoặc cũng có thể là giới hạn số lần đập niêu, nếu quá số lần quy định xem như người chơi hoặc đội chơi đó sẽ thua.

Về trình tự của trò chơi→Đầu tiên ban tổ chức sẽ tiến hành dựng đoạn tre to, chắc khỏe cao khoảng hai mét xuống đất. Sau đó, nối hai cây lại với nhau bằng một đoạn tre nằm ngang. Lúc này ba đoạn tre đã tạo thành hình giống

như một cái cổng nhà. Trên thanh tre nằm ngang, ban tổ chức sẽ treo khoảng năm, sáu niêu đất lủng lẳng. Nhiệm vụ của các đội chơi là phải cầm gậy gỗ đập hết các niêu đất đó trong thời gian sớm nhất để giành chiến thắng. Để cho cuộc chơi thêm phần hấp dẫn, ban tổ chức đã yêu cầu một đội chơi phải có một người công một người trên lưng, cả hai người sẽ cùng bị bịt mắt và dựa vào trí nhớ của mình để đập niêu đất.

Để công bằng, các đội chơi sẽ lần lượt chơi và có trọng tài bấm giờ. Mỗi khi có hiệu lệnh xuất phát, các đội chơi sẽ phải dựa vào trí nhớ của mình và sự chỉ dẫn của dân làng để xác định và tiến đến vị trí của niêu đất; người được công trên lưng sẽ cố gắng đập vỡ niêu đất, còn người công sẽ cố gắng đứng vững và di chuyển theo sự chỉ dẫn của dân làng. Vì thế, mỗi khi một đội chơi xuất phát là tiếng hò reo, cổ vũ lại vang lên tạo thành một bầu không khí rất vui nhộn. Sau khi các đội chơi của các thôn, xóm đã chơi xong, người dân trong làng và du khách có thể trực tiếp tham gia trò chơi để tự mình trải nghiệm cảm giác đập niêu đất.

Tác dụng của trò chơi kéo co →

Bịt mắt đập niêu là trò chơi có từ lâu đời. Trò chơi này có thể giúp người chơi tăng khả năng tập trung và phán đoán của bản thân mình trong mọi tình huống, hoàn cảnh; vừa có thể rèn luyện sự khéo léo và kiên nhẫn của người tham gia. Nó giúp cho đôi tay trở nên

	chắc khỏe, dẻo dai và định hướng được tốc độ chính xác khi làm bất cứ một việc gì đó. Ngoài ra, trò chơi này còn thể hiện tính cộng đồng, tính tập thể, tinh thần đoàn kết dân tộc, góp phần tạo nên những bản sắc đặc trưng và riêng biệt của mỗi cộng đồng. Kết bài: Khẳng định lại ý nghĩa của trò chơi bật mắt đập niêu trong đời sống tinh thần của con người→ Em rất yêu thích trò chơi đập niêu đất. Trò chơi đã trở thành niềm vui, thành nét văn hóa độc đáo trên quê hương em. Bạn đã từng được tham gia trò chơi này chưa? Nếu chưa hãy thử một lần trải nghiệm trò chơi thú vị này, bạn nhé! Bước 4: Chỉnh sửa bài viết
--	---

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 16:

CHUYÊN ĐỀ 12: LUYỆN ĐỀ KIỂM TRA

(Dùng chung 3 bộ sách)

Thời lượng: 3 tiết

I.MỤC TIÊU

1. Về kiến thức.

- Hệ thống lại các kiến thức ở cả ba phân môn Văn, tiếng Việt, tập làm văn ở cả ba bộ sách.

2. Về năng lực.

- Năng lực: giải quyết vấn đề, sáng tạo, năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Về phẩm chất.

- Giúp HS có trách nhiệm với việc học tập của bản thân và thêm yêu thích, hứng thú với môn Văn hơn nữa.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- **Chuẩn bị của GV:** Soạn các dạng đề, đáp án.

- **Chuẩn bị của HS:** Học ôn bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY- HỌC:

ĐỀ LUYỆN SỐ 1.

PHẦN I. ĐỌC- HIỂU (10,0 điểm)

Đọc kỹ đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu

Năm tháng qua đi, bạn sẽ nhận ra rằng ước mơ không bao giờ biến mất. Kể cả những mơ ước rồ dại nhất trong lứa tuổi học trò - lứa tuổi bất ổn định nhất. Nếu bạn không theo đuổi nó, chắc chắn nó sẽ trở lại một lúc nào đó, day dứt trong bạn, thậm chí dẫn vật bạn mỗi ngày. Nếu vậy, sao bạn không nghĩ đến điều này ngay từ bây giờ? Sống một cuộc đời cũng giống như vẽ một bức tranh vậy. Nếu bạn nghĩ thật lâu về điều mình muốn vẽ, nếu bạn dự tính được càng nhiều màu sắc mà bạn muốn thể hiện, nếu bạn càng chắc chắn về chất liệu mà bạn sử dụng thì bức tranh trong thực tế càng giống với hình dung của bạn. Bằng không, có thể nó sẽ là những màu mà người khác thích, là bức tranh mà người khác ưng ý, chứ không phải bạn. Đừng để ai đánh cắp ước mơ của bạn. Hãy tìm ra ước mơ cháy bỏng nhất của mình, nó đang nằm ở nơi sâu thẳm trong tim bạn đó, như một ngọn núi lửa đợi chờ được đánh thức.

(Theo Phạm Lữ Ân, “Nếu biết trăm năm là hữu hạn”, NXB Hội Nhà văn)

Khoanh tròn vào một phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (Từ câu 1 đến câu 5)

Câu 1. (1,0 điểm) Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là gì?

- A. Miêu tả. B. Tự sự. C. Biểu cảm. D. Nghị luận

Câu 2. (1,0 điểm) Văn bản nói về chủ đề nào?

- A. Tình yêu thương. **B. Ước mơ.** C. Sự bình yên. D. Sự giản dị.

Câu 3. (1,0 điểm) Theo tác giả, nếu không theo đuổi ước mơ, con người sẽ rơi vào trạng thái tâm lí nào?

A. Luôn cảm thấy dẫn vật, day dứt vì đã từ bỏ ước mơ của đời mình.

B. Bị trầm cảm.

C. Không làm tốt được việc gì.

D. Luôn cảm thấy mình thất bại.

Câu 4. (1,0 điểm) Văn bản trên gửi gắm thông điệp gì?

A. Bình yên được tạo nên từ trong những thử thách.

B. Hãy tìm ra ước mơ cháy bỏng của mình và thực hiện nó.

C. Tình yêu thương là món quà quý giá của mỗi người.

D. Gia đình là điều đáng trân trọng nhất trong cuộc sống.

Trả lời câu hỏi

Câu 5. (1,0 điểm) Xác định và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn sau:

Sống một cuộc đời cũng giống như vẽ một bức tranh vậy. Nếu bạn nghĩ thật lâu về điều mình muốn vẽ, nếu bạn dự định được càng nhiều màu sắc mà bạn muốn thể hiện, nếu bạn càng chắc chắn về chất liệu mà bạn sử dụng thì bức tranh trong thực tế càng giống với hình dung của bạn. Bằng không, có thể nó sẽ là những màu mà người khác thích, là bức tranh mà người khác ưng ý, chứ không phải bạn.

Câu 6. (1,0 điểm) Em hiểu thế nào về ý kiến: “Đừng để ai đánh cắp giấc mơ của bạn”?

Câu 7. (2,0 điểm) “Ước mơ cháy bỏng nhất” của em là gì? Em sẽ làm gì để biến ước mơ đó thành hiện thực? (Trả lời trong khoảng 5-7 dòng).

Hoặc câu: Theo em, có phải lúc nào cũng nên theo đuổi ước mơ không? Trả lời trong 5-7 dòng.

Câu 8. (2,0 điểm) Từ nội dung phần Đọc hiểu, hãy viết một đoạn văn (150 chữ) nói về ý nghĩa của ước mơ đối với cuộc đời mỗi con người.

PHẦN II. VIẾT (10,0 điểm)

Phân tích đặc điểm nhân vật Sơn trong văn bản “Gió lạnh đầu mùa” của nhà văn Thạch Lam mà em đã được học, được đọc. (Bộ Kê nổi 6, Chân trời 6)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I. ĐỌC HIỂU	1	D	1,0
	2	B	1,0
	3	A	1,0
	4	B	1,0
	5	- So sánh: “Sống một cuộc đời” với “vẽ một bức tranh” - Tác dụng: Lối diễn đạt cụ thể, sinh động; chỉ ra sự tương đồng giữa một cuộc đời với vẽ một bức tranh giúp người đọc dễ hình dung ra cách sống chủ động để biến ước mơ của mình thành hiện thực.	1,0
	6	"Đừng để ai đánh cắp giấc mơ của bạn" là lời khuyên hãy sống với đam mê và ước mơ của mình. Dù cho cuộc sống có muôn trùng khó khăn, dù cho có những lời qua tiếng lại ảnh hưởng đến ước mơ của bạn, bạn hãy vẫn dũng cảm theo đuổi ước mơ của mình. Bằng không, ước mơ ấy sẽ quay lại dẫn dắt bạn vào 1 ngày nào đó.	1,0

7	Trong tương lai, em khao khát được trở thành một giáo viên mẫu mực của các thế hệ học trò. Sở dĩ đó là ước mơ của em vì em thích được truyền kiến thức cho người khác, chắp cánh ước mơ cho các thế hệ học sinh trở thành công dân có ích cho đất nước và xã hội. Để làm được những điều này, đầu tiên em phải thi được vào chuyên ngành Sư phạm. Trong những năm tháng học đại học, em sẽ luôn trau dồi thật tốt về nghiệp vụ sư phạm để sau này có thể đứng vững trong nghề. Chưa hết, để trở thành một giáo viên thì việc có những kỹ năng giao tiếp, đối nhân xử thế với học sinh, với phụ huynh và đồng nghiệp cũng là điều quan trọng. Nghề giáo là một nghề cao quý nên em sẽ cố gắng hết sức để có thể trở thành một nhà giáo giỏi sau này, chèo lái những chuyến đò tri thức cập bến thành công. Hoặc : - Đây là câu hỏi mở, học sinh trả lời là lí giải theo ý kiến riêng, nên viết dưới hình thức một đoạn văn ngắn 3-5 dòng. - Gợi ý: Có những ước mơ gần gũi, giản dị, có những ước mơ xa vời, viễn vông. Những ước mơ có tính thực tế sẽ làm cho cuộc sống của ta trở nên ý nghĩa, có động lực hơn mà không trở nên buồn chán, tẻ nhạt. Cần nhận thức rõ năng lực của bản thân và có kế hoạch ngay từ sớm để ước mơ trở thành hiện thực.	2,0
8	Có thể viết đoạn văn theo gợi ý sau: 1/ Mở đoạn: Dẫn đề: Vai trò của ước mơ 2/ Thân đoạn - Giải thích: Ước mơ là điều tốt đẹp ở phía mà con người tha thiết, khao khát, ước mong hướng tới, đạt được. - Vai trò: + Giúp bản thân xác định phương hướng, mục tiêu	2,0

	tương lai. + Là động lực tinh thần để con người có ý chí phấn đấu vượt qua khó khăn. + Sống lạc quan, vui vẻ, cuộc sống có ý nghĩa hơn khi ước mơ. +.... 3/ Kết đoạn: Khẳng định vấn đề	
II	a. Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận	<i>0,5 điểm</i>
	b. Xác định đúng vấn đề:	<i>0,5 điểm</i>
	c. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : I/Mở bài: - Giới thiệu nhân vật Sơn trong tác phẩm “Gió lạnh đầu mùa” của nhà văn Thạch Lam. - Nêu khái quát ấn tượng về nhân vật Sơn: một cậu bé tinh tế, nhạy cảm, hòa đồng, thân thiện, có tấm lòng nhân hậu và giàu tình yêu thương. II/ Thân bài 1/ Khái quát những thông tin về tác giả, tác phẩm (Nếu mở bài theo cách 2,3) 2/Lần lượt nêu và phân tích các đặc điểm của nhân vật Sơn dựa trên các bằng chứng trong tác phẩm: - Sơn sinh ra trong một gia đình khá giả. Cậu được mẹ quan tâm, chăm sóc rất chu đáo. Sơn được mặc cái áo dạ chỉ đỏ lẫn áo vệ sinh, ngoài lại mặc phủ cái áo vải thâm. Cách ăn mặc ấy đối với những đứa trẻ em nghèo ngày xưa là cả một niềm mơ ước. Tưởng chừng những đứa trẻ như Sơn được sống trong nhung lụa thật khó để nhận thức và hiểu được những thiếu thốn của người khác. Nhưng không.... - Sơn là đứa trẻ tinh tế, nhạy cảm: Truyện mở đầu với việc nhà văn miêu tả khung cảnh thời tiết vào mùa đông. Trong hoàn cảnh đó, Sơn thức dậy và thấy mọi người trong nhà, mẹ và chị... đều “đã mặc áo rét cả rồi”. Ở ngoài sân, “gió vi vu làm bốc lên những màn bụi nhỏ, thổi lẫn những cái lá khô lạo xạo. Bầu trời không u ám, toàn một màu trắng đục”. Những cây lan trong chậu “lá	8,0 điểm

rung động và hình như sắt lại vì rét”. Và Sơn cũng thấy lạnh, cậu vợ vội cái chăn trùm lên đầu rồi gọi chị. Đó là suy nghĩ và hành động của một tâm hồn trong sáng, nhạy cảm với mọi đổi thay của thiên nhiên cảnh vật.

- Sơn còn là một cậu bé thân thiện và hòa đồng: Trong lúc mấy đứa em họ của Sơn thì “kiêu kì và khinh khỉnh” với lũ bạn con nhà nghèo nhất xóm, trái lại Sơn và chị Lan rất chan hòa với chúng. Vì thế khi mới thấy chị em Sơn đến, chúng nó “lộ vẻ vui mừng”, chúng “đang đợi mình ở cuối chợ để đánh khăn, đánh áo”.

- Không những thế Sơn hiện lên là một cậu bé có tấm lòng nhân hậu và giàu tình yêu thương.

+ Khi mọi người nhắc đến Duyên-đứa em gái đáng thương đã mất năm lên bốn tuổi của Sơn, người vú già đã “vội lấy cái áo lật đi lật lại ngắm nghía, tay mân mê các đường chỉ”. Khi nghe mẹ nói, Sơn cũng “nhớ em, cảm động và thương em quá”. Cậu xúc động khi thấy mẹ “hơi rơm rớm nước mắt”. Có thể thấy, nhân vật Sơn hiện lên là một cậu bé giàu tình cảm. Em còn rất yêu mẹ, vâng lời mẹ, xúc động khi thấy mẹ “hơi rơm rớm nước mắt”, lễ phép với vú già và biết tôn trọng chị.

+ Khi ra ngoài chơi với các bạn nhỏ nghèo ở xóm chợ, trong buổi sớm trong gió lạnh đầu mùa, cái nhìn của Sơn với các bạn nhỏ, những thằng Cúc, thằng Xuân, con Tí, con Túc,...là những cái nhìn yêu thương, cảm thông với cảnh nghèo của các bạn. Trời lạnh mà bọn chúng vẫn “ăn mặc không khác ngày thường, vẫn những bộ quần áo nâu bạc đã rách vá nhiều chỗ” và “môi chúng nó tím lại” khiến cho chỗ áo quần rách “da thịt thâm đi”. Mỗi lần làn gió lạnh thổi đến, chúng nó lại “run lên, hai hàm răng đập vào nhau”. Rõ ràng Sơn là người biết quan tâm tới mọi người, biết san sẻ, cảm thông với bạn bè. Sơn đã sống, đã chơi với bạn bè bằng trái tim nhân ái, bằng tấm lòng nhân hậu như thế.

+ Khi nhìn thấy Hiên đang đứng “co ro” bên cột quán, trong gió lạnh mà chỉ mặc có manh áo “rách tả tơi”, “hở

	cả lưng và tay”. Sơn đã “động lòng thương” và chợt nhớ ra mẹ cái Hiên rất nghèo, nhớ đến em Duyên ngày trước vẫn cùng chơi với Hiên ở góc vườn nhà. Sơn đã bàn với chị Lan cho cái Hiên chiếc áo bông cũ. Sau đó, hai chị em đã “hăm hở” chạy về nhà lấy áo. Sơn trong lòng tự nhiên thấy vui, thấy “ấm áp vui vui”. Cái áo cũ mà chị em Sơn đem đến cho cái Hiên chứa đựng biết bao tình người, thể hiện tình cảm san sẻ của một đứa trẻ có một trái tim giàu tình yêu thương. Hành động của Sơn và chị tuy nhỏ bé nhưng lại thật cao cả, đáng quý. 3/Đánh giá - Nhân vật: Sơn là một cậu bé trong sáng, tâm hồn nhân hậu, biết quan tâm tới mọi người, biết san sẻ, cảm thông với bạn bè. - Nghệ thuật: + Nghệ thuật tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm tinh tế cùng các thủ pháp đối lập, miêu tả tâm lí xuất sắc đã làm nổi bật đặc điểm nhân vật Sơn. + Nhà văn khắc họa tâm trạng phơi phới niềm vui của Sơn cứ lan tỏa thấm sâu dần, nó xua đi nỗi lạnh lẽo của gió lạnh đầu mùa không biết tự lúc nào. + Gió lạnh đầu mùa là một câu chuyện nhẹ nhàng nhưng lại chan chứa tình yêu thương. Nhân vật Sơn đã thể hiện những giá trị nhân văn cao đẹp mà tác giả muốn gửi gắm. III/ Kết bài: - Khẳng định lại ý kiến của người viết về nhân vật Đế Mèn. - Nêu cảm nghĩ, ấn tượng về nhân vật, ý nghĩa, sự ảnh hưởng của nhân vật với con người trong thời đại đó hoặc ngày nay hay rút ra bài học cho mình và thế hệ trẻ hôm nay.	
	d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề.	0,5 điểm
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	0,5 điểm

ĐỀ LUYỆN SỐ 2.

PHẦN I. ĐỌC- HIỂU (10,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu

MƯỜI TAY

Bồng bồng con nín con ơ
Dưới sông cá lội, ở trên trời chim bay
Ước gì mẹ có mười tay
Tay kia bắt cá, còn tay này bắn chim
Một tay chuối chỉ luôn kim
Một tay đi làm ruộng, một tay tìm hái rau.
Một tay ôm ấp con đau
Một tay đi vay gạo, một tay cầu cúng ma
Một tay khung cửi, guồng xa
Một tay lo bếp nước, lo cửa nhà nắng mưa.
Một tay đi củi, muối dưa
Còn tay để van lạy, để bầm thưa, đỡ đòn.
Tay nào để giữ lấy con.
Tay nào lau nước mắt, mẹ vẫn còn thiếu tay.
Bồng bồng con ngủ cho say
Dưới sông cá lội, chim vẫn bay trên trời.

(Ca dao dân tộc Mường)

Khoanh tròn vào một phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (Từ câu 1 đến câu 5)

Câu 1. (1,0 điểm) Phương thức biểu đạt chính của bài ca dao là gì?

- A. Tự sự. B. Miêu tả. C. Biểu cảm. D. Nghị luận.

Câu 2. (1,0 điểm) Bài ca dao được viết theo thể thơ gì?

- A. Năm chữ. B. Lục bát. C. Lục bát biến thể. D. Tự do

Câu 3. (1,0 điểm) Bài ca dao viết về nội dung gì?

- A. Thể hiện nỗi bất thân phận nhỏ mọn, nỗi khổ nhục trăm bề của người phụ nữ nông dân trong xã hội phong kiến.
B. Thể hiện tình yêu thương con vô bờ của người mẹ.
C. Thể hiện tình yêu thương mẹ vô bờ của người con.
D. Thể hiện nỗi bất thân phận nhỏ mọn, nỗi khổ nhục trăm bề của người phụ nữ nông dân trong xã hội phong kiến đồng thời thể hiện tình yêu thương con vô bờ của người mẹ.

Câu 4. (1,0 điểm) Lựa chọn Đ (đúng) và S (sai) điền vào ô trống trong mỗi câu sau cho phù hợp

A.	Tác phẩm thuộc thể loại văn học Trung đại	
----	---	--

B.	Đây là bài hát ru con của người mẹ lao động miền núi	
----	--	--

Trả lời câu hỏi

Câu 5. (1,0 điểm) Ý nghĩa nhan đề của bài ca dao?

Câu 6. (1,0 điểm) Em hiểu như thế nào về câu thơ “Ước gì mẹ có mười tay”?

Câu 7. (2,0 điểm) Tác giả dân gian đã sử dụng các biện pháp tu từ nào trong bài ca dao? Tác dụng của các biện pháp tu từ đó?

Câu 8. (2,0 điểm) Từ bài ca dao trên, em có suy nghĩ gì về vai trò của tình mẹ đối với mỗi chúng ta trong cuộc đời? Trả lời câu hỏi trên bằng một đoạn văn khoảng 150 chữ.

PHẦN II. VIẾT (10,0 điểm)

Bày tỏ ý kiến của em về vấn đề được đặt ra trong câu tục ngữ “Đói cho sạch, rách cho thơm”.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I. ĐỌC HIỂU	1	C	1,0
	2	C	1,0
	3	D	1,0
	4	A: S; B: Đ	1,0
	5	Ý nghĩa nhan đề Mười tay - Chỉ số nhiều về sự vật cụ thể. - Là con số ao ước, không phải là con số có thật đối con người. - Ước mơ của người mẹ (có mười tay) để có thể chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ cho đứa con của mình một cách đầy đủ nhất → Tình yêu của mẹ dành cho con.	1,0
	6	Mẹ ước mình có mười tay để: - Mình mẹ có thể lo được những vất vả trăm bề của cuộc sống (mẹ làm ruộng, hái rau, vay gạo,...) - Mình mẹ có thể đủ mạnh để chống đỡ lại các thế lực áp bức (thần quyền, cường quyền) trong xã hội (cầu cúng ma, để van xin, để bầm thù, để đỡ đòn...) - Mình mẹ có thể yêu thương và che chở cho con nhiều hơn (ôm ấp con đau, giữ lấy con...)	1,0
	7	- Biện pháp tu từ được sử dụng nhiều trong bài ca	2,0

	dao: điệp từ, điệp cấu trúc câu. - Tác dụng: + Tạo nhịp điệu tha thiết cho lời thơ. + Khắc họa nỗi vất vả của mẹ và giải bày tình thương con vô bờ của mẹ.	
	8 HS có thể tham khảo gợi ý dưới đây: -Tình mẹ nuôi dưỡng tâm hồn con biết yêu thương, sẻ chia. -Tình mẹ giúp con đủ sức mạnh vượt qua những giông tố cuộc đời. -Tình mẹ giúp tâm hồn con luôn biết sáng tạo mạnh mẽ. -Bài học: yêu thương, kính trọng mẹ,...	2,0
II	a. Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận	<i>0,5 điểm</i>
	b. Xác định đúng vấn đề: Bày tỏ ý kiến của em về vấn đề được đặt ra trong câu tục ngữ “ <i>Đói cho sạch, rách cho thơm</i> ”.	<i>0,5 điểm</i>
	c. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : 1. Mở bài: - Nêu lên vấn đề nghị luận-ý kiến được đưa ra để bàn luận: “<i>Đói cho sạch, rách cho thơm</i>”. - Nêu lên quan điểm của bản thân: Đồng tình với ý kiến trên. 2. Thân bài: - Vấn đề được nêu ra để bàn luận. Nêu ý kiến đáng quan tâm về vấn đề. + “Đói” và “rét” chỉ hoàn cảnh nghèo khổ, thiếu thốn. Còn “sạch” và “thơm” chỉ cách sống đẹp của con người. Hai chữ “cho” được lặp lại có nghĩa là giữ lấy. + Câu tục ngữ “Đói cho sạch, rách cho thơm” là một lời khuyên đúng đắn trong cách sống cho mỗi chúng ta. - Đưa ra lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục mọi người về quan điểm của mình. + Đầu tiên, đó là bởi, chính nhân cách là thước đo giá trị của mỗi con người, khẳng định vị trí của người đó trong cộng đồng xã hội (nêu dẫn chứng)	8,0 điểm

	+ Mặt khác, giữ vững tâm hồn trong sạch, ngay thẳng trước mọi gian khổ, khó khăn giúp con người nâng cao phẩm cách, rèn luyện bản lĩnh, mang lại sự vui sướng và thanh thản cho bản thân đồng thời góp phần làm cho xã hội hài hòa, tốt đẹp hơn. (dẫn chứng) + Ngoài ra, việc giữ gìn nhân cách, phẩm chất đã trở thành một truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta, dân tộc Việt Nam anh hùng. (dẫn chứng) 3. Kết bài: - Khẳng định lại quan điểm của cá nhân về vấn đề: câu tục ngữ thể hiện rõ nét lối sống mà con người cần hướng tới, là lời khuyên sâu sắc giúp con người giữ gìn nhân phẩm và đạo đức. - Bức thông điệp gửi tới mọi người.	
	d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề.	0,5 điểm
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	0,5 điểm

ĐỀ LUYỆN SỐ 3.

PHẦN I. ĐỌC- HIỂU (10,0 điểm)

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu

Mưa đổ bụi êm êm trên bến vắng,
Đò biếng lười nằm mặc nước sông trôi;
Quán tranh đứng im lìm trong vắng lặng
Bên chòm xoan hoa tím rụng tơi bời.
Ngoài đường đề cỏ non tràn biếc cỏ,
Đàn sáo đen sà xuống mổ vu vơ
Mấy cánh bướm rập rờn trôi trước gió.
Những trâu bò thông thả cúi ăn mưa.
Trong đồng lúa xanh rờn và ướt lặng
Lũ cò con chốc chốc vụt bay ra,
Làm giật mình một cô nàng yếm thắm.
Cúi cúi cào cỏ ruộng sắp ra hoa.

(Chiều xuân, Anh Thơ)

Đọc bài thơ và khoanh tròn vào đáp án câu trả lời đúng nhất (Từ câu 1 đến câu 3)

Câu 1. (1,0 điểm) Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

A. Bốn chữ. B. Năm chữ. C. Tám chữ. D. Tự do.

Câu 2. (1,0 điểm) Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong câu thơ “Đò biếng lười nằm mặc nước sông trôi/ Quán tranh đứng im lìm trong vắng lặng”?

A. So sánh. **B. Nhân hóa.** C. Điệp ngữ. D. Ẩn dụ.

Câu 3. (1,0 điểm) Hình ảnh nào trong khổ thơ thứ hai cho thấy sức sống mãnh liệt của mùa xuân?

A. Cỏ non tràn biếc cỏ.

B. Đàn sáo đen.

C. Mấy cánh bướm.

D. Những trâu bò.

Trả lời câu hỏi

Câu 4. (1,0 điểm) Trong khổ thơ thứ 2, tác giả có viết “Những trâu bò thong thả cúi ăn mưa”? Em hiểu như thế nào về hình ảnh thơ này?

Câu 5. (1,0 điểm) Hãy nêu nội dung chính của từng khổ thơ trong bài.

Câu 6. (1,0 điểm) Chỉ ra các từ láy được sử dụng trong đoạn thơ và nêu hiệu quả biểu đạt của chúng.

Câu 7. (2,0 điểm) Hình ảnh con người xuất hiện trong khổ thơ cuối có gì đặc biệt? Vì sao tác giả lại lựa chọn ba động từ “cúi, cuốc, cào” đi liền nhau trong một câu kết?

Câu 8. (2,0 điểm) Em cảm nhận được nhịp sống thong thả, bình yên hay gấp gáp, hối hả trong bài thơ này? Vì sao? Trả lời câu hỏi trên bằng một đoạn văn ngắn (khoảng 150 chữ)

PHẦN II. VIẾT (10,0 điểm)

Bàn về vai trò của gia đình, có ý kiến cho rằng: “Người ta có nhiều nơi để đến nhưng chỉ có một nơi để về đó là gia đình”. Em hãy viết bài văn bày tỏ ý kiến của mình.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I. ĐỌC HIỂU	1	C	1,0
	2	B	1,0
	3	A	1,0
	4	Câu thơ “Trâu bò thong thả cúi ăn mưa”: hình ảnh gợi sự nhẹ nhàng, thong thả, thanh thoi. Đàn trâu bò ăn cỏ trên đê và trong không gian mưa xuân ấy, những hạt mưa lẫn vào trong cỏ tạo nên cảm giác trâu bò ăn cỏ và “ăn” cả những giọt mưa xuân ngọt lành.	1,0
	5	Nội dung chính của từng khổ thơ Khổ 1: Bến đò mùa xuân.	1,0

	Khổ 2: Con đường đê mùa xuân Khổ 3: Cánh đồng mùa xuân	
6	Các từ láy được sử dụng trong đoạn thơ trên là: êm êm, im lìm, vu vơ, rập rờn,... - Hiệu quả biểu đạt của chúng là: nhờ tính gợi tả cao, các từ láy trong đoạn thơ đã thu tóm được sự sống bình lặng của mỗi sự vật và trạng thái yên bình của cảnh vật, tạo nên bức tranh xuân êm ả, thơ mộng của chốn quê.	1,0
7	- Hình ảnh con người xuất hiện trong khổ thơ cuối bài thơ là con người đang độ thanh xuân, say sưa làm việc. - Cúi, cuốc, cào: 3 động từ liên tiếp, ngắt nhịp 1/1/1/5 nhấn mạnh vào động từ cho thấy sự mải mê của cô thôn nữ đang làm cỏ lúa trên đồng, mải mê đến độ tiếng vỗ cánh bay của lũ cò cũng khiến cô giật mình. Bức tranh mùa xuân khép lại trong sự hòa hợp đẹp đẽ, tươi mới giữa thiên nhiên và con người.	2,0
8	HS nêu được cảm nhận của mình về bức tranh thiên nhiên chiều xuân êm đềm, bình dị được gợi lên qua bài thơ: -Trên bến đò: con đò, nước sông trôi êm đềm, quán tranh lặng lẽ, hoa xoan tím, mưa bụi=>Khung cảnh tĩnh lặng, mang nét đặc trưng của mùa xuân ở vùng nông thôn Bắc Bộ. -Ngoài đường đê: cỏ no, đàn sáo đen, cánh bướm rập rờn, đàn trâu bò thong thả ăn cỏ=>Sự vật có những trạng thái, hoạt động riêng, nhẹ nhàng, bình thản nhưng đầy sức sống. -Trong đồng lúa: đồng lúa xanh rờn, cò con vụt bay, cô nàng yếm thắm say sưa làm việc=> Sự xuất hiện của con người làm cho bức tranh được tô điểm thêm màu sắc tươi tắn. -Tác giả không chỉ miêu tả bằng thị giác mà bằng thính giác và có những cảm nhận riêng bằng tâm	2,0

		hồn rộng mở. Bài thơ giúp người đọc nhận ra tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước, tâm hồn trong sáng, giàu rung cảm trước thiên nhiên, tạo vật, con người của nữ sĩ Anh Thơ.	
II	a. Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận		0,5 điểm
	b. Xác định đúng vấn đề: Vai trò của gia đình, từ đó bày tỏ thái độ đồng tình hay phản bác ý kiến.		0,5 điểm
	c. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : 1. Mở bài: - Nêu ý kiến được đưa ra để bàn luận: ““ <i>Người ta có nhiều nơi để đến nhưng chỉ có một nơi để về đó là gia đình</i> ”.” - Nêu lên quan điểm của bản thân: vừa đồng tình vừa phản bác ý kiến. 2. Thân bài - Vấn đề được nêu ra để bàn luận: Nêu ý kiến đáng quan tâm về vấn đề. + Gia đình là một cộng đồng người sống chung và gắn bó với nhau bởi các mối quan hệ tình cảm, quan hệ hôn nhân		8,0 điểm
	d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề.		0,5 điểm
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.		0,5 điểm

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 17:

CHUYÊN ĐỀ 13: CẢM THỤ THƠ VĂN

(Dùng chung 3 bộ sách)

Thời lượng: 3 tiết

I.MỤC TIÊU

1. Về kiến thức.

- Nắm được nghệ thuật và tác dụng của chúng trong việc diễn đạt thơ văn.

2. Về năng lực.

- Năng lực: giải quyết vấn đề, sáng tạo, năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Về phẩm chất.

- Giúp HS có trách nhiệm với việc học tập của bản thân và thêm yêu thích, hứng thú với môn Văn hơn nữa.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Chuẩn bị của GV: Soạn các dạng đề, đáp án.

- Chuẩn bị của HS: Vở ghi

III. TIẾN TRÌNH DẠY- HỌC:

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Các bước làm bài văn cảm thụ văn học

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm chắc các bước làm bài văn cảm thụ văn học .

b. Nội dung: Vận dụng các phương pháp đàm thoại gợi mở, hoạt động nhóm để ôn tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV hướng dẫn HS các bước làm bài văn cảm thụ văn học . <i>? Yêu cầu cần đạt của một bài cảm thụ?</i> <i>? Các bước làm bài văn cảm thụ văn học?</i> - HS lần lượt trả lời nhanh câu hỏi của GV về các đơn vị kiến thức cơ bản của bài học. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tích cực trả lời. - GV khích lệ, động viên Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, chốt kiến thức.	I. Yêu cầu cần đạt của một bài cảm thụ: - Chỉ ra được nghệ thuật dùng từ, đặt câu, cách sử dụng các phép tu từ hiệu quả biểu đạt mà các nghệ thuật đó mang lại, từ đó chỉ ra được cái hay, cái đẹp của đoạn văn, đoạn thơ. - Diễn đạt thành văn những cảm nhận của mình. II. Các bước làm bài văn cảm thụ văn học Bước 1 - Đọc kĩ đề bài, nắm được yêu cầu của đề. - Đọc kỹ đoạn văn, thơ mà để cho bài hiểu khái quát nội dung và NT chính của đoạn, bài. Bước 2 - Đoạn thơ, văn ấy có cần phân ý không nếu có: Phân làm mấy ý? Đặt tiêu đề

từng ý.

- Tìm dấu hiệu NT cảm từng ý, gọi tên các biện pháp NT qua các dấu hiệu.

Bước 3

- Lập dàn ý đoạn văn hoặc bài văn.

- Ở mỗi dấu hiệu NT: nêu rõ tên của biện pháp nghệ thuật, ở hình ảnh nào, tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy với việc biểu đạt nội dung của đoạn văn, đoạn thơ. Dự kiến nêu cảm nghĩ, liên tưởng, đánh giá theo hiểu biết của em (vd: hay, đẹp độc đáo, khéo léo, đặc sắc...).

*** Lưu ý:**

- Khi phát hiện phép so sánh, cần chỉ rõ tác giả đã so sánh sự vật nào với sự vật nào, phân tích đặc điểm của sự vật dùng so sánh để chỉ ra đặc điểm của sự vật được so sánh.

- Với phép nhân hoá, cần chỉ rõ sự vật nào được nhân hoá, nhờ từ ngữ nào, qua đó đặc điểm của sự vật được nhân hoá hiện lên như thế nào.

- Trong ẩn dụ, cần xác định được sự vật đang được nói tới trong văn cảnh được dùng để chỉ cho sự vật nào, từ đặc điểm của sự vật đang có mặt ta tìm ra đặc điểm của sự vật mà người viết muốn nói tới.

- Trong hoán dụ, cần chỉ rõ đâu là hình ảnh hoán dụ hình ảnh đó dùng để gọi thay cho sự vật, hiện tượng nào, dùng hoán dụ như vậy thì nội dung diễn đạt có gì đáng chú ý.

Bước 4 : Viết đoạn văn theo yêu cầu của đề bài.

	Đoạn văn cần đạt các nội dung sau: - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, xuất xứ của đoạn văn, đoạn thơ, trích dẫn lại (nếu có thể). - Phân tích nghệ thuật dùng từ, đặt câu của tác giả - Phân tích các biện pháp nghệ thuật tu từ được sử dụng (biện pháp tu từ gì ? ở hình ảnh nào ? giá trị biểu đạt của mỗi phép tu từ đó. - Chốt lại điểm sáng về nghệ thuật, cái hay, cái đẹp, giá trị nội dung mà nghệ thuật đó đem lại cho cả đoạn văn.
--	--

3.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức để làm bài tập

b. Nội dung: câu hỏi GV, câu trả lời của HS

c. Sản phẩm học tập: Bài làm của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động 1: Bài tập 1 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: -GV nêu yêu cầu bài tập: Mở đầu bài thơ “Nhớ con sông quê hương” nhà thơ Tế Hanh viết: <i>“Quê hương tôi có con sông xanh biếc Nước gương trong soi tóc những hàng tre Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè Toả nắng xuống dòng sông lấp loáng. Em hãy phân tích cái hay cái đẹp và em cảm nhận được từ bốn câu thơ. ? Em làm đề bài trên theo các bước đã học.</i> -HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tích cực trả lời. - GV khích lệ, động viên	Bài tập 1: Mở đầu bài thơ “Nhớ con sông quê hương” nhà thơ Tế Hanh viết: <i>“Quê hương tôi có con sông xanh biếc Nước gương trong soi tóc những hàng tre Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè Toả nắng xuống dòng sông lấp loáng. Em hãy phân tích cái hay cái đẹp và em cảm nhận được từ bốn câu thơ.</i> DỰ KIẾN SẢN PHẨM * Bước 1: - Nội dung đoạn thơ: Giới thiệu con sông quê hương và tình cảm của tác giả với con sông. - NT đoạn: Nhân hóa, so sánh, từ gợi tả. * Bước 2: Đoạn thơ chia làm 2 ý nhỏ. - Ý 1: Hai câu đầu: Giới thiệu con sông quê hương.
--	--

Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, chốt kiến thức.	- NT cần khai thác: + Từ gợi cảm: “xanh biếc”. +ĐT“có”. +ẩn dụ:Nước gương trong + Nhân hoá: Soi tóc những hàng tre. - Ý 2: Hai câu cuối: Tình cảm của nhà thơ với con sông quê hương. Điểm sáng NT: + So sánh khẳng định: “Tâm hồn tôi... trưa hè. + Hình ảnh: Buổi trưa hè. + ĐT “tỏa” rất gợi hình + Từ láy “lấp lánh” rất gợi hình. *Bước 3 Dàn ý đoạn: Ý 1: Hai câu đầu nhà thơ giới thiệu con sông quê. - Động từ “có” vừa giới thiệu con sông quê vừa kín đáo bộc lộ niềm tự hào. - Tính từ gợi tả màu sắc “xanh biếc” có khả năng khái quát cảnh sông trong ấn tượng ban đầu. Xanh biếc là màu xanh đậm, đẹp, hơi ánh lên dưới nền trời. - Mặt nước sông trong như gương (ẩn dụ), những hàng tre hai bên bờ như những cô gái nghiêng mình soi tóc trên mặt nước sông trong như gương. - Ngay phút ban đầu giới thiệu con sông quê hương xinh đẹp, dịu dàng, thơ mộng, nhà thơ đã kín đáo bộc lộ tình cảm tự hào yêu mến con sông. Ý 2: Tình cảm nhà thơ với con sông quê. + Nghệ thuật so sánh: 1 khái niệm trừu tượng(tâm hồn tôi) với một khái niệm cụ thể (một buổi trưa hè) làm rõ nét tình cảm
--	--

	nhà thơ với con sông quê. - Buổi trưa hè “nhiệt độ cao, nóng bỏng đã cụ thể hóa tình cảm của nhà thơ. Từ so sánh khẳng định “là” khẳng định “tâm hồn tôi” và “buổi trưa hè” có sự hòa nhập thành một. + Động từ “tỏa” gợi tình cảm yêu mến của nhà thơ lan tỏa khắp sông, bao trọn dòng sông. - Nhờ tình cảm yêu mến nồng nhiệt ấy mà con sông quê hương như đẹp lên dưới ánh mặt trời: Dòng sông “lấp lánh” từ láy “lấp lánh” khiến dòng sông lúc sáng, lúc tối thay đổi như dát bạc như trong truyện cổ tích. * Bước 4: Viết thành đoạn văn hoàn chỉnh. Trong bốn câu mở đầu bài thơ “<i>Nhớ con sông quê hương</i>”, nhà thơ Tế Hanh đã giới thiệu với chúng ta con sông quê hương của mình và tình cảm của ông đối với con sông quê hương. Ngay từ hai câu đầu đoạn hình ảnh sông đã hiện ra với một màu “xanh biếc”. Tình từ gợi tả “xanh biếc” giúp ta hình dung mặt nước sông xanh đậm, đẹp, hơi ánh lên dưới mặt trời do vẩn ‘iếc’ trong ‘biếc’ gợi ánh sáng. Động từ “có” vừa giới thiệu con sông quê lại vừa kín đáo bộc lộ cảm xúc tự hào của người viết. Từ bao quát chung nhà thơ (giới) tả (thiệu) cụ thể con sông và hai bên bờ: “Nước gương trong soi tóc những hàng tre. Với sự kết hợp khéo léo nghệ thuật nhân hóa những hàng tre hai bờ sông như những cô gái đang soi tóc trên mặt
--	--

Hoạt động 2: Bài tập 2 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV nêu yêu cầu bài tập: Em có cảm nhận gì khi đọc 4 câu thơ trích trong bài thơ “<i>Trăng ơi... từ đâu đến</i>” của nhà thơ Trần Đăng Khoa <i>Trăng ơi...từ đâu đến</i> <i>Hay từ một sân chơi</i> <i>Trăng bay như quả bóng</i> <i>Đứa nào đá lên trời”</i> ? Em làm đề bài trên theo các bước đã học. - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tích cực trả lời. - GV khích lệ, động viên Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, chốt kiến thức.	sông, cùng nghệ thuật ẩn dụ vì nước sông như mặt gương làm cho con sông quê hiện lên xinh đẹp, hiền hòa gần gũi biết bao. Trước một dòng sông quê như thế, làm sao mà không yêu, không nhớ được. Để bộc lộ tình cảm của mình, Tế Hanh đã dùng nghệ thuật so sánh khẳng định: “<i>Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè</i>” Tâm hồn là một khái niệm trừu tượng được so sánh với “buổi trưa hè” – một khái niệm cụ thể với nhiệt độ cao nóng bỏng, cho ta cảm nhận tình cảm nồng cháy của nhà thơ với con sông quê. Tình cảm đó “tỏa” xuống dòng sông khiến dòng sông trở nên “lấp lánh” đẹp diệu kỳ như trong cổ tích. Tình yêu của Tế Hanh đã làm cho con sông quê đẹp, sức sống lên biết bao nhiêu. Bài tập 2: Em có cảm nhận gì khi đọc 4 câu thơ trích trong bài thơ “<i>Trăng ơi... từ đâu đến</i>” của nhà thơ Trần Đăng Khoa <i>“Trăng ơi... từ đâu đến</i> <i>Hay từ một sân chơi</i> <i>Trăng bay như quả bóng</i> <i>Đứa nào đá lên trời”.</i> DỰ KIẾN SẢN PHẨM * Bước 1: - Nội dung: viết về trăng - Nghệ thuật: Nhân hóa, so sánh. * Bước 2: - Không cần phân ý. - Dấu hiệu nghệ thuật: + Câu 1: Nhân hóa: gọi trăng – trăng ơi; hỏi trăng: từ đâu đến ? – Trò chuyện với trăng như với người bạn.
---	---

	+ Ba câu sau: - Đưa ra một giả thiết: hay từ một sân chơi. - So sánh: “<i>Trăng bay như quả bóng / Đứa nào đá lên trời</i>”. - Cách xưng hô: “đứa nào” (thú vị, ngộ nghĩnh). * Bước 3: Lập dàn ý - Nghệ thuật nhân hóa có 2 tác dụng: + Thứ nhất: vì trăng quá đẹp nên tác giả muốn gọi, hỏi từ đâu đến (có sự quan tâm tìm hiểu). + Thứ hai: Biến trăng từ nơi cao xanh xa xôi trở nên gần gũi như người bạn. - Ba câu sau: đưa ra giả thiết tự lí giải cho câu hỏi trên, giả thiết là 1 điểm sáng nghệ thuật vô cùng độc đáo mà chỉ có 1 thần đồng thơ kết hợp với 1 cầu thủ bóng đá “nhí” mười tuổi sáng tạo được. - So sánh: trăng bay như quả bóng: hợp lí và hay. - Dùng từ “đứa nào” chứ không phải “bạn nào”: thú vị, ngộ nghĩnh, tự nhiên. * Bước 4: Viết thành đoạn văn. Ai chẳng yêu trăng. Nhưng mỗi người yêu một kiểu khác nhau. Nhà thơ mười tuổi Trần Đăng Khoa cũng quá yêu trăng. Cả một bài thơ năm chữ gồm 6 khổ thơ với 6 lần điệp khúc: “Trăng ơi... từ đâu đến” vang lên thiết tha. Đây là khúc ba của giai điệu: <i>“Trăng ơi... từ đâu đến ? Hay từ một sân chơi” Trăng bay như quả bóng Đứa nào đá lên trời”</i> Vì trăng rất đẹp nên nhà thơ gọi trăng và
--	---

Hoạt động 3: Bài tập 3 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV nêu yêu cầu bài tập: ? <i>Chỉ rõ hình ảnh nhân hoá và giá trị của phép tu từ trong khổ thơ bằng một đoạn văn.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tích cực trả lời. - GV khích lệ, động viên Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, chốt kiến thức.	hỏi trắng từ đâu đến. Nghệ thuật nhân hoá đã biến trắng thành người bạn gần gũi thân thiết với nhà thơ để nhà thơ trò chuyện. Sự liên tưởng thần kỳ của nghệ sĩ tí hon đã nảy sinh giả thiết thú vị: “ Hay từ một sân chơi Trắng bay như quả bóng Đứa nào đá lên trời” Nghệ thuật so sánh độc đáo: “<i>Trắng bay như quả bóng</i>” thật hợp lí và hay, nhưng điều thú vị còn ở chỗ: “<i>Trắng bay</i>” từ một sân chơi và thú vị hơn nữa lại do “<i>đứa nào đá lên trời</i>”. Nếu câu thơ là “<i>Bạn nào đá lên trời</i>” Thì ý thơ có phần cứng nhắc, kém ngộ nghĩnh. Tuy là “<i>đứa nào</i>” đấy nhưng vẫn không thô mà lại rất ngộ nghĩnh và tự nhiên. Một hình ảnh so sánh như thế, từ ngữ tự nhiên thú vị như thế phải sinh ra từ một thần đồng “<i>thơ kết hợp với một cầu thủ nhí</i>” mười tuổi của một sân chơi thực thụ. Bài tập 3: Chỉ rõ hình ảnh nhân hoá và giá trị của phép tu từ trong khổ thơ sau: “ Đất nước bốn nghìn năm Vất vả và gian lao Đất nước như vì sao Cứ đi lên phía trước” (Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải) DỰ KIẾN SẢN PHẨM Nhà thơ Thanh Hải có một cái nhìn sâu sắc và tự hào về chiều dài lịch sử bốn nghìn năm của đất nước. Đất nước - Tổ quốc được nhân hoá như bà mẹ tần tảo “<i>vất vả và gian lao</i>”. Giang sơn gấm
---	--

	vóc đã thấm biết bao máu và mồ hôi qua những năm tháng thăng trầm của lịch sử: <i>“Đất nước bốn nghìn năm Vất vả và gian lao”</i> Đất nước ấy còn được so sánh như “vì sao”, một câu thơ so sánh đặc sắc và hàm súc. Sao là nguồn sáng kì diệu của thiên hà, là vẻ đẹp của bầu trời đêm, là hiện thân của sự vĩnh hằng vũ trụ. Nghệ thuật so sánh tạo nên một hình ảnh ca ngợi đất nước tráng lệ, trường tồn. Đất nước đang hướng về tương lai, còn nhiều thử thách, gian lao, nhưng đất nước “cứ đi lên phía trước”. Chữ “cứ” làm cho ý thơ được khẳng định. Với sức mạnh nhân nghĩa và ý chí tự cường, dân tộc ta nhất định sẽ vượt qua mọi khó khăn, không một thế lực tàn bạo nào có thể ngăn nổi. Với cách sử dụng khéo léo phép tu từ so sánh và nhân hoá, lời thơ đã thể hiện một niềm tin sáng ngời : <i>“Đất nước như vì sao Cứ đi lên phía trước”</i>
--	---

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 18:

CHUYÊN ĐỀ 14: RÈN KĨ NĂNG LÀM PHẦN ĐỌC HIỂU

(Dùng chung 3 bộ sách)

Thời lượng: 3 tiết

I.MỤC TIÊU

1. Về kiến thức.

- Nắm được kĩ năng làm phần đọc hiểu trong bài tập, bài kiểm tra.

2. Về năng lực.

- Năng lực: giải quyết vấn đề, sáng tạo, năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Về phẩm chất.

- Giúp HS có trách nhiệm với việc học tập của bản thân và thêm yêu thích, hứng thú với môn Văn hơn nữa.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Chuẩn bị của GV: KHBD, tài liệu tham khảo.

- Chuẩn bị của HS: Vở ghi

III. TIẾN TRÌNH DẠY- HỌC:

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU

2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

a. Mục tiêu: Giúp HS nắm chắc các kỹ năng làm phần đọc hiểu.

b. Nội dung: HS chốt lọc kiến thức đã học để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

c. Sản phẩm: Câu trả lời cá nhân hoặc sản phẩm nhóm.

d. Tổ chức thực hiện hoạt động.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Hoạt động 1: Những yêu cầu cần đạt của chương trình văn lớp 7 Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi: ? Những yêu cầu cần đạt của chương trình văn lớp 7? (Mức độ đánh giá: nhận biết, thông hiểu, vận dụng) - Truyện ngắn - Truyện ngụ ngôn - Truyện khoa học viễn tưởng - Thơ (bốn chữ, năm chữ) - Tùy bút, tản văn - Văn bản nghị luận - Văn bản thông tin HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tích cực trả lời. - GV khích lệ, động viên Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV. - Các HS khác nhận xét, bổ sung.	I. Những yêu cầu cần đạt của chương trình văn lớp 7. 1. Truyện ngắn *Nhận biết: - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản. - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong một văn bản. - Nhận biết được tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngắn. - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ) *Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện. - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể.

Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, chốt kiến thức.	- Nêu được tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (ngôi 1 và ngôi 3) trong một truyện kể. - Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại, qua lời của người kể chuyện hoặc lời của các nhân vật khác. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ, nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong văn cảnh; công dụng của dấu chấm câu (dấu chấm lửng), biện pháp tu từ (nói quá, nói giảm nói tránh); chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản. *Vận dụng - Thể hiện được thái độ đồng tình, không đồng tình, đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. 2. Truyện ngụ ngôn * Nhận biết - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu trong văn bản. - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện. - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn. - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ) *Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện. - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản
--	--

muốn gửi đến người đọc.

- Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại, qua lời của người kể chuyện.

- Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ, nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong văn cảnh; công dụng của dấu chấm câu (dấu chấm lửng), biện pháp tu từ (nói quá, nói giảm nói tránh); chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.

***Vận dụng**

- Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.

- Thể hiện được thái độ đồng tình, không đồng tình, đồng tình một phần với bài học đặt ra trong tác phẩm.

3. Thơ bốn chữ, năm chữ

*** Nhận biết:**

- Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.

- Nhận biết được bố cục, những hình ảnh tiêu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.

- Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ)

*** Thông hiểu**

- Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.

- Rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.

- Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.

	- Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ, nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng, nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng,... * Vận dụng: - Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được những bài học ứng xử cho bản thân. - Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. 4. Tùy bút, tản văn * Nhận biết: - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cảnh vật, con người, sự kiện được tái hiện trong tùy bút, tản văn. - Nhận biết được cái tôi, sự kết hợp giữa chất tự sự, trữ tình, nghị luận, đặc trưng ngôn ngữ của tùy bút, tản văn. - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ) *Thông hiểu - Phân tích được nét riêng về cảnh vật, con người được tái hiện trong tùy bút, tản văn. - Hiểu và lí giải được những trạng thái tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản. - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ, nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ
--	--

trong văn cảnh; công dụng của dấu chấm câu (dấu chấm lửng), biện pháp tu từ (nói quá, nói giảm nói tránh); chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.

*** Vận dụng:**

- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tùy bút, tản văn.
- Thể hiện được thái độ đồng tình, không đồng tình, đồng tình một phần với thái độ, tình cảm, thông điệp của tác giả trong tùy bút, tản văn.

5. Truyện khoa học viễn tưởng

*** Nhận biết**

- Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu, những yếu tố mang tính “viễn tưởng” của truyện viễn tưởng (những tưởng tượng dựa trên những thành tựu khoa học đương thời).
- Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện; sự thay đổi ngôi kể trong văn bản.
- Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện viễn tưởng.
- Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ)

***Thông hiểu:**

- Tóm tắt được cốt truyện.
- Nêu được chủ đề, thông điệp, những điều mơ tưởng và những dự báo về tương lai mà văn bản muốn gửi đến người đọc.
- Chỉ ra và phân tích được tính cách nhân vật truyện khoa học viễn tưởng thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời

Hoạt động 2: Kỹ năng làm phần đọc hiểu Nhiệm vụ 1: Kỹ năng làm các dạng câu hỏi đọc hiểu là kiến thức Tiếng Việt	của người kể chuyện và lời của các nhân vật khác. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ, nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong văn cảnh; công dụng của dấu chấm câu (dấu chấm lửng), biện pháp tu từ (nói quá, nói giảm nói tránh); chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản. *Vận dụng - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong văn bản. - Thể hiện được thái độ đồng tình, không đồng tình, đồng tình một phần với những vấn đề đặt ra trong tác phẩm. 6. Văn bản nghị luận * Nhận biết - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận. - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận phân tích một tác phẩm văn học. - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ) *Thông hiểu: - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản. - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng. - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó. - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ, nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ
--	--

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi: ? Nhận biết thành ngữ, tục ngữ, thuật ngữ thì căn cứ vào dấu hiệu nào? ? Nếu là câu hỏi thông hiểu liên quan về thành ngữ, tục ngữ, thuật ngữ thì làm như thế nào? ? Nhận biết số từ, phó từ thì căn cứ vào dấu hiệu nào? ? Nếu là câu hỏi nhận biết xác định các thành phần chính và thành phần phụ trạng ngữ (mở rộng bằng cụm từ) thì thực hiện các thao tác nào? ? Nếu là câu hỏi thông hiểu nêu công dụng của dấu chấm lửng thì căn cứ vào đâu? ? Nếu là câu hỏi nhận biết về biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh thì căn cứ vào đâu? ? Nếu là câu hỏi thông hiểu nêu tác dụng của biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh thì căn cứ như thế nào? ? Nếu là câu hỏi thông hiểu về liên kết và mạch lạc của văn bản thì căn cứ vào đâu? HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tích cực trả lời. - GV khích lệ, động viên Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, chốt kiến thức.	trong văn cảnh; công dụng của dấu chấm câu (dấu chấm lửng), biện pháp tu từ (nói quá, nói giảm nói tránh); chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản. *Văn dụng - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với những vấn đề đặt ra trong văn bản. 7. Văn bản thông tin * Nhận biết: - Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin. - Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động. - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ) *Thông hiểu: - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản. - Chỉ ra được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản thông tin. - Chỉ ra được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin. - Chỉ ra được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong văn bản (chẳng hạn theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng, hoặc các đối tượng được phân loại) - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ, nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ
---	---

	trong văn cảnh; công dụng của dấu chấm câu (dấu chấm lửng), biện pháp tu từ (nói quá, nói giảm nói tránh); chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản. *Vận dụng - Đánh giá được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản in hoặc văn bản điện tử. - Rút ra được những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. 2. Kỹ năng làm phần đọc hiểu 2.1. Kỹ năng làm các dạng câu hỏi đọc hiểu là kiến thức Tiếng Việt. 2.1.1. Thành ngữ, tục ngữ - Nhận biết thành ngữ, tục ngữ: căn cứ vào dấu hiệu đặc điểm hình thức. + Thành ngữ: là loại cụm từ có cấu tạo cố định, biểu thị một ý nghĩa hoàn chỉnh. + Tục ngữ: là câu ngắn gọn, thường có vần điệu, đúc kết tri thức, kinh nghiệm sống và đạo đức thực tiễn của nhân dân. - Thông hiểu: giải thích ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ: căn cứ vào chức năng của chúng. + Chức năng thành ngữ: không nêu lên một nhận xét, một kinh nghiệm sống, một bài học luân lý hay một sự phê phán nào nên nó thường mang chức năng thẩm mỹ chứ không có chức năng nhận thức và chức năng giáo dục. + Chức năng tục ngữ: Tục ngữ là một câu nói hoàn chỉnh, diễn đạt trọn vẹn một ý mang nội dung nhận xét quan hệ xã hội, truyền đạt kinh nghiệm sống, cho bài học luân lý hay phê phán sự việc. Do đó một câu tục ngữ có thể được coi là một “tác
--	---

phẩm văn học” hoàn chỉnh vì nó mang trong mình cả ba chức năng cơ bản của văn học là chức năng nhận thức, chức năng thẩm mỹ, chức năng giáo dục.

2.1.2. Thuật ngữ

-Nhận biết về thuật ngữ: căn cứ vào chức năng của thuật ngữ:

+ Thuật ngữ ít được sử dụng, chúng cũng không có tính phổ biến. Mỗi thuật ngữ chỉ biểu thị cho một khái niệm và mỗi khái niệm chỉ diễn tả cho một thuật ngữ

+ Thuật ngữ mang tính quốc tế (không bị thay đổi ở các ngôn ngữ khác nhau)

+ Thuật ngữ không mang sắc thái biểu cảm.

2.1.3. Từ Hán Việt

- Thông hiểu về nghĩa của một số yếu tố Hán Việt: căn cứ vào nét nghĩa thông dụng nhất của yếu tố Hán Việt đó.

2.1.4. Nghĩa của từ trong ngữ cảnh

- Thông hiểu về nghĩa của từ trong ngữ cảnh thì cần căn cứ vào:

+ Ngữ cảnh mà từ đó xuất hiện.

+ Trong ngữ cảnh đó, từ xác định nghĩa có được dùng theo nghĩa thông thường (nghĩa có trong từ điển) hay được dùng với nghĩa khác.

2.1.5. Số từ, phó từ

-**Nhận biết số từ, phó từ:** căn cứ vào dấu hiệu đặc điểm và chức năng của chúng.

+ Số từ: những từ chỉ số lượng hoặc số thứ tự của sự vật. Số từ chỉ số lượng bao gồm: số từ chỉ số lượng chính xác (một, hai, ba,...) và số từ chỉ số lượng ước chừng (vài, mười, dăm). Khi biểu thị thứ tự thì số từ đứng sau danh từ. (bàn thứ

Nhiệm vụ 2: Kỹ năng làm các dạng câu hỏi nhận biết khi đọc hiểu các văn bản.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV đặt câu hỏi:

? Nếu là câu hỏi nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể, sự thay đổi của ngôi kể thì căn cứ vào dấu hiệu nào?

? Nếu là câu hỏi nhận diện được nhân vật, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện khoa học viễn tưởng thì căn cứ vào dấu hiệu nào?

? Nếu là câu hỏi nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong thơ bốn chữ, năm chữ thì dựa vào các phương diện nào?

? Nếu là câu hỏi nhận biết được cái tôi, sự kết hợp giữa chất tự sự, trữ tình, nghị luận, đặc trưng ngôn ngữ của tùy bút, tản văn thì dựa vào yếu tố nào?

? Nếu là câu hỏi nhận biết đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận phân tích một tác phẩm văn

nhất,...). Khi biểu thị số lượng: số từ đứng trước danh từ (một bàn, hai cô gái, ...)

+ Phó từ: Là những từ chuyên đi kèm danh từ, động từ, tính từ....để bổ sung các ý nghĩa danh từ, động từ, tính từ, đại từ.

2.1.6. Mở rộng thành phần chính và trạng ngữ bằng cụm từ:

-Mở rộng thành phần chính và trạng ngữ bằng cụm từ:

+Nhận biết: xác định các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ) thì thực hiện các thao tác sau:

+ Xác định cấu trúc ngữ pháp của câu mà đề yêu cầu xác định nghĩa là xác định thành phần chính – chủ ngữ, vị ngữ và thành phần phụ - trạng ngữ.

+ Căn cứ vào các thành phần đã tìm được xác định xem thành phần nào được mở rộng. Các thành phần chính và trạng ngữ của câu thường được mở rộng bằng cụm từ chính phụ như cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ.

Lưu ý: Lớp 7 chưa mở rộng thành phần câu bằng kết cấu chủ vị.

2.1.7. Công dụng của dấu chấm lửng:

-Công dụng của dấu chấm lửng: căn cứ vào chức năng chủ yếu được học:

+Tỏ ý còn nhiều sự vật, hiện tượng tương tự chưa liệt kê hết.

+Thể hiện lời nói bỏ dở hay ngập ngừng ngắt quãng.

+Làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị

<i>học thì căn cứ vào dấu hiệu nào?</i> <i>? Nếu là câu hỏi nhận biết đặc điểm của văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động của văn bản thông tin thì căn cứ vào đâu?</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tích cực trả lời. - GV khích lệ, động viên Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, chốt kiến thức.	nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biếm. 2.1.7. Biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh - Nhận biết: căn cứ vào dấu hiệu đặc điểm + Nói quá: là biện pháp tu từ phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả. + Nói giảm nói tránh: là biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển. - Thông hiểu: căn cứ vào tác dụng của chúng. + Nói quá: Nhấn mạnh ý, gây ấn tượng mạnh, tăng sức biểu cảm cho lời văn. + Nói giảm nói tránh: tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề hoặc tránh thô tục, thiếu lịch sự. 2.1.8. Liên kết và mạch lạc của văn bản - Thông hiểu: Căn cứ vào chức năng của chúng. + Mạch lạc trong văn bản: là các câu, các ý, các phần, các đoạn trong văn bản đều phải hướng về một sự thống nhất, một ý hay một chủ đề nào đó. Điều kiện để văn bản có tính mạch lạc: . Các phần, các câu, các đoạn trong văn bản đều nói hoặc mô tả về một đề tài cụ thể, xuyên suốt trong đoạn văn bản đó. . Các đoạn, các câu, các ý phải được trình bày tiếp nối nhau theo một trình tự rõ ràng, hợp lí, lôgic, trước sau hô ứng nhau làm cho chủ đề liên mạch và gây hứng thú cho người đọc, người nghe. . Các trình tự này có thể là trình tự thời gian, không gian, diễn biến tâm lí hay các mối quan hệ tương đồng, tương phản,
---	--

Nhiệm vụ 3: Kỹ năng làm các dạng câu hỏi thông hiểu đọc hiểu các văn bản

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV đặt câu hỏi:

? Nếu là câu hỏi phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu trong truyện ngụ ngôn thì căn cứ vào đâu?

? Nếu là câu hỏi hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể trong truyện ngắn thì căn cứ vào dấu hiệu nào?

? Nếu là câu hỏi nêu tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba) trong một truyện kể trong truyện ngắn thì căn cứ vào đâu?

? Nếu là câu hỏi hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản thơ (bốn

quan hệ nhân quả...

+ Liên kết trong văn bản: là việc sử dụng các phương tiện liên kết như từ, ngữ, câu để nối kết các câu, các phần, các đoạn... trong văn bản lại với nhau.

Các phương tiện liên kết gồm có 4 loại sau:

. Phép lặp: lặp ở câu sau từ ngữ đã có ở câu trước.

. Phép nối: sử dụng ở câu sau các từ ngữ biểu thị quan hệ với câu trước như các cụm từ: tóm lại, bởi vì, và, với, thì, mà, còn, nhưng, vì, nếu, tuy, cho nên, ...

. Phép thế: sử dụng ở câu sau các từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có ở câu trước.

. Phép liên tưởng: sử dụng ở câu sau các từ ngữ cùng trường liên tưởng với từ ngữ đã có ở câu trước.

2.2. Kỹ năng làm các dạng câu hỏi nhận biết khi đọc hiểu các văn bản.

-Nếu là câu hỏi nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể, sự thay đổi của ngôi kể thì căn cứ vào dấu hiệu của từng phương tiện.

+ Ngôi 1: Người kể xưng tôi

+ Ngôi 3: Người kể giấu mình.

-Nếu là câu hỏi nhận diện được nhân vật, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện khoa học viễn tưởng thì căn cứ vào dấu hiệu của từng phương diện.

+Nhân vật: có sức mạnh thể chất phi thường do những tác động của các nhân tố khoa học nào đó có cấu tạo hoặc khả năng kỳ lạ, có trí thông minh kiệt xuất để tạo ra những phát minh.

<i>chứ, năm chữ) thì căn cứ vào đâu?</i> <i>? Nếu là câu hỏi phân tích nét riêng về cảnh vật, con người được tái hiện trong tùy bút, tản văn và hiểu, lí giải được những trạng thái tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản tùy bút, tản văn thì căn cứ vào đặc điểm nào?</i> ? HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tích cực trả lời. - GV khích lệ, động viên Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, chốt kiến thức.	+ Cốt truyện: một chuỗi tình huống sự kiện hoàn toàn tưởng tượng dựa trên những giả thiết dự báo và quan điểm khoa học. + Không gian: không gian trên mặt đất, ở tâm địa cầu, ở đáy đại dương, trên một hành tinh khác,... + Thời gian: thời gian trong tương lai xa, xét từ mốc ra đời của tác phẩm. -Nếu là câu hỏi nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong thơ bốn chữ, năm chữ thì dựa vào các phương diện hình thức nghệ thuật của bài thơ. + Các dòng thơ + Vần thơ + Nhịp thơ + Ngôn ngữ + Hình ảnh thơ + Sử dụng biện pháp tu từ -Nếu là câu hỏi nhận biết được cái tôi, sự kết hợp giữa chất tự sự, trữ tình, nghị luận, đặc trưng ngôn ngữ của tùy bút, tản văn thì dựa vào đặc điểm của từng loại. +Tản văn là loại văn xuôi ngắn gọn, hàm súc có cách thể hiện đa dạng (trữ tình, tự sự, nghị luận, miêu tả,..) nhưng nhìn chung đều mang tính chất chấm phá, bộc lộ trực tiếp suy nghĩ, cảm xúc của người viết qua các hiện tượng đời sống thường nhật, giàu ý nghĩa xã hội. + Tùy bút là một thể trong kí, dùng ghi chép, miêu tả những hình ảnh, sự việc mà người viết quan sát, chứng kiến, đồng thời chú trọng thể hiện cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ của tác giả trước các hiện tượng và vấn đề của đời sống.
---	--

Nhiệm vụ 4: Kỹ năng làm các dạng câu hỏi vận dụng đọc hiểu văn bản.	+Cái tôi trong tản văn, tùy bút là yếu tố thể hiện cảm xúc, suy nghĩ riêng của tác giả qua văn bản. Thông thường nhận biết cái tôi ấy qua các từ ngữ nhân xưng ngôi thứ nhất. + Ngôn ngữ tùy bút, tản văn: tinh tế, sống động, mang hơi thở đời sống, giàu hình ảnh và chất trữ tình. -Nêu là câu hỏi nhận biết đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận phân tích một tác phẩm văn học thì căn cứ vào dấu hiệu đặc điểm của mỗi văn bản nghị luận mà đề đưa ra để xác định. -Nếu là câu hỏi nhận biết đặc điểm của văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động của văn bản thông tin thì căn cứ vào đặc điểm nội dung và hình thức của văn bản để xác định. +Về nội dung: văn bản thường có cấu trúc 3 phần: Giới thiệu hoạt động hay trò chơi; Giới thiệu chi tiết quy tắc, luật lệ của hoạt động hoặc trò chơi; giá trị và ý nghĩa của hoạt động hay trò chơi. + Về hình thức: Văn bản có sử dụng các từ ngữ chỉ thời gian, hình ảnh minh họa, đề mục tóm tắt thông tin, sử dụng các số từ chỉ số lượng, các từ ngữ miêu tả chi tiết về quy tắc, luật lệ,... 2.3.Kỹ năng làm các dạng câu hỏi thông hiểu đọc hiểu các văn bản -Nếu là câu hỏi phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu trong truyện ngụ ngôn thì căn cứ vào vai trò của chi tiết trong tác phẩm.
---	---

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi: <i>? Nếu là câu hỏi thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình, đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm (truyện ngụ ngôn, truyện ngắn, truyện khoa học viễn tưởng, tản văn, tùy bút, văn bản nghị luận thì cần triển khai như thế nào?</i> <i>? Nếu là câu hỏi nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm truyện ngắn, truyện khoa học viễn tưởng, tản văn, tùy bút thì cần triển khai như thế nào?</i> <i>? Nếu là câu hỏi đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu trong thơ (bốn chữ, năm chữ) thì cần triển khai như thế nào?</i> HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tích cực trả lời. - GV khích lệ, động viên Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, chốt kiến thức.	+ Truyện ngụ ngôn: Chi tiết sự vật (cảnh vật, đồ vật, con người) và chi tiết sự việc. -Nếu là câu hỏi hiểu và nêu được tình cảm, cảm xúc, thái độ của người kể chuyện thông qua ngôn ngữ, giọng điệu kể và cách kể trong truyện ngắn thì căn cứ vào vai trò của người kể chuyện trong văn bản tự sự. -Nếu là câu hỏi nêu tác dụng của việc thay đổi người kể chuyện (người kể chuyện ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba) trong một truyện kể trong truyện ngắn thì căn cứ vào vai trò của các ngôi kể trong văn bản tự sự. +Ngôi thứ nhất: Ưu điểm: Sự việc được kể một cách chân thực, nhân vật có thể bộc lộ trực tiếp tình cảm, suy nghĩ của mình. Hạn chế: chỉ biết những gì xảy ra với bản thân nên cái nhìn với mọi người bị hạn chế, đánh giá có phần thiên lệch về tình cảm. +Ngôi thứ ba: Ưu điểm: sự việc khách quan, người kể biết mọi thứ diễn ra với nhân vật khác. Hạn chế: Khó đi sâu trong việc khám phá thế giới nội tâm của nhân vật và khai thác mạch cảm xúc một cách cụ thể hơn trong từng nhân vật. + Sự thay đổi ngôi kể trong văn tự sự: Tùy theo một cốt truyện cụ thể với những tình huống cụ thể mà người viết lựa chọn ngôi kể cho phù hợp. Có thể trong một truyện nhưng người viết dùng các ngôi kể khác nhau để soi chiếu vào nhân vật hoặc sự việc bằng các điểm nhìn khác nhau, nhằm tăng tính sinh động, phong phú khi miêu tả sự việc và con người thể hiện ý đồ
--	--

	nghệ thuật, mang cách nhìn nhận, đánh giá riêng, khiến cho câu chuyện trở nên hấp dẫn, chứa đựng nhiều ý nghĩa. -Nếu là câu hỏi hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản thơ (bốn chữ, năm chữ) thì căn cứ vào đặc điểm của nhân vật trữ tình. +Nhân vật trữ tình là hiện thân của tác giả, là nhân vật do tác giả sáng tạo ra. +Tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình là tình cảm, cảm xúc của một cá nhân và trước hết là hoàn cảnh cá nhân nhưng nó lại mang tính khái quát. +Trong thơ bốn chữ, năm chữ: nhân vật của thể loại này chính là chủ thể trữ tình thể hiện cảm xúc đó. +Nhân vật trữ tình ít nhiều gắn bó với cuộc đời thực của tác giả nhưng không có nghĩa là đồng nhất với tác giả. Qua nhân vật trữ tình ta có thể thấy bóng dáng của tác giả. Tuy nhiên không được đồng nhất giữa nhân vật trữ tình với tác giả (nếu đó là tác phẩm văn chương hư cấu) -Nếu là câu hỏi phân tích nét riêng về cảnh vật, con người được tái hiện trong tùy bút, tản văn và hiểu, lí giải được những trạng thái tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản tùy bút, tản văn thì căn cứ vào những đặc điểm của hai thể loại. +Tùy bút được hiểu là thể loại thuộc loại hình kí, trong đó tác giả ghi chép lại các sự việc được quan sát và suy ngẫm về cảnh vật, con người xung quanh một cách trung thực. Còn tản văn là loại văn xuôi
--	---

ngắn gọn, hàm súc, có thể trữ tình, tự sự, nghị luận, miêu tả phong cảnh, khắc họa nhân vật. Lối thể hiện đời sống của tản văn mang tính chất chấm phá, không nhất thiết đòi hỏi có cốt truyện phức tạp, nhân vật hoàn chỉnh nhưng có cấu tứ độc đáo, có giọng điệu, cốt cách cá nhân.

+Đề tài: lịch sử, hiện tại, tương lai, tự nhiên, xã hội, nhân sinh, sự kiện, địa lí, tôn giáo, văn hóa, nghệ thuật, lịch sử,...

+Lời văn: bóng bẩy, trong sáng, uyển chuyển, linh hoạt, ..

+Về kết cấu: Nếu truyện ngắn chú trọng vào diễn biến, trình tự, cốt truyện thì tản văn, tùy bút chú trọng thể hiện cảm xúc của nhân vật trữ tình khiến người đọc có cảm giác tản mạn nhưng cái tản này không phải là lộn xộn không có trật tự , không có tính văn chương mà là trong cái tản mạn có trật tự, trong cái tản mạn có văn chương.

+ Nếu căn cứ vào đối tượng và hình thức thể hiện, người ta chia tản văn ra làm 3 loại:

. Tản văn tự sự: lấy sự kiện, nhân vật, cảnh vật làm nội dung biểu đạt chủ yếu.

. Tản văn trữ tình: lấy sự bộc lộ tư tưởng, tình cảm của tác giả làm chủ đạo.

. Tản văn nghị luận: lấy việc nói rõ đạo lí, biểu đạt điều mình nhìn thấy làm nội dung chủ yếu, lấy nghị luận làm thủ pháp biểu hiện cơ bản. Tản văn nghị luận gồm tạp văn, văn tiểu phẩm, tùy bút,...

2.4. Kỹ năng làm các dạng câu hỏi vận dụng đọc hiểu văn bản.

- Nếu là câu hỏi thể hiện thái độ đồng tình

	hoặc không đồng tình, đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm (truyện ngụ ngôn, truyện ngắn, truyện khoa học viễn tưởng, tản văn, tùy bút, văn bản nghị luận thì cần triển khai qua các gợi ý sau: + <i>Hình thức</i>: đoạn văn ngắn 5-7 câu. + <i>Nội dung</i>: . Căn cứ vào nội dung, ý nghĩa của câu văn, đoạn văn đề nêu ra để làm cơ sở trả lời: Đồng tình với ý kiến/ Không đồng tình với ý kiến/ Đồng tình một phần ý kiến (nửa đồng tình nửa không đồng tình) . Sau đó, lí giải tại sao lại Đồng tình với ý kiến/ Không đồng tình với ý kiến/ Đồng tình một phần ý kiến? -Nếu là câu hỏi nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tác phẩm truyện ngắn, truyện khoa học viễn tưởng, tản văn, tùy bút thì cần triển khai qua gợi ý sau: +<i>Hình thức</i>: đoạn văn ngắn 5-7 câu +<i>Nội dung</i>: . Căn cứ vào nhân vật, sự việc được tác giả phản ánh trong văn bản ở phần đọc hiểu của đề để làm cơ sở trả lời. . Sau đó dựa vào những trải nghiệm của bản thân trong cuộc sống (hiểu biết, cách nghĩ, cách sống, tình cảm, tâm hồn, bản lĩnh, ý chí, kinh nghiệm tích lũy được) để cảm nhận về nhân vật, sự việc trong tác phẩm. - Nếu là câu hỏi đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống qua cách sử
--	---

	dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu trong thơ (bốn chữ, năm chữ) thì cần triển khai qua gợi ý sau: + <i>Hình thức</i>: trình bày thành một đoạn văn ngắn từ 5-7 dòng. + <i>Nội dung</i>: . Căn cứ vào cách tác giả sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu trong văn bản (ngữ liệu) ở phần Đọc hiểu của đề để làm cơ sở trả lời. . Lí giải vì sao tác giả lại lựa chọn sử dụng từ ngữ, hình ảnh, thể hiện giọng thơ đó. . Việc tác giả lựa chọn sử dụng từ ngữ, hình ảnh, thể hiện giọng thơ đó cho thấy tài năng (sự quan sát tinh tế, liên tưởng, tưởng tượng sáng tạo, độc đáo, ngòi bút tinh tế, sử dụng từ ngữ, biện pháp tu từ đặc sắc...), tấm lòng (yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, yêu con người, yêu quê hương, đất nước...) của nhà thơ trong cái nhìn riêng về con người, cuộc sống. 3. Kỹ năng viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ (Xem chuyên đề 1) 4. Kỹ năng làm phần viết bài văn (Xem ở các chuyên đề cụ thể)
--	---

3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

- a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. **Sản phẩm:** Bài làm của HS
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: Xác định biện pháp tu từ trong các ví dụ sau và nêu tác dụng của biện pháp tu từ	Bài 1. Xác định biện pháp tu từ trong các ví dụ sau và nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó trong các câu sau: Câu

từ đó?

GV gợi ý: Câu hỏi nhận biết và thông hiểu

- Xác định tên biện pháp tu từ. (**Câu hỏi nhận biết**)
- Nêu tác dụng: (**Câu hỏi thông hiểu**)
- + Nhấn mạnh ý
- + Gây ấn tượng
- + Tăng sức biểu cảm cho lời văn

HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS tích cực trả lời.
- GV khích lệ, động viên

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV.

- Các HS khác nhận xét, bổ sung.

Dự kiến sản phẩm

Bước 4: Kết luận, nhận định

GV nhận xét, chốt kiến thức.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

Nêu công dụng của dấu chấm lửng trong câu văn sau: Chúng ta có quyền tự hào về những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,... (Hồ Chí Minh)

HS tiếp nhận nhiệm vụ

hỏi nhận biết và thông hiểu

- a. Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng
Ngày tháng mười chưa cười đã tối
(Tục ngữ)
- b. Cày đồng đang buổi ban trưa
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày.
(Ca dao)
- c. Bác Dương thôi đã thôi rồi
Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.
(Nguyễn Khuyến)

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

- a.
- Biện pháp tu từ: nói quá
 - Tác dụng: phóng đại về tính chất, nhằm nhấn mạnh tính chất thời gian, nhắc nhở mọi người điều chỉnh công việc cho phù hợp.
- b.
- Biện pháp tu từ: Nói quá
 - Tác dụng: Phóng đại về mức độ, cho thấy sự vất vả của người nông dân khi làm ra hạt gạo.
- c.
- Biện pháp tu từ: Nói giảm nói tránh
 - Tác dụng: Giảm nhẹ sự đau buồn trước sự ra đi của bạn.

Bài 2. Nêu công dụng của dấu chấm lửng trong câu văn sau: **(Câu hỏi thông hiểu)**

Chúng ta có quyền tự hào về những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,... (Hồ Chí Minh)

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Dấu chấm lửng tỏ ý còn nhiều nhân vật anh hùng tương tự chưa liệt kê hết.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS tích cực trả lời. - GV khích lệ, động viên Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS lần lượt trả lời các câu hỏi của GV. - Các HS khác nhận xét, bổ sung. Dự kiến sản phẩm Bước 4: Kết luận, nhận định GV nhận xét, chốt kiến thức.	Bài 3: Trong đoạn kết của truyện, Mên và Mon hình như không hiểu rõ vì sao mình lại khóc. Em hãy giúp các nhân vật lí giải điều đó. Trình bày thành đoạn văn 5-7 câu. DỰ KIẾN SẢN PHẨM (1)Trong đoạn kết truyện Bầy chim chìa vôi của Nguyễn Quang Thiều, Mên và Mon hình như không hiểu rõ vì sao mình lại khóc. (2)Theo em, Mên và Mon khóc bởi từ đêm qua, Mên và Mon đã rất lo lắng cho bầy chim chìa vôi non, sợ chúng bị chết đuối khi bãi sông bị ngập hết. (3)Và hai anh em đã khóc khi nhìn thấy những con chim chìa vôi non vượt qua được sự khốc liệt của mưa, gió, của dòng nước để bay được vào bờ an toàn, không con nào bị đuối nước. (4)Bầy chim non đã thực hiện xong chuyến bay quan trọng, đầu tiên và rất kì vĩ trong đời chúng. (5)Đó còn là những giọt nước mắt tự thân của sự xúc động chân thành, là biểu hiện của niềm vui sướng, hạnh phúc, giọt nước mắt ấy cho ta niềm tin vào tình yêu và cuộc sống mà ta đang có.
--	---

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BUỔI 19:

CHUYÊN ĐỀ 15: LUYỆN ĐỀ KIỂM TRA

(Dùng chung 3 bộ sách)

Thời lượng: 6 tiết

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức.

- Hệ thống lại các kiến thức ở cả ba phân môn Văn, tiếng Việt, tập làm văn ở cả ba bộ sách.

2. Về năng lực.

- Năng lực: giải quyết vấn đề, sáng tạo, năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Về phẩm chất.

- Giúp HS có trách nhiệm với việc học tập của bản thân và thêm yêu thích, hứng thú với môn Văn hơn nữa.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Chuẩn bị của GV: Soạn các dạng đề, đáp án.

- Chuẩn bị của HS: Học ôn bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY- HỌC:

ĐỀ LUYỆN SỐ 1.

PHẦN I. ĐỌC- HIỂU (10,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu

Tuổi chiếc áo bằng một nửa tuổi Cha
mỗi nếp gấp mang dáng hình đồng đội
mỗi mảnh vá chứa bao điều muốn nói
về một thời trận mạc của Cha.

Ngày con sinh ra
đất nước hoà bình
với bạn bè con hay xấu hổ
khi thấy Cha mặc chiếc áo xanh cũ kĩ
đâu biết với Cha là kỉ vật cuộc đời

Nơi nghĩa trang nghi ngút khói hương
trước hàng hàng ngôi mộ
cha đắp áo sê chia hơi ấm
với đồng đội xưa yên nghỉ chốn này

Khoé mắt con chợt cay
khi chứng kiến nghĩa tình người lính

không khoảng cách nào giữa người còn người mất
chiếc áo bạc màu hoá gạch nối âm dương.

(Chiếc áo của cha, Ngô Bá Hòa)

Lựa chọn câu trả lời đúng (Từ câu 1 đến câu 5)

Câu 1. (1,0 điểm) Bài thơ sử dụng những phương thức biểu đạt nào?

- A. Tự sự, biểu cảm. B. Biểu cảm, miêu tả, tự sự.
C. Nghị luận, biểu cảm D. Biểu cảm

Câu 2. (1,0 điểm) Yếu tố tự sự trong bài thơ là để:

- A. Kể người con đã từng hiểu chưa đúng về chiếc áo; chứng kiến hình ảnh người cha và những ngôi mộ nơi nghĩa trang, người con xúc động, hối hận.
B. Kể về việc: người con chứng kiến hình ảnh người cha và những ngôi mộ.
C. Kể người cha coi thường chiếc áo cũ.
D. Kể nguyên nhân khiến người cha yêu quý chiếc áo cũ.

Câu 3. (1,0 điểm) Vì sao người con “hay xấu hổ khi thấy cha mặc chiếc áo xanh cũ kĩ?”

- A. Vì sợ bạn bè coi thường mình nhà nghèo. B. Vì người cha quá lam lũ.
C. Vì người con sống trong hòa bình, không hiểu thời trận mạc của người cha.
D. Cả A và C.

Câu 4. (1,0 điểm) Vì sao “Khóe mắt con chột cay”?

- A. Vì hối hận đã hiểu sai về chiếc áo.
B. Vì được chứng kiến nghĩa tình người lính.
C. Vì đã hiểu về cha mình.
D. Vì thấy không khoảng cách nào giữa người còn người mất.

Câu 5. (1,0 điểm) Hình ảnh chiếc áo xuất hiện mấy lần trong bài thơ, có ý nghĩa như thế nào?

- A. Bốn lần. Khẳng định người cha không bao giờ quên chiếc áo.
B. Bốn lần. Khẳng định chiếc áo là cầu nối người cha với đồng đội.
C. Năm lần. Tô đậm hình tượng và mở ra các tầng ý nghĩa về chiếc áo.
D. Năm lần. Nhắc nhở người con về chiếc áo của cha.

Trả lời câu hỏi

Câu 6. (1,0 điểm) Vì sao chiếc áo cũ lại quan trọng với người cha?

Câu 7. (1,0 điểm) Giả sử em là người con trong bài thơ, khi được chứng kiến cảnh người cha viếng đồng đội mình ở nghĩa trang liệt sĩ, em sẽ nói gì với cha? (Trả lời câu hỏi bằng đoạn văn khoảng 1/2 trang giấy thi.)

Câu 8. (1,0 điểm) Viết đoạn văn khoảng 1/2 trang giấy thi trình bày cảm nhận của em về người cha trong bài thơ trên.

PHẦN II. VIẾT (10,0 điểm)

Cảm nhận của em về đoạn thơ sau

Nắng trong mắt những ngày thơ bé
 Cũng xanh mơn như thể lá trầu
 Bà bố cau thành tám chiếc thuyền cau
 Chở sớm chiều tóm tép
 Hoàng hôn đọng trên môi bà quạnh thắm
 Nắng xiên khoai qua liếp vách không cài
 Bóng bà đổ xuống đất đai
 Rủ châu chấu, cào cào về cháu bắt
 Rủ rau má, rau sam
 Vào bát canh ngọt mát
 Tôi chan lên suốt dọc tuổi thơ mình...
 (Thời nắng xanh, Trương Nam Hương)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I. ĐỌC HIỂU	1	B	1,0
	2	A	1,0
	3	D	1,0
	4	B	1,0
	5	C	1,0
	6	- Vì chiếc áo là kỉ vật cuộc đời - Vì chiếc áo cũ đã hóa gạch nối âm dương - Chiếc áo xóa nhòa khoảng cách giữa người còn người mất.	1,0
	7	HS có thể tham khảo gợi ý sau: - Hãy hóa thân vào nhân vật trữ tình để có cảm xúc với hồi hận vì đã cảm thấy xấu hổ khi cha mặc chiếc áo cũ. - Hóa thân vào nhân vật trữ tình để có cảm xúc: mình đã hiểu người cha và chiếc áo xanh cũ kĩ ; vô cùng xúc động trước nghĩa tình đồng đội của những người lính. - Hãy nói với cha về dòng cảm xúc trong lòng mình đối với chiếc áo, với cha và tình đồng đội	2,0

		của ông...	
	8	Cảm nhận của em về người cha: HS viết đoạn văn đảm bảo các ý sau: - Là người lính đã tham gia bảo vệ đất nước. - Người lính đã trải qua những đau thương, mất mát ở chiến trường. - Là người nặng nghĩa tình, sống giản dị (luôn nhớ đồng đội, kỉ niệm xưa...) - ...	2,0
II	a. Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận		<i>0,5 điểm</i>
	b. Xác định đúng vấn đề: Cảm nhận nội dung nghệ thuật đoạn thơ		<i>0,5 điểm</i>
	c. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : Thí sinh có thể có những cảm nhận riêng, song cần nêu được những ý sau: 1/Mở bài: - Giới thiệu bài thơ, tác giả. - Ấn tượng chung về đoạn thơ: Đoạn thơ là những hồi ức sinh động của nhân vật trữ tình về một “ <i>Thời nắng xanh</i> ”- thời thơ ấu hồn nhiên, trong trẻo. 2/ Thân bài: -Về nội dung + Gắn liền với bà, do đó, “ <i>Nắng trong mắt những ngày thơ bé/ Cũng xanh mơn như thể lá trầu</i> ”. + Hình ảnh người bà: gắn với thói quen ăn trầu dân dã, cổ truyền (<i>Bà bố cau thành tám chiếc thuyền cau/Chờ sớm chiều tóm tép</i>), gương mặt bà trong ráng chiều (<i>Hoàng hôn đọng trên môi bà quạnh thắm</i>), sự tần tảo đồng áng (<i>Bóng bà đổ xuống đất đai</i>)... Cuộc đời vất vả dãi dầu nhưng chính sự tần tảo của bà đã đem lại cho cháu một không gian bình yên để mơ mộng, để lớn lên. Bà đã trở thành một miền hoài niệm. Bà gắn với những gì đẹp đẽ nhất, trong trẻo nhất, làm nên “ <i>thời xanh nắng</i> ” của cháu. + Gắn với bà là hình ảnh quê hương: Một quê hương nghèo khó nhưng thanh bình: <i>Nắng xiên khoai qua liếp</i>		8,0 điểm

	<i>vách không cài, một vùng quê thuần nông với châu chấu, cào cào, rau má, rau sam...</i> Sự gắn bó hòa quyện sâu sắc đến mức người cháu không thể nhận ra bà hay chính là quê hương, không thể hình dung ra tuổi thơ nếu không có bà và hình bóng quê hương. + Gắn với những trò chơi tinh nghịch, dân dã (<i>rủ châu chấu, cào cào về cháu bắt</i>), gắn với những món ăn đơn sơ mà như đã trở thành cao lương mỹ vị khi cháu hồi tưởng lại (<i>Rủ rau má, rau sam/Vào bát canh ngọt mát/Tôi chan lên suốt dọc tuổi thơ mình</i>). => Qua những hồi ức về tuổi thơ của nhân vật trữ tình, ta nhận ra <i>vẻ đẹp của bà</i>: truyền thống, tần tảo, luôn bao bọc chở che để cháu có một tuổi thơ hồn nhiên theo đúng nghĩa. Đồng thời, ta còn nhận ra <i>vẻ đẹp tâm hồn nhân vật trữ tình</i>: nhạy cảm, tinh tế, giàu tình yêu thương. – Về nghệ thuật: Một trong những điều làm nên nét đặc sắc nhất của đoạn thơ nói riêng, bài thơ nói chung, ấy chính là tác giả đã tạo dựng được một “<i>bầu khí quyến</i>” dân dã, đượm sắc màu cổ tích qua những hình ảnh đẹp, đầy sáng tạo. VD: Hình ảnh <i>Xanh mơn</i>: màu xanh mơn man rười rượi, nắng <i>xanh mơn</i>: cái nắng được lọc qua hồi ức về một người bà luôn <i>tóm té</i> nhai trầu, vì thế mà nó càng trở nên lung linh, huyền thoại. Thơ Trương Nam Hương giàu hình ảnh, các biện pháp nghệ thuật so sánh, ẩn dụ, điệp, lối nói lạ hóa làm nên sức hấp dẫn cho đoạn thơ. 3.Kết bài: Đánh giá chung: Những câu thơ của Trương Nam Hương đã cho ta “<i>một vé đi tuổi thơ</i>”, khơi gợi trong tâm hồn ta tình yêu với quê hương, với người thân, biết trân trọng quá khứ, nguồn cội, trân trọng những kỉ niệm tuổi thơ. Đó là những tình cảm thường trực trong tâm hồn mỗi người song phải có những câu thơ hay mới đủ sức lay động trái tim.	
	d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề.	0,5 điểm
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính	0,5 điểm

ĐỀ LUYỆN SỐ 2.**PHẦN I. ĐỌC- HIỂU (10,0 điểm)****Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu**

Một cô giáo trường công đã giúp tôi hiểu rõ cái ý nghĩa phức tạp của việc cho và nhận.

Khi nhìn cách tôi cầm sách trong giờ tập đọc, hiển nhiên cô đã nhận thấy có gì không bình thường; cô liền thu xếp cho tôi đi khám mắt. Cô không đưa tôi đến bệnh viện mà dẫn tôi tới bác sĩ nhãn khoa riêng của cô, không phải kiểu làm việc thiện mà như với một người bạn. Thật ra, tôi ngạc nhiên về hành động đó đến nỗi không nhận biết được chuyện gì đã xảy ra, cho tới một ngày kia cô đưa cho tôi một cặp kính.

-“Em không thể nhận được. Em không có tiền trả đâu”, tôi nói, cảm thấy xấu hổ vì nhà mình nghèo.

Thấy vậy, cô liền kể chuyện cho tôi nghe: “Hồi cô còn nhỏ, một người hàng xóm đã mua kính cho cô. Bà ấy bảo một ngày kia cô sẽ trả cặp kính đó bằng cách tặng kính cho một cô bé khác. Em thấy chưa, cặp kính này đã được trả tiền từ trước khi em ra đời.”

Thế rồi cô nói với tôi những lời nồng hậu nhất mà chưa ai từng nói với tôi: “Một ngày nào đó em sẽ mua kính cho một cô bé khác”.

Cô nhìn tôi như một người cho. Cô làm tôi thành người có trách nhiệm. Cô tin tôi có thể có một cái gì để trao cho người khác. Cô chấp nhận tôi như thành viên của cùng một thế giới mà cô đang sống. Tôi bước ra khỏi phòng, giữ chặt kính trong tay, không phải như kẻ vừa nhận một món quà, mà như người chuyển tiếp món quà đó cho kẻ khác với tấm lòng tận tụy.

(Theo Bin-li Đa-vít, trong “Trái tim người thầy”, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2004)

Đọc văn bản và khoanh tròn vào đáp án câu trả lời đúng nhất (Từ câu 1 đến câu 5)

Câu 1. (1,0 điểm) Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

- A. Miêu tả. B. Tự sự. C. Biểu cảm. D. Nghị luận

Câu 2. (1,0 điểm) Câu chuyện trên được kể theo ngôi thứ mấy? Căn cứ vào đâu mà em xác định như vậy?

- A. Ngôi thứ 1, người kể xưng tôi. B. Ngôi thứ 2, người kể giấu mặt
C. Ngôi thứ 3, người kể giấu mặt. D. Ngôi thứ 3, người kể xưng tôi.

Câu 3. (1,0 điểm) Nội dung chính của văn bản là gì?

- A. Kể chuyện một cô giáo đã giúp cho nhân vật tôi hiểu rõ ý nghĩa của việc cho và nhận.
B. Miêu tả một cô giáo đã giúp cho nhân vật tôi hiểu rõ ý nghĩa của việc cho và nhận.
C. Ý nghĩa của việc cho và nhận trong cuộc sống.

D. Cô giáo đã giúp cho nhân vật tôi hiểu rõ ý nghĩa của việc cho và nhận.

Câu 4. (1,0 điểm) Biện pháp tu từ chủ yếu sử dụng trong văn bản trên là gì?

A. So sánh. B. Nhân hóa. C. Điệp ngữ. D. Nói giảm nói tránh.

Câu 5. (1,0 điểm) Vì sao cô giáo đã dẫn nhân vật “tôi” đi khám mắt? Cô giáo đã làm gì để “tôi” vui vẻ nhận cặp kính? Việc cô thuyết phục “tôi” nhận chiếc kính cho thấy cô là người thế nào?

Câu 6. (1,0 điểm) Đặt nhan đề cho văn bản.

Câu 7. (2,0 điểm) Tìm cụm từ được mở rộng trong các câu sau:

a. Thấy vậy, cô liền kể một câu chuyện cho tôi nghe.

b. Bà ấy bảo, một ngày kia cô sẽ trả cho cặp kính đó bằng cách tặng cho một cô bé khác.

Câu 8. (2,0 điểm) Hãy viết một đoạn văn ngắn (khảng 6-8 câu) nêu suy nghĩ của em về những bài học được rút ra qua câu chuyện.

PHẦN II. VIẾT (10,0 điểm)

Bàn về vai trò của gia đình, có ý kiến cho rằng “*Người ta có nhiều nơi để đến nhưng chỉ có một nơi để về đó là gia đình*”. Em hãy viết bài văn bày tỏ ý kiến của em.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I. ĐỌC HIỂU	1	B	1,0
	2	A	1,0
	3	A	1,0
	4	A	1,0
	5	- Vì cô đã thấy bạn ấy cầm sách đọc một cách không bình thường. - Cô đã kể cho nhân vật “tôi” nghe một câu chuyện để bạn hiểu rằng bạn không phải là người được nhận quà mà chỉ là người chuyển tiếp món quà cho người khác. - Cô là người hiểu rất rõ ý nghĩa của việc cho và nhận.	1,0
	6	Đặt nhan đề cho văn bản (HS có thể đặt nhiều nhan đề khác nhau, nhưng yêu cầu nhan đề phải thể hiện được nội dung của văn bản), ví dụ: Cho và nhận,	1,0
	7	a. một câu chuyện cho tôi nghe. b. cặp kính đó bằng cách tặng cho một cô bé khác.	2,0

	8		2,0
II	a. Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận		0,5 điểm
	b. Xác định đúng vấn đề:		0,5 điểm
	c. Có thể viết bài văn theo định hướng sau :		8,0 điểm
	d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề.		0,5 điểm
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.		0,5 điểm

ĐỀ LUYỆN SỐ 3.

PHẦN I. ĐỌC- HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới :

*Tuổi thơ tôi bát ngát cánh đồng
cỏ và lúa, và hoa hoang quả dại
vỏ ốc trắng những luống cày phơi ải
bờ ruộng bùn lấm tấm dấu chân cua.*

*Tuổi thơ tôi trắng muốt cánh cò
con sáo mỏ vàng, con chào mào đỏ ớt
con chim trả bắn mũi tên xanh biếc
con chích choè đánh thức buổi ban mai.*

*Tuổi thơ tôi cứ ngỡ mất đi rồi
năm tháng trôi qua không bao giờ chảy lại
cái năm tháng mong manh mà vững chãi
con dấu đất đai tươi rói mãi đây này.*

*Người miền rừng bóng suối dáng cây
người mạn bể ăn sóng nói gió
người thành thị nét đường nét phố
như tôi mang dấu ruộng dấu vườn*

(Trích tuổi thơ- Nguyễn Duy, NXB Tác phẩm mới, 1984)

Câu 1. (1,0 điểm) Xác định phương thức biểu đạt chính và thể thơ của đoạn trích trên?

Câu 2. (1,0 điểm) Chỉ ra và nêu tác dụng của 01 biện pháp tu từ được sử dụng thành công trong đoạn trích trên.

Câu 3. (2,0 điểm). Trong đoạn trích trên, những hình ảnh và chi tiết nào đã gắn bó với tuổi thơ của tác giả? Nhận xét về những hình ảnh, chi tiết đó.

Câu 4. (2,0 điểm) Thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm qua đoạn trích trên là gì? Trả lời câu hỏi trên bằng một đoạn văn khoảng 3-5 dòng.

PHẦN II. VIẾT (14,0 điểm)

Câu 1. (4,0 điểm)

Từ nội dung được gợi ra trong đoạn thơ, em hãy viết một đoạn văn (khoảng 150 chữ), trình bày suy nghĩ của mình về *vai trò của kí ức tuổi thơ đối với sự trưởng thành của mỗi con người.*

Câu 2. (10,0 điểm)

Hãy quan sát những hình ảnh sau trong đại dịch Covid 19 và viết bài văn (khoảng 1 trang giấy thi) bày tỏ suy nghĩ của em.





ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG TRẢ LỜI	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	6,0 điểm
	1	Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm. Thể thơ :	1,0 điểm
	2		1,0 điểm
	3	- Những hình ảnh, chi tiết gắn bó với tuổi thơ tác giả: cánh đồng , cỏ và lúa, và hoa hoang quả dại , vỏ ốc trắng những luống cày phơi ải, bờ ruộng bùn lấm tấm dấu chân cua, cánh cò, con sáo mỏ vàng, con chào mào đỏ đất , con chim trả bắn mũi tên xanh biếc, con chích choè đánh thức buổi ban mai - Nhận xét: đây là những hình ảnh quen thuộc, gần gũi với người dân, làng quê Việt Nam	2,0 điểm
	4	Thông điệp mà tác giả muốn gửi gắm qua đoạn trích: - Tình yêu quê hương đến từ những điều thân thuộc của tuổi thơ. - Phải yêu quý và trân trọng những ngày tháng tuổi thơ để khi lớn lên rồi mình không thấy hối tiếc.	2,0 điểm
II		LÀM VĂN	14,0 điểm
	1	Viết đoạn văn	4,0 điểm
		a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội	0,25 điểm

	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận	0,25 điểm
	c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn theo định hướng sau : - Kí ức tuổi thơ: những kỉ niệm thời thơ ấu khi chúng ta còn bé, vô lo vô nghĩ, hồn nhiên vui chơi tinh nghịch - Ý nghĩa của ký ức tuổi thơ: + làm ta thấy vui khi nghĩ về chúng + giữa những mệt mỏi của cuộc sống, nhớ về ký ức tuổi thơ làm ta cảm thấy nhẹ nhõm. + dù vui hay buồn thì ký ức của tuổi thơ sẽ giúp chúng ta nên đáng được trân trọng. - Ký ức tuổi thơ đi theo ta đến hết đời, là hành trang vững chắc để ta bước vào cuộc sống.	3,0 điểm
	d. Sáng tạo: cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.	0,25 điểm
	e. Chính tả, dùng từ đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0,25 điểm
2	Viết bài văn	10,0 điểm
	a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận: có đầy đủ Mở bài, Thân bài, Kết bài. Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân bài giải thích nhận định và triển khai được các luận điểm làm rõ được nhận định; Kết bài khái quát được nội dung nghị luận	0,25 điểm
	b. Xác định đúng vấn đề nghị luận:	0,25 điểm
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Thí sinh có thể giải quyết vấn đề theo hướng sau: * Mở bài : - Dẫn dắt nêu lên vấn đề nghị luận :Tình yêu thương, sẻ chia con người trong đại dịch Covid 19. - Nêu lên quan điểm của bản thân : đồng tình với những việc làm trên. *Thân bài :	9,0 điểm

	- Trình bày thực chất của ý kiến, quan niệm. - Đưa ra lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục mọi người về quan điểm : Tình yêu thương, sẻ chia có ý nghĩa lớn lao: + Làm cho cuộc sống trở nên tốt đẹp hơn : giúp con người biết yêu thương, sẻ chia, biết giúp đỡ để cùng nhau vượt qua khó khăn, thử thách. + Là chiếc chìa khóa kì diệu làm nên tinh thần đoàn kết đáng quý của dân tộc, là cội nguồn cho sự phát huy sức mạnh của đại đoàn kết toàn dân. * Kết bài : - Khẳng định lại quan điểm cá nhân. - Bức thông điệp muốn gửi tới mọi người. (Xem bài văn mẫu trong giáo án bồi dưỡng HSG)	
	d. Sáng tạo: cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.	0,25 điểm
	e. Chính tả, dùng từ đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt	0,25 điểm

ĐỀ LUYỆN SỐ 4.

PHẦN I. ĐỌC- HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới :

“Mẹ ạ, nếu kiếp sau, con được chọn, con vẫn chọn là con của mẹ. Mẹ con ta sẽ yêu thương và bù đắp cho nhau mẹ nhỉ? Ở trên này, con ít khi thành công lắm nhưng khi con mệt mỏi, con thất bại, con sắp gục ngã, con đã biết đi tìm mẹ... Mẹ ơi, hãy là một bà tiên hiền dịu và cho con một điều ước nhỏ nhoi đi mẹ. Con ước giản dị thôi, bà tiên ấy được sống lại với con một ngày, để con được chăm sóc - việc mà trước đây con chưa hề làm. Con sẽ không làm mẹ khóc đâu, con hứa. Và điều cuối cùng con muốn nói với mẹ rằng: “Con nhớ mẹ quá nhiều, nợ mẹ quá nhiều... Kiếp sau, dù sao đi nữa, mẹ sẽ mãi là mẹ của con. Con thương mẹ nhiều!”

(Trích Thư gửi mẹ hiền- Nguyễn Anh Thư, học sinh lớp 9- Báo Dantri.com ngày 20/10/2016)

Câu 1. (0,5 điểm) Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là gì?

Câu 2. (1,0 điểm) Theo em, vì sao bạn Anh Thư lại viết cho mẹ đã mất 2 năm trước của mình. “Con nhớ mẹ quá nhiều, nợ mẹ quá nhiều...” ?

Câu 3. (0,5 điểm) Câu văn « Ở trên này, con ít khi thành công lắm nhưng khi con mệt mỏi, con thất bại, con sắp gục ngã, con đã biết đi tìm mẹ... » sử dụng biện pháp tu từ nào ?

Câu 4. (2,0 điểm) Em hiểu thế nào về câu văn: “*Ở trên này, con ít khi thành công lắm nhưng khi con mệt mỏi, con thất bại, con sắp gục ngã, con đã biết đi tìm mẹ...*” ?

Câu 5. (2,0 điểm) Đoạn trích trên gợi cho anh chị điều gì tâm đắc nhất ? (Trả lời bằng đoạn văn khoảng 3-5 câu)

PHẦN II. VIẾT (14,0 điểm)

Câu 1. (4,0 điểm) Em hãy viết 01 đoạn văn ngắn (khoảng 5-7 câu) trình bày suy nghĩ về món nợ mẹ quá nhiều được bạn Anh Thư nhắc đến trong đoạn trích.

Câu 2. (10,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng “*Đời sống của chúng ta sẽ bị tổn hại rất nhiều nếu mỗi người không có ý thức bảo vệ môi trường*”. Em có đồng tình với quan điểm trên không? Vì sao? Hãy viết bài văn bày tỏ ý kiến của mình.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG TRẢ LỜI	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	6,0 điểm
	1	Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm.	0,5 điểm
	2	Bạn Anh Thư viết như vậy hiểu là: rất thương yêu và kính trọng mẹ, không lúc nào quên hình bóng mẹ yêu. Con nợ mẹ nhiều, hiểu là còn nhiều lỗi với mẹ: lời xin lỗi, lòng hiếu thảo, lòng biết ơn, chưa cố gắng trong mọi việc, chưa biết thương mẹ, chưa hiếu mẹ và thờ ơ, chưa quan tâm chăm sóc mẹ ... Con làm mẹ lo lắng và buồn lòng	1,0 điểm
	3	Câu văn « <i>Ở trên này, con ít khi thành công lắm nhưng khi con mệt mỏi, con thất bại, con sắp gục ngã, con đã biết đi tìm mẹ...</i> » sử dụng biện pháp tu từ liệt kê.	0,5 điểm
	4	Câu văn: “ <i>Ở trên này, con ít khi thành công lắm nhưng khi con mệt mỏi, con thất bại, con sắp gục ngã, con đã biết đi tìm mẹ...</i> ” : trên cuộc đời khi không còn mẹ, con từng trải qua thành công và nhiều thất bại, mệt mỏi và bi quan, tiêu cực, những lúc đó, con tìm đến mẹ, để được an ủi, chia sẻ và mong được mẹ chỉ bảo. Mẹ vẫn là chỗ dựa tinh thần vô cùng quan trọng của con, dù là trong suy nghĩ và tâm tưởng.	2,0 điểm
	5	Đoạn trích trong đề bài, gợi nhiều điều tâm đắc nhất. Thí sinh có thể chọn và diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu một trong những điều tâm đắc nhất sau. -Tình yêu thương mẹ là thiêng liêng nhất.	2,0 điểm

		-Mẹ là quý nhất, mẹ là tất cả, không có ai bằng mẹ. - Hãy biết sống hiếu thảo và yêu thương, kính trọng, chăm sóc mẹ. - Điều đau khổ nhất, bất hạnh nhất là không còn mẹ. -Hãy sống đúng phận làm con, đừng để mẹ lo lắng và khóc nhiều vì con. - Hãy làm điều gì đó ngay cho mẹ vui, khi chưa muộn.	
II	LÀM VĂN		14,0 điểm
	1	Viết đoạn văn	4,0 điểm
		a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội	0,25 điểm
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận	0,25 điểm
		c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Học sinh có thể viết theo cách trình bày đoạn văn khác nhau nhưng cần làm rõ các gợi ý sau: Con nợ mẹ nhiều, hiếu là còn nhiều lỗi với mẹ: lời xin lỗi, lòng hiếu thảo, lòng biết ơn, chưa cố gắng trong mọi việc, chưa biết thương mẹ, chưa hiếu mẹ và thờ ơ, chưa quan tâm chăm sóc mẹ ...Con làm mẹ lo lắng và buồn lòng.	3,0 điểm
		d. Sáng tạo: cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.	0,25 điểm
		e. Chính tả, dùng từ đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ nghĩa tiếng Việt.	0,25 điểm
	2	Viết bài văn	10,0 điểm
		a. Đảm bảo cấu trúc của một bài văn nghị luận: có đầy đủ Mở bài, Thân bài, Kết bài. Mở bài giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân bài giải thích nhận định và triển khai được các luận điểm làm rõ được nhận định; Kết bài khái quát được nội dung nghị luận	0,25 điểm
		b. Xác định đúng vấn đề nghị luận: Bảo vệ môi trường sống là bao vệ cuộc sống của chúng ta.	0,25 điểm
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; có sự kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Thí sinh có thể giải quyết vấn đề theo hướng sau:	9,0 điểm

	*Mở bài: - Dẫn dắt để nêu lên vấn đề nghị luận: Đời sống của chúng ta sẽ bị tổn hại rất nhiều nếu mỗi người không có ý thức bảo vệ môi trường. - Bày tỏ quan điểm của em về vấn đề nghị luận: đồng tình hay phản bác. Có thể viết mở bài như sau: Mỗi người trong chúng ta luôn cố gắng để xây dựng cho cuộc sống của mình tươi đẹp hơn. Thế nhưng chúng ta đâu biết rằng chỉ một hành động vô ý nhỏ bé của mình cũng đủ làm tổn hại đến môi trường, đến cuộc sống của chúng ta. Vậy nên có ý kiến cho rằng “<i>Đời sống của chúng ta sẽ bị tổn hại rất nhiều nếu mỗi người không có ý thức bảo vệ môi trường</i>”. Em hoàn toàn đồng ý với quan điểm này. *Thân bài: - Vấn đề được nêu ra để bàn luận: Đời sống của chúng ta sẽ bị tổn hại rất nhiều nếu mỗi người không có ý thức bảo vệ môi trường. - Đưa ra lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục mọi người về quan điểm của mình: + Thứ nhất: ô nhiễm môi trường ảnh hưởng tới tất cả mọi người trên nhiều phương diện: . Làm mất mỹ quan đường phố . Gây những tổn hại to lớn về kinh tế (mất nguồn gỗ, chim, thú, hạn hán, lũ lụt,...) . Ảnh hưởng tới sức khỏe mọi người + Bảo vệ môi trường không còn là trách nhiệm của riêng ai mà là trách nhiệm chung, trách nhiệm của tất cả mọi người. *Kết bài: - Khẳng định lại quan điểm cá nhân về vai trò của bảo vệ môi trường đối với mọi người. - Bức thông điệp gửi tới mọi người. Có thể viết kết bài như sau: Tóm lại, môi trường rất quan trọng trong cuộc sống của mỗi người. Vậy nên mọi người hãy cùng nhau bảo vệ	
--	--	--

	môi trường bằng những hành động nhỏ nhất. Hãy bảo vệ cuộc sống bằng cách giữ vững màu xanh cho môi trường, để cùng hướng tới một “ <i>hành tinh mãi xanh</i> ” (Xem bài văn viết mẫu trong giáo án bồi dưỡng HSG văn 7)	
	d. Sáng tạo: cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng về vấn đề nghị luận.	0,25 điểm
	e. Chính tả, dùng từ đặt câu: đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa tiếng Việt	0,25 điểm

BUỔI 20:

CHUYÊN ĐỀ 16: KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG ĐỘI TUYỂN
Tùy địa phương ra đề mà thầy cô áp dụng cho phù hợp ạ

ĐỀ SỐ 1.

PHẦN I. ĐỌC- HIỂU (10,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu

MƯỠI TAY

Bồng bồng con nín con ơi
Dưới sông cá lội, ở trên trời chim bay
Ước gì mẹ có mười tay
Tay kia bắt cá, còn tay này bắn chim
Một tay chuối chỉ luồn kim
Một tay đi làm ruộng, một tay tìm hái rau.
Một tay ôm ấp con đau
Một tay đi vay gạo, một tay cầu cúng ma
Một tay khung cửi, giường xa
Một tay lo bếp nước, lo cửa nhà nắng mưa.
Một tay đi củi, muối dưa
Còn tay để van lạy, để bầm thưa, đỡ đòn.
Tay nào để giữ lấy con.
Tay nào lau nước mắt, mẹ vẫn còn thiếu tay.
Bồng bồng con ngủ cho say
Dưới sông cá lội, chim vẫn bay trên trời.

(Ca dao dân tộc Mường)

Khoanh tròn vào một phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (Từ câu 1 đến câu 5)

Câu 1. (1,0 điểm) Phương thức biểu đạt chính của bài ca dao là gì?

- A. Tự sự. B. Miêu tả. **C. Biểu cảm.** D. Nghị luận.

Câu 2. (1,0 điểm) Bài ca dao được viết theo thể thơ gì?

- A. Năm chữ. B. Lục bát. **C. Lục bát biến thể.** D. Tự do

Câu 3. (1,0 điểm) Bài ca dao viết về nội dung gì?

A. Thể hiện nỗi bật thân phận nhỏ mọn, nỗi khổ nhục trăm bề của người phụ nữ nông dân trong xã hội phong kiến.

B. Thể hiện tình yêu thương con vô bờ của người mẹ.

C. Thể hiện tình yêu thương mẹ vô bờ của người con.

D. Thể hiện nỗi bật thân phận nhỏ mọn, nỗi khổ nhục trăm bề của người phụ nữ nông dân trong xã hội phong kiến đồng thời thể hiện tình yêu thương con vô bờ của người mẹ.

Câu 4. (1,0 điểm) Lựa chọn Đ (đúng) và S (sai) điền vào ô trống trong mỗi câu sau cho phù hợp

A.	Tác phẩm thuộc thể loại văn học Trung đại	
B.	Đây là bài hát ru con của người mẹ lao động miền núi	

Trả lời câu hỏi

Câu 5. (1,0 điểm) Ý nghĩa nhan đề của bài ca dao?

Câu 6. (1,0 điểm) Em hiểu như thế nào về câu thơ “Ước gì mẹ có mười tay”?

Câu 7. (2,0 điểm) Tác giả dân gian đã sử dụng các biện pháp tu từ nào trong bài ca dao? Tác dụng của các biện pháp tu từ đó?

Câu 8. (2,0 điểm) Từ bài ca dao trên, em có suy nghĩ gì về vai trò của tình mẹ đối với mỗi chúng ta trong cuộc đời? Trả lời câu hỏi trên bằng một đoạn văn khoảng 150 chữ.

PHẦN II. VIẾT (10,0 điểm)

Nắng trong mắt những ngày thơ bé
Cũng xanh mơn như thể lá trầu
Bà bố cau thành tám chiếc thuyền cau
Chở sớm chiều tóm tép
Hoàng hôn đọng trên môi bà quạnh thắm
Nắng xiên khoai qua liếp vách không cài
Bóng bà đổ xuống đất đai
Rủ châu chấu, cào cào về cháu bắt
Rủ rau má, rau sam
Vào bát canh ngọt mát
Tôi chan lên suốt dọc tuổi thơ mình...
(Thời nắng xanh, Trương Nam Hương)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG	ĐIỂM
I. ĐỌC HIỂU	1	C	1,0
	2	C	1,0
	3	D	1,0
	4	A: S; B: Đ	1,0
	5	Ý nghĩa nhan đề Mười tay - Chỉ số nhiều về sự vật cụ thể. - Là con số ao ước, không phải là con số có thật đối con người. - Ước mơ của người mẹ (có mười tay) để có thể chăm sóc, nuôi dưỡng, bảo vệ cho đứa con của mình một cách đầy đủ nhất → Tình yêu của mẹ dành cho con.	1,0
	6	Mẹ ước mình có mười tay để: -Mình mẹ có thể lo được những vất vả trăm bề của cuộc sống (mẹ làm ruộng, hái rau, vay gạo,...) -Mình mẹ có thể đủ mạnh để chống đỡ lại các thế lực áp bức (thần quyền, cường quyền) trong xã hội (cầu cúng ma, lễ van xin, lễ bầm thưa, lễ đỡ đòn...) -Mình mẹ có thể yêu thương và che chở cho con nhiều hơn (ôm ấp con đau, giữ lấy con...)	1,0
	7	- Biện pháp tu từ được sử dụng nhiều trong bài ca dao: điệp từ, điệp cấu trúc câu. - Tác dụng: + Tạo nhịp điệu tha thiết cho lời thơ. + Khắc họa nỗi vất vả của mẹ và giải bày tình thương con vô bờ của mẹ.	2,0
	8	HS có thể tham khảo gợi ý dưới đây: -Tình mẹ nuôi dưỡng tâm hồn con biết yêu thương, sẻ chia. -Tình mẹ giúp con đủ sức mạnh vượt qua những giông tố cuộc đời. -Tình mẹ giúp tâm hồn con luôn biết sáng tạo mạnh mẽ.	2,0

	-Bài học: yêu thương, kính trọng mẹ,...	
II	a. Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận	<i>0,5 điểm</i>
	b. Xác định đúng vấn đề: Cảm nhận về nội dung, nghệ thuật đoạn thơ	<i>0,5 điểm</i>
	c. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : 1/Mở bài: - Giới thiệu bài thơ, tác giả. - Ấn tượng chung về đoạn thơ: Đoạn thơ là những hồi ức sinh động của nhân vật trữ tình về một “ <i>Thời nắng xanh</i> ”- thời thơ ấu hồn nhiên, trong trẻo. 2/ Thân bài: -Về nội dung + Gắn liền với bà, do đó, “ <i>Nắng trong mắt những ngày thơ bé/ Cũng xanh mơn như thể lá trầu</i> ”. + Hình ảnh người bà: gắn với thói quen ăn trầu dân dã, cổ truyền (<i>Bà bố cau thành tám chiếc thuyền cau/Chở sớm chiều tóm tép</i>), gương mặt bà trong ráng chiều (<i>Hoàng hôn đọng trên môi bà quạnh thắm</i>), sự tàn tảo đồng áng (<i>Bóng bà đổ xuống đất đai</i>)... Cuộc đời vất vả dãi dầu nhưng chính sự tàn tảo của bà đã đem lại cho cháu một không gian bình yên để mơ mộng, để lớn lên. Bà đã trở thành một miền hoài niệm. Bà gắn với những gì đẹp đẽ nhất, trong trẻo nhất, làm nên “ <i>thời xanh nắng</i> ” của cháu. + Gắn với bà là hình ảnh quê hương: Một quê hương nghèo khó nhưng thanh bình: <i>Nắng xiên khoai qua liếp vách không cài</i> , một vùng quê thuần nông với <i>châu chấu, cào cào, rau má, rau sam</i> ... Sự gắn bó hòa quyện sâu sắc đến mức người cháu không thể nhận ra bà hay chính là quê hương, không thể hình dung ra tuổi thơ nếu không có bà và hình bóng quê hương. + Gắn với những trò chơi tinh nghịch, dân dã (<i>rủ châu chấu, cào cào về cháu bắt</i>), gắn với những món ăn đơn sơ mà như đã trở thành cao lương mỹ vị khi cháu hồi tưởng lại (<i>Rủ rau má, rau sam/Vào bát canh ngọt mát/Tôi chan lên suốt dọc tuổi thơ mình</i>). => Qua những hồi ức về tuổi thơ của nhân vật trữ tình, ta	8,0 điểm

	nhận ra vẻ đẹp của bà: truyền thống, tần tảo, luôn bao bọc chở che để cháu có một tuổi thơ hồn nhiên theo đúng nghĩa. Đồng thời, ta còn nhận ra vẻ đẹp tâm hồn nhân vật trữ tình: nhạy cảm, tinh tế, giàu tình yêu thương. – Về nghệ thuật: Một trong những điều làm nên nét đặc sắc nhất của đoạn thơ nói riêng, bài thơ nói chung, ấy chính là tác giả đã tạo dựng được một “bầu khí quyến” dân dã, đượm sắc màu cổ tích qua những hình ảnh đẹp, đầy sáng tạo. VD: Hình ảnh <i>Xanh mơn</i>: màu xanh mơn man rười rượi, nắng <i>xanh mơn</i>: cái nắng được lọc qua hồi ức về một người bà luôn <i>tóm té</i> nhai trầu, vì thế mà nó càng trở nên lung linh, huyền thoại. Thơ Trương Nam Hương giàu hình ảnh, các biện pháp nghệ thuật so sánh, ẩn dụ, điệp, lối nói lạ hóa làm nên sức hấp dẫn cho đoạn thơ. 3.Kết bài: Đánh giá chung: Những câu thơ của Trương Nam Hương đã cho ta “<i>một vé đi tuổi thơ</i>”, khơi gợi trong tâm hồn ta tình yêu với quê hương, với người thân, biết trân trọng quá khứ, nguồn cội, trân trọng những kỉ niệm tuổi thơ. Đó là những tình cảm thường trực trong tâm hồn mỗi người song phải có những câu thơ hay mới đủ sức lay động trái tim.	
	d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề.	0,5 điểm
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	0,5 điểm

ĐỀ SỐ 2.

PHẦN I. ĐỌC- HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và thực hiện yêu cầu bên dưới :

*Cảm ơn mẹ vì luôn bên con
 Lúc đau buồn và khi sóng gió
 Giữa giông tố cuộc đời
 Vòng tay mẹ chở che khẽ vỗ về.
 Bỗng thấy lòng nhẹ nhàng bình yên*

Mẹ dành hết tuổi xuân vì con
Mẹ dành những chăm lo tháng ngày
Mẹ dành bao hi sinh để con chạm lấy ước mơ.
Mẹ là ánh sáng của đời con
Là vầng trăng khi con lạc lối
Dẫn đi trọn cả một kiếp người
Cũng chẳng hết mấy lời mẹ ru...

(Trích lời bài hát *Con nợ mẹ*, Nguyễn Văn Chung)

Câu 1. (1,0 điểm) Xác định thể thơ và phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên.

Câu 2. (1,0 điểm) Em hiểu thế nào về nghĩa của từ “**đi**” trong câu: “*Dẫn đi trọn cả một kiếp người*”?

Câu 3. (2,0 điểm) Nêu nội dung chính của bài thơ.

Câu 4. (2,0 điểm) Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật trong những câu sau:

“Mẹ dành hết tuổi xuân vì con
Mẹ dành những chăm lo tháng ngày
Mẹ dành bao hi sinh để con chạm lấy ước mơ”.

PHẦN II. LÀM VĂN (14,0 điểm)

Câu 1. (4,0 điểm)

Cảm ơn mẹ vì luôn bên con
Lúc đau buồn và khi sóng gió
Giữa giông tố cuộc đời
Vòng tay mẹ chở che khẽ vỗ về.

Những câu ca trên gợi cho em suy nghĩ gì về ý nghĩa của lời cảm ơn trong cuộc sống.

Câu 2. (10,0 điểm)

Cảm nhận của em về đoạn thơ sau

Năng trong mắt những ngày thơ bé
Cũng xanh mơn như thể lá trầu
Bà bố cau thành tám chiếc thuyền cau
Chở sớm chiều tóm tép
Hoàng hôn đọng trên môi bà quạnh thắm
Năng xiên khoai qua liếp vách không cài
Bóng bà đổ xuống đất đai
Rủ châu chấu, cào cào về cháu bắt
Rủ rau má, rau sam
Vào bát canh ngọt mát

Tôi chan lên suốt dọc tuổi thơ mình...

(Thời nắng xanh, Trương Nam Hương)

ĐÁP ÁN THAM KHẢO

PHẦN	CÂU	NỘI DUNG TRẢ LỜI	ĐIỂM
I		ĐỌC HIỂU	6,0 điểm
	1	- Phương thức biểu đạt chính : biểu cảm. - Thể thơ : tự do	1,0 điểm
	2	Nghĩa của từ đi : <i>sống, trải qua</i>	1,0 điểm
	3	Nội dung chính : Suy ngẫm và lòng biết ơn của con dành cho mẹ.	2,0 điểm
	4	-Nghệ thuật: Điệp ngữ (<i>Mẹ dành</i>). -Tác dụng: + Nhấn mạnh sự chăm lo, hi sinh tuổi xuân, đánh đổi cả cuộc đời để con được trưởng thành, được chạm tới những ước mơ, khát vọng. + Khẳng định vai trò và tầm quan trọng của người mẹ trong cuộc đời mỗi con người.	2,0 điểm
II		LÀM VĂN	14,0 điểm
	1	Viết đoạn văn	4,0 điểm
		a. Đảm bảo hình thức đoạn văn nghị luận xã hội	0,25 điểm
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận	0,25 điểm
		c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng. Có thể viết đoạn văn theo định hướng sau : <i>Giải thích:</i> Cảm ơn là từ đáp thể hiện sự biết ơn của mình với lòng tốt hay sự giúp đỡ của người khác. Nó chính là cách thể hiện tình cảm, lối ứng xử của con người có văn hóa, lịch sự và biết tôn trọng những người xung quanh mình <i>Chứng minh:</i> + Khẳng định ý nghĩa và đưa ra những biểu hiện cũng như vai trò, tác dụng của lời <i>cảm ơn</i> trong cuộc sống + Lấy một số dẫn chứng, những câu chuyện nhỏ trong cuộc sống hay văn học để làm sáng tỏ. + Khẳng định: <i>Cảm ơn</i> là nét sống văn minh của con	3,0 điểm

	người có học thức, có giáo dục. <i>Cảm ơn</i> hoàn toàn không phải là hình thức phức tạp hóa ứng xử, là sự khách sáo mà nó là một sự cần thiết, là quy tắc giao tiếp giữa con người với con người. Bạn đang tự làm đẹp mình khi biết nói hai từ <i>cảm ơn</i>! - Phê phán những hành động đi ngược lại lối sống tốt đẹp và văn minh này, đặc biệt trong xã hội ngày nay - Đưa ra phương hướng và bài học hành động cho bản thân.	
	d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.	0,25 điểm
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	0,25 điểm
2	Viết bài văn	10,0 điểm
	a. Đảm bảo hình thức bài văn nghị luận văn học	0,25 điểm
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận : Cảm nhận nội dung nghệ thuật đoạn thơ.	0,25 điểm
	c. Triển khai vấn đề nghị luận : Vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lý lẽ và dẫn chứng, thể hiện sự cảm nhận sâu sắc. Có thể viết bài văn theo định hướng sau : 1/Mở bài: - Giới thiệu bài thơ, tác giả. - Ấn tượng chung về đoạn thơ: Đoạn thơ là những hồi ức sinh động của nhân vật trữ tình về một “<i>Thời nắng xanh</i>”- thời thơ ấu hồn nhiên, trong trẻo. 2/ Thân bài: -Về nội dung + Gắn liền với bà, do đó, “<i>Nắng trong mắt những ngày thơ bé/ Cũng xanh mơn như thể lá trầu</i>”. + Hình ảnh người bà: gắn với thói quen ăn trầu dân dã, cổ truyền (<i>Bà bố cau thành tám chiếc thuyền cau/Chở sớm chiều tóm tép</i>), gương mặt bà trong ráng chiều (<i>Hoàng hôn đọng trên môi bà quạnh thắm</i>), sự tần tảo đồng áng (<i>Bóng bà đổ xuống đất đai</i>)... Cuộc đời vất vả dãi dầu nhưng chính sự tần	9,0 điểm

	tảo của bà đã đem lại cho cháu một không gian bình yên để mơ mộng, để lớn lên. Bà đã trở thành một miền hoài niệm. Bà gắn với những gì đẹp đẽ nhất, trong trẻo nhất, làm nên “<i>thời xanh nắng</i>” của cháu. + Gắn với bà là hình ảnh quê hương: Một quê hương nghèo khó nhưng thanh bình: <i>Nắng xiên khoai qua liếp vách không cài</i>, một vùng quê thuần nông với <i>châu chấu</i>, <i>cào cào</i>, <i>rau má</i>, <i>rau sam</i>... Sự gắn bó hòa quyện sâu sắc đến mức người cháu không thể nhận ra bà hay chính là quê hương, không thể hình dung ra tuổi thơ nếu không có bà và hình bóng quê hương. + Gắn với những trò chơi tinh nghịch, dân dã (<i>rủ châu chấu</i>, <i>cào cào về cháu bắt</i>), gắn với những món ăn đơn sơ mà như đã trở thành cao lương mỹ vị khi cháu hồi tưởng lại (<i>Rủ rau má</i>, <i>rau sam/Vào bát canh ngọt mát/Tôi chan lên suốt dọc tuổi thơ mình</i>). => Qua những hồi ức về tuổi thơ của nhân vật trữ tình, ta nhận ra <i>vẻ đẹp của bà</i>: truyền thống, tần tảo, luôn bao bọc chở che để cháu có một tuổi thơ hồn nhiên theo đúng nghĩa. Đồng thời, ta còn nhận ra <i>vẻ đẹp tâm hồn nhân vật trữ tình</i>: nhạy cảm, tinh tế, giàu tình yêu thương. – Về nghệ thuật: Một trong những điều làm nên nét đặc sắc nhất của đoạn thơ nói riêng, bài thơ nói chung, ấy chính là tác giả đã tạo dựng được một “<i>bầu khí quyến</i>” dân dã, đượm sắc màu cổ tích qua những hình ảnh đẹp, đầy sáng tạo. VD: Hình ảnh <i>Xanh mơn</i>: màu xanh mơn man rười rượi, <i>nắng xanh mơn</i>: cái nắng được lọc qua hồi ức về một người bà luôn <i>tóm tép</i> nhai trầu, vì thế mà nó càng trở nên lung linh, huyền thoại. Thơ Trương Nam Hương giàu hình ảnh, các biện pháp nghệ thuật so sánh, ẩn dụ, điệp, lối nói lạ hóa làm nên sức hấp dẫn cho đoạn thơ. 3.Kết bài: Đánh giá chung:	
--	---	--

	Những câu thơ của Trương Nam Hương đã cho ta “ <i>một vé đi tuổi thơ</i> ”, khơi gợi trong tâm hồn ta tình yêu với quê hương, với người thân, biết trân trọng quá khứ, nguồn cội, trân trọng những kỉ niệm tuổi thơ. Đó là những tình cảm thường trực trong tâm hồn mỗi người song phải có những câu thơ hay mới đủ sức lay động trái tim.	
	d. Sáng tạo : Cách diễn đạt độc đáo, có suy nghĩ riêng, mới mẻ, phù hợp với vấn đề nghị luận.	0,25 điểm
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu : Đảm bảo chuẩn xác chính tả, dùng từ, đặt câu, ngữ pháp.	0,25 điểm
